



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thư ký: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Đặng T. Quế Phương**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

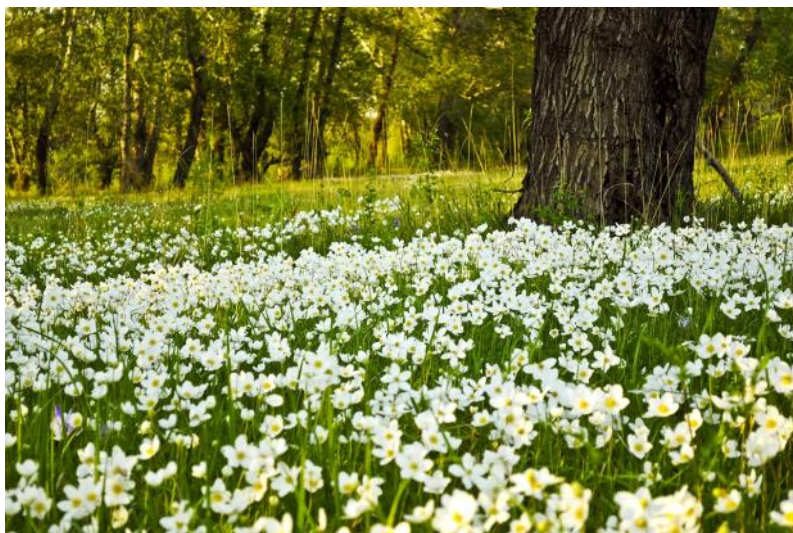
- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **THƯ CHÚC TẾT** (HT. Thích Nguyên Trí), trang 3
- **THIỆN SỰ TRẦN NHÂN TÔNG ĐÃ NHẮC NHỜ GI... (HT. Thích Phước An)**, trang 4
- **BẾN THỀM CHÂN NHƯ** (thơ HT. Thích Thắng Hoan), trang 5
- **DUYÊN SANH TỨC VÔ SANH** (Nguyễn Thế Đăng), trang 6
- **MỘT THOÁNG TRONG MƠ HIỆN TRỞ VỀ** (thơ ĐNT Tin Nghĩa), tr. 16
- **THÔNG BẠCH XUÂN GIÁP THÌN 2024 (HĐGP GHPGVNTNHNK)**, trang 8
- **THƯ CHÚC XUÂN GIÁP THÌN—2024 (HĐĐH GHPGVNTNHNK)**, trang 9
- **SINH LỘ VÀ LUÔNG KHÔNG KHÍ MỚI** (HT. Thích Thái Hòa), trang 10
- **CON ĐƯỜNG CỦA THỌ MẠNG NGẮN DÀI** (Quảng Tánh), trang 12
- **GIỚI THIỆU KINH "PHẬT NÓI VỀ BÉ GÁI TRONG BỤNG NGHE PHÁP"** (Thích Tâm Nhẫn), trang 13
- **DÃ HỒ THIÊN** (Thị Giới), trang 15
- **HT. THÍCH TUỆ SỸ: HÀNH TRANG VƯỢT THỜI GIAN** (Nguyễn Siêu), trang 17
- **MỪNG MỘT TẾT CHA** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 24
- **CÂU ĐỐI CÚNG DƯỜNG: ĐẠI SỰ TUỆ SỸ** (TT. Thích Nguyên Hiền), tr. 25
- **BÁT CHÁNH ĐẠO** (HT. Thích Đức Thắng), trang 26
- **HƯƠNG XUÂN** (NS. Thích Nữ Hạnh Đoan), trang 30
- **VÔ MINH** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- **TÌM HIỂU "TÂM" TRONG ĐẠO PHẬT** (TN Hằng Như), trang 34
- **THÔNG BÁO SỐ 1, AN CƯ KIẾT HA PL 2568 – NĂM 2024 (HĐĐH GHPGVNTNHNK)**, trang 37
- **ARNAUD: TỪ TƯỢNG PHẬT TỚI ĐIỀU KHẮC CHO ĐỜI** (Phan Tấn Hải), trang 39
- **RÒNG NGHE PHÁP** (Huệ Trân – Hạnh Chi), trang 47
- **NHỮNG ĐOÀN VĂN/THƠ TRONG 7 THẤT TƯỜNG NIỆM THẦY TUỆ SỸ** (Tâm Thường Định), trang 49
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Hoàng Long), trang 51
- **GIÁC NGỘ** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao), trang 54
- **NHỚ MÃI LỜI THẦY DẠY** (TN Diệu Như), trang 55
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 57
- **ĐỌC SÁCH "THIỆN ĐỊNH PHẬT GIÁO..."** của HT TUỆ SỸ (Huỳnh Kim Quang), trang 59
- **NHỮNG MÙA XUÂN BÊN MẸ** (Hạnh Thuần), trang 64
- **CHÙA ÔNG NÚI** (Lam Nguyên), tr. 65
- **TƯỜNG NIỆM NGÀY ĐỨC PHẬT THÍCH CA THÀNH ĐẠO** (Ngọc Lãm), trang 68
- **LỢI LẠC TỪ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), tr. 71
- **NGHỆ THUẬT TẠO TÁC TƯỢNG PHẬT** (Tiểu Lục Thần Phong), tr. 73
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 76
- **BÚN TÍA TÔ ĐẬU HŨ** (Hồng Hương), tr. 80
- **CỜ TRÓI tập 1 – chương 8** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 82
- **CÙNG VỚI THƠ CỦA:** Phổ Đồng, Minh Đạo, Thích Chúc Hiền, Mặc Phương Tử, Tôn Nữ Mỹ Hạnh, Lâm Bằng Phương, Nguyễn Thị Khánh Minh, Vĩnh Hữu Tâm Không, Nhật Quang, Lý Thừa Nghiệp, Thương Từ Tâm, Thy An, Diệu Viên, Lưu Ly, Nhật Uyển, Nguyễn An Bình, Từ Niệm, Hoàng Thục Uyên...



Báo Xuân Chánh Pháp số 147, tháng 02.2024, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn



XUÂN TRẮNG

*Xuân chưa đến hay xuân đã qua?
Nhành mai sân trước vẫn nở hoa
Thuyền neo bến vắng người đầu mất
Biển rộng mù khơi bóng nhạt nhòa*

*Tro tàn hòa tan trong sóng nước
Nguyên rộng lan tỏa bao phương trời
Ngày mai lữ thứ trên đường ấy
Hắn được vầng trăng soi rạng ngời*

*Ngày xuân độc ẩm bên giá sách
Thoảng hiện đâu đây tiếng người cười
Hoa trắng còn vương nơi hương án
Chung trà chưa khuấy giấc mộng dài*

*Lệ thương tiễn người rừng rúc mãi
Xuân về hay xuân đã đi qua?
Cỏ dại, hốc đá nơi rừng thẳm
Hay tin chưa, người đã đi xa?*

*Kiến nhỏ xằng xái đường lên núi
Rồng thiêng vùng vẫy lối mây bay
Nghìn năm xuân vẫn niềm cô tịch
Trắng cả rừng cây hoa mãi khai.*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473
Email: chuabatnhacalifornia@gmail.com | Facebook: Chùa Bát Nhã Cali (www.facebook.com/chuabatnha.cali)



THƯ CHÚC TẾT

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni.
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Năm 2023 đã qua. Thế giới đã vượt qua dịch bệnh, thiên tai, nhưng lại phải đón nhận những tai ương mới, nơi này chấm dứt thì nơi kia khởi lên. Bao muộn phiền, đau thương hay niềm phúc lạc của năm cũ đều là những bài học cho chúng ta nhận ra giá trị của bình an, giúp ta thêm trân quý phút giây hiện tại. Chân thành tri ân quý Tôn Đức Tăng Ni, quý Thiện Hữu Tri Thức, quý Đồng Hương Phật Tử xa gần, đã gia tâm cầu nguyện, chia sẻ những khó khăn trong năm qua với Chùa Bát Nhã.

Trước thềm năm mới, Xuân Giáp Thìn, chư Tăng Ni và Phật tử chùa Bát Nhã thành kính đảnh lễ và kính chúc Chư Tôn Thiền Đức pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, phước trí nhị nghiêm, huệ đấng thường chiếu. Kính chúc Quý Đồng Hương Phật Tử và gia quyến thân tâm an lạc, phúc thọ miên trường, đạo tâm kiên cố. Xin gửi đến tất cả quý vị lời cầu chúc an lành trong chính pháp và hanh thông trong cuộc đời.

Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát
Santa Ana ngày 01 tháng 01 năm 2024

HT Thích Nguyễn Trí
Viện Chủ Chùa Bát Nhã
Chủ nhiệm Nguyệt san Chánh Pháp



Cung Chúc Tân Xuân

Thiền Sư Trần Nhân Tông đã nhắc nhở gì cho dân tộc Việt khi mùa xuân về?

HT. THÍCH PHƯỚC AN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

I.

Trong truyện ngắn có tên là Mẹ và Em, cố nhà văn Võ Hồng có viết một câu mà theo tôi gần như là một sự khẳng định: “Có lẽ vì văn minh không lặp lại còn thiên nhiên thì không đổi thay.” Đúng là biết bao nền văn minh đã suy tàn và những nền văn minh mới lại ra đời. Còn thiên nhiên là mây trắng, là nắng vàng, những bình minh, những buổi chiều tà, dòng sông hay rừng núi thì không bao giờ thay đổi. Còn có một cái không thay đổi nữa đó là thứ âm thanh lạ lùng mà lỗ tai của chúng ta không bao giờ nghe được. Đó là âm thanh tịch liêu của vũ trụ. Thi hào Vương Duy đời Đường bên Trung Quốc, nghĩa là cách đây hơn một ngàn rưỡi năm, trong một đêm xuân có trăng sáng trên đỉnh núi cao đã bất chợt nghe được thứ âm thanh tịch liêu này thổi qua núi vắng:

*Nhân nhàn quế hoa lạc
Dạ tính xuân sơn không
Nguyệt xuất kinh sơn diệu
Thời minh xuân giản trung.
Người nhàn hoa quế rụng
Đêm vắng núi xuân không
Trăng tỏ động chim núi
Khe xuân tiếng hót vang.
(Vũ Thế Ngọc dịch)*

Gần mười thế kỷ sau, cũng vào một buổi sáng mùa xuân, thiền sư thi sĩ Trần Nhân Tông của nước Đại Việt lên đứng một mình trên núi Bảo Đài thuộc dãy Yên Tử của quê hương và cũng đã lắng nghe được thứ âm thanh tịch liêu đó thổi tràn qua bài thơ Đăng Bảo Đài Sơn của ông:

*Địa tịch đài du cổ
Thời lai xuân vị thậm
Vân Sơn tương viễn cận
Hoa kính bán tình âm.
Vạn sự thủy lưu thủy
Bách niên tâm ngữ tâm
Ý lan hoành ngọc dịch
Minh nguyệt mãn hung khâm.*

*Cảnh vắng đài thêm cổ
Xuân sang màu chứa hồng
Xa gần mây núi hợp
Rợp bóng nẻo hoa hồng.
Vạn sự nước xuôi nước
Trăm năm lòng gửi lòng
Tựa hiên nâng sáo thổi
Trăng sáng đầy cõi tâm.
(Nguyễn Lang dịch)*

Có cái gì thôi thúc trong lòng muốn nói thành lời, nhưng ngôn ngữ không diễn đạt được, nên thiền sư của chúng ta đành:

*Bách niên tâm ngữ tâm
Trăm năm lòng ngõ lòng*

Và trên đỉnh núi cao của Yên tử vắng vẻ, tịch liêu của buổi sáng mùa xuân ấy, Trần Nhân Tông dường như đã tìm được một mùa xuân vĩnh cửu cho đời mình:

*Minh nguyệt mãn hung khâm
Trăng sáng đầy cõi tâm*

Nhưng giữa thế giới ồn ào, đầy tiếng động này, ai là người có thể lắng nghe được thứ âm thanh tịch liêu của vũ trụ đó?

Trong bài Cư Trần Lạc Đạo Phú viết bằng chữ Nôm, Trần Nhân Tông đã viết:

*Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao;
Chiền (chùa) vắng am thanh, chín (chính) thực cảnh đạo nhân du hý.*

Vậy là, chỉ có những kẻ can đảm vứt bỏ lại sau lưng cuộc đời đầy bụi bặm, lên đường tìm đến nơi thâm sơn cùng cốc thì mới lắng nghe được tiếng nói huyền diệu ấy.

II.

Một lần nọ, Trần Nhân Tông đứng ngắm buổi chiều mùa xuân như thế này:

*Dương liễu hoa thâm diệu ngữ tri
Hoa đường thiêm ảnh mộ vân phi.
(Xuân cảnh)*

Trong khóm hoa dương liễu rậm, chim hót chậm rãi Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ, mây chiều lướt bay.

Thì điều kiện của Trần Nhân Tông đưa ra như sau:
*Khách lai bất vấn nhân gian sự
Cộng ý lan can khán thủy phi.*

Khách đến chơi không nên hỏi việc đời Mà nên tựa lan can ngắm màu xanh mờ mịt ở tận chân trời.

Vậy chuyện đời, theo Trần Nhân Tông là chuyện gì?

*Thị phi niệm trực triều hoa lạc
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch
Nhất thanh để diệu hựu xuân tàn.*

Niềm thị phi rụng theo hoa buổi sớm Lòng lợi danh lạnh theo trận mưa đêm Hoa rụng hết, mưa đã tạnh, núi non tịch mịch Một tiếng chim kêu lại cảnh xuân tàn.



Dường như mấy tiếng “núi non tịch mịch” cứ lặp đi lặp lại mãi trong cõi thơ của Trần Nhân Tông.

III.

Nhưng khi thi nhân đã trở thành Thiền sư, thì cách nhìn về thiên nhiên, về mùa xuân cũng hoàn toàn đổi khác. Như bài thơ Xuân vãn của Trần Nhân Tông dưới đây:

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không
Nhất xuân tâm tại bách hoa trung
Như kim khám phá đông hoàng diện
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng.*

Niên thiếu chưa từng hiểu sắc không
Xuân sang hoa sắc vướng tơ lòng
Diện mục xuân nay từng khám phá
Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng.
(Nguyễn Lang dịch)

Khi đọc bài thơ này, sẽ có nhiều người nghĩ là tâm hồn của các thiền sư đã nguội lạnh, không còn biết rung động với bao nỗi buồn vui của nhân thế nữa, thì làm sao các thiền sư có thể xuống núi để cứu khổ cho cuộc đời?. Để tránh ngộ nhận này, ta có thể lấy câu:

*Nhậm vận tịnh suy vô bổ úy
Mặc cuộc tịnh suy đừng sợ hãi
của thiền sư Vạn Hạnh đời Lý, mà giải thích câu:
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng
Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng
của thiền sư Trần Nhân Tông đời Trần.*

Như vậy, “Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng” không phải là không còn thiết tha với cuộc đời, mà phải hiểu là các thiền sư không còn sợ hãi tịnh suy, hưng phế, thành bại mà con người chúng ta vẫn thường nơm nớp lo sợ.

Chính cái tinh thần không sợ hãi (vô bổ úy) này, mà hoàng đế Trần Nhân Tông đã hai lần lãnh đạo toàn dân nước Đại Việt đánh tan đạo quân của đế quốc Nguyên Mông đến xâm lược nước ta vào thế kỷ thứ 13, trong khi từ Đông sang Tây thời bấy giờ đang nằm trong cơn sốt Thất Sát.

Để rồi cuối cùng, Trần Nhân Tông đã cùng với dân tộc hát lên bài ca chiến thắng:

*Xã tắc lưỡng hội lao thạch mã
Sơ hà thiên cổ điện kim âu.
Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng.*



BÊN THỀM CHÂN NHƯ

*Lăng Già trăng tỏ ngoài hiên
Sáng soi công án bên thềm Chân Như
Niết Bàn hiển lộ vô dư
Thiền hương thơm ngát vẫn thơ nhiệm màu
Dòng sông tịnh thủy đạt dào
Từ bi chất liệu thấm vào nguyên sinh
Con thuyền Bát Nhã chân mình
Quay về bến giác lộ trình Không Môn
Kim Cang đỉnh ngự vân am
Bảo châu hòa khúc Pháp Âm diệu thường
Hoa Nghiêm duyên khởi mở đường
Nói liền chân vọng, khơi nguồn trí năng
Mệnh môn thế giới ba ngàn
Hạt sương châu ngọc nằm trang kinh cầu
Nụ cười giải thoát niềm đau
Tiếng chuông tinh mộng sạch lâu trần ai
Thành thơ đạo gót trang đài
Qua cầu vọng nguyệt hát bài Vô Ngôn.*

thơ

HT. THÍCH THẮNG HOAN

Hải Ngạn Tịnh Thất

DUYÊN SANH TỨC VÔ SANH

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

1/ Duyên sanh là gì?

Duyên sanh được nói nhiều trong Kinh, Luận Nam truyền và Bắc truyền. Sau đây chúng ta nghiên cứu và thực hành theo thứ tự Văn (nghe, đọc, học), Tư (tư duy, suy nghĩ, lý luận) và Tu (thực hành thiền định và thiền quán theo Văn và Tư đã trải qua).

Kinh Phật Tự Thuyết, Chương 1, Phẩm Bồ Đề nói về duyên sanh như sau:

"Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có các thức; duyên các thức, có các danh - sắc..."

Lấy một thí dụ là bình hoa trước mặt. Hoa này có mặt ở đây vì được nhiều nhân duyên cả trong quá khứ và hiện tại: đất, nước, lửa (sức nóng mặt trời), không khí, hạt giống của cây hoa trước, có người đã trồng nó, cái bàn cho nó có chỗ đứng, có người mua và đem hoa đến đây, và có người nhìn thấy nó... Phân tích chi tiết hơn thì có nhiều nhân duyên hơn nữa, có thể đến vô cùng, chẳng hạn, những hoa này có mặt vì trái đất và vô số nguyên tử của trái đất có mặt.

Một hiện hữu của những hoa này phải nương nhờ vào vô số nhân (causes) và vô số duyên (conditions) mà chỉ cần thiếu đi một nhân, một duyên bố hoa sẽ không còn là bố hoa và không có mặt. Tùy thuộc vào vô số nhân duyên để có thể có mặt nên bố hoa không có bản chất thực sự, không thể tự hiện hữu.

Tính cách phụ thuộc lẫn nhau, không thể tự hiện hữu nếu không có những cái khác, là một tính cách của duyên sanh. Duyên sanh nên không có bản chất, không tự có, không có tự tánh, Kinh Luận gọi là vô tự tánh.

Ở cấp độ vũ trụ, ngày xưa con người đã tưởng rằng không gian và thời gian là những đại lượng tuyệt đối. Nhưng ngày nay, với Thuyết Tương đối Mở rộng của Einstein, người ta đã biết rằng không gian tùy thuộc vào số vật chất (các sao, các hành tinh) ở trong nó. Và thời gian thì dài ngắn tùy theo tốc độ của hệ thống. Không gian và thời gian đều tùy thuộc vào những nhân duyên khác, nên chúng là duyên sanh. Đạo Phật đã nói đến từ lâu chân lý tương đối và quy ước (thế đế) và chân lý tuyệt đối và tối hậu (chân đế). Tương đối là một tính cách của duyên sanh.

Một tính cách khác của sự vật là do các vật khác, các chất khác kết hợp, gắn kết với nhau thành một cấu trúc hợp tạo. Đất, nước, lửa, gió đều là hợp tạo bởi những gắn kết (duyên) tạm thời. Chẳng hạn lửa. Lửa không thể tự có, nó phải do ít nhất là ba yếu tố: chất có thể cháy, có ngọn lửa khác châm vào, và không khí. Lửa không ở trong gỗ, không khí cũng không ở trong gỗ, ba cái ấy chỉ tiếp xúc với nhau nên sự kết hợp ấy chỉ là bên ngoài, tạm thời,

nương nhau mà sanh, không có thực chất. Tính chất do kết hợp, tính chất hợp tạo là một tính cách của duyên sanh. Tính cách kết hợp tạm thời này đạo Phật gọi là "giả hợp". Không có một kết hợp thực sự, vì nếu kết hợp thực sự thì sẽ kết hợp mãi mãi. Điều này cho thấy sự kết hợp của các sự vật, của các duyên là không có thật tánh, là vô tự tánh.

Duyên sanh, không có thật thể, vô tự tánh nhưng con người vì hoạt động trong cuộc sống, phải đặt tên cho sự vật, rồi qua cái tên đó cố định sự vật vào tâm thức mình, tin tưởng một cách sai lầm cái tên cố định nên sự vật cũng cố định, xác thực. Điều này đạo Phật gọi là "giả danh". Vô tự tánh và giả danh cho nên không thực, kinh luận gọi thể giới chúng ta đang kinh nghiệm, đang sống, đang tưởng nó thật có là "như huyền, như mộng, như con nai khát nước tưởng những đợn sóng nắng trên đường là dòng suối..."

Trên đây chỉ là một vài suy nghĩ trên con đường tư duy (Tư) của một người. Mỗi người cần phải tự mình tư duy trên chính những kinh nghiệm của mình, trên chính cuộc đời của mình, trên chính những phiền não của mình. Sự tư duy ấy dù sâu rộng bao nhiêu cũng sẽ đưa về một kết luận: duyên sanh nên phụ thuộc lẫn nhau, và phụ thuộc lẫn nhau nên không có tự tánh, vô tự tánh.

Hơn nữa để sự tư duy có hiệu quả, tiêu trừ dần những tư duy sai lầm, những quan niệm sai lầm mà đạo Phật gọi là chấp ngã, chấp pháp, thì tư duy ấy phải là suy nghĩ trong thiền định với Chỉ (tập trung) và Quán (quan sát, khảo sát sâu xa).

Sau đây là một đoạn kinh trích từ kinh Kim Cương để Văn, Tư, Tu:

"Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam, đem tam thiên đại thiên thể giới này nghiền thành bụi nhỏ, ý ông nghĩ sao, số bụi nhỏ ấy có nhiều không?"

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao thế? Nếu những bụi nhỏ ấy thật có, Phật ắt chẳng nói là những bụi nhỏ. Tại sao như thế? Phật nói



những bụi nhỏ tức chẳng phải bụi nhỏ, đó gọi là những bụi nhỏ. Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới tức chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới. Vì sao thế? Nếu thế giới thật có thì ắt là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức chẳng phải một hợp tướng, đó gọi là một hợp tướng.

Tu Bồ Đề! Một hợp tướng ấy tức là chẳng thể nói, chỉ do người phàm phu tham bám sự ấy”.

Quán chiếu vô tự tánh của các hiện tượng xuất hiện là thực hành trí huệ Bát nhã, trí huệ tánh Không. Thế giới là một hợp tướng nghĩa là nó không có tự tánh, nó đang thay đổi và sẽ tan rã. Nhưng không đợi đến khi nó tan rã, mà thấy ngay đây thế giới là một hợp tướng, vô tự tánh, tức là thấy trực tiếp tánh Không của thế giới.

2/ Duyên sanh tức vô sanh

*"Do cái này sanh, cái kia sanh
Do cái này diệt, cái kia diệt"*

Như vậy, cái kia sanh là do cái này sanh, cái kia sanh là duyên nơi các cái này mà sanh. Sanh là do duyên. Nhưng cái này, cái duyên này đã không có bản chất, vô tự tánh, nên sanh cũng vô tự tánh, không thật có sanh.

Thực hành trí huệ Bát nhã, quán chiếu sâu hơn nữa, liên tục hơn nữa, chúng ta bắt đầu nhận biết duyên sanh thực chất là vô sanh.

Về diệt cũng như thế. Do cái này diệt, duyên này diệt, nên cái kia diệt. Cái này, duyên này đã là vô tự tánh, nên sự diệt của nó cũng vô tự tánh, không thật có diệt, vì nó đã không thật có sanh. Duyên diệt là không thật có, nên bản tánh của duyên diệt là vô diệt.

Do duyên mà sanh mà diệt, nhưng duyên đã vô tự tánh, không thật, nên sanh và diệt là không thật. Không sanh không diệt là câu rất thường thấy trong kinh điển.

Ứng dụng sự thực hành trí huệ Bát nhã này vào các ý tưởng của tâm chúng ta. Các ý tưởng là do sự hòa hợp nhất thời của ba duyên: các giác quan (căn), hiện tượng xuất hiện (trần), và thức (tâm thức cá nhân). Vì ba duyên không có tự tánh, không thật hiện hữu, nên ý tưởng phải không có tự tánh, không thật hiện hữu. Ý tưởng là do duyên sanh, mà duyên sanh tức là vô sanh, nên ý tưởng là vô sanh.

Ý tưởng là vô sanh, đây là điều các nhà Đại Toàn Thiện (Dzogchen) nói rằng những ý tưởng tự giải thoát lấy chính chúng (xem Những Chữ Vàng, Garab Dorje, Dza Patrul Rinpoche giảng, nxb Thiện Tri Thức, 2002).

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dạ Ma Cung Kế Tán, dạy:

*Tất cả pháp chẳng sanh
Tất cả pháp chẳng diệt
Nếu rõ được như vậy
Chư Phật thường hiện tiền.*

Đây cũng là bài kệ cuối cùng của Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông nói với đệ tử Bảo Sát trước khi thị tịch ở am Ngọa Vân trên núi Yên Tử.

MỘT THOÁNG TRONG MƠ HIỆN TRỞ VỀ

*Gần bốn mươi năm nay trở về,
Thăm bè bạn thăm lại đồng quê,
Người xưa cảnh cũ tuy thay đổi,
Tình nước tình non thăm duyên quê...*

*Duyên quê gói trọn trong niềm nhớ,
Về lại quê xưa thấy đượm tình,
Niên thiếu tuổi thơ như gọi lại,
Lòng tôi xao xuyến với chính mình.*

*Về đến đầu làng bạn bè đón...
Tay bắt mặt mừng, lệ rưng rưng,
Nhìn nhau ai cũng... già đi quá,
Da nhăn, tóc bạc... vẫn vui mừng...*

*Hỏi han bè bạn còn bao đứa?
Có đứa măng tơ đã ra đi,
Còn lại trong làng chừng chục đứa,
Gia đình kinh tế... phải thiên di.*

*Tôi nghe bạn kể, lòng chùng lại,
Âm thầm lệ chảy xuống tràn mi,
Tình nghĩa quê hương là thế đó,
Sinh ly, biệt tử biết nói gì?*

*Biết nói gì đây khi trở lại,
Bốn mươi năm... bỏ lại quê hương,
Xa bạn bè, xa bao thân thuộc,
Tuổi thơ bỏ lại... với ngôi trường...*

*Nay trở lại gần như xa lạ,
Bạn bè thân thương với ngôi chùa,
Ngày xưa thơ ấu nay lụi khum,
Tìm được ở đâu giống ngày xưa?*

*Nay kiếm lại ai còn ai mất,
Ngôi bên nhau ôn chuyện ấu thời...
Mừng cho nhau vì còn gặp lại,
Nắm chặt tay nhau với nụ cười...*

*Nụ cười không giống như xưa nữa,
Kể chuyện cho nhau dạ thần thờ,
Tình mộng mới hay là tưởng tượng...
Trở về chuyện cũ ở trong mơ...*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Quý đông Quý Mão, Dec. 29th, 2023



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM

CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street, Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



THÔNG BẠCH XUÂN GIÁP THÌN - 2024

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi:

- Chư Tôn Giáo Phẩm, chư Tôn Thiên đức Tăng Ni
- Quý Cư Sĩ, Thiện Nam Tín Nữ, Gia Đình Phật Tử và Đồng Hương

Kính thưa liệt quý vị,
Chúng ta đón ngày Tết Mỹ vừa xong thì nay chúng ta chuẩn bị đón mừng ngày Tết Việt sắp tới. Đất nước Hoa Kỳ là đất nước của người di dân và nơi tụ hội nhiều nền văn hóa khác biệt. Cộng đồng Việt là cộng đồng lớn thứ tư của người A Châu nơi đất Mỹ. Trong năm mươi năm qua, cộng đồng chúng ta đã dự phần không nhỏ vào các sinh hoạt của đất nước này, trong đó có văn hóa, tôn giáo và tập tục... Ngày Tết Việt là một ngày linh thiêng cho người con xa nước; là ngày để khẳng định một giống nòi; là ngày để hồi tởm đến đây từ đất nước nào. Ngày Tết Việt là ngày mang lại nhiều cảm hứng cho người Mỹ qua một tập tục từ Phương Đông. Phật Giáo và ngày Tết Việt khẳng định trách nhiệm và sự gắn bó của nó đã hai ngàn năm qua.

Phật Giáo có lễ Vía Phật Di Lặc vào ngày Mồng Một Tết. Ngài là vị Phật của hoan hỷ và tròn đầy. Tập tục người Việt, ngày đầu năm đi lễ Phật để mong ước cuộc sống trọn năm được cát tường. Bắt đầu là kết thúc. Ngay ngày đầu của năm, chúng ta nguyện sống trong hoan hỷ thì năm nay chắc chắn chúng ta được nhiều phúc lạc và bớt khó khổ hơn. Có nhiều phúc lợi lớn giữa thế gian này, nhưng thiếu đi phúc lợi của lòng hoan hỷ thì mọi trái ngọt sẽ trở nên đắng. Người con Phật thường xuyên quán chiếu cho một ngày mới, rằng xin cho lòng con được hoan hỷ, dù hôm nay là một ngày của bão tuyết hay nắng trong. Cuộc đời và cuộc sống này không tẻ lắm đâu, chỉ có lòng ta quá tẻ. Hãy bước tới và bắt đầu cho một ngày mới. Bước đi này trong định tĩnh, sáng suốt với một trái tim tập mở rộng.

Ngày Tết có những tập tục rất hay ở chùa. Đó là về chùa xin Lộc. Lộc này có thể là một trái cây,

một cành hoa đã dâng cúng Phật hay ăn bữa cơm chay ở chùa. Thật đáng ca ngợi, các ngôi chùa Việt ở Mỹ đều tổ chức ngày chay đầu năm cho Phật tử và Đồng hương. Chúng ta có dịp gặp nhau, chúc tụng nhau và ngồi ăn bên nhau nơi sân chùa vào một ngày "thật mới" trong năm. Người Việt ở các thành phố ít người "mình" thường hỏi, tìm đâu có chút không khí Tết giữa đất trời băng giá? – Chùa! Chúng ta nhận thức rằng, tại sao một ngôi chùa được lập nên nơi đất Mỹ và, chùa biết phải làm gì cho người Việt và người Mỹ ở nơi đây: Cố gắng nền văn hóa lâu đời của Phật Việt trên xứ sở ngoài quê cha đất mẹ.

Năm nay Tết rơi vào cuối tuần. Chúng ta có được hai ngày ăn Tết. Những bậc cha mẹ sẽ có thời giờ hơn để giúp con cháu mình biết về ngày Tết. Trong đó, đưa con cháu đến chùa. Mặc dù sinh và lớn lên ở Mỹ, con cháu chúng ta có ước vọng làm cho nước Mỹ của chúng được giàu thêm về văn hóa, tập tục và tôn giáo. Do vậy, con cháu chúng ta cần hiểu và thương về những tập tục tốt của cha ông, trong đó có tôn giáo. Chúng ta cùng chung tay gìn giữ những tốt đẹp của giống nòi để làm cho đất nước ta đang sống thêm hương hoa. Vì đó là sự sống của chúng ta và con cháu mình.

Sắp đến Tết Giáp Thìn năm 2024, thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, tôi xin kính chúc quý liệt vị một năm mới vô lượng cát tường. Xin chúng ta cùng hiệp lực tu tập, gìn giữ con đường của Phật nơi quê hương mới này. Năng lực của Phật giáo Việt là lòng hoan hỷ, trí tuệ và mở rộng từ mỗi người con Phật. Năm mới, ngày mới cho từng bước đi thật mới. Xin chúng ta cùng bước.

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Từ Thị Di Lặc Tôn Phật tác đại chứng minh.
Phật lịch 2567, Ontario, California, Xuân Giáp Thìn 2024



TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Signature

Sa môn Thích Thăng Hoan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



Phật Lịch 2567

HĐĐH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN GIÁP THÌN—2024

Kính gửi:

- Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

Năm cũ với đại dịch, tai ương và khủng hoảng trên khắp toàn cầu sắp đi qua; trước thềm năm mới, thay mặt GHPGVNTNHK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- ♦ Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- ♦ Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm kang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- ♦ Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- ♦ Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thăng phước.



Santa Ana, ngày 01 tháng 01 năm 2024

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Cung Chúc Tân Xuân

SINH LỘ VÀ LUỒNG KHÔNG KHÍ MỚI

HT. Thích Thái Hòa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Một người có tài năng đích thực, người ấy luôn luôn nhìn vào lỗi mình và nhìn vào khả năng yếu kém của mình để khắc phục mà không nhìn vào lỗi người để bình phẩm và không nhìn vào khả năng yếu kém của người để lẫn lút.

Sống giữa đời, ta không nhìn vào lỗi người để bình phẩm là ta đã nhẹ đi một phần nào gánh nặng ưu phiền và khổ đau cho đời sống của chính ta trong hiện tại và tương lai. Không những vậy, mà ta còn có khả năng giải tỏa những oán kết giữa ta và người trong hiện tại; ta có khả năng tháo gỡ những hạt giống vướng mắc không lành mạnh, không trong sáng và không tươi vui ở trong tâm thức của ta và của người trong quá khứ, và ta sẽ có đời sống hài hòa vô sự với nhau giữa ta và người trong tương lai.

Sống giữa đời, ta biết nhìn cái yếu của người để giúp người mà không khinh người, thì đức ta càng ngày càng sáng, oán của ta càng ngày càng tiêu, lòng nhân của ta càng ngày càng lớn, mà nghĩa cử của ta càng ngày càng đẹp, và ta biết nhìn cái hay, cái đẹp của người để tùy hỷ và tùy thuận là lúc nào và ở đâu ta cũng có điều kiện để tiếp xúc và thăng hoa sự sống.

Ta làm việc nghĩa mà không hề kể lể nhân nghĩa với người, thì hạt giống đại nghĩa trong tâm thức ta mới đích thực có mặt để chỉ đạo cho hành động và lời nói của ta đi về hướng ấy.

Ta cứu người, giúp vật mà không hề kể lể lòng nhân với người và vật, thì hạt giống đại từ, đại bi mới có mặt một cách đích thực ở trong tâm thức ta, để chỉ đạo cho hành động và lời nói của ta đi về hướng chí nhân và đại nghĩa.

Ta có thể nói theo cách nói trong Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi: "*Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, đem chí nhân mà thay tàn bạo...*"

Rõ ràng, ta không thể dùng hung tàn để chiến thắng hung tàn, ta không thể dùng tàn bạo để chiến thắng tàn bạo. Ta không thể dùng những lời nói ác độc để chinh phục những kẻ ăn nói thô bạo và ta không thể dùng những hành động tàn bạo để chinh phục những kẻ bạo tàn.

Tại sao không thể? Vì sống giữa đời không ai tàn bạo hơn những kẻ bạo tàn và không ai sống bất nhân nghĩa hơn những kẻ phi nhân nghĩa. Tàn bạo là sở trường của những kẻ bạo tàn và phi nhân nghĩa là sở trường của những kẻ bất nhân nghĩa và chúng là sở đoản của những bậc chí nhân và đại nghĩa.

Bởi vậy, những bậc chí nhân và đại nghĩa không sử dụng sở đoản của mình để đánh vào sở trường của người, mà chỉ dùng sở trường của mình mà chinh phục và chuyển hóa những kẻ ấy.

Nói theo cách nói trong bài Hịch Kê Sĩ của Nguyễn Công Trứ: "Đem quách cả sở tồn làm sở dụng". Nghĩa là ta không đem xăng dầu rưới vào lửa hay bơm không khí vào lửa, mà ta phải biết đem cát hay nước để dập tắt lửa hoặc lấy không khí ra khỏi lửa.

Sở trường của các bậc đại nghĩa và chí nhân là gì, đó là đại nghĩa và chí nhân. Đại nghĩa thì hành động không vì bản thân; chí nhân thì lòng thương không còn ích kỷ. Đại nghĩa thì hành động một cách tích cực mà tâm không còn thủ trước; chí nhân là ngồi trên danh lợi mà tâm và hạnh không hề bị vướng mắc lợi danh, nên hành xử rõ ràng.

Đối với bậc đại nghĩa và chí nhân mà lời nói và hành động của mình làm cho người khác khởi sinh lòng oán là mình có lỗi, mình không còn là đại nghĩa và chí nhân nữa.

Có lỗi là vì lời nói và hành động của mình không làm khởi dậy được thiện tâm hay nghĩa khí nơi họ. Có lỗi là vì lời nói và hành động của ta không khởi dậy được phật tính nơi những kẻ cuồng si và lòng tử bi nơi họ để giúp họ. Và không phải là đại nghĩa, vì cái nghĩa cử hành động của ta còn chứa đựng những hạt giống ưa hơn và sợ thua người, nên không còn đủ khả năng để khoan dung với những gì phi ta, và phi của ta, do đó mà dẫn ta đến hành động phi nhân và phi nghĩa. Và không phải là chí nhân, vì những hành động của ta đối xử với người, còn bị rơi vào phe nhóm, cục bộ; còn bị rơi vào những ý niệm tự tôn và tự ti; còn bị rơi vào giữa phi và thị; giữa thương và ghét; giữa thù và xả; giữa ân và oán.

Ngày xưa thời Phật, trên đất nước Ấn Độ, có chàng trai Vô Não đã chạy theo tà kiến cuồng si, nên cần phải giết đủ 1.000 người để chặt đủ 1.000 ngón tay xâu lại đeo vào cổ để được sanh thiên. Chàng định giết mẹ chàng cho đủ số 1.000, nhưng còn may cho mẹ chàng và chàng, Đức Phật đi ngang qua, chàng đã thay đổi ý định giết mẹ bằng cách chạy theo giết Phật để chặt ngón tay của Ngài, xâu vào cho đủ số lượng 1.000 để đeo vào cổ.

Đức Phật thì chậm rãi, bước đi từng bước thông dong và tự chủ, còn Vô Não thì đem hết sức mình rượt theo, nhưng chẳng bao giờ đuổi kịp. Vô Não vừa



chạy, vừa hung hăng, vừa la: “Hỡi ông kia đứng lại!”. Đức Phật cười và nói: “Hỡi chàng Vô Nãi, Như Lai đã dừng lại lâu rồi, nhưng ngươi đã biết dừng lại chưa!”. Vô Nãi nghe Phật nói, như ông đang được đánh thức để khơi dậy một sự hiểu biết tối thiểu nào đó về những hành động vô nghĩa và tàn bạo của mình, nên ông liền dừng lại. Đức Phật nói: “Này Vô Nãi, ngươi muốn nói chuyện với ta, thì hãy rút con dao ấy đi!”. Vô Nãi liền quỳ xuống và rút con dao ấy xuống một bên. Đức Phật nói: “Không phải Như Lai bảo ngươi rút con dao đó, mà phải rút ngay con dao ở trong tâm của ngươi đi!”. Bấy giờ, Vô Nãi thưa: “Dạ, con đã rút con dao ở trong tâm của con rồi!”.

Sau đó, Vô Nãi đã được Đức Phật giáo hóa, dạy dỗ, hướng dẫn, diu dắt, nâng đỡ, khiến cho ông ta trở thành một người có đời sống chánh kiến, hữu ích và cao thượng.

Cũng vậy, ta muốn nói chuyện với ai, với tư cách của một con người biết phục thiện, thì không những ta phải biết buông bỏ những khí cụ bạo động nơi tay ta, buông bỏ những khí cụ của ngôn ngữ bạo động nơi lời nói của ta, mà còn phải biết buông bỏ, những khí cụ bạo động ở trong tâm thức của ta nữa.

Việc buông bỏ những khí cụ bạo động ở trong tâm thức ta mới là hành động buông bỏ đích thực. Nếu những khí cụ bạo động trong tâm thức ta không được buông bỏ một cách triệt để, thì những hành động của ta đều còn bị rơi vào những tư duy và nhận thức nhị kiến và tà kiến, nên chúng không thể gọi là hành động của đại nghĩa và chí nhân.

Sống và hành động với chí nhân và đại nghĩa đích thực, chắc chắn ta sẽ làm thay đổi được bộ mặt của ta, của gia đình ta và của xã hội chung quanh ta, để tiến lên với những gì tốt đẹp.

Nhưng bộ mặt của ta, của gia đình ta và của xã hội chung quanh ta, chưa có sự đổi thay nào đáng kể, mà còn có nhiều tệ hại hơn, điều đó chứng tỏ rằng, những gì ta nói về chí nhân và đại nghĩa, chỉ là ngôn từ hoa mỹ nghe cho vui tai người, mà không có khả năng làm thay đổi lòng người và cuộc sống.

Vậy, với con mắt thiên quán, ta phải biết rõ đâu là căn nguyên của phi nhân và phi nghĩa, và đâu là chí nhân và đại nghĩa để ta có thể tự cứu lấy bản thân mình, tự cứu lấy gia đình mình và chính đó cũng là hành động tích cực để góp phần cứu nguy xã hội.

Chấp nhận những cái hay, những cái đúng, những cái có ý nghĩa, từ nơi những cái phi ta và phi của ta để sống, là ta bắt đầu có tư duy của một người lớn, có cách nhìn của một người trưởng thành, và có cái trí của những bậc có trí ở trong đời, để tạo ra một sinh lộ đúng đắn và một luồng không khí mới mẻ cho ta, cho gia đình và xã hội.

Sinh lộ và luồng không khí mới ấy, có đang và sẽ hiện hữu hay không, chúng hoàn toàn tùy thuộc vào những hành động cụ thể có thực chất chí nhân và đại nghĩa hay không của mỗi chúng ta ngay trong từng giây phút của sự sống này.

Thích Thái Hòa



KHÔNG ĐỀ

83.
*điểm rơi một năm mới
khởi đầu cho diệt vong
mình xuân mai vừa rụng
cho nụ vàng xuân sang.*

84.
*mong manh trong hơi thở
mong manh trong nụ cười
buồn vui luôn thay đổi
gì đẹp hơn mong manh!?*

85.
*cuộc đời luôn sinh động
vô thường đẹp mong manh
từ sinh qua tử lại
chim mắt dấu rừng xanh.*

86.
*cung trầm sâu không đáy
cung thăng cao không cùng
chỗ kỳ cùng mâu thuẫn
gái đá trọn thi chung.*

87.
*bốn mươi năm mài kiếm
tráng sĩ nhờ dụng công
qua ba lần chém nước
kiếm gãy giữa dòng sông.*

88.
*trăng non cài mắc lá
sơ huyền ảnh gió lay
tương mờ cá đớp bóng
dòng gợn nguyệt lung lay.*

thơ **PHỔ ĐỒNG**

CON ĐƯỜNG CỦA THỌ MẠNG NGẮN DÀI

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

"Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc trời vừa sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào nước Xá-vệ..."

Đức Phật nói:

- Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sinh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sinh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sinh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sinh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

- Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm từ, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sinh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sinh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Căn bản phân biệt, kinh Anh vũ, số 170 [trích])

Sống lâu, khỏe mạnh là một phước báu lớn. Nhưng không phải ai cũng có được phước báu này. Bởi xung quanh ta vô thường luôn khuấy đảo, nhiều người lần lượt ra đi lúc tuổi trẻ đầu xanh. Khi đau khổ và tiếc thương của người trong cuộc tạm lắng, mấy ai biết đặt ra câu hỏi vì sao đời người lại dài ngắn khác nhau. Có phải sống chết do ông trời, định mệnh đã an bài, trời kêu ai nấy dạ.

Theo đạo Phật, chính nghiệp giết hại chúng sinh, ý nghĩ làm tổn hại và không có tâm từ bi đối với mọi loài chúng sinh đã chiêu cảm nên quả báo xấu nơi ba ác đạo. Sau khi mãn kiếp nơi ác đạo rồi được tái sinh làm người mà dự báo của nghiệp sát hại vẫn còn nên phải chịu yếu mệnh, chết trẻ. Chúng ta người phạm không biết sự vận hành của nghiệp nên chỉ ngậm ngùi tiếc thương.

Ngược lại những ai không tạo nghiệp giết hại, ý nghĩ thiện lành, có tâm từ bi làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh thì được phước báo sinh lên các cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời họ sinh xuống cõi người, do dự báo của thiện nghiệp không sát hại vẫn còn nên thọ mạng lâu dài.

Khi đã biết nghiệp nhân của thọ mạng ngắn dài liên quan trực tiếp đến sát hại chúng sinh nên người con Phật nguyện không sát hại, không bảo giết, không khen ngợi sự giết chóc, tàn sát. Mặt khác, luôn rải tâm từ yêu thương tất cả chúng sinh, tìm cách cứu giúp và bảo vệ sự sống của mọi loài trong khả năng có thể.

Nghiệp nhân thế nào thì nghiệp quả thế nấy. Mỗi người tự quyết định lấy số phận của mình. Vì thế, muốn sống lâu, khỏe mạnh thì hãy tránh xa sự sát sinh, nguyện yêu thương tất cả. Đã không sát hại mà còn phóng sinh thì phước báo về thọ mạng càng thù thắng hơn.



TRỞ VỀ MỤC LỤC

GIỚI THIỆU KINH

“PHẬT NÓI VỀ BÉ GÁI TRONG BỤNG NGHE PHÁP”

Thích Tâm Nhân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Dẫn Nhập:

Đạo Phật ra đời không phải vì đạo Phật, mà đạo Phật ra đời vì nỗi khổ của chúng sanh. Nơi đầu mối mắt nhân sinh còn đổ xuống và lẽ sống cần cầu giác ngộ thì nơi ấy có những con người hạnh nguyện dẫn thân, nhập thể với lý tưởng Phật-đà Đại thừa hóa...

Bản kinh chúng tôi giới thiệu tiếp theo là kinh “Phật nói về bé gái trong bụng nghe pháp” (Phật thuyết phúc trung nữ thỉnh kinh 佛說腹中女聽經) 1 quyển, do Tam tạng Đàm-vô-sấm (‘Dharma-rakṣa’ 385-433) người Thiên Trúc dịch thời Bắc Lương, Đại chánh 14, số hiệu 563, trang 914.

Nội dung của bản kinh này giống với hai bản kinh:

– “Phật thuyết kinh người hiền nữ không dơ” (Phật thuyết vô cấu hiền nữ kinh 佛說無垢賢女經) 1 quyển – ngài Trúc Pháp Hộ (Dharmarakṣa) người nước Nhục Chi dịch thời Tây Tấn, Đại chánh 14, số hiệu 562, trang 913; và “Phật thuyết kinh chuyển thân nữ” (Phật thuyết chuyển nữ thân kinh 佛說轉女身經) 1 quyển – ngài Đàm-ma-mật-đa (‘Dharmamitra’ 356-442) người nước Kế Tàn dịch thời Lưu Tống, Đại chánh 14, số hiệu 564, trang 915. Về chi tiết trong mỗi kinh có sai khác.

Toát yếu nội dung kinh:

Một thời, đức Phật ở tại La-duyet-kỳ (thành Vương Xá) giảng pháp cho các Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-di, chư thiên, nhân dân đông vô số tụ hội về nghe. Trong chúng hội có một phụ nữ đang mang thai, đưa bé trong bụng cũng chấp tay nghe kinh. Đức Phật muốn chúng hội thấy điều này liền phóng hào quang chiếu vào người phụ nữ ấy, rồi Ngài dùng tám loại âm thanh (âm thanh dễ hiểu, chơn chất, điều tịnh...) hỏi bé gái: “Vì sao con chấp tay nghe kinh?”

Bé gái nương oai thần đức Phật bạch: “Bạch Thế Tôn! Vì thế gian làm mười điều ác, con muốn họ làm mười điều thiện..., vì thế gian tham lam, sân hận, ..., vì thế gian không hiểu thuận cha mẹ, không cúng dường Sa-môn... nên con chấp tay nghe kinh.” Vừa nói xong liền từ hông phải (của người mẹ) sanh ra như Thái tử (Tất-đạt-đa), tức thì mặt đất chấn động sáu cách, trên trời mưa hoa, thiên giới trời nhạc vang lừng... Thiên vương Đế-thích từ cung trời Đao-lợi cầm thiên y bay xuống dâng tặng nhưng bé

gái ấy chối từ vì xưng danh mình là Bồ-tát không nhận trang phục của bậc La-hán. Ngài Xá-lợi-phất hỏi Phật, Phật bảo: “Bé gái này từ cõi Phật hưởng Đông nam. Nước ấy tên là Thanh Tịnh cách mười vạn cõi Phật. Bé gái từ nước đó đến nơi này muốn

diện kiến Ta, sẽ có người cầm áo đem đến.”

Khi ấy, áo từ nước đó bay đến, rơi xuống tạo ra âm thanh êm dịu. Bé gái đón nhận mặc vào liền đắc ngũ thông... rồi từ hoa sen bước xuống đến trước đức Phật đánh lễ sát đất, thỉnh nguyện Phật thuyết pháp để những người nữ trong hội nghe pháp đặng chuyển thành thân nam tử.

Phật dạy, muốn mau chóng thành thân nam tử nên phát tâm Bồ-tát đạo, và quán thân người nữ đầy bất tịnh, xấu xa...

Trong chúng hội có có bảy mươi lăm người nữ nghe Phật thuyết pháp quá vui mừng liền xin xuất gia và phát nguyện đồng mãnh, nếu không chuyển được thân

nam thì không đứng dậy. Bảy giờ, bảy mươi lăm vị cư sĩ tại nước Xá-vệ thấy vợ mình xuất gia họ cũng xin xuất gia, được Phật truyền giới Tỳ-kheo trước. Sau đó, những người nữ kia nhờ thần lực của Phật chuyển thành thân nam, ngài Di-lặc truyền giới Tỳ-kheo cho họ. Bé gái lại hoá ra lòng hoa bảy báu đưa mẹ, bảo đến cúng Phật và khuyển mẹ phát tâm Bồ-tát (hai bản kinh kia là khuyên mẹ phát tâm Chánh đẳng Chánh giác). Khi người mẹ dâng lòng hoa lên đức Phật và phát tâm Bồ-tát thì mặt đất chấn động sáu cách. Phật bảo Xá-lợi-phất: “Tinh tú trong bầu trời có thể đếm được, còn bé gái này đã độ được nhiều cha mẹ không thể đếm được.” (trong “Phật thuyết kinh chuyển thân nữ”, bé gái này tên là Vô Cấu Quang phát nguyện: Nếu có chúng sanh nào là cha mẹ của ta, ta đều giúp họ chứng Chánh đẳng Chánh giác bất thời chuyển.)

Ngay lúc đó bé gái nói lời chí thành liền hóa thân như một Sa-di tám tuổi.

Khi Phật thuyết kinh cho bé gái biến hóa này, có vô số người phát tâm Vô thượng Chánh chơn. Phật thuyết kinh xong tất cả đều vui mừng.

Lời kết:

Vị khát sĩ trẻ tri bát thông dong khát thực trên con đường làng, rồi an tọa thọ trai dưới gốc cây, hình ảnh ấy đẹp như một bài thơ, song thiêng liêng quá,



xa cách đời sống quá. Do thế “thực tại sinh động, tràn đầy sự sống” không thể đứng nguyên trong tình trạng cũ – hàng Thanh vẫn chỉ lo an hưởng niết-bàn tịch tĩnh cho riêng mình không còn chấp nhận trước sự thay đổi của cuộc sống, xã hội; cho nên tinh thần nhập thế cứu đời của Bồ-tát đạo (Đại thừa) với tư cách cả người xuất gia và tại gia xuất hiện – Quan Âm đại sĩ luôn lắng nghe tiếng kêu thương cuộc đời cứu khổ; đức Địa Tạng thể nguyện vang lừng, sống trong tối tăm để độ sanh; Duy-ma-cật đóng vai cư sĩ thể hiện xiển dương tư tưởng Đại thừa; Thắng Man phu nhân cung cách trang nhã, từ ái, thuyết pháp, tu học giỏi...

Cũng hình ảnh ấy mà Bồ-tát (bé gái) thị hiện trong thai chấp tay nghe kinh: vì thế gian làm mười điều ác, muốn họ làm mười điều thiện..., khước từ trang phục La-hán (Tiểu thừa), khoác lên trang phục Bồ-tát “trí tuệ và từ bi”, xin Phật độ những người nữ trong hội chính là tâm nguyện độ khắp chúng sanh.

Dù chỉ là một bé gái nhưng độ cha mẹ (nhiều kiếp) chứng ngộ không thể tính hết. Điều này nói lên Phật tánh vốn bình đẳng nơi tất cả chúng sanh nên bất luận nam hay nữ, lớn hay nhỏ, kể cả chim muông, thú chạy... (“Phật thuyết kinh người hiền nữ không dơ” nói: các loài chim, thú, côn trùng... mang thai, con của chúng trong thai cũng lắng nghe Phật giảng kinh) đều có thể thành tựu chí nguyện Đại thừa, hành Bồ-tát hạnh với cốt cách thiên chức của mình. Nhưng tuy bình đẳng về Phật tánh, song giữa người nam và người nữ có sự khu biệt, là người nữ không thể thành Phật quả; cho nên trong kinh cho chúng ta thấy những người nữ và bé gái ấy đều phát tâm Bồ-tát, nguyện làm thân nam tử.

Trong kinh có những chi tiết chúng ta thấy thần thoại, phép mầu, huyền bí... nhưng “chính những câu chuyện hoang đường, thần thoại, cổ tích, truyền kỳ ấy mới nói lên thực tại kỳ bí của con người và cuộc đời. Thực sự lịch sử hoàn toàn bất lực và thất bại trong sự diễn đạt thực tại nhiệm mầu; lịch sử phải khép nép nhường bước trước thần thoại và truyện kỳ hoang đường trong vai trò diễn đạt ấy.”^[1]

Thích Tâm Nhãn

^[1] Tiểu luận về Bồ-đề-đạt-ma – PCT.

XUÂN YÊN BÌNH

*Thương về một thuở mãi hoài ngân
Cảnh vật yên bình trước ngõ xuân
Lộc trời vườn xanh hoà nẻo mới
Duyên bồi phúc rạng rỡ tình chân
Qua người khổ, Giữ niềm tin thế
Gỡ mảnh nghèo, Nương đạo đức trần
Những chuyện buồn đau càng xa hết
Lòng trong, dạ sáng toả vô ngân.*

TẾT

*Nhạc thả vui cùng mấy dãy thân
Cờ hoa rạng rỡ tết đang gần
Muôn loài sáng ửng bên chồi lộc
Cảnh vật yên bình trước ngõ xuân
Lại nhớ nương vườn ta đã trải
Nhìn xem tuổi hạc chúng luôn vẫn
Đường qua những chặng đời thêm thắm
Cảm được bao điều rõ cái chân.*

TẾT VỀ

*Quê nghèo dưỡng dục cảm hoài ân
Hiểu rõ niềm xưa, Xích lại gần
Xỉ thế người vui càng mãn nhuê
Thành danh đức sáng cũng tình cần
Quần sanh rạng rỡ bên thêm Tết
Cảnh vật yên bình trước ngõ xuân
Mãi vọng trời cao... Nguyên tất cả
Xuôi cùng vạn nẻo sống đời chân.*

MÙNG XUÂN ĐÓN TẾT

*Rạng rỡ xuân hồng đón Tết sang
Vườn nương, phố thị đẹp hoa ngàn
Luôn hy vọng, vững niềm tin đến
Mãi sống hoà, cùng nghị lực lan
Chúc cả nhà, muôn điều thịnh vượng
Mong nhiều chón, vạn sự an khang
Vui đời dụng pháp lòng nhân mở
Tuệ hiển, gieo từ ánh đạo quang.*

thơ **MINH ĐẠO**





DÃ HỒ THIÊN

Thị Giới

Vào thời Võ Tắc Thiên có một phụ nữ ở Trường An tự xưng là Bồ tát. Tin tức truyền đến tai Võ Tắc Thiên, được bà mời vào cung. Võ Tắc Thiên hỏi người phụ nữ một số câu hỏi và bà đã trả lời chính xác. Tin bà là một Bồ tát, Võ Tắc Thiên mời bà sống trong cung điện để cúng dường.

Trong thời gian này, Thiền sư Đại An cũng đến Bắc Kinh và được

thỉnh vào cung dạy Thiền.

Võ Tắc Thiên nghĩ rằng có một vị Bồ tát sống trong cung điện và nếu một vị Thiền sư, người thường đi khắp nơi và nhiều người biết truyền bá tin này thì sẽ có lợi cho việc cai trị của bà. Và bà đưa ngài Đại An đến giới thiệu người phụ nữ: "Đây là vị Bồ tát của tôi. Ngài có thể hỏi bất cứ điều gì ngài muốn biết."

Khi giáp mặt người phụ nữ, ngài Đại An hỏi: "Bây giờ tâm tôi đang ở đâu?"

"Ở tòa tháp."

Lại hỏi:

"Bây giờ thì sao?"

"Trong cung điện Bồ tát Di lặc, nghe Bồ tát thuyết Pháp."

"Bây giờ thì sao?"

"Tại cõi Phi Tướng Phi Tướng."

Võ Tắc Thiên thấy vậy rất hứng khởi.

Thiền sư lại hỏi: "Bây giờ thế nào?"

Người phụ nữ trù trù không trả lời được.

Thiền sư nói: "Ta đi vào cảnh giới A La Hán mà bà không biết. Nếu như quả thật đến được cảnh giới chư Phật, chư Bồ tát, thì phải biết."

Người phụ nữ rời tòa rút lui, hiện nguyên hình là một hồ ly mẹ.

(Theo Thiền Tông Cổ Sự)

Câu chuyện có thể là một huyền thoại. Tuy nhiên nó cho chúng ta những bài học quý.

- Thứ nhất: Dã Hồ Thiên do năm ấm hiện ra. Theo Kinh Lăng Nghiêm có 50 loại ấm ma hiện ra trong lúc tu Thiền, mà nếu chấp vào thì sẽ lạc và cảnh ma, gồm: 10 loại ma sinh ra từ Sắc ấm, 10 loại ma sinh ra từ Thọ ấm, 10 loại ma sinh ra từ Tưởng ấm, 10 loại ma sinh ra từ Hành ấm, 10 loại ma sinh ra từ Thức ấm. Do đó, người tu Thiền cần đọc và hiểu rõ 50 loại ma này. Khi vào cảnh giới này, có thể có chút ít năng lực siêu nhiên, nếu không hiểu có thể tưởng mình đã giác ngộ, dễ lạc vào đường tà.

- Thứ hai: Không bị lôi kéo vào những hiện tượng lạ đời như cậu bé sáu tháng không ăn, em bé thuyết pháp như Phật, hiện thân của Phật v.v... Chư Bồ tát, Phật không phô trương, không làm chuyện lạ đời, không thi triển thần thông. Những hiện tượng đó xảy ra, là Phật tử chúng ta nên "kính nhi viễn chi" (kính mà tránh xa).

- Thứ ba: Nhận diện chánh/tà. Sự nhận diện này lấy Giới Luật làm nền tảng, chẳng những trên lý thuyết mà còn trong đời sống. Có một loại có thể gọi là ma vì họ có khả năng hấp dẫn một dạng đông đảo quần chúng bằng cách đưa họ vào Ấm Ma và kích thích tham-si. Loại này xuất hiện thường xuyên như Lư Thăng Ngạn, Thanh Hải, Osho... Là Phật tử thật sự tin Phật, tin Nhân Quả, giữ Năm Giới, tôi nghĩ không thể thần tượng Osho, hay tôn thờ Lư Thăng Ngạn, Thanh Hải... Hãy tìm hiểu đời sống của họ.

- Thứ tư: Thời này có nhiều người háo danh, giả đạo đức. Biết vậy để đề phòng và tránh, không bị lừa mắt, làm mất sự tập trung học hỏi và tu tập của mình, cũng như che mờ không nhận ra những vị Thầy chân thật. Những người này có khi rất dễ kiểm tra, ví dụ có người xưng là một trong năm, hay mười, hay trăm nhà khoa học hàng đầu thế giới..., vào Wikipedia coi có tên hay không, và nếu có thì coi trong đó nói gì sẽ thấy ra ngay. Nhưng cũng có những người cao tay hơn. Tốt nhất là hãy theo một vị Thầy được chứng thực để học hỏi, những vị Thầy "chẳng có gì, chẳng làm gì" dù có và làm rất nhiều. Có những vị Thầy chỉ nói một vài câu mà suốt đời học không hết. Hãy quan sát những vị Thầy tịch trụ (nấu bếp), những vị Viên Đầu (vị Thầy làm vườn) v.v... có khi học hỏi được vô cùng. Thầy Tịch Chiếu có thể nói là một vị Thầy làm vườn, vậy mà bọn đệ tử học Triết, đọc sách Thiền, đọc Kinh Dịch, nghiên cứu Krishnamurti... lại kéo nhau về quy y và học với Thầy, mà học hoài không hết...

- Vẫn vẫn...

CÂU ĐỐI:

- Quý Mão Đi Qua Khô Luy Trần Gian Chiến Loạn Đau Thương Lùi Quá Khứ
- Giáp Thìn Bước Đến An Vui Cõi Thế Thanh Bình Thịnh Vượng Hướng Tương Lai

Bài Xướng

LẶT LÁ MAI

Canh ngày lật lá đón xuân sang
Cho Tết khắp nơi thăm xóm làng
Chẳng đợi dừng mưa dương tỏa chiếu
Không chờ hết lạnh âm sương lan
Thiều quang đã úm trên cành nụ
Lộc biếc vừa đơm giữa lá vàng
Đã thăm bao phen “Hàn triệt cốt”
Hoa mai mới rục giữa muôn ngàn.

Bài Họa:

LẶT MAI ĐÓN XUÂN

(Bát vĩ đồng âm)
- Tặng người lật lá mai

Lặt lá cho mai nở rục vàng
Tiễn mùa đông lạnh đón Xuân sang
Cầu an tịnh đến xa sầu nạn
Thỉnh diễm phúc lai đặc lộc tràn
Thắp sáng nguồn tâm nuôi nghĩa tạng
Vun bồi suối ý dưỡng ân trang
Vinh hoa phú quý về bên bạn
Đẹp nét hương quê sáng rạng ngàn.

2:40 sáng 05-01-2024



XUÂN THIỀN

Vườn thiền tĩnh mịch gió vờn hoa
Chuông vắng bên sông lặng ác tà
Nghiep thiện vun trồng cây hạnh nở
Đường lành dạo bước lối thiền qua
Trăng huyền chiếu sáng trên ao diệu
Phật bảo ngồi soi dưới tháp ngà
Mộng ảo tan dần khơi suối ngọc
Trần duyên nghiệp lực bỗng vơi xa!

Vơi xa vọng tưởng ý thân hoà
Nhiếp niệm tâm thành mỗi sát na
Lễ Phật nguyện mong tiêu chướng họa
Tham thiền nguyện hướng chuyển trần sa
Giáp Thìn phước huệ vun bồi đắp
Quý Mão tai ương giữ bỏ qua
Khắp chốn an yên bình lứa sạch
Năm châu bốn biển thái bình ca.

XUÂN GIÁP THÌN

Trời xuân nắng đẹp núi xanh cao
Cạnh cửa thiền xuân thăm sắc đào
Gió thoảng hương nồng thơm áo lụa
Mây vờn nguyệt sáng dịu đêm sao
Chày kinh vắng tiếng nghe sương đọng
Mỡ cá rền âm vọng sóng xao
Nhật Nguyệt chan hoà rơi rớt mộng
Anh Đào sắc thắm thăm xuân trao!

Xuân trao vạn vật kết ân truyền
Nghĩa nặng tình thâm tương trợ duyên
Vượt thoát sầu đau xây bến thiện
Dưỡng nuôi phúc hạnh dựng bờ thiêng
Non sông diễm tuyệt lòng an nguyện
Thế giới thanh bình ý mãn nguyện
Quý Mão đi qua Giáp Thìn hiện
Mây lành trái khắp mát thiền viên...!

Tu Viện An Lạc,
California, 11:00 tối 15-01-2024

TRÚC NGUYỄN
- THÍCH CHỨC HIỀN

HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ HÀNH TRẠNG VƯỢT THỜI GIAN

Nguyễn Siêu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Hành trạng và sự nghiệp không hen tuổi đời là bao nhiêu để thành sự nghiệp, như con người thường nói, hay Khổng Tử đã nói: *"Tam thập nhi lập."* Thầy đã lập một vị thế quan trọng, hành trạng và sự nghiệp chủ chốt trong cuộc tồn sinh này. Cuộc tồn sinh trên tiến trình giáo dục người. Giáo dục tuổi trẻ sinh viên qua một mô thức giáo dục toàn diện của đạo Phật. Mô thức giáo dục ấy trên bục giảng của Đại học Vạn Hạnh khi tuổi đời mới đôi mươi. Thầy đã lập nên một nền tư tưởng, triết lý Đông Tây vững chắc làm rạng ngời hơn một nửa thế kỷ qua mà cho đến hôm nay nền tư tưởng triết lý Đông Tây ấy còn tồn đọng trong Tạp Chí Tư Tưởng Vạn Hạnh, Thầy là chủ bút. Thầy đi bằng đôi chân hành trạng và sự nghiệp của Thầy ngang qua bầu trời Triết Học Tánh Không: *"Nhưng, Tánh Không luận là gì? Khi con bướm mùa hè dừng lại trên đóa hoa, khép lại đôi cánh, và đong đưa theo cơn gió của cỏ nội hoa ngàn..."* (Triết học về Tánh Không. tr. 10. Tuệ Sỹ. Nhà Xuất Bản Hồng Đức.)



ĐỨC TRƯỞNG LÃO
HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ
(1945-2023)

Kính bạch Giác linh Thầy, chỉ còn vài tuần nữa là đến ngày tuần thứ 49 - chung thất của Thầy rồi. Chư Tôn Đức Tăng Ni trên khắp các Tự Viện sẽ đốt hương xông trầm thành kính tưởng niệm, xưng tán công hạnh của Thầy, bao nhiêu lời hay ý đẹp không thiếu trong ngày lễ chung thất ấy. Quý Phật tử trên khắp năm Châu bốn biển cũng đồng hành họa quyền theo không khí buổi lễ để mà đi chùa đánh lễ di ảnh Thầy, để phủ phục trước Giác linh Thầy mà thầm nguyện: *"Hòa Thượng cao đẳng Phật quốc rồi sớm trở lại cõi Ta bà mà giảng dạy Phật Pháp, dịch Đại Tạng Kinh, và làm thơ cho chúng con đọc."* Các nhà trí thức học giả thì sử dụng sở trường triết lý, văn học, tư tưởng của mình tiếp tục xưng dương, tán thán cái tâm hồn tuyệt vời của Thầy, mà hôm nay khó ai có được, từ đó họ nói rằng: *"nhiều trăm năm sau biết có một người nào trên quê hương giống như Thầy không."* Còn các nhà thơ lớn: *"mơ theo trăng và thơ thân cùng mây,"* hay *"Những Phương Trời Viễn Mộng,"* *"Mộng kiều hùng trần gian kiều sa,"* thì ước mơ tiếp tục được nghe, được đọc những vần thơ không đề của Thầy, như *Giấc Mơ Trường Sơn, Ngục Trung Mị Ngử, Thiên Lý Độc Hành...* hay rải rác ý thơ trên mọi

miền Văn học Đông Tây của xã hội con người. Còn những nhà tranh đấu cho nhân quyền, tự do dân chủ thì cũng không khác, họ ước mong có người đứng đầu, là kẻ tiên phong để đòi hỏi quyền làm người, quyền tự do ngôn luận cho người dân thấp cổ bé miệng, mà *Sự Biến Lương Sơn* Thầy đã để lại một chứng tích lịch sử kiêu hùng, hay bản án tử hình bất khuất ngay trên quê hương dân tộc của Thầy...

Kính bạch Thầy, con biết còn nhiều thứ để nói, còn nhiều điều để viết, nhưng không sao nói hết, viết hết về Hành Trạng Và Sự Nghiệp Vượt Thời Gian Của Thầy, bậc Đại Sĩ hóa thân vào đời để độ sinh. Bậc Thượng Thiện Nhơn khi công viên quả mẫn thì quây dệp về Tây Phương hầu Phật. Đến đi như thị. Hành trạng như thị. Sự nghiệp như thị. Như thị như hai biểu tượng Bồ Tát Văn Thủ, Bồ Tát Phổ Hiền. Một bậc Đại Trí, Một Bậc Đại Hạnh:

*"Sư tử hồng thời phương thảo lục
Tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng."*

Một khi sư tử chúa của sơn lâm hồng lên thì núi rừng lá hoa đều xanh biếc, phô diễn sắc tươi nhuận thắm.

Một khi Tượng Vương quay đầu trở về lại chốn xưa, thì hoa hồng rụng xuống để cung nghinh từng bước chân an lạc.

Di chúc của Thầy đã viết gồm có 7 điều. Thầy không muốn đọc Tiểu Sử, Không Điều Văn. Không phúng viếng tràng hoa, liễn đối. Thiêu xong tro cốt rải vào Thái Bình Dương, bắt vô tầm tích... không phiền đến ai, không kéo dài thời gian tang lễ, mà tùy theo an ninh chính quyền sở tại. Thầy muốn an nhiên tự tại, có lẽ thời còn sinh tiền Thầy đã có đủ hình danh sắc tướng của thế gian, và bây giờ ra đi Thầy muốn nhẹ nhàng, thông dong, tĩnh lặng, như mây trời bay khắp muôn phương, không dính mắc một hình hài nào, không sở hữu một không gian, một thời gian nào trong cõi thiên hà vô tận. Nhưng, bạch Thầy, hôm nay con nghĩ về Thầy, con viết về Thầy, những cảm nghĩ gắn gũi với Thầy sau hơn mười năm học, làm việc cùng Thầy nơi Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang 1971 -1977. Tu Viện Quảng Hương Già Lam Sài Gòn 1980- 1984. Viện Vạn Hạnh Phân Khoa Khoa Học Ứng Dụng Võ Di Nguy Phú

Nhuận Sài Gòn. Nhân ngày tuần chung thất, thứ bốn mươi chín của Thầy; con nghĩ rằng Thầy sẽ không phiền con vì đây là tấm lòng phụng hiến kính dâng cúng dường Giác Linh Thầy nhân ngày lễ chung thất. Dưới Giác Linh đài con nhìn lên thấy Thầy mỉm cười. Cười trong sự hoan hỷ hứa khả.

I. Thầy Sở Hữu Một Tư Tưởng Thời Đại Quá Lớn:

Con nghe người ta nói, Thầy có dáng người gầy ốm, mảnh dẻ, một ngoại hình mong manh như cọng lau trên bờ suối. Như thân cây Bồ Đề da dẻ sần sùi bám trên vách đá bởi những cái rễ gân guốc, cứng ngắc. Người ta thấy qua thân hình Thầy - các nhà tư tưởng, các nhà thơ văn, các học giả, các nhà biên khảo, các triết gia, hay bạn bè thân hữu... chỉ có cái đầu và cặp mắt. Cái đầu có vầng trán cao và nhô lên. Cái đầu ấy chứa một trời tư tưởng, hàm tàng bao tư tưởng ngoài đời và tư tưởng trong đạo. Tư tưởng ngoài đời: *"iv. Thế giới hải. Một yếu tố khác trong kho thần thoại cổ, là vai trò đại dương vũ trụ (Cosmic Ocean) trong sự giải thích hay miêu tả khởi nguyên của thế giới và loài người."*

Thần thoại của người Sumeria, được lưu truyền khoảng trên 4,000 năm trước Tây Lịch, trước cả thời Thánh Kinh Do Thái được ghi chép, kể rằng Nammu là nữ thần của biển Nguyên Thủy, là bà mẹ sinh ra trời (thần An/Anu) và đất (thần ki): khi mà bên trên chưa được gọi là trời, và bên dưới chưa được gọi là đất, bấy giờ đã có Abzu, thần đại dương nước ngọt, tối sơ, là cha sinh; và Tiamat, thần nước mặn, hỗn độn, bà mẹ đẻ sinh ra cả hai..." Tuệ Sỹ, văn Tuyển Tập I, Tư Tưởng Phật Học, Tổng Thuyết Vũ Trụ Luận. Sứ Tập, Hạnh Viên. tr. 28. Hương Tích Phật Việt.

Rồi sao nữa, tư tưởng của con người qua thế giới Phương Đông, một thế giới gần với quê hương mình, dân tộc mình: *"Kinh Thi và Kinh Dịch như đôi cánh của con chim nhận mạng chở định mệnh lịch sử của Trung Hoa bay lượn suốt mấy mươi thế kỷ trên vòm trời Viễn Đông. Dịch trải rộng con đường cho những bước đi lịch nghiệm trong cuộc tồn sinh; Thi là tâm nguyện khẩn thiết và trung thực từ giữa chỗ sâu thẳm của tình người và lòng người, được mang ra để lịch nghiệm cuộc lữ mà Dịch đã phơi bày ra đó. Âm hưởng của Thi là tiếng vang của nhịp bước trong cuộc lữ... Thơ vẫn là một cuộc lịch nghiệm Riêng và Chung của Thời đại và lịch sử. Từ cuộc Riêng, Thơ nương theo đôi cánh Thi và Dịch để đi về nơi Hoảng Viễn, dẫn lịch sử Uyên nguyên tụ hội với Thời đại..."* (Tô Đông Pha Những Phương Trời Viễn Mộng. An Tiêm. Tựa. Xuất Bản lần đầu, tr. 9. Tuệ Sỹ.)

Tư tưởng trong Đạo - Phật Pháp thì không thể nói hết những gì tồn trữ trong Thầy; tồn trữ cả Tam Tạng Kinh Điển. Để nhớ lại sự tồn trữ trong đầu ấy, ngày mà người viết làm việc với quý Thầy ở Thư Viện Vạn Hạnh, đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận Sài Gòn, Sứ khảo từ "A Di Đà" Bách Khoa Đại Từ Điển của Ôn Già Lam, có Thầy hỏi: *"A Di Đà được định nghĩa trong vọng Nguyệt Nhật Tạng đối với Tục Tạng Đại Chánh như thế nào, có đồng nghĩa với nhau không?"*

Ngay khi đó, Thầy liền giở Tục Tạng Đại Chánh Tân Tu chỉ ngay trang, hàng, số, để cho Thầy ấy thấy, mà trích lục, chú thích... cái đầu tồn trữ ấy vậy đó. Kinh thiên cho một trí nhớ thần đồng, vì Đại Tạng là hàng trăm quyển, hàng mấy chục ngàn trang và Phật Pháp đã dàn trải trong đó là vô số tận, làm sao ai mà nhớ hết; nhớ đúng trang, dòng, số, ... phi phạm cho cái đầu của bậc Thánh giả! Do vậy, cái gì mà bậc Thánh giả làm thì kẻ vô văn phạm phu khó ai mà có thể hiểu và biết được để nói, và nếu có nói thì cũng chỉ là mộng mị mà thôi. Chúng ta hãy đọc bài viết và lắng tai nghe văn phong và quan điểm của Tác giả Tuấn Khanh, một nhạc sĩ: *"...đột nhiên Thầy Tuệ Sỹ phải bước ra, cất tiếng trong vận mệnh của Phật Giáo Việt Nam trong bi thương. Hôm nay, ngài chấp nhận im lặng trước những câu hỏi không thể trả lời một lần, mà đang dồn sức lực cuối cùng hành động cho tương lai của Việt Nam, tương lai của vận mệnh Phật Giáo Việt Nam ngàn đời."*

Cái đầu của Thầy giống như cái đầu của Bồ Tát, cái đầu chứa đựng chất liệu Từ Bi - ban vui cứu khổ. Cái đầu chứa đựng chất liệu Trí Tuệ thấy đúng như thật, để cứu độ chúng sinh: *"Nơi nào hiểm nạn, tôi nguyện sẽ là cầu dò. Nơi nào tối tăm, tôi nguyện sẽ là ngọn đuốc sáng. Đây có thể là ước nguyện xa vời, thậm chí sáo rỗng đối với một số người. Nhưng đó chính là mặt*

đất kim cương để trên đó tuổi trẻ tự vạch hướng đi cho mình, tự quy định những giá trị sống thực cho chính đời mình." *"Sự kiên quyết và hành động không lùi bước của Thầy có thể được xem như một thái độ chính trị cho đạo Phật trước buổi hỗn mang, nhưng cương quyết vẫn là ý chí và tâm nguyện của một người kiên tâm thừa tự Chánh Pháp, nguyện soi đường cho thế hệ Việt mai sau."* (Thầy Tuệ Sỹ trong vận mệnh Phật Giáo Việt Nam. BBC News Tiếng Việt. Tuấn Khanh)

Đôi lời về cái đầu, còn biểu tượng về cặp mắt thì sao? Sâu như hai cái giếng long lanh ánh nguyệt trong đêm trăng rằm; cặp mắt sâu khó hiểu, cái sâu khác thường người, nơi đó tồn trữ một cái gì; cái như là trong Kinh Pháp Hoa- Phẩm Phổ Môn: *"Từ Nhãn Thị Chúng Sanh."* Mắt thương nhìn cuộc đời. Vì thương đời, thương người nên Thầy nói, Thầy viết, Thầy gửi gắm tâm sự đến người: *"Nhãn nhìn đời nhưng không để cho quyền lực đen tối của đời sai sử. Tùy thuận thế gian, nhưng không tự đánh chìm trong dòng xoáy ô trược của thế gian. Các con hãy tự rèn luyện cho mình một tín tâm bất hoại, một đức tính dũng mãnh vô úy, nỗ lực tự huân tập trí tuệ bằng Văn, Tư, Tu, để nhìn rõ sự tướng chân nguy, để thấy và biết rõ mình đang ở đâu, đang đi về đâu, không nhắm mắt phóng càn theo cỗ xe lộng lẫy bên ngoài nhưng rêu rã bên trong, đang lao xuống dốc dài không đĩnh hướng... cầu mong các con có đủ dũng mãnh để đi bằng đôi chân của mình, nhìn bằng đôi mắt của mình; tự xác định hướng đi cho chính mình. Thầy sẽ là người bạn đồng hành với các con trên đoạn đường bóng xế của đời mình."* (Thư gửi các Tăng Sinh Thừa Thiên- Huế. Thích Tuệ Sỹ.)



Quảng Hương Già Lam. Ngày 20 tháng 10 năm 2003.)

Cặp mắt thương đời, thương người, thương hàng hậu học nên lời Thư vô cùng thăm thiết, chí tình trao gửi, mà lại còn nguyện đồng hành suốt con đường của buổi xế chiều, tuổi đời già nua, ốm yếu. Quả thật nếu người mà không có tấm lòng Từ Bi, bao dung thương tưởng thì sẽ không có những lời gửi gắm chân tình như thế. Và nếu người không có Trí Tuệ thâm thấu trong mọi tình huống, biến cố thì sẽ khó mà thấy được sự kiện đích thực hiểm nguy, khủng hoảng để có lời dẫn dò, sách tấn cho một thế hệ người; cho nhiều thế hệ người hôm nay và mai sau thức tỉnh để đi bằng đôi chân của chính mình, bằng không thì cứ mãi vay mượn đôi chân của người khác để đi, cho đến một ngày nào tỉnh giấc thì ra mình đã không có chân để đi, thành người tàn phế.

Ấy là tư tưởng của cái đầu vượt bờ, của đôi mắt tình thương của đời. Một thứ tư tưởng triết lý sống của bậc Thượng Nhân phương tiện đem Pháp Phật để ban vui và hành trạng dưới mọi hình tướng để cứu khổ. Ấy là một tư tưởng chủ đạo của Thầy đang thi thiết hôm nay hay ngàn vạn kiếp sau.

II. Thầy Là Một Nhà Đạo Học Dung Dị, Đơn Sơ:

Cũng là bao nhiêu người nói, trong đời sống hằng ngày Thầy rất đơn giản. Giản dị chỉ có ba bộ vật hồ màu lam cũ mềm phủ tới đầu gối, vài katê không ủi, không bao giờ ủi. Thân hình Thầy đã ốm, mặc bộ đồ ấy vào rộng thùng thình trông lại càng ốm hơn. Ốm như cây sậy, bị gió thổi xiêu. Nhưng cây sậy này có tư tưởng và biết đi; đi khắp miền đất nước, núi đồi, biển xanh cát trắng. Đi bất kể trời đất, vì Thầy cho rằng trên mặt đất hoang vu này, đâu chẳng phải là nhà, đâu chẳng phải là nơi dừng chân, hay quán trọ - miếu cô hồn, bệ Ông Địa Thần Tài hay dưới lòng Sư Tử đá. Đọc vào Kỳ Yếu Tri Ân Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, chúng ta thấy Thích Phước An viết một bài lấy đề tài: "*Tuệ Sỹ, Vị Thầy Lúc Nào Cũng Muốn Từ Bỏ Để Lên Đường.*" Rồi trong một nơi khác, chúng ta đọc: "*Hướng về rặng núi xa, đôi cây xanh, Thầy quỳ trên vai hai túi đồ, có lẽ một túi đựng là vật dụng cá nhân và túi kia là y hậu, đôi cuốn sách đọc... dẫm từng bước trên con đường mòn miền thôn dã. Đầu đội chiếc nón lá. Thân mặc áo khoác. Chân mang đôi dép mòn trông như một bộ hành trên con đường thiên lý không quán trọ để nghỉ chân. Thầy đi. Quầy gánh ra đi. Đi như một đĩnh mệnh. Một sự mệnh. Một sự vận hành quê hương, dân tộc.*" (Tuệ Sỹ Đạo Sư Thơ và Phương Trời Mộng, Tập III. Quầy Gánh Ra Đi. Tr. 11, Nguyễn Siêu và nhiều Tác giả.) Hành trang ra đi đơn giản và chỉ đơn giản như thế.

Người viết nhớ lại, có lần tại Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang, Thầy mang đôi dép Nhật đã cũ mòn, nền Phật tử- chúng Pháp Hoa mua một đôi dép mới và đem cúng dường cho Thầy. Thầy nói: "*Tui có một đôi chân nên đã mang một đôi dép, giờ Phật tử cúng cho một đôi nữa, vậy mang ở đâu, chắc cột dây mang trên cổ.*" Thời gian sau này, sau ngày ra tù, người viết thấy qua hình ảnh, Thầy ốm quá, chỉ còn thấy cái cổ chống đỡ cái đầu không thôi, điện thoại về thưa Thầy con gửi thuốc bổ và sữa về Thầy uống cho khỏe, bạch Thầy! Thầy cười trên điện thoại và nói: "*Tui đã dứt sữa mẹ lâu rồi.*" Còn thuốc bổ thì Thầy cũng không. Thầy nói: "*con cò, con hạc nó đâu có uống thuốc bổ, vậy mà nó vẫn sải cánh bay khắp muôn nơi. Thuốc bổ gì.*"

Không áo mao cân đai. Không y hồng hiệp chưởng. Một bộ y hậu thường nhật mà thôi. Nơi khám thờ hậu Tổ, một di ảnh đơn sơ, bình dị, vậy mà bao nhiêu bài viết đã xưng tán là Thiền Sư, Thượng Nhơn, Đại Sĩ, Đạo Sư... Còn từ ngữ gì để tôn vinh Thầy nữa không? Còn! Nhà tranh đầu bất bạo động, cang cường cho tự do dân chủ. Một kẻ sĩ bất khuất không khiếp nhược trước cường quyền bạo chúa. Một nhà thơ tuyệt cùng, trác việt. Một bậc Thầy lâu thông kinh điển. Một Tam Tạng Pháp Sư phiên dịch Đại Tạng Kinh Phật Giáo Việt Nam. Một nhà giáo dục thông minh lịch lãm... Một tu sĩ mà cũng là một thi sĩ nên thơ trên đỉnh Trường Sơn Giáp tận chân mây, hay nơi mù khơi, Thái Bình Dương sương mù muối mặn... Có ai sống gần Thầy mới thấy Thầy là Thầy tu dung dị bình dân, không cầu kỳ, ngẩn cách.

Sau cuộc ra đi "*Thiên Lý Độc Hành,*" giữa chốn núi rừng, Am Thị Ngạn được cất lên dưới những tàng cây quanh năm che bóng mát. Khoảng giữa của am là nơi thờ Phật. Tầng trên của chiếc bàn nhỏ là tôn tượng đức Bổn Sư. Phía dưới là chiếc bàn hình chữ nhật, cặp đèn bạch lạp, chính giữa là lư hương, phía dưới sàn nhà là cặp chuông mõ nhỏ... phía bên tay trái từ ngoài nhìn vào là chiếc bàn thờ Tổ tiên cũng nhỏ nhỏ, đơn sơ chỉ có cặp đèn cầy tí xíu, một lư hương cũng tí xíu, chẳng có bông hoa trà quả... "*Ở vùng quê nghèo dân dã, giữa núi rừng, tôi hai mươi tám Tết nấu bánh tét biếu tặng dân trong làng... Tết Canh Thìn, Sư Phụ nấu bánh tét đến hai giờ sáng - hiện nhà tôi ba mươi Tết.*" (lời kể của Thầy Hạnh Viên. Tuệ Sỹ Đạo Sư Thơ và Phương Trời Mộng, Tập III, tr. 33 Nguyễn Siêu và nhiều Tác giả.) Dung dị thế là cùng. Sống bình thản cho mình và rọi tình thương yêu đến lớp người dân dã nghèo khổ, tay lấm chân bùn quanh năm suốt tháng, lam lũ với nương khoai, ruộng sắn. Trông hình Thầy ngồi đun củi nấu bánh tét lúc hai giờ khuya Tết Canh Thìn nơi Am Thị Ngạn giống như thầy tu tàn, tu bụi nơi cõi diêm phù đề nên thơ, nhưng không thiếu những chất liệu gặp ghèn sỏi đá.

III. Thầy Là Một Nhà Thơ Nhiều Cảm Tính Siêu Thực Và Hiện Thực Tài Hoa

Kính bạch Thầy! Những tiết mục trong bài viết này, có thể là con đã viết ở trong "*Tuệ Sỹ Đạo Sư Thơ và Phương Trời Mộng, tập I, II, III*" khoảng mười năm về trước, nhưng bây giờ con vẫn tiếp tục viết, viết hoài, viết mãi, mà không cảm thấy dư, không cảm thấy chán. Nó có một hấp lực, một sức hút, một sức lôi cuốn đưa con vào thế giới này, thế giới thơ mang nhiều kịch tính. Tính người nếu nói chung chung. Tính thầy tu đa tình; tình nước, tình non, tình quê hương dân tộc, tình đạo Pháp chuyển mình qua quá nhiều khúc quanh lịch sử thời đại. Thế giới này, thế giới thơ dựng như mây, nổi như sóng, thế giới của đỉnh cao đa tình lãng mạn trong ý thức vị tha. Thơ của Thầy đã đi vào lòng người, đã len lỏi đến tận cùng ngõ ngách của mỗi con tim, bùng nổ, mỗi tế bào của giới thi nhân mặc khách, của giới yêu chuộng thơ của Thầy. Tiêu biểu thế giới ấy như triết gia Phạm Công Thiện. Nhà thơ Bùi Giáng. Nhà thơ Tâm Nhiên. Nhà Văn Nguyễn Mộng Giác...

Chúng ta nghe nhà văn Nguyễn Mộng Giác nhận định, phê bình bài thơ: "*Tôi Vẫn Đợi*" của Thầy:

*"Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi*

Một vì sao bên khoé miệng rưng rưng

*Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha..."*

...Đây là cái nhìn của nhà văn Nguyễn Mộng Giác theo thói thường người tù là phải cảm hận, là phải oán than, là phải trả thù kẻ bỏ tù mình, là phải bẻ gãy song sắt tù để vượt ngục. Nhưng không. Không hề tìm thấy một tiếng uất nghẹn nào trong bài thơ "Tôi Vẫn Đợi." Để rồi nhà văn viết tiếp: "Tuệ Sỹ từ ô cửa ngục gửi ra cho nhân gian những tiếng thở dài hay sao? Tôi đã kiểm chứng cách hiểu ban đầu của mình bằng cách đọc lại lần nữa, toàn bài thơ, và bớt chú tâm đến những mốc thời gian mở đầu các tiểu đoạn. Tôi không tìm thấy những tiếng thở dài. Không có cả những lời than van. Thoang thoang đâu đó, khi rõ rệt, khi mơ hồ, tôi có cảm tưởng đang nghe một tiếng võng đưa, hoặc những lời mẹ ru con đi đặt, mơn trớn, vỗ về. Có cái gì rộng rinh không thể gói trọn bằng ngôn ngữ hoặc ý niệm cụ thể..." "Hai câu sau bay bổng lên một vũ trụ khác, cắt cánh khỏi những hệ lụy thế gian, những ti tiện của tranh chấp và thù hận, để đạt đến một cõi sáng láng hơn, cao cả hơn, mà biểu trưng là một ánh sao, một nụ cười. Bốn câu thơ di chuyển theo chiều cao, từ bậc thấp của những tranh chấp ti tiện đốn đau đến bậc cao của thức tỉnh giác ngộ." (Đọc lại thơ Tuệ Sỹ. Văn Học Số 65, tháng Bảy năm 1991. Nguyễn Mộng Giác.)

Nhà thơ Tâm Nhiên: Không phê bình, ý kiến. Nhà thơ đi thẳng vào thơ. Đi thẳng vào thơ để thấy hồn thơ của thi sĩ khủng khiếp. Tuyệt cùng. Mê mẩn mang:

Tuệ Sỹ Im Lặng Sấm Sét:
*"Những phương trời viễn mộng đi
Thi ca tư tưởng bước kỳ ảo qua
Đọa đày một thuở ta bà
Nổi đau rức cháy thấy ta tột cùng.
Ôi! Giấc mơ Trường Sơn rưng
Rúng hồn tim máu chợt bùng vỡ mơ
Kính thiên động địa sững sờ
Đâu chân diên mục của Thơ với Thiên?"*
Đôi Mắt Tuệ Sỹ:
*"Nư long Tượng mắt mở trũng sáng rục
Một hôm găm sấm dậy khắp nhân gian
Lâm chấn động cả sơn hà đại địa
Rền ngân vang tận rú thẳm non ngàn.
Đôi mắt ấy cháy ngời xanh ánh lửa
Thieu rụi tàn ngàn bóng tối vô minh
Vô lượng quang sáng bùng lên trí tuệ
Đại Bi tâm hàm dung chứa bao tình..."*

(Trên Đỉnh Tịch Nhiên. Chùm thơ của Tâm Nhiên kính tặng Thầy Tuệ Sỹ. Thư Viện Hoa Sen)

Nhà thơ Bùi Giáng: Ông rất thân quen với quý Thầy ở Vạn Hạnh và Già Lam. Sau năm 75 nhà thơ Bùi Giáng dắt một đàn chó đi rong chơi ngoài đường. Có người nói: "Giờ Bùi Giáng không chơi được với người nên chơi với chó." Trên người của ông, nào áo rách, quần dợt, nào dây nẹp, lon Coca nước ngọt đeo mang đủ chỗ. Buổi sáng ngủ nơi vỉa hè Vạn Hạnh, buổi chiều ngủ trên chiếc ghế dượt gốc cây vú sữa nơi sân Già Lam. Trong túi của nhà thơ lúc nào cũng có một xấp giấy lộn, một cây bút chì, gia tài sự nghiệp chừng ấy. Có ai dám nghĩ đây là một nhà thơ lớn của thế kỷ không? Nhưng thật sự là một nhà thơ lớn của cuối thế kỷ hai mươi. Trong bài viết "Bùi

Giáng nổi giận trong sân chùa:" "Những" "ngày tháng ngao du" đây đó, Bùi Giáng thường đứng chân ở các ngôi chùa và quen biết đàm đạo với rất nhiều vị Thiền Sư, Tăng Ni, Cư Sĩ cũng như các nhà nghiên cứu Phật học ở Sài Gòn..."

Chừng ấy đủ biết Bùi Giáng là một nhà nghiên cứu Phật học uyên thâm, một nhà trí thức tầm cỡ, dưới mái viện Đại Học Vạn Hạnh, một thời với Phạm Công Thiện, Lê Mạnh Thát, Tuệ Sỹ, Trí Hải... Nhà thơ Bùi Giáng đọc bài thơ "Không để" (sau này người ta đặt là *Khung Trời Hội Cũ*) đủ khiến ông khiếp vía mất ăn mất ngủ.

*"Đôi mắt ướm tuổi vàng khung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đời hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn."*

"Mới nghe bốn câu thôi, tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cả cõi dạ." Nhà thơ viết tiếp: "Tôi hoảng vía để nghị: Đại Sư nên gác bỏ viết sách đi. Và làm thơ tiếp nhiều cho. Nếu không thì nên thi ca viết mất đi một thiên tài quá lớn." Cuối cùng nhà thơ Bùi Giáng kết một câu mà câu nói này đã đi vào lòng người, đi vào linh vực ngôn ngữ thi ca, đi vào sự bình luận, lý giải của không biết bao nhiêu bút mực những tâm hồn yêu thơ, mến mộ Thầy. Nhà thơ Bùi Giáng nói: "Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ Đường Thi Trung Hoa tới siêu thực Tây Phương." (Bùi Giáng viết về thơ Tuệ Sỹ. 1969.)

Triết Gia Phạm Công Thiện: người đồng sự với Thầy. Triết gia Pháp danh Nguyên Tấn, còn Thầy là Nguyên Chúng, cả hai đều là đệ tử của Ôn Già Lam (Đài lão Hòa thượng Thích Trí Thủ).

Qua bài thơ:
*"Ta làm kẻ rong chơi từ hỏn độn
Treo gót hài trên mái tóc vào thu
Ngồi đếm mộng đi qua từng đợt lá..."*
để đến những câu sau:
*"Này đêm rộng như khe rừng cửa biển
Hai bàn tay vén lại tóc xa xưa."*
và câu cuối của bài thơ:
*"Ngày mai né ta chờ mi một chuyện
Hai bàn tay vén lại tóc xa xưa."*

Triết gia ngừng lại: "Tất nhiên tôi phải ngạc nhiên... tôi không bao giờ thấy Tuệ Sỹ có tóc (chỉ sau ngày Cộng Sản nhất tù thì tóc mới mọc lên.) Thầy tu không có tóc lại làm thơ với hình ảnh trữ tình lặp đi lặp lại hai lần... Thơ thì cứ gọi tóc của thơ... có thể tạm chẻ sợi tóc ra làm tư và gọi là "tóc của tục đế, thế đế" theo tinh thần của Long Thọ. "Chân đế hay đệ nhất nghĩa đế thì phải cần đến tục đế hay thế đế, vì Niết Bàn không khác mây may nào cả với luận hồi." Cách hạ văn cuối rất rộng rãi (...ừ, ồ, ơ, iễn, ịnh) chữ "này" bắt đầu câu thơ để gọi. Thơ là gọi; gọi tên, hay đúng hơn gọi sự có mặt, gọi sự hiện diện. Thơ thường khi cũng gọi sự vắng mặt, làm cho sự vắng mặt được có mặt. Đêm là sự vắng mặt của ban ngày... chỉ có thể nói rằng thơ của Tuệ Sỹ đáng được chúng ta đọc đi đọc lại nhiều lần... một người làm thơ đáng cho ta đọc giữa "sống chết với điều tàn vỡ vĩnh" để cho chúng ta còn có được "một buổi sáng nghe chim trời đối giọng"... thơ Tuệ Sỹ chính là tiếng thơ đối giọng của một loài chim đi từ cõi xa xưa của vô biên tế kiếp trong lòng sâu thẳm của tính mệnh quê hương." (Nguyên Tấn Phạm Công Thiện: Một buổi sáng đọc thơ Tuệ Sỹ. California, ngày 18 tháng 11, 1988.)

IV. Thầy Là Nhà Phiên Dịch Đại Tạng Kinh Hàn Lâm:

Nói đến sự phiên dịch Đại Tạng Kinh của Phật Giáo Việt Nam là điều cực kỳ quan trọng; quan trọng như hơi thở của con người. Nhờ có không khí mà con người cũng như tất cả sinh động vật trên trái đất mới có sự sống còn, bằng không là bị huỷ diệt.

Tam Tạng Kinh, Luật, Luận là hơi thở của Đạo Phật Việt Nam, cũng như Đạo Phật các dân tộc trên thế giới. Các dân tộc đó như: Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Tây Tạng, Mông Cổ, Thái Lan... tất cả đều có Đại Tạng Kinh bằng tiếng mẹ đẻ của chính họ, có nghĩa Đại Tạng Kinh đã được chuyển dịch thành ngôn ngữ của quê hương, dân tộc đó. Họ hít thở không khí Phật Pháp, lời vàng từ kim khẩu của Phật bằng chính lỗ mũi của họ, bằng chính không khí của họ mà không cần vay mượn lỗ mũi của ai hay không khí của ai. Họ tự hào rằng Kinh Phật, lời Phật, giáo lý Phật đã biến thành chất liệu sống, là lương thực, thực phẩm, cơm ăn, nước uống của chính họ, mà không cần nhập khẩu từ nơi đâu. Họ đọc kinh, luật, luận, bằng ngôn ngữ của họ. Họ tụng kinh bằng ngôn ngữ của họ, họ nghiên cứu lời Phật dạy để thăng hoa đời sống thánh thiện cho chính họ, hay tu tập hành trì một pháp môn tu chứng, thành bậc Thánh giả bằng ngôn ngữ của họ. Nhờ vậy mà con em của Phật tử mỗi khi giờ kinh ra tụng là chúng hiểu ngay, hiểu liền, hiểu lập tức ý bài kinh ấy nói gì để chúng thực hành theo mà không cần phải khó khăn, ngăn ngại gì cả. Đây chính là công đức ngàn đời của chư vị học giả, chư vị Tôn túc, các bậc đại Tri Thức và Phật tử hộ pháp để từ đó các quốc gia Phật giáo ấy đã sở hữu một Đại Tạng Kinh bằng ngôn ngữ, tiếng nói của chính dân tộc mình.

Dịch Đại Tạng Kinh là một việc làm kỳ vĩ, tối quan trọng trên dòng chảy của Phật Giáo Việt Nam 2000 năm qua. Dòng chảy ấy có thể có những sự kiện và biến cố của đất nước, chủ quan hay khách quan; tiêu cực hay tích cực làm ngăn ngại cho việc phiên dịch Đại Tạng Kinh này. Nói như thế, không có nghĩa rằng các quốc gia, dân tộc trên không có những chướng ngại, biến cố trong lòng quốc gia dân tộc họ. Lắm khi họ còn phải đối đầu nhiều thế lực ngoại xâm, nhiều sự huỷ diệt, tàn khốc đến với họ, nhưng nhờ sự khắc phục trên ý thức tự tồn và phát huy Phật Pháp, mà họ đã hoàn thành Đại Tạng Kinh cho chính họ, đây là niềm tự hào và vinh dự cho chính những đất nước này. Tiêu biểu như Mông Cổ: "Thế kỷ 20 Mông Cổ chịu nhiều đau khổ vì chiến tranh, xung đột chính trị từ các cường quốc bên ngoài, sau Trung Quốc (1912), Nhật Bản đánh chiếm vào Manchuria vào năm 1931, và sau thế chiến thứ hai vào năm 1945, Hồng quân của Liên Xô bắt đầu cuộc giải phóng cho Mông Cổ. Và từ đó trở đi, với chính sách không khoan nhượng tôn giáo của chính quyền Xô Viết, có 20 ngàn Tăng Ni và Cư Sĩ Phật tử trí thức bị giết, 40 nghìn người khác bị tổng giam, thanh thiếu niên dưới 18 tuổi không được xuất gia, hơn 800 tự viện bị phá huỷ hoàn toàn trên khắp

Mông Cổ." (Phật giáo tại Mông Cổ. Thời kỳ suy đồi của Phật Giáo Mông Cổ. Phật Giáo Khắp Thế Giới. Thích Nguyên Tạng. Trang Nhà Quảng Đức.)

Sự thịnh vượng hay suy đồi trên dòng lịch sử của quê hương, dân tộc nào cũng có. Sau sự suy đồi thì đến giai đoạn phục hưng, rồi phát triển... nhưng điều quan trọng là chúng ta có chịu khó suy tư, nghiền ngẫm; chịu khó đặt vấn đề là phải làm gì, hay không làm gì, để ngày tháng chóng trôi qua, rồi mấy ngàn năm đi nữa thì tay hoàn trắng tay, viên ngọc trong chéo áo nhưng nghèo vẫn nghèo, đói khổ vẫn đói khổ, làm thân cùng tử xin ăn.

Mỗi quốc gia dân tộc trên thế giới đều có mỗi lịch sử khác nhau, không lịch sử nào giống lịch sử nào. Mỗi địa dư, dân tộc tính; mỗi thể đứng, địa bàn trên thế giới có sự liên hệ khác nhau, do vậy mà những sự kiện lịch sử cũng khác nhau. Tại sao cũng đồng là Phật giáo - Từ, Bi, Hỷ, Xả có đủ. Có Giới, Định, Tuệ. Có Văn, Tư, Tu. Có Tứ Thánh Đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo... Ấy vậy mà Phật giáo Ấn Độ bị tiêu diệt bởi quân Hồi giáo vào thế kỷ thứ 11, 12? Phật Giáo Miến Điện lại nghèo đói. Phật giáo Mông Cổ bị

chiến tranh. Phật giáo Tây Tạng bị cướp quyền dân tộc... mà nhân danh một thầy tu phải sống lưu vong? Nhưng rồi những quốc gia dân tộc ấy họ đã hoàn thành Phật sự bởi chính ý thức của họ. Ý thức giữ vững tiềm năng sống của Phật Pháp, Ý thức phát triển niềm tin yêu đời sống tâm linh. Ý thức hy sinh thân mạng mình để bảo tồn Đạo Pháp, mà các Thầy tu Tây Tạng đã đốt mình làm ngọn đuốc đi ngoài đường để nói cho thế giới biết rằng hãy tôn trọng tính chủ quyền quốc gia, dân tộc; tính Đạo Pháp tín ngưỡng.

Phật Giáo Việt Nam là một trong những dân tộc đó. Bồ Tát Thích Quảng Đức và Chư Thánh Tử Đạo đã hy hiến thân mạng bằng những ngọn đuốc thiêng Từ Bi, Hùng lực, vô úy... và chắc chắn rằng thế hệ tử tôn hôm nay phải noi gương các bậc Tiên bối Tổ tiên để tiếp tục làm sáng dòng chảy của Lịch Đại Tổ Sư; dòng chảy của Phật Giáo Việt Nam trường tồn.

Chúng ta lần lượt gở từng trang lịch sử của các quốc gia Phật Giáo, nơi đó họ đã làm gì cho công trình văn hóa ngàn đời - công trình văn hóa giác ngộ. Công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh, mà hiện giờ chúng ta đang thi thiết. Tiêu biểu nhà phiên dịch vĩ đại Cưu Ma La Thập: "Kinh điển mà suốt cả một đời Tổ Sư La Thập phiên dịch có hơn 70 bộ, 348 quyển, sự cống hiến của ngài trước cả Pháp Sư Huyền Trang, được xưng tụng là hàng "Thái Sơn Bắc Đẩu" của ngành phiên dịch. Toàn bộ kinh, luật, luận mà Ngài đã dịch chẳng những không làm mất ý chính, mà còn giữ được ý thú ngữ điệu của nguyên bản."

Chúng ta đọc sử liệu nghe Ngài Cưu Ma La Thập nói trong khi dịch Đại Tạng Kinh: "Những lời dịch Đại Tạng Kinh này chắc chắn đúng như thật lời Phật nói, không hề sai sót một chữ, một nghĩa nào, nếu đúng như tâm nguyện này, thì khi chết đem nhục thân hòa thiêu, La Thập này sẽ để lại xá lợi lười làm bằng chúng." Quả đúng như vậy, Xá lợi lười của ngài:



"Sau khi trà tỳ thỉnh xá lợi về chùa La Thập ở Vũ Uy Xây tháp cúng dường, hiện nay tháp Xá Lợi lười của Tổ Sư Cưu Ma La Thập vẫn còn." (Theo Đường Trào Bi Ký. Chùa Cưu Ma La Thập: Nơi phát huy giáo điển, hoằng Pháp, dịch kinh đầu tiên của Phật Giáo Trung Quốc.)

Dịch kinh Phật đúng như lời Phật, chuyết văn chứng nghĩa đúng như lời Phật là một công đức lớn, công đức này để lại hàng ngàn năm sau cho hậu thế lấy đó làm cương lĩnh, giềng mối mà tu tập, nếu có ai chứng quả Thánh thì chính đó là nhờ ở người dịch kinh, để trở tâm nguyên, chí thành, chí thiết vào lời kinh đã trở thành kim cương bất hoại, như xá lợi lười của Ngài Cưu Ma La Thập vậy.

Chúng ta hãy xem dịch trường của Ngài Cưu Ma La Thập như thế nào: *"...đón được Ngài La Thập về Tân, tôn làm Quốc Sư, dành riêng vườn Tiêu Dao làm đạo tràng dịch kinh cho Ngài La Thập. Người tham dự đạo tràng dịch kinh có khi lên đến cả ba ngàn người. Những vị hữu danh là Tăng Triệu, Tăng Duệ, Đạo Sanh, Đạo Dung, thường được xưng tụng là "Thập môn tứ kiệt - Bốn tay kiệt hiệt dưới trướng Ngài La Thập."* (Đạo Tân Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập. Trích từ Kinh A Di Đà Hợp Giải.)

Huyền Trang Tam Tạng Pháp Sư: Ngài được người đời xưng tán dưới mọi hình thức. Từ cuộc hành trình thỉnh kinh kinh khổ, bi hùng... một người một ngựa băng qua sa mạc Gobi phía tây Trung Hoa để vào các dãy núi trùng điệp, cao vút đầy yêu tinh như sự mô tả của Tây Du Ký - Ngô Thừa Ân mà lạnh xương sống, mà chọng cả mặt mày. Cuộc hành trình này nhà văn Nguyễn Hiến Lê nói: *"Vô tiền khoáng hậu của nhân loại."*

Rồi suốt thời gian tham cứu học hỏi Phật Pháp tại Ấn Độ cũng gian khổ. Nhưng sự gian khổ này đã biến thành chí nguyện sắc đá, vững như tường đồng, chắc như kim cương để hiến dâng cho Phật Pháp. Sự hiến dâng này là phiên dịch Đại Tạng Kinh, làm quốc bảo của Phật Giáo Trung Hoa. *"Ngài Huyền Trang là nhà phiên dịch thành công nhất. Hội dịch kinh Huyền Trang phát triển thành cỗ hệ thống và tổ chức... với sự hỗ trợ và chi viện của triều đình. Ngài Huyền Trang làm chủ tịch, bên dưới có lập các khoa như hội đồng chứng nghĩa, trau chuốt lời văn, đối chiếu Phạn văn, viết bản thảo đều do các nhân tài ưu tú của Phật giáo đương thời đảm trách."* Dưới trướng của Tam Tạng Pháp Sư có Ngài Khuy Cơ trách tuyền, mà người đời gọi Ngài là *"Pháp Sư ba xe"* và *"Bách Bốn Luân Sư."* Ngài Khuy Cơ đã đóng một vai trò tối quan trọng nơi dịch trường của Huyền Trang Tam Tạng Pháp Sư. Cho đến ngày Sư Phụ thị tịch - Huyền Trang, Ngài ôm mền chiếu cất một am tranh nơi tháp của Sư Phụ mà cư tang suốt ba năm.

Một vài nét về sự sinh hoạt nơi dịch trường của chư vị Tam Tạng Pháp Sư của Trung Hoa thời đó, họ có đủ một thời gian bình lặng, thái hòa, họ có đủ sự giúp đỡ cố gắng của vua quan triều đình, họ có đủ nhân tài, hộ pháp của Phật tử. Nói chung là có tổ chức trong ngoài đầy đủ, nhân lực, tài lực, vật lực và còn nguyện lực nữa, nhờ vậy mà công việc phiên dịch Đại Tạng Kinh được thành tựu tốt đẹp, mà cho đến hôm nay Phật Giáo Việt Nam vẫn còn liên hệ một cách mật thiết và lập cước trên Hán Tạng để dịch sang Việt Ngữ - Đại Tạng Kinh Phật Giáo Việt Nam.

Công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh lâm thời, do Thầy làm chủ tịch. Thầy hình thành cơ cấu tổ chức, thỉnh mời nhân sự, Chư Tăng Ni, Phật tử, các bậc

Thức giả, cùng công tác trong Hội Đồng Hoằng Pháp, Hội Đồng Phiên Dịch Lâm Thời. Thầy là chim hồng, chim Hạc xòe đôi cánh dẫn đầu đàn con. Giống La Thập, Huyền Trang, có vậy mới hoàn thành được công trình phiên dịch. Giờ không còn Thầy biết làm sao đây? Dĩ nhiên chúng con đã được Thầy sắp xếp, ai làm gì, quý Thầy Cô, Phật tử mỗi người một việc, nhưng con thấy khó quá Thầy ơi! Ai có khả năng và điều kiện trí tuệ như Thầy, để dịch Đại Tạng Kinh mang tính Hán Lâm như Thầy? Đọc vào Thanh Văn Tạng vừa ấn hành, ai cũng thấy được khả năng ngôn ngữ chú thích của Thầy là vô tận, mà hiện thời chẳng có ai thay thế được. Trung Hoa thời cự dịch chỉ có một Tổ Sư Cưu Ma La Thập. Thời tân dịch chỉ có một Huyền Trang Tam Tạng Pháp Sư. Và hôm nay đầu thế kỷ 21 chỉ có một Tuệ Sỹ. Dưới trướng của Tổ Sư Cưu Ma La Thập thì có Tăng Triệu, Tăng Duệ... Dưới trướng của Huyền Trang Tam Tạng Pháp Sư thì có Ngài Khuy Cơ... còn dưới trướng của Thầy thì có ai? Có Chư Tăng Ni, Cư Sĩ Phật tử, có các giới thức giả, đại thí chủ để giúp việc mà hoàn thành Phật sự trọng đại này. Mong lắm thay!

Trong những ngày qua, sau khi Thầy an tường xả bỏ bảo thân, đã không biết bao nhiêu bài viết xưng tán công hạnh, sự nghiệp của Thầy một đời phụng sự cho Đạo. Thầy đã để lại cho đời một gia tài như là một ngân khố văn học, văn hóa sáng ngời trên dòng chảy của Phật Giáo Việt Nam. Nào là viện ngọc quý, nào là Tam Tạng Pháp Sư, nào là Đạo Sĩ hùng tráng như Sư Tử Chúa - Đại Trí và thông dong tự tại như Tượng Vương - Đại Hạnh. Nhưng bạch Thầy! Con biết Thầy đâu thích nghe những lời xưng tụng như vậy, mà Thầy chỉ thích nghe tiếng dương cầm u huyền, thanh thốt đưa hồn vào cõi vô tung. Thầy chỉ thích làm thơ để tặng đời như những bóng nắng in trên vách hiên chùa mà nghe lời kinh siêu độ chiều nay. Thầy chỉ thích ngồi đợi Đại Tạng để dịch, để chú thích... Người viết đến đây chợt nhìn qua Tựa của Huyền Thoại Duy ma Cật mà Thầy đã viết. Thầy viết ra sao? Ra như thế này: *"...cảm giác của tôi từ ấn tượng mong manh của ngôi chùa vẫn như vậy. Chợt cảm hứng tôi viết tặng chùa hai câu đối, dù biết rằng nhà chùa sẽ ngần ngại không sẵn sàng khắc lên cổng để cho khách thập phương thưởng thức:*

*Vượt Trường Sơn Nghìn Dặm Bắc Nam, Nhìn Nắng Động Sơn Chùa, Khách Có Biết Mấy Lần Dầu Biển?
Ngắm Sông Bạc Một Màu Chung Thủy, Lăng Ông Ngàn Đầu Cỏ, Người Không Hay Một Tạng Vô Vi.*

Hai câu đối bằng tiếng Việt hay như thế mà *"nhà chùa sẽ ngần ngại, không sẵn sàng khắc lên cổng"*. Họ sợ Thầy đến như thế sao? Hay sợ ai? Con có nhớ mà thuộc lòng hai câu đối của Thầy nơi chánh điện Chùa Long Sơn Tỉnh Hội Nha Trang từ thuở đó:

*Thập Phương Điều Ngự Phi Khứ Phi Lai, Hùng Hùng Sư Tử Tần Thân, Đạp Xuất Sơn Hà Tịnh Tuý.
Tam Thế Truyền Đăng Bất Sanh Bất Diệt, Cũ Cũ Tượng Vương Hồi Cổ, Phát Khai Nhật Nguyệt Tranh Quang.*

Sở học Hán văn của Thầy siêu đẳng, vì vậy nên chấp bút dịch Đại Tạng Kinh là sở trường của Thầy. Con thi ca gào còi của các thi hào, thi bá Trung Hoa: Đỗ Phủ, Đào Tiềm, Giả Đảo, Khuất Nguyên, Vương Bột, Lý Bạch, Tô Đông Pha... thời đó như là những người bạn thâm giao trên diễn đàn văn học Hán ngữ, nên Thầy đã làm thơ trong tập *Ngục Trung Mỹ Ngữ, Thiên Lý Độc Hành*, toàn là Hán văn thâm áo. Còn Giấc Mơ Trường Sơn. Điệp Khúc Cho Dương Cầm,

cũng chẳng khác. Từ những âm hưởng giao thoa Hán Việt mà ý thơ bay bổng tuyệt cùng. Một tác phẩm "Tô Đông Pha Những Phương Trời Viễn Mộng" là một thực chứng nghiệm sở tác Hán Thi của Thầy. Thâm nho hơn cả các cụ đồ. Thâm nho của một tư tưởng hoàng viễn, tít mù, xa xăm chìm đắm trong triết lý Phật Pháp. Thầy đã cho Chùa Phật Đà một câu đối. Đó là:

**Phật Như Tĩnh Hải Nhất Vị Đồng Nguyên Sơ
Loan Bào Ảnh Phù Trầm Sinh Diệt Hà Tăng
Xuất Một**

**Đà La Ni Môn Thiên Trùng Tế Ngữ Lục Kinh
Sương Đài Tĩnh Mặc Viên Âm Na Xứ Đoan
Thường.**

Kính lạy Giác Linh Thầy! Đà là Hải Triều Âm, dựng sóng kết thành mây năm sắc là tàng, là long hầu Thầy về chốn Lạc Bang.

Hành Trang Và Sự Nghiệp Vượt Thời Gian Của Thầy, những mong tất cả hàng hậu học chúng ta hôm nay hãy tập chú, gia tâm mà nghiên tâm học hỏi. Ai có khả năng nào thì làm bằng khả năng ấy. Viết lại những băng tape đã được ghi âm thầy giảng dạy để tập thành những tác phẩm cho đời, cho đạo. Những dịch phẩm, tác phẩm của Thầy còn trong bản thảo thì hãy đánh máy hoàn chỉnh để in ấn, nếu không làm thì sẽ bị mai một. Đây là cách trả ơn Thầy trong muôn một. Hãy thi thiết những lời Thầy nói và hãy nghe những điều Thầy nhắn nhủ. Nghe rồi áp dụng vào đời sống của tự thân làm lợi ích cho Đạo, cho đời, ấy là giá trị đền ơn thiết thực. Như lời Thầy nói: "Tổ giáo nghiêm, vô khả nại hà."

Hành Trang Và Sự Nghiệp Vượt Thời Gian Của Thầy, không ai có thể nói hết, viết hết, đem ngôn ngữ của trần gian là hữu hạn để nói cái vô tung không cùng thì quả thật là trò đùa, là mộng, là huyền, là bắt bóng trăng dưới đáy nước - Tích môn. Còn vầng trăng lồng lộng giữa trời thì nào có ai nắm tới - Bản Môn. Phương tiện tích môn mà Thầy có mặt nơi này, chốn kia, có đến, có đi, có làm, có nghĩ... có còn, có mất... Có đủ mọi thứ hình hài. Nhưng bấy giờ Thầy là vầng trăng sáng lồng lộng giữa trời - Bản Môn. Dù cho mây che, gió lồng, đất lở trời nghiêng, thì vầng trăng sáng giữa bầu thái hư vẫn như nhiên bất động, ấy là tự tính của hữu vi, vô vi. Tục đế, chơn đế, Giác Linh Thầy cao đẳng thượng phẩm, hồi nhập ta bà, phân thân hóa độ, lợi lạc chúng sinh.

Một giọt nước cam lồ. Hai giọt nước cam lồ. Ba giọt nước cam lồ rơi xuống đọng lại trên trang kinh của Thầy mới dịch, rồi bốc thành khói hương Giới. Khói hương Định. Khói hương Tuệ. Khói hương Giải Thoát. Khói hương Giải Thoát Tri Kiến cúng dường ngày tuần chung thất của Thầy trên đỉnh Lăng Già đầy tinh thể trắng sao.

*Thành kính cúng dường ngày tuần chung
thất Đạo Sư Tuệ Sỹ.*

San Diego, California- USA
ngày 12 tháng 12 năm 2023

Kính lễ
Con, **Thích Nguyên Siêu**



CÓ MỘT MÙA XUÂN

*Có hay đâu,
Mùa xuân đang đến!
Khi ta còn dong ruổi gió sương
Bước thời gian trôi về muôn bên,
Bóng chiều xa khuất nẻo quê hương.*

*Ta đâu có hay
Mùa xuân đến!
Màu sắc, thanh âm rộn nẻo đời.
Chợt thấy bên đường màu cỏ biếc,
Cành Mai trước ngõ nở vàng tươi.*

*Hoa Đào, hoa Cúc, hoa Lan, nữa...
Mở hội vườn xuân muôn sắc màu.
Nghe cả quanh ta bao rộn rã,
Những lời chúc tụng cho mai sau.*

*Nhưng không
Dù có bao nhiêu nữa,
Hương sắc ngàn hoa đẹp bấy ngàn!
Nếu như một chút hương hoa cỏ
Cũng chuyên chở được cả mùa xuân!*

*Ta, với chiếc áo li năm tháng
Bạc màu sương gió theo thời gian.
Cánh chim vẫn lướt trời muôn hướng,
Mang cả tình xuân mỗi dặm ngàn!*

New Orleans (USA),
Những ngày cuối năm Quý Mão 2023

thơ **MẶC PHƯƠNG TỬ**

MỪNG MỘT TẾT CHA

Trần Hoàng Vy

VĂN HÓA / GIÁO DỤC

Không biết từ khi nào, mỗi khi xuân về, Tết đến, người Việt thường hay nhắc nhau về câu thành ngữ “Mừng 1 Tết cha, mừng 3 Tết thầy” và thường trân trọng gìn giữ cũng như duy trì và thực hành câu thành ngữ ấy...

Theo sách “Việt Nam phong tục,” xuất bản năm 1915, của Phan Kế Bính thì “Sáng mừng 1 Tết, người Việt thường hay làm cỗ cúng gia tiên... Cúng xong thì con cháu ra mừng tuổi ông bà, cha mẹ, lạy hai lạy. Ông bà cha mẹ mừng cho con cháu mỗi đứa một vài xu, hoặc một vài hào gọi là tiền mừng tuổi...”

Như vậy, ngày Tết, tức mừng 1, là ngày dành riêng cho gia đình, gia tộc, ngày ghi nhớ công ơn tổ tiên, ông bà và cha mẹ. Ngày của “nguồn cội”, “tổ tông”, tưởng nhớ thế hệ đi trước, có thể cách xa hàng trăm năm, và gần nhất là ông bà nội, ngoại, rồi cha mẹ, dòng tộc, anh em. Là ngày sum họp, cùng ăn bữa cơm đầu tiên trong năm, thăm hỏi và chúc sức khỏe người lớn tuổi, cụ thể là những người tại thế như ông bà, cha mẹ, rồi anh chị... Và đó cũng là ngày, ông bà, cha mẹ, anh chị ban phát “lộc” cho con cháu, em út. Thường là những phong bao màu đỏ, trong có bỏ những đồng tiền còn mới cứng, thơm mùi giấy mới...

Còn “Mừng 3 Tết thầy”, cũng theo sách “Việt Nam Phong tục,” thì ngày xưa, thầy giáo hay còn gọi là “thầy đồ,” đa số dạy học, là do “người có trình độ,” “thông thạo chữ nghĩa,” tự phát trong dòng tộc, hay được làng xã mời dạy, không “hưởng lương” của triều đình hay “chính phủ” như bây giờ, trừ các trường hợp là trường do triều đình lập ra. Học trò muốn đi học, kiếm bồng cau xin làm lễ “nhập môn,” và lạy thầy hai lạy. Khi đủ đủ học trò, thầy đồ chọn ngày lành tháng tốt làm lễ tế “Thành hiền” và mở lớp dạy học. Học trò, khi học “hết chữ” của thầy, thì ở lại phụ thầy, dạy tiếp lớp đàn em, hoặc tìm thầy có “nhiều chữ” hơn, hay đỗ đạt cao hơn mà tiếp tục “dùi mài kinh sử”, theo nghiệp bút nghiên. Vì thế, khi nhà thầy có việc, hay dịp lễ Tết, thì toàn bộ học trò phải có nghĩa vụ đóng góp lương thực, tiền bạc để hỗ trợ cho thầy, tùy theo tình nghĩa, sự hiếu hỷ mà khi cần gạo, cặp gà, lúc xấp vải, cân đường, v.v... lâu dần trở thành tục lệ “Tết thầy”, và người Việt đã khéo léo vận dụng, ngày “mừng 3” trong ba ngày Tết, để tổ chức thăm viếng, tặng quà cho thầy,

thể hiện tấm lòng “Tôn sư trọng đạo,” “Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy” của thế hệ cha ông lưu truyền lại. Đó cũng chính là “thu nhập” của thầy, do các phụ huynh học sinh gửi biếu...

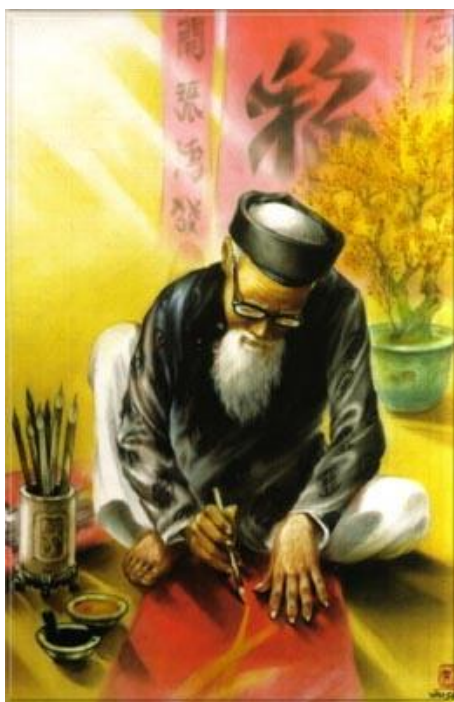
Thuở ấy, vào những năm đầu thập niên 60, của thế kỷ trước, lớp học trò lớp tiểu học đồng ấu chúng tôi, hay còn gọi là “lớp Năm, lớp Tư” (như lớp Một, lớp Hai bây giờ), cứ mỗi năm gần đến Tết, nhà trường cho nghỉ học từ sau ngày đưa ông Táo, tức 23 tháng Chạp, đến hết ngày mừng 7 Tết, tức sau lễ “Hạ nêu,” nhằm tính cũng nghỉ được... 14 ngày, sướng rơn, nên đứa nào cũng thích và mong cho mau đến... Tết! Cốt chủ yếu là có áo mới, được “tiền lì xì”, ăn... ngon và được vui chơi thỏa thích với các trò chơi mà ngày thường không thể có như... đi nhặt pháo lép, đốt pháo và chơi “bầu, cua, cá, cọp”!

Thời gian sau này, nghe đâu đó câu thành ngữ... cải biên như “Mừng 1 Tết cha, mừng 2 Tết mẹ, mừng 3 Tết thầy”, với chủ trương mừng 1 cúng giỗ, họp mặt bên nội, mừng 2 cúng giỗ, họp mặt bên ngoại, cho đề huề, và trọn câu “Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.” Có lẽ “người cải biên” cũng muốn nhấn mạnh đến ý nghĩa thâm sâu của tình “Mẫu tử”? Hai bên nội, ngoại đều được kính trọng như nhau, khẳng định ý nghĩa “Sống cha còn chú, sống mẹ

bú di” mà nhắc nhớ mọi người chẳng? Song suy cho cùng, chỉ cần một về “Mừng 1 Tết cha” cũng đã bao hàm đầy đủ ý nghĩa hai bên “song thân”, đều được kính trọng như nhau rồi!

“Mừng 3 Tết thầy” bây giờ, không chỉ trong ngày Tết, mà còn được mở rộng ra bằng các hình thức: “Về trường cũ, trường xưa,” “Họp lớp,” “Họp huynh đệ đồng môn”... vui thì cũng có vui, song nhiều khi cũng chạnh lòng không ít thầy cô, và những “đồng môn” có địa vị “thấp,” hay nghèo khó...

Việc nhắc nhớ “Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy”... không chỉ trong “ba ngày Tết” mà ở đâu, lúc nào cũng được người Việt nhắc nhở và dặn dò cháu con thực hiện. Tuy nhiên, Tết là ngày “lễ quan trọng” là truyền thống lâu đời của dân tộc; việc dành những giây phút linh thiêng, để cùng vui, cùng nhớ, để cùng “ôn cố tri tân” ầu cũng là việc đáng nên trân trọng.





CÂU ĐỐI CÚNG DƯỜNG: ĐẠI SƯ TUỆ SỸ

(1)

- Tuyết lãnh hạc gầy, nhả hạt linh đơn, chữ nghĩa ba ngàn dẫy ba đào bốn biển.
- Hằng giang nguyệt ẩn, khơi nguồn huyền thoại, kinh thư tám vạn nhoa cỗ lục năm châu.

(2)

- Tuệ ngọc ngời soi, ngoan thạch châu tuần, trí đức bàng hoàng trời Kinh viện.
- Giới châu ánh hiện, mây ngàn hội tụ, biện tài chất ngất đất Già lam.

(3)

- Tổ quốc bốn mươi kỷ tâm linh, rớt xuống trăm năm đấng tuệ tài kiệt xuất.
- Quê hương hai ngàn năm Phật giáo, vọng về thời đại bậc sĩ khí vô song.

(4)

- Hỡi gió Trường sơn, mặc khách về đâu, chỉ thấy trăng ngàn mơ huyền thoại.
- Gọi triều Đông hải, cô thuyền ẩn tích, nào hay vết nhận lần tầng không.

Tác giả: **TT THÍCH NGUYỄN HIỀN**

Vĩnh Minh Tự Viện, Đại Ninh, Lâm Đồng

BÁT CHÁNH ĐẠO

HT. Thích Đức Thắng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bát chánh đạo là hành pháp thứ bảy trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Hành pháp này là pháp môn thực tiễn, đại biểu, đặc trưng tối quan trọng cho những lời dạy của đức Đạo sư trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Pháp môn này là một phương pháp chính xác để hành giả hướng đến Niết-bàn giải thoát; là một con đường ngắn nhất đưa hành giả đến chỗ an vui tịch tĩnh; là con đường được Đạo sư nói ra lần đầu tiên sau khi Ngài thành Đạo tại vườn Nai cho năm anh em Kiều Trần Như, bạn tu của Ngài trước đó để tránh xa hai thái độ sống cực đoan giữa đau khổ (khổ hạnh) và khoái lạc (hạnh phúc), đưa hành giả đến con đường Trung đạo không vướng mắc hai bên.



Bát chánh đạo, tiếng Phạn gọi là *āryāṣṭāṅgikamārga*, là con đường chân chánh tám ngành đưa đến Niết-bàn giải thoát. Bát chánh đạo còn gọi là Bát Thánh đạo, Bát chi chánh đạo, Bát Thánh đạo phần, Bát đạo hành, Bát trực hành, Bát chánh, Bát đạo, Bát chi, Bát pháp, hay Bát lộ.

Bát chánh đạo gồm có tám chi sau:

Chánh kiến (skt: *samyag-drṣṭi*, pāli: *sammāditthi*): thấy đúng.

Chánh tư duy (skt: *Samyak-samkalpa*, pāli: *sammāsankappa*): suy nghĩ đúng.

Chánh ngữ (skt: *Samyag-vāc*, pāli: *sammāvāca*): nói đúng.

Chánh nghiệp (skt: *Samyak-karmānta*, pāli: *sammakammata*): làm việc đúng.

Chánh mạng (skt: *Samnyag-ājīva*, pāli: *sammāājīva*): sống đúng.

Chánh tinh tấn (skt: *Samyag-vyāyāma*, pāli: *sammāvāyāma*): siêng năng đúng.

Chánh niệm (skt: *Samyak-smṛti*, pāli: *sammāsatti*): nhớ đúng.

Chánh định (Samyak-samadhi, pāli: *sammāsamādhi*): tập trung đúng.

1. Chánh kiến, còn gọi là chánh đế, tức thấy khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời kia, có cha mẹ, có người chơn đến nơi thiện, bỏ bất thiện hướng thiện, nơi đời này, đời kia, tự giác tự chứng thành tựu. "*Khi nào vị Thánh đệ tử biết già chết, tập khởi của già chết, đoạn diệt của già chết và con đường đưa đến đoạn diệt già chết, này chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh kiến...*" (Kinh Chánh tri kiến, Trung bộ I, p. 49, HT. Minh Châu dịch) hay "*Khi một vị Thánh đệ tử biết được bất*

thiện và biết được căn bản của bất thiện, biết được thiện và căn bản của thiện, này chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này". (Kinh Chánh Tri Kiến, Trung Bộ I, tr. 47). Đó chính là sự thành tựu của nhân quả thế gian và xuất thế gian qua như thật tri kiến một

cách rõ ràng về sự hiện hữu và biến dịch của chúng theo duyên khởi mà hành giả có thể tư duy, nhận chân được tánh và tướng của tất cả mọi pháp trên thế gian này, đâu là pháp hữu lậu, đâu là pháp vô lậu. Đó gọi là chánh kiến.

Chánh kiến là chi được trình bày đầu tiên trong tám chi Bát chánh đạo thuộc phần tuệ học của ba vô lậu học, nhằm trang bị một sự nhận thức đúng về lối nhìn duyên khởi đối với mọi sự vật, không rơi vào cái nhìn méo mó sai lệch giữa có và không, giữa thường và đoạn của lối nhìn tà kiến, mà lúc nào cũng phải giữ một cái nhìn khách quan không thiên lệch bên này hay bên kia để vượt qua khỏi mọi vướng mắc hữu lậu, đạt chánh kiến vô lậu giải thoát như trong kinh *Đại Tứ Thập*, Trung bộ III, tr. 207 "*Phàm cái gì thuộc tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, đạo chi của một vị thành thực Thánh đạo A-la-hán, có vô lậu tâm, chánh kiến như vậy là chánh kiến vô lậu, siêu thế.*"

Lối nhìn này được mệnh danh là kiến giải trung đạo, vượt qua khỏi tà kiến chấp có, chấp không của thế gian. Nói chung, hành giả từ bỏ năm loại kiến giải không chánh kiến này: Một là tự chấp cho rằng thân này có ngã, nó luôn tồn tại không mất, đó gọi là thân kiến hay ngã kiến. Hai là cực đoan chấp chặt kiến giải một bên, như sau khi chúng ta mất sẽ tồn tại cái không mất, đó gọi là thường kiến hay hữu kiến, đối lập lại với quan niệm sau khi ta mất sẽ không còn nữa, đó gọi là đoạn kiến hay vô kiến. Nếu chúng ta chấp vào một trong hai quan điểm có-không này thì gọi là biên kiến. Ba là chấp nhận kiến giải cho rằng không có đạo lý nhân quả trên đời này, đó gọi là tà kiến. Bốn là chấp chặt vào những kiến giải sai lầm cho là đúng dẫn chân thật, đó gọi là kiến thủ kiến. Năm là cho rằng những giới luật cấm chế sai lầm không đưa đến con đường giải thoát của ngoại đạo nếu thực hành chúng thì sẽ đưa đến Niết-bàn giải thoát, đó gọi là giới cấm thủ kiến. Nếu hành giả xa lìa, không sống theo năm thứ kiến giải sai lầm lệch lạc này, mà trái lại thấy biết được một cách chắc chắn rằng: "*Biết được chánh kiến là chánh*

kiến, tà kiến là tà kiến. Biết được chánh ngữ và tà ngữ. Biết được chánh nghiệp và tà nghiệp. Biết được chánh mạng và tà mạng. Biết được chánh tinh tấn và tà tinh tấn. Biết được chánh niệm và tà niệm. Biết được chánh định và tà định.” (Kinh Đại Tứ Thập, Trung Bộ III, tr. 206 – 208, HT. Minh Châu dịch) thì đó gọi là thấy biết, nhận thức một cách chân chánh của hành giả về lối nhìn đưa đến con đường trung đạo giải thoát trong thực hành của hành giả.

Chánh kiến, theo *Đại Tỳ-bà-sa luận* 97, được phân ra làm hai loại:

Một là hữu lậu chánh kiến hay còn gọi là thế tục chánh kiến, tức chỉ cho ý thức luôn luôn tương ứng với thiện huệ hữu lậu. Vì chúng quan hệ với chấp thủ của hữu lậu nên phải chuyển hướng về đường thiện, chiêu cảm quả đực đáng vui của đời vị lai.

Hai là vô lậu chánh kiến, còn gọi là xuất thế gian chánh kiến, tức chỉ cho trí vô sinh hoàn toàn, không còn nhiếp giữ ý thức tương ứng với thiện huệ hữu lậu nữa, mà nó vượt qua khỏi chấp thủ về thiện hữu lậu chánh kiến.

2. Chánh tư duy, còn gọi là chánh chí, chánh phân biệt, chánh giác hay đế niệm, tức là không có dục giác, nhuế giác và hại giác. Đây là chi thứ hai trong Bát chánh đạo, tức là hành giả phải tư duy suy nghĩ về đạo lý chân thật để xa lìa tham dục, sân nhuế, hại niệm thuộc những cách tư duy tà vạy, thiếu chính xác, đưa hành giả đến con đường nuôi lớn tham, sân, si tạo nghiệp ba đường dữ, trói buộc trong sinh tử luân hồi. Ngược lại, hành giả phải luôn tư duy suy nghĩ về con đường giải thoát vô tham, vô sân, vô hại bằng cách không tư duy suy nghĩ đến chúng.

Cũng như chánh kiến, chánh tư duy có hai cách, đó là Chánh tư duy hữu lậu và Chánh tư duy vô lậu.

Hành giả cần phải áp dụng cách tư duy suy nghĩ để một mặt huấn tập báo nghiệp thiện cho ý về vô tham, vô sân, vô hại; mặt khác thực hành những điều mà hành giả đã tư duy về các pháp thiện lợi mình, lợi người (tạo nhân tái sinh) của ba nghiệp thân, khẩu và ý qua thể hiện thiện nhân đưa đến quả sanh y thiện theo nhân quả hữu lậu. Đó gọi là tư duy hữu lậu.

Hành giả tư duy với tâm vô lậu, tâm Thánh thì sự tư duy đó được gọi là Chánh tư duy vô lậu, ngược lại với tâm hữu lậu tư duy.

3. Chánh ngữ, còn gọi là chánh ngôn, đế ngữ, là chi thứ ba trong Bát chánh đạo. Chánh ngữ là những lời nói xa lìa lời nói hư dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt. Vì những lời nói này thường câu hữu với vô minh, sẽ đưa hành giả vào ba đường ác; ngược lại là những lời nói chân thật, lời nói hòa hợp lợi mình lợi người, lời nói nhẹ nhàng không thô ác nặng nề, lời nói không thêu dệt phù phiếm vì chúng câu hữu với phước báo nên thường đem lại an vui hạnh phúc. Nói chung, những lời nói nào mang lại lợi cho mình và lợi cho mọi người, chúng tạo nhân hướng thiện làm phước báo sanh y cho hành giả trong tương lai thì đó gọi là chánh ngữ. Trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* trước khi đức Phật nhập diệt, có vị đệ tử hỏi đức Phật:

“*Bạch Thế tôn, sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, người đời sau gặp nhiều sách vở ngoại đạo với kinh Phật không làm sao phân biệt. Vậy biết tin theo lời nào để tu? Phật bảo, không luận là lời nói của ai, miễn là lời ấy đúng sự thật, hợp chân lý thì cứ tin theo đó mà tu.*” Đó là chúng ta nói đến phước báo hữu lậu của chánh ngữ, ngoài ra nếu hành giả từ bỏ

bốn cách nói trên vượt qua luật nhân quả và câu hữu với vô tâm trong lời nói thì những lời nói này thuộc chánh ngữ vô lậu.

4. Chánh nghiệp, còn gọi là chánh hành, đế hành, là chi thứ tư trong Bát chánh đạo, chỉ cho những hành động, tạo tác chân chánh (tác nhân thiện nghiệp); tức chỉ thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh. Đó là sự xa lìa sát sinh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối... nói chung là hành giả sống từ ý nghĩ, tạo tác hành động, lời nói luôn luôn xa lìa mọi thứ tà vọng thì gọi đó là chánh nghiệp.

Theo kinh *Bát chánh đạo* thì không thấy như thật, không tư duy như thật, không nói như thật, đời sống không như thật, tinh cần không như thật, hành động không như thật, ý nhớ không như thật, tập trung không như thật gọi là bát đạo tà hành. Ngược lại tâm điều tà hành này thì gọi là chánh hành, hay chánh nghiệp. Hành giả tạo nhân nghiệp thiện hữu lậu cho phước báo sanh y trong tương lai thì đó gọi là chánh nghiệp hữu lậu.

Theo *Du-già Sư Địa luận* 64 thì có ba loại chánh nghiệp (hành): Chánh hành đối với Phật bảo, hành giả nên cúng dường thừa sự. Chánh hành đối với Pháp bảo, hành giả nên lấy Du-già làm phương tiện tu tập. Chánh hành đối Tăng bảo, hành giả nên tu tập cùng thọ tài-pháp thí. Theo *Đại thừa Trang nghiêm luận* 12 thì dùng sáu Ba-la-mật: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ (Bát-nhã) làm chánh hành. Theo *Biên trung biên luận* quyển hạ, lấy mười Ba-la-mật làm hành tướng mà phân biệt thành sáu loại chánh hành: Tối thắng, tác ý, tùy pháp, ly nhị biên, sai biệt, vô sai biệt làm chánh hành. Theo *Pháp hoa huyền tán* 8 thì lấy việc thọ trì phẩm *Pháp sư* trong kinh *Pháp Hoa* 4 như: đọc, tụng, giảng nói, viết kinh và cúng dường làm chánh nghiệp của sáu loại pháp sư.

Tông Tịnh độ cũng lấy việc đọc tụng, quán sát, lễ bái, xưng danh và tán thán cúng dường đức Phật Di-đà làm năm chánh hành của hành giả tu theo Tịnh độ. Còn Mật giáo thì đối với những hành nghiệp tu tập sau những gia hành đều gọi là chánh nghiệp. Nói chung, tất cả mọi hành động của chúng ta từ lời nói đến việc làm và trong ý nghĩ nếu chúng câu hữu với nhân quả thiện đưa đến giải thoát thì tất cả những hành động ấy đều gọi là chánh nghiệp thuộc hữu lậu hay là vô lậu cả.

5. Chánh mạng, còn gọi là đế thọ, chánh mạng đạo chi, là chi thứ năm trong Bát chánh đạo, là chỉ cho cách sống của hành giả, phương pháp



sanh nhai hằng ngày mang lại cơm no áo ấm, thuốc thang, và những nhu cầu cần thiết cho cuộc sống trong gia đình. Là hành giả tu tập theo chánh pháp của Phật thì trước hết phải thanh tịnh hóa ý nghiệp trong từng ý nghĩ bằng cách không nghĩ đến những điều ác hại mình, hại người, mà phải có những ý nghĩ đem lại lợi ích vui vẻ cho chính mình và cho mọi người chung quanh, gần nhất là những người thân trong gia đình, xa hơn nữa là xã hội; kể đến là thanh tịnh thân nghiệp, khẩu nghiệp của mình bằng những việc làm và những lời nói trong công việc khi giao thiệp. Hành giả phải tránh xa mọi công việc làm đưa đến hại mình, hại người như học nghề chú thuật, bói toán... để lường gạt kẻ khác, mà ngược lại hành giả phải sống đúng với chánh pháp, nghĩa là chúng ta phải lựa chọn những nghề nghiệp nào mang lại mọi lợi ích an vui cho mình, cho người thì chúng ta chọn nghề đó để sống. Đó gọi là nghề nghiệp sinh sống chánh đáng của một hành giả thực hành chánh pháp của đức Phật.

6. Chánh tinh tấn, còn gọi là chánh phương tiện, chánh trí, để pháp, để trí, là chi thứ sáu trong Bát chánh đạo. Chánh tinh tấn chỉ cho mọi sự nỗ lực siêng năng tinh cần mà hành giả cần phải hạ quyết tâm phát nguyện trong lúc tu tập để thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý trong bốn việc chỉ ác hành thiện: pháp ác nào đã phát sinh hãy nhanh chóng trừ diệt chúng, pháp ác nào chưa phát sinh thì nỗ lực ngăn chặn chúng không cho khởi sinh; pháp thiện nào chưa phát sinh hãy nhanh chóng làm cho chúng phát sinh, pháp thiện nào đã sinh tiếp tục làm cho chúng tăng trưởng hơn lên. Nghĩa là lúc nào hành giả cũng tìm cầu phương pháp siêng năng nỗ lực tinh cần trong việc đề phòng, ngăn ngừa những điều phi pháp có thể xảy ra, cùng nỗ lực chặn đứng những việc ác đã lỡ phát sinh (phòng phi chỉ ác) qua hai việc hại mình, hại người, và luôn luôn siêng năng tinh tấn trong việc hành thiện qua hai việc thiện lợi mình, lợi người như trên chúng tôi đã trình bày. Sự siêng năng đúng ở đây chúng cũng được quan niệm như là pháp Tứ chánh cần mà trước đây chúng tôi đã đề cập qua.

7. Chánh niệm, còn gọi là để ý, là chi thứ bảy trong Bát chánh đạo, dùng cộng tướng của bốn pháp: thân, thọ, tâm và pháp mà quán. Đây là một hình thức khác của Tứ niệm xứ, điều mà chúng tôi cũng đã đề cập đến trước đây. Ở đây, chúng tôi cũng xin đề cập vào tất một chút. Là hành giả, chúng ta luôn luôn nhớ nghĩ về tánh tướng của tất cả các pháp một cách như thật mà không để lãng quên mất. Chúng ta có thể phân chánh niệm ra hai loại:

Nhớ nghĩ đúng về pháp hữu lậu thế gian, tức là hành giả chúng ta luôn nhớ nghĩ về những thiện niệm, tác ý tương ứng với pháp hữu lậu.

Nhớ nghĩ đúng về pháp vô lậu xuất thế gian, tức là hành giả chúng ta nương vào chánh kiến vô lậu mà thường tư duy suy nghĩ như thật về mọi đối tượng, với sự tác ý tương ứng với pháp vô lậu với những ý niệm ghi nhớ rõ ràng không bao giờ quên.

Đó là hai cách nhớ nghĩ chân chánh, đúng chánh pháp về thiện và thiện giải thoát dành cho hành giả trong khi tu tập chánh niệm.

8. Chánh định, còn gọi là để định, là chi thứ tám của Bát chánh đạo. Mục đích của chi này là giúp hành giả xa lìa pháp dục ác bất thiện, thành tựu bốn pháp thiền: sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

Theo kinh *Đại Tứ Thập*, Trung Bộ III, tr. 206 -

208, HT. Minh Châu dịch, đức Phật dạy: "*Thế nào là Thánh chánh định với các cận duyên và tư trợ? Chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Nay các Tỷ-kheo, phạm có nhứt tâm nào được tư trợ với bảy chi phần này, như vậy, gọi là Thánh chánh định cùng với các cận duyên và tư trợ*". Sự thành tựu chánh định của các bậc hữu học như đức Phật đã dạy là phải cấu hữu với bảy chi trên làm trợ duyên trong lúc tu tập mới mong đạt đến kết quả. Trong khi đó, đạo quả giải thoát của các vị A-la-hán lại gồm có mười chi như kinh Trung bộ III sđd tr. 221 giải thích: "*Do có chánh kiến, chánh tư duy khởi lên; do có chánh tư duy, chánh ngữ khởi lên; do có chánh ngữ, chánh nghiệp khởi lên; do có chánh nghiệp, chánh mạng khởi lên; do có chánh mạng, chánh tinh tấn khởi lên; do có chánh tinh tấn, chánh niệm khởi lên; do có chánh niệm, chánh định khởi lên; do có chánh định, chánh trí khởi lên; do có chánh trí, chánh giải thoát khởi lên. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, đạo lộ của vị hữu học gồm có tám chi phần, và đạo lộ của vị A-la-hán gồm có mười chi phần*". Do đó, sự hiện hữu có được của chánh định chính là sự hiện hữu của chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, hay nói đúng hơn tất cả đều có trong nhau qua duyên khởi. Và ở đây nếu đứng về mặt thời gian nhân quả phân đoạn mà nói thì tám chi phần này theo thứ tự làm duyên cho nhau để đưa đến đạt bốn thiền định, còn đứng về mặt sát-na sinh diệt không thời gian mà nói thì chúng hiện hữu ở trong nhau. Về mặt nhân quả thời gian thì chánh kiến thuộc chi phần quan trọng chủ yếu trong Bát chánh đạo để đưa về chánh định.

Chánh định ở đây chúng tôi chỉ đề cập giới hạn theo chủ đề của Bát chánh đạo, nên định ở đây định nghĩa cũng theo ý nghĩa chủ đề chưa mang tính phổ quát và rộng hơn.

Tóm lại, Bát chánh đạo là tám chi nhánh cần và đủ để hành giả từ đó có thể mượn chúng làm con đường đưa đến giải thoát khổ đau. Bát chánh đạo là con thuyền để nhờ vào đó mà hành giả vượt qua khỏi bờ bên này, tức là bờ đau khổ sang bờ bên kia, tức bờ giác ngộ giải thoát.

Trong Bát chánh đạo, chúng ta nhận thấy có sự liên hệ mật thiết giữa hành pháp thứ tám này cùng với sáu hành pháp trợ đạo khác (Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần - CP). Sự có mặt trong nhau qua sự phối hợp sau đây sẽ giúp hành giả có cái nhìn tổng quát và hiểu rõ một cách cơ bản về sự liên hệ này:

- Chánh niệm trong Bát chánh đạo chính là ý nghĩa nội dung của Tứ Niệm xứ (trụ); cũng chính là niệm căn, niệm lực của Ngũ căn-Ngũ lực; cũng là niệm giác chi của bảy Giác chi; và là tâm thần túc của Tứ thần túc.

- Chánh tinh tấn chính là ý nghĩa nội dung của Tứ Chánh cần; cũng chính là tinh tấn thần túc của Tứ thần túc.

- Chánh tư duy là trạch pháp giác chi; cũng chính là quán thần túc của Tứ thần túc.

- Chánh kiến là tuệ căn, tuệ lực.

- Chánh định là hỷ, khinh an, định, xả giác chi.

Chính vì sự quan hệ này nên Bát chánh đạo được đức Đạo sư gọi là pháp trợ đạo là con đường trung đạo đưa hành giả thoát khỏi khổ để chứng đắc Niết-bàn an lạc, giải thoát.

LỄ CHÙA NGÀY TẾT

Ngày Tết em đi lễ chùa
Ngày vừa bước qua năm mới
Còn vang tiếng pháo giao thừa
Hương xuân nồng nàn bay tới

Hoa đào lung linh trong gió
Nhang trầm phảng phất đầu dây
Đường sương thơm mùi hoa cỏ
Chuông chùa vắng vắng bên tai

Nhẹ nhàng nhón chân em bước
Thành tâm quỳ trước Phật đài
Khẽ khàng đầu năm hái lộc
Lòng mơ biển rộng sông dài

Xuân như bông hoa biết hát
Suối nguồn tưới mát cỏ cây
Mai này xin gieo quả ngọt
Từ những nén trầm hôm nay.

CÁNH CHIM MÙA XUÂN

Thả một nhành xuân
Trên làn sóng biếc
Lung linh nắng hồng
Cỏ thơm tuom mát.

Tiếng đàn diều dật
Nhịp sóng dâng tràn
Hạt mưa nhẹ phất
Lòng nghe xôn xang.

Tình xuân qua ngõ
Hoa cài tóc ai
Lòng tôi cứ ngỡ
Nắng trốn trên vai.

Ngang qua phố cũ
Vòm lá sáng nay
Mùa xuân lảng động
Trên cánh chim bay.

Mai vàng rực rỡ
Màu nắng phương Nam
Em ơi có biết
Mạch xuân dâng tràn.

CHẠM VÀO THÁNG GIÊNG

Hình như tay chạm tháng giêng
Sao nghe có tiếng thuyền quỳên vẫy mòi
Đổi hồn chi – khúc đồng ơ
Mang đi giá rét về nơi cuối trời.

Hình như chạm phải tiếng cười
Hoa mơ trắng nở núi đồi triền xa
Suối nguồn ngọt nước ngân nga
Sông dài mấy ngả để ta yêu người.

Hình như chạm phải bàn tay
Trong hơi thở mượt đời hoài lần khân
Nghe từng lá cỏ thì thầm
Em mùa hoa nở trắng rằm giêng hai.

Hình như phố nhớ bước ai
Thơm hương tóc lược trầm cài ngày xuân
Theo người qua bến sông xanh
Long đong sóng vỗ mìnng quanh nôi hồng.

ĐÊM PHÁO HOA

Nở giữa trời đêm
Muôn hồng nghìn tía
Ngỡ chốn thần tiên
Lạc miền cổ tích.

Những cánh hoa rơi
Tựa ngàn tinh tú
Lung linh bầu trời
Sắc màu bung nụ

Lấp lánh ánh sao
Đì đùng tia chớp
Thời gian ngừng trôi
Tiếng cười hạnh phúc.

Đêm thật diệu huyền
Đẹp hơn tranh vẽ
Năm mới vừa sang
Ngập tràn khát vọng.

Thơm mùi bánh chưng
Đã nghe hương Tết
Bên bếp lửa hồng
Chuyện xưa mẹ kể.



thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH

Hương Xuân

NS. THÍCH NỮ HẠNH ĐOAN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Xuân về, những chậu hoa trong vườn tôi nở rộ, tỏa ngát hương. Xuân mang không khí hân hoan bủa khắp, cây lá thay áo mới, mặt người hớn hở, không còn nét lạnh lùng mùa Đông, nóng nảy của mùa Hạ hay vẻ đìu hiu của mùa Thu.

Không phải xuân về tôi mới cảm nhận được nét tươi bừng tươi tắn, mà vào thời điểm trước khi bầu cử làng xã, có dịp đi ngang qua các ủy ban, nhìn bằng rộn treo rực sắc màu, từng ánh mắt nụ cười của người ứng cử chứa đầy vẻ thân thiện, tử tế, vị tha... khiến tôi không nhận được phải buột miệng nói với chị Phượng:

- Thiệt giống như khí xuân, ấm áp, chan hòa tình người...

Chị tôi mỉm cười bảo:

- Ủ, trước ngày bầu cử là vậy, ra đây cảm giác rất thích, cứ như ai cũng mở lòng, dang tay đón mình...

- Phải chỉ lúc nào mình cũng đối với nhau được như thế này, cho dù không phải Tết, hả chị?

Đó là ước mơ bất chợt, là những lời băng quơ tôi tùy tiện nói ra. Đối với xuân, người ta luôn trân trọng, giữ gìn, nhất là vào những ngày đầu năm được xem là thời khắc thiêng liêng: khai bút vào giao thừa, mong người tốt tới xông đất...

Nói năng, hành sự mỗi đều giữ gìn, vì ta sợ xui xẻo quanh năm. Không hẹn mà chúng ta cùng làm giống nhau, cùng dọn gương mặt tươi roi rói, cực kỳ hoan hỷ để nghênh xuân. Ít ai dám nói lời xấu, mở miệng toàn là chúc lành, mời nhau những món ngon, cùng viếng thăm thể hiện mối tương giao thăm thiết. Ta cùng có và nhận những cái tốt, không biết có may mắn suốt năm không?

Nhưng ít ra ta hưởng trọn niềm vui như Tết, cười nhiều, tươi tắn nhiều, mọi héo sầu, ủ ê, phiền bức được cất hết, được nén lại, để... xài trong mấy mùa kia.

Có người phàn nàn: Tết nhứt bày đặt chúc tới chúc lui, toàn là nói những lời rỗng gạt nhau, chỉ tổ mất thời giờ, có ích gì đâu!

Không biết lời chúc có thành sự thật hay không, nhưng nó là lời lành chính hiệu, là mong ước hiển thiện người ta dành tặng nhau, có thể theo tập tục xuân, có thể theo phép xã giao xưa bày nay làm, song với tôi đó là tấm lòng thành của người nói, là ngôn ngữ tối thiện đặc biệt chỉ mùa Xuân mới có.

Tôi nhớ trong chuyện cổ, ngài Xá Lợi Phất có lần đi trên đường gặp một phụ nữ sinh khó, ngài đã chúc lành bằng cách hồi hướng tất cả phước báu do những việc thiện mình từng gieo đến sản phụ, mong



NS. THÍCH NỮ HẠNH ĐOAN
(1959—2023)

bà sinh dễ, mẹ tròn con vuông. Kết quả hiện y như lời ngài.

Phật từng dạy, ai đời đời không vọng ngữ, chúc người điều gì, sẽ thành sự thật. Đó là uy lực của đức không nói dối. Vậy thì tôi sẽ chờ... chờ người và tôi cùng tích góp. Tích góp từng ngày không nói dối, từng đời không nói dối, cho đến khi đủ để chiêu cảm quả lành... dù từ mộng mơ đến hiện thực khoảng cách rất xa, có khi như trời với đất. Khó, nhưng không có nghĩa là không thể.

Đây là cõi nhân gian, không phải là chỗ "Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ", không phải là chỗ chúng ta họp lại hưởng phúc, bởi lòng chúng ta còn đầy phiền não, cư xử còn nhiều bất toàn vì không làm chủ được thân tâm. Phật và chư Thánh đến cõi nhân gian vì bi nguyện cứu khổ, độ sinh. Còn ta đến cõi này vì nghiệp dẫn dắt.

Khi may mắn tới, ta toét miệng cười và khóc sưng mắt lúc xui xẻo bủa giăng. Ta luôn ở thế bị động không bao giờ làm chủ, vì không làm chủ nên đời sống ta ít hạnh phúc. Mà hạnh phúc thế gian chỉ là tạm có - nó luôn nằm trong giới hạn, hệ hưởng quá mức là biến thành khổ ngay. (Món ăn ngon mà nuốt mãi cũng thành cục hình. Ngủ mãi cũng thành lừ đừ trì độn v.v...).

Vì vậy Phật dạy ta thực hành giáo pháp của Ngài để tập làm chủ, để diệt khổ. Phật luôn nhắc ta có bản tâm sáng lầu lầu, trọn lành như Phật, vì nó bị vùi lấp trong vô minh và rác rưởi tật xấu nên không phát huy diệu dụng. Muốn lấy được ngọc, thì phải dọn sạch mớ rác rưởi kia, điều kiện đầu tiên trong giáo pháp Ngài là bắt buộc ta phải sống thiện, dứt ác. Đây là nền tảng, là căn bản nhập môn.

Ta đã nghe đến nhàm nên không lưu tâm, ta thuộc lòng như cháo nhưng không thực hành. Ta quên bống rằng là Phật tử, thì không được quyền gây tổn thương cho người trong cả lời nói, ý nghĩ... Có lần tôi suýt á khẩu vì câu hỏi đơn giản:

- Má con hay đi chùa. Vì sao đi chùa mà vẫn không hết chửi? Càng đi càng chửi nhiều?

Tôi làm một màn điều tra, quả tình bà có chửi nhiều thật. Song không phải tại đi chùa nhiều, mà tại tật tánh ngày càng tăng theo tuổi tác.

Điều này không ngoại lệ đâu, nếu ta không để ý, không kiểm soát mình từng ngày, không tập thẳng bớt tật xấu thì bảo đảm nó càng sinh sôi tăng trưởng đến bất trị, vì càng cao tuổi, các cơ quan trong ta càng lão suy, các "đây thẳng" đều bị mòn lờn.

Bằng chứng là thứ mẫu tôi, bản chất bà rất hiền dịu thuần phác. Lúc tuổi gần 60, bà trúng gió một

trận nặng, ba tôi phải chích lễ cấp cứu mới giải nguy kịp thời. Khi tôi về thăm, ngỡ ngàng nhìn dung nhan bà biến đổi thì ba tôi nói:

- Bây giờ đỡ nhiều lắm rồi! Lúc đó bà méo mồm lệch mắt trông xấu tệ!

Thứ mẫu than với tôi:

- Lúc này tao kỳ quá, mỗi lần cười là thẳng không được, hôm qua có chuyện vui, tao cười mãi, bé Xí (đứa cháu mới lên năm) nói "Bà ngoại cười riết giống khùng quá" nhưng mà tao ngưng không được.

Tôi an ủi:

- Không sao đâu má! Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ mà! Má không nghe nói cười nhiều lần trong ngày làm giảm trầm uất, trị táo bón, ngăn ung thư dạ dày, ruột... đó sao.

- Hôm qua tao đi bác sĩ, ông hỏi tao bớt bệnh chưa? Tao trả lời: - Bớt! Nhưng mà còn nói nhiều quá! Ông cười, đưa tay đầu hàng. Bây giờ làm sao đây?

Thứ mẫu tôi rất ít tật song bà vẫn âu lo và nhận ra "cái thẳng không ăn" của tuổi già. Bà hay ở chỗ - phát hiện được mình "kỳ". Tôi thì lo rằng chúng ta sẽ không phát hiện được mình "kỳ", không nhận ra kịp thời khi mình thịnh nộ, không thấy rõ mình đang sân nhiều quá, nói lời tổn thương người nhiều quá... mà những thói tật lúc trẻ nếu không thẳng kịp, già sẽ trầm trọng và trở thành nan y. Ta làm khổ mình (vì chứa nhiều thói xấu) rồi ta hành khổ lây đến người chung quanh. Điều bất hạnh nhất của ta là sống mà lòng đầy thói tật, sống mà không có lòng từ bi, sống mà không bao giờ thấy được lỗi của mình.

Hồi nhỏ tuổi, tôi dễ nhịn, dễ hiền. Nhưng khi lớn lên, có chút quyền với lũ nhóc, tôi bắt đầu khó khăn. Tôi hay bắt bẻ (viên cố là khó cho chúng nên) nhưng e tôi thì ngược lại. Khi tôi la, tôi muốn các em phải cúi đầu nghe, phải nhẩn nhịn giỏi. Nhưng bản thân tôi thì không nhẩn nhịn giỏi, không chịu được lời phạt ý trái tai. Đúng lý ra, hễ càng làm lớn, tôi càng phải nhịn giỏi và ít tham, sân, si... hơn. Người mới tu có thể đèo theo nhiều tánh tật - vì họ mới, sơ cơ, chưa bỏ kịp. Còn người cũ tu - thâm niên - thì bắt buộc tật phải rơi rụng dần cho đến sạch trơn, cỏ vậy mới không tủi thẹn khi nhận mình là đồ đệ Phật môn.

Phật là người đã hoàn thiện, nhân cách toàn mỹ. Chúng ta chưa thành Phật, song vẫn có thể học theo Ngài. Phật chẳng hề nóng nảy chửi rủa, chẳng hề nói xấu nói lén ai. Chúng ta vào chùa mà không thực hiện được những lời dạy căn bản nhất của Ngài thì thật đáng buồn.

Mỗi mùa Xuân qua, mong rằng tánh tật trong ta ngày càng ít đi, rác rưởi trong tâm ta sớm được dọn sạch, để trí tuệ và lòng từ của giác tâm luôn tỏa sáng, phả hương xuân ngào ngạt, bất kể thời tiết nào.



BAO GIỜ CHẠM NỤ TÂM XUÂN

*Có ai thấy nụ tâm xuân?
Tìm hoài trong đêm mộng寐
Như lời cổ tích thâm thì
Nụ tâm xuân xinh biêng biếc.*

*Một thời đi tìm mãi miết
Đánh mất cả tuổi thanh xuân
Lên đèo lội suối chập chùng
Con đường xa tít trâm luân.*

*Bóng chiều rơi vàng thẫm thẫm
Tiếng chuông chầm chầm ngân vang
Lời kinh câu theo gió thoảng
Nghe buồn đọng giọt sầu đông.*

*Tìm mãi tay vẫn trống không
Chỉ thấy cúc vàng nở muôn
Vườn hoa nhà ai sắc tím
Lục bình tím lịm trên sông.*

*Chạnh lòng trở gót băng khuâng
Trên cành một đóa phù dung
Nửa đời áo nhuộm phong trần
Bao giờ chạm nụ tâm xuân.*

thơ

LÂM BĂNG PHƯƠNG

02/01/2023



VÔ MINH

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Kính thưa Anh Chị Em (ACE) Lam Viên thương mến,

Hôm nay Nhóm Áo Lam (NAL) xin kể ACE nghe chuyện về những người bạn đạo của bà Vi-sa-kha.

Như chúng ta đã biết, bà Visakha là một đại thí chủ của đức Thế tôn và Tăng đoàn của ngài. Nhà giàu có, bà xây chùa Đông viên để cúng dường Ni đoàn. Bà rất nổi tiếng và được dân chúng tin phục nên có nhiều gia đình cho vợ con đi theo bà, làm bạn đạo với bà để noi theo gương đức hạnh của bà.

Vào một dịp lễ lớn nhân vắng mặt bà Visakha, các bà bạn đạo lấy rượu còn dư của các ông chồng đem ra cùng nhau uống say sưa. Đến khi tỉnh lại họ xin bà Visakha đưa họ tới chùa Kỳ viên để đánh lễ Phật và để nghe Pháp. Lúc ra đi, họ giấu nhiều chai rượu nhỏ trong áo, lén lút uống dọc đường, xong rồi quảng chai đi. Tới cổng chùa họ đã say mèm, khoa tay múa chân... miệng hát nhảm nhí... Bà Visakha thỉnh đức Phật giảng Pháp cho họ nghe.

Đức Phật nhìn thấy quang cảnh như vậy biết ngay bọn đàn bà đang bị ma men khuấy rối. Ngài dùng sức thần thông tắt hết đèn đuốc trong phòng. Một vùng tối đen bao trùm tất cả... bọn đàn bà ngạc nhiên, ngỡ ngác sợ hãi, tỉnh cả rượu. Bấy giờ ngài mới phóng một đạo hào quang sáng chói, rọi chiếu khắp nơi. Đã tỉnh táo lại, các bà đạo hữu mới quỳ xuống đánh lễ đức Thế tôn. Đức Phật bảo họ:

"Này các tín nữ, các bà chẳng nên uống nhiều

rượu đến nỗi say sưa rồi lại vào chùa trong tư cách thật đáng hổ thẹn như thế. Các bà đã bị ma men làm cho mất trí, múa hát, cười cợt, hò hét om sòm như bọn người điên! Hãy mau thức tỉnh lại."

Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau:

*"Có chi vui sướng đâu mà cười giỡn
Lửa hồng đang thiêu đốt thể gian
Bị màn đêm bao phủ tối đen
Sao chẳng tìm theo ánh sáng ngọn đèn!"*
(Kinh Pháp Cú, kệ thứ 146)

Thưa Anh Chị Em,

Lửa gì đang thiêu đốt thể gian? - Xin thưa, là lửa đam mê, say đắm, thúc đẩy người ta vào vòng tội lỗi vì khi say đắm thì không còn trí thông minh.

Màn đêm tối đen là bóng tối của vô minh, ngu muội.

Ánh sáng ngọn đèn là ánh sáng của ngọn đèn Trí tuệ.

Cho nên muốn vâng lời Đức Phật "Tự thắp đuốc lên mà đi" thì trước hết trí óc phải sáng suốt, rồi thân tâm định tĩnh thanh tịnh... mới thực tập chánh niệm để thắp lên ngọn đèn trí tuệ được.

Thương mến kính chúc ACE sáu thời đều an lành.

Trân trọng,

NAL



THƠ NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

GIÁC MƠ ĐÓA SEN XANH

Nốt nhạc vừa reo bàn tay vừa nắm
Là mùa xuân vừa đặt bước chân
Tung tóe trên đường tia những nắng

Bỏ lại xác ngày hôn đêm ma mị
Tiếng xích buồn. Cười khóc nhân gian
Về lại chiêm bao mùi hương cổ lý

Bỏ lại bóng ma cuối cùng trong kẹt cửa
Địa ngục không bao giờ mở nữa
Đường trẻ thơ tập bước tập đi

Chiếc lá non trong ngực vút bay
Từng nhịp đỏ ngát ngáy những gió
Phía chân trời đang mọc nghìn tay

Nở bát ngát hào quang tin cậy
Ngày nắng lạ như lần đầu mới thấy
Lá từng đàn reo biếc câu kinh

Gọi rất khẽ mà trong veo tiếng cuội
Bây cỏ xanh nao nức rủ nhau đi
Lòng đất ấm ngọt bụi bao dong ruổi

Xin về cùng. Và nắm tay nhau
Trái tim non là mầm hoa. Kết trái
Nhịp tâm kinh lòng lộng. Xưa sau

Một chắm vô cùng nở đóa sen xanh
Thắm chút nữa mâu hoa diệu mẫn
Thêm chan hòa cội rễ khai sinh



TRÒ CHƠI CON TRẺ

1.
Một chút thôi, cho hẹn thề
Không ghim đầu, giữa bốn bề gió bay
Chớp mi thôi, một cầm tay
Ngân ngơ nắm lại cái dây như không
Trời buồn con sáo sang sông...

Gió buồn lay ngọn tâm vòng
Mơ rằng có, thực rằng không. Rằng bù
Trò chơi con trẻ thực hư
Loay hoay con rối cộng trừ nhân sinh
Ở kia trời đất bập bênh...

Vỗ tay tàn cuộc mộng mênh
Nghe dâu xanh thở nổi nênh phận người
Sinh khóc tử khóc như cười
Vút cao trái bóng, cõi đời mây bay
Thưa người, ngọn gió ngát ngáy...

2.
Thưa rằng ngọn gió trót vay
Thì xin trả sợi tóc này về theo
Mưa đi nguồn đỏ chất chiu
Biển xa hạt muối cũng liều. Giác mơ
Trái tim từ bấy đến giờ...

Thực hư cắt bắt tóc tơ
Trò chơi con trẻ đâu ngờ. Xưa sau
Sông trôi nước chảy qua cầu
Bao nhiêu sương khói. Để màu trời xanh?
Trời xanh đất cũng thiên thanh...

Giật mình đêm trôi quá nhanh
Tình con mộng đã ngọn ngành tai nghe
Thơm mùi cỏ tích cháo kê
Ô, trần gian.
Một hẹn thề chưa xong
Gió ơi, lay ngọn tâm vòng...

TÌM HIỂU “TÂM” TRONG ĐẠO PHẬT

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Con người được mô tả gồm hai phần: Thể xác và tinh thần. Theo thuật ngữ Phật học thì thể xác tức thân thể con người gọi là “Sắc”, còn tinh thần là “Danh” tức là tâm. Thân là vật chất, có thể nhìn thấy và sờ mó được, nhưng tâm thì không. Vậy tâm ở đâu trong cơ thể con người? Người xưa cho rằng tâm chính là quả tim. Ngày nay khoa học cho rằng tâm phát xuất từ bộ não, là nơi mà hệ thần kinh trung tâm hoạt động chi phối toàn thân. Người ta phân biệt tâm có ba cơ chế, đó là tâm tư duy, tính toán, lý luận, tâm này thường nhớ nghĩ về chuyện quá khứ, nên tương ứng với Ý Căn trong nhà Phật, tiếng Pàli là “Mano”. Tâm phán đoán, về với những hình ảnh ở tương lai, nằm cạnh Ý Căn, gọi là Trí Năng, tiếng Pàli là “Citta”. Cả hai Ý Căn và Trí Năng nằm ở phía trước vỏ bán cầu não trái. Còn tâm nhận thức phân biệt là Ý thức nằm ở phía trước vỏ bán cầu não phải, tiếng Pàli là “Vijnana”. Phân chia là như vậy, nhưng khi nói đến một, tức là nói đến cả ba, gọi chung là Tâm.

Hỏi Tâm là gì, làm sao thấy được Tâm, thì được các học giả giải thích tâm là sự suy nghĩ, phán đoán, nghi ngờ, thất vọng, buồn phiền, thương yêu, nhưng nhớ, ganh ghét v.v... Những yếu tố tinh thần thuộc trừu tượng vừa kể không thấy được, nhưng người ta có thể cảm nhận tâm qua hành động, lời nói của cơ thể mà biết có tâm hiện diện.

Thí dụ một người đang lúc giận dữ. Giọng nói cộc cằn, to tiếng, có khi chửi bới nặng nề đối phương. Hành động thô lỗ, đánh đập, quậy phá đồ đạc trước mặt v.v... Tùy theo mức độ của hành vi và lời nói, mà chúng ta thấy được tâm người đó đang sân giận nhiều hay ít. Cùng là một người, nhưng âm hưởng của lời nói nhẹ nhàng, cử chỉ dịu dàng đoan trang, ánh mắt nhu mì hiền lành v.v... Hình ảnh này biểu lộ tâm người đó ở trong trạng thái quân bình, an lạc.

Như vậy, tuy chúng ta không thấy tâm, nhưng rõ ràng tâm là ông chủ chỉ huy, tạo tác cả một đời người. Nó làm cho đời sống con người có lúc hạnh phúc, có lúc phiền não.

Trong thời gian qua, đã có rất nhiều nhà Tâm lý học, các nhà triết học, các nhà nghiên cứu về tôn giáo đã từng đưa ra nhiều bình luận về tâm. Trong bài viết này, chúng ta chỉ tìm hiểu khái quát về tâm trong phạm vi Phật học để áp dụng vào đời sống tu tập hướng đến giác ngộ giải thoát mà thôi!

I. HIỂU “TÂM” THEO PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Là một vị đại giác ngộ, đức Phật Thích Ca nhận ra đời người ai cũng khổ. Khổ là một chân lý. Hễ có thân là có khổ, mà khổ do đâu sanh? Đó là do tâm con người sanh ra. Muốn diệt khổ, trước hết chúng ta phải tìm hiểu khi nào tâm giúp con người được an lạc hạnh phúc, khi nào tâm khiến con người ưu phiền sầu não. Nghĩa là phải tìm hiểu tâm là gì và

dụng của tâm ra làm sao?

Kinh Pháp Cú (Dhammapada), Phẩm Song Yếu, Đức Phật xác nhận tâm là ông chủ, tâm chỉ huy, tạo tác hành động của con người. Nếu con người hành động nói năng theo sự chỉ huy xấu xa của tâm thì sự khổ sẽ theo nghiệp xấu đến với người ấy như bánh xe lăn theo chân con vật kéo, không tránh né vào đâu được. Ngược lại nếu nói năng hay hành động với tâm thanh tịnh thì người đó được vui vẻ hạnh phúc như bóng theo hình. Đoạn văn đó như sau:

“1. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo.

“2. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm thanh tịnh, sự vui vẻ sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình”. (hết trích)

Như vậy, chỉ một tâm mà có nhiều trạng thái khác nhau, tự trung xếp thành hai loại. Tâm gây đau khổ, trong nhà Phật ví tâm đó là hồ nước đục, là tâm ô nhiễm, là tâm của kẻ phạm phu. Tâm giúp an lạc hạnh phúc cho con người, trong nhà Phật ví tâm này như hồ nước trong, là tâm thanh tịnh của bậc thánh.

Theo đạo Phật, con người là một hợp thể của năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, gọi chung là Danh Sắc. Sắc là vật chất nên không có cái biết. Cái Biết theo Phật giáo Nguyên Thủy do đức Phật thuyết là cái biết của Tâm, tức cái biết của Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “Biết” trong đạo Phật gọi là “Thức”. Thức là sự biết, sự nhận thức phân biệt của sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần sẽ phát sinh các thức như: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Khi các căn tiếp xúc với các trần có cái biết, có cái nhận thức, thì đó là cái tâm biết, còn gọi là **tâm thức**. Khi nào tâm suy nghĩ, toan tính thì đó là **tâm hành**. Khi tưởng nhớ quá khứ hoặc tưởng tượng hình ảnh nào đó ở tương lai thì đó là **tâm tưởng**. Khi cảm giác vui buồn sướng khổ xuất hiện, đó là **tâm xúc cảm**. Tâm xúc cảm có hai loại: Nóng lạnh hay thân thể đau nhức thì gọi là **thân thọ**, khi vui buồn, sướng khổ thì đó là **tình cảm** hay **tâm thọ**. Bốn cái biết của Thọ, Tưởng, Hành, Thức này chính là Tâm, hay đúng hơn đó là 4 công năng của Tâm.

II. HIỂU “TÂM” THEO A-TỠ-ĐÀM (VI-DIỆU-PHÁP)

Theo Tạng luận A-tỳ-đàm (Abhidhama), hay Vi-diệu pháp, định nghĩa tâm là sự biết, hay nhận thức biết về trần cảnh (đối tượng). Sự nhận thức này đơn thuần là cái biết, không phân biệt tốt xấu, ưa hay không ưa. Khi có so sánh, phân biệt tốt hay xấu, là đã có tự ngã xen vào.

Đặc biệt của Vi-diệu-pháp là nói về lộ trình

tâm, tức sự diễn tiến của một dòng tâm sinh diệt. Theo Vi-diệu-pháp thì tâm con người là dòng tâm thức hay luồng tâm thức có tất cả 89 tâm vương và 52 tâm sở, nối tiếp nhau khởi lên rồi diệt. Có 4 thứ tâm được xếp loại tùy theo cõi giới, đó là tâm dục giới, tâm sắc giới, tâm vô sắc giới và tâm siêu thế, tức là tâm vượt ra ngoài tam giới.

Vi-diệu-pháp phân tích tâm rất chi ly phức tạp trên hai phương diện Vật lý và Tâm lý của con người, được gọi là Tâm lý học Phật giáo, cho nên với bài viết ngắn này không thể trình bày đầy đủ theo mô hình A-tỳ-đàm, mà chủ yếu chỉ giới thiệu phớt qua trên bề mặt, đó là nói đến việc nhận biết tâm, công dụng của tâm là cái biết của con người mà thôi!

III. HIỂU "TÂM" THEO QUAN NIỆM CỦA DUY THỨC HỌC

Duy Thức hay Duy Tâm cũng là một môn Tâm lý học của Phật giáo, nhưng thuộc Đại thừa, xuất hiện vào khoảng 9 năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Lúc đó ở Bắc Ấn có 2 anh em Bà-la-môn tên là Vô Trước và Thế Thân xuất gia đắc quả A-la-hán. Theo truyền thuyết, ngài Vô Trước dùng thần thông lên cung Trời Đâu-Suất để nghe Bồ-tát Di-Lặc giảng dạy về Duy thức. Ban đêm đi nghe, ban ngày giảng lại cho đại chúng. Người em là Thế Thân, ban đầu tu theo Tiểu thừa, sau nghe lời khuyên của anh, chuyển sang Đại thừa. Ngài là tác giả của các bộ luận về Duy Thức như: Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận, Duy Thức Nhị Thập Tụng, Duy Thức Tam Thập Tụng. Hai ngài Vô Trước và Thế Thân được xem như là Sơ tổ của Duy Thức tông ở Ấn Độ.



Vào khoảng thế kỷ thứ 7 Tây lịch, đời nhà Đường bên Trung Hoa có Tam Tạng pháp sư Trần Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh, và thọ giáo môn Duy thức với ngài Giới Hiền tại Tu viện Nalanda. Trở về Trung Hoa, ngài truyền bá môn Duy thức và trước tác 2 bộ luận Thành Duy Thức và Bát Thức Quy Củ Tụng. Ngài Huyền Trang được xem là Sơ tổ Duy Thức tông Trung Hoa.

Duy Thức học chia tâm ra thành 8 tâm vương và 51 tâm sở. Chữ tâm ở đây cũng đồng nghĩa với chữ thức. Tám tâm vương là tám dạng biết của tâm gồm 8 thức: Nhận thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt-na thức, A-lại-da thức. Sáu thức đầu từ Nhận thức tới Ý thức là cái biết của 6 căn.

Duy thức phân biệt Ý căn là một cơ năng hay giác quan, do đó Ý căn còn có tên là Mạt-na thức. Ý thức nương vào Ý căn mà phát sinh. Ý căn nương vào A-lại-da thức là thức căn bản để phát sinh. Khi hình ảnh qua 6 cửa sổ giác quan thì phát sinh ra lục thức. Riêng cái cửa sổ Ý căn được xem như là một thức, tức Mạt-na thức. Tìm hiểu một chút về A-lại Da, Ý căn và Ý thức theo Duy Thức tông:

1. A-lại-da thức còn gọi là **tàng thức** có 3 nghĩa:

a) Năng tàng : Gọi năng tàng vì Thức này như là một cái kho chứa đựng và gìn giữ chủng tử của các pháp không phân biệt thiện ác.

b) Sở tàng: Thức này bị ảnh hưởng vương mắc bởi chính những chủng tử được chứa trong nó.

c) Ngã ái chấp tàng: Bị thức thứ 7 là Mạt-na bám víu và chấp là ta tức ngã. Nó làm nền tảng cho 7 thức kia phát sinh nên còn được gọi là **căn bản thức**, nó rộng lớn tiềm ẩn sâu xa và chứa đựng tất cả chủng tử nghiệp trong dòng tâm thức. Tính chất của nó là vô phú vô ký, không thiện cũng không ác, nhưng lại chứa đủ cả hai loại chủng tử thiện và ác. Ngày nào nó còn chứa những chủng tử ô nhiễm phiền não thì nó còn bị Mạt-na chấp là ngã. Khi nào tất cả chủng tử trở thành thanh tịnh thì nó được gọi là Bạch tịnh thức hay Đại viên cảnh trí. Nói cách khác nó trở thành Như lai tạng, là Phật hay Pháp thân.

Theo Duy Thức, tâm được gọi là Thức (Vijnana), khi nó còn ô nhiễm chấp ngã chấp pháp. Khi nào tâm hoàn toàn thanh tịnh vô ngã, thì được gọi là Trí (jnana).

2) Mạt-na thức (hay Ý căn): Là căn cứ phát sinh ra Ý thức, cũng như mắt là Nhân căn nơi phát sinh ra Nhân thức, tai là Nhĩ căn nơi phát sinh Nhĩ thức.

Mạt-na được sinh ra từ những chủng tử vô minh của A-lại-da nên bản chất của nó là chấp ngã. Nó chấp A-lại-da là ngã. Tất cả những gì liên quan đến ngã như là ngã si, ngã ái, ngã kiến, ngã mạn... đều bắt nguồn từ nó. Sự chấp ngã của Mạt-na "*câu sinh ngã chấp*", tức sự chấp ngã sinh ra cùng lúc với thân mạng. Sự chấp ngã này đã có trước khi sinh ra đời, vì thế Mạt-na không cần phải có năm uẩn mới chấp ngã. Nó từ A-lại-da sinh ra và đã chấp A-lại-da là ngã rồi.

3) Ý thức: Khi Ý căn tiếp xúc với pháp trần làm phát sinh ra sự nhận

thức. Sự nhận thức này được gọi là Ý thức. Ý thức có 3 hình thái nhận thức:

a) Hiện lượng: Là sự nhận thức trực tiếp vô tư chưa trải qua suy luận phân biệt.

b) Tỷ lượng: Là sự nhận thức qua suy luận phân biệt.

c) Phi lượng: Khi 2 sự nhận thức trên phản ảnh sai lầm về thực tại thì gọi là phi lượng. Thí dụ trong đêm tối thấy sợi dây tưởng là con rắn, khác với hại thức trước.

Ý thức có lúc bị gián đoạn không hoạt động trong 5 trường hợp sau đây: (1) Trong cõi Trời vô tưởng (2) Trong Diệt tận định. (3) Trong Vô tưởng định, (4) Ngủ mê không mộng寐, (5) Ngất xỉu, bất tỉnh nhân sự. Ngoài 5 trường hợp trên Ý thức luôn luôn hoạt động ngay cả trong giấc ngủ.

Tóm lại theo Duy Thức thì tâm là thức, là cái biết gồm 6 thức như quan niệm của Phật giáo Nguyên Thủy và thêm 2 thức mới là Mạt-na thức và A-lại-da thức. Các nhà nghiên cứu Phật học cho rằng khái niệm **A-lại-da thức là căn bản thức** rất hợp lý, thức này bổ túc thêm vào quan niệm xưa nay khi người ta đề cập đến thức, đa số đều nói 6 căn và 6 trần tiếp xúc với nhau, mới sinh ra 6 thức. Thí dụ khi con mắt tức là căn thấy sắc tức là trần mới phát sinh ra nhận thức. Như thế, thì thức chỉ là sản phẩm của căn và trần. Chư vị này cũng giảng rằng: "*Như trong Thập nhị nhân duyên, vô minh duyên hành,*

hành duyên thức, thức duyên danh sắc. Thức ở đây chính A-lại-da, là luồng tâm thức hay nghiệp thức luân tập từ nhiều đời. Từ A-lại-da thức mới sinh ra Danh sắc và ngũ uẩn, trong đó, bao gồm 6 giác quan”.

IV. TÂM THEO QUAN NIỆM CỦA THIỀN TÔNG

Thiền tông chủ trương “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”, tức chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Tâm con người có rất nhiều tánh, chẳng hạn: Tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh kiêu mạn, tánh nghi ngờ, tánh thiện, tánh ác v.v... Những loại tâm tánh này thuộc về tâm phàm phu. Tánh mà Thiền tông đề cập ở đây không phải là bản tánh bình thường của người chưa biết tu thiền như vừa mới kể, mà là Tánh Giác. Ngộ được tâm, thấy được bản giác, trở về sống với Tánh Giác là ý nghĩa “kiến tánh” của Thiền tông.

A. TÁNH GIÁC (*)

Tánh giác có nghĩa đơn giản là tánh biết, tiếng Phạn là “*buddhi*” nghĩa là năng lực biết. Tánh giác có hai nghĩa: - Nghĩa thứ nhất của Tánh giác (*buddhi*) là tuệ trí bẩm sinh của con người. Nó có năng lực biết rõ ràng đối tượng mà không bị đối tượng thu hút tác động, thuộc tâm bậc thánh. - Ngược lại, nghĩa thứ hai của “*buddhi*” là trí năng bén nhạy. Với trí năng, nó bị đối tượng tác động, thuộc tâm thế gian.

Cả hai loại trí này, trong ngôn ngữ Ấn Độ đều dùng từ “*buddhi*” để diễn tả. Vì thế người ta dễ lầm lẫn ý nghĩa từ “*buddhi*”. Người ta chỉ có thể phân biệt được sự khác nhau giữa trạng thái có lời và không lời trong năng lực biết của từ “*buddhi*”. Nếu có lời là trí năng bén nhạy. Không lời là tuệ trí bẩm sinh. Với trí của bậc thánh, “*buddhi*” hay “*Tánh giác*” trên căn bản, là năng lực biết không lời và năng lực nhận thức không lời.

Trong ngôn ngữ Thiền tông, Tánh giác là cái biết không lời, đồng bộ và tức khắc. Có thông tin hay không có thông tin, nó vẫn biết. Nó là dòng biết thường hằng, lặng lẽ, không gián đoạn, không có tâm phân biệt, không có khái niệm ngôn ngữ thành hình trong não mà chỉ có phân tích cô đọng trong nhận thức không lời. Trong nó không có phiền não, không có hình ảnh ganh đua, tranh chấp, xung đột, đấu tranh... như Ý thức và Ý căn. Không có suy luận, suy đoán hay “*phải là, chỉ là, nên là*” như Trí năng. Vật thể nào, nó thấy y như thể đó, tức thấy cái “*đang là*” của vật. Mọi thứ thành kiến, định kiến, chủ quan không có trong nó. Do đó, đứng trước tất cả đối tượng nó không dính mắc, không chấp trước, không lệ thuộc. Nó không theo cảnh, không bị cảnh chuyển. Khi nó có mặt, vô minh không có mặt, tự ngã không có mặt, phiền não không có mặt, tập khí hay lậu hoặc không có mặt. Trong bốn oai nghi, nó hằng tiếp thu ngoại trần, nội trần, kiến giải tất cả mà tâm vẫn không động. Trong ngôn ngữ Thiền tông gọi nó là “*ông chú*”. Phật giáo phát triển gọi nó là “*chân ngã*”. Trong Phật giáo Nguyên Thủy, nó được xem là cái biết của người bắt đầu bước vào dòng thánh. Nó được Phật gọi là cái Vô Sanh, Duy Thức tông gọi là Bạch Tịnh Thức. Các vị thiền sư ví nó như hạt minh châu, hay tấm gương sáng, hoặc rỗng rang như hư không.

Tánh giác gồm ba: Tánh thấy (của mắt), tánh nghe (của tai), tánh xúc chạm (của mũi, lưỡi và

thân). Tóm lại, Tánh giác là cái thấy biết của Chân tâm.

B. VỌNG TÂM-CHÂN TÂM

1) Vọng tâm: Tâm của người chưa biết tu tập, hằng ngày thường sống với nhiều tâm trạng khác nhau. Lúc thì buồn bực nhớ nghĩ những chuyện quá khứ, khi thì mong muốn tưởng tượng những chuyện ở tương lai. Hiện tại thì suy nghĩ lung tung hết chuyện này sang chuyện khác. Có lúc tác ý suy nghĩ những điều tốt, có lúc suy nghĩ những điều xấu có lợi cho mình mà hại người. Có khi tâm cảm thấy an lạc, hạnh phúc, có lúc lại cảm thấy bực bội, buồn khổ. Thông thường tâm này bị trôi buốc bởi những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, thuật ngữ trong nhà Phật gọi đó là kiết sử, lậu hoặc hay tập khí... Nếu không bị lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, lôi cuốn tác động vào tâm xúc cảm thương ghét, thù hận... thì cũng bị ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù thúc giục đòi hỏi phục vụ cho bản ngã. Nếu được thì vui. Mất, thì buồn. Đức Phật ví tâm này như hồ nước đục, gọi là tâm phàm phu hay tâm sinh diệt. Chư Tổ Thiền tông thì gọi tâm này là Vọng Tâm.

2) Chân Tâm: Khác với Vọng tâm, Chân tâm là tâm tự biết một cách thẳm lặng không lời. Cái biết của nó chân thật, đúng đắn, không bị ô nhiễm bởi lăng kính quá khứ, hiện tại, vị lai. Khi lục căn tiếp xúc lục trần, đối tượng như thế nào nó thấy biết như vậy, tức thấy biết cái “*đang là*” của đối tượng. Nó không phân biệt so sánh bình luận khen chê. Ý căn, Ý thức hay Trí năng tức tự ngã không có mặt trong tâm này. Thẳm nhận biết nền tâm an nhiên, tự tại trước mọi cảnh thịnh suy, hợp tan, đẹp xấu, được mất... Đặc tính của Chân tâm là an tịnh, trong sạch, sáng suốt. Đức Phật ví tâm này như hồ nước trong, là tâm bất sinh. Chư Tổ Thiền tông gọi tâm này là Chân tâm hay Tánh giác.

V. TÓM KẾT

Nhìn chung tâm là cái biết, là nhận thức biết, là tánh biết. Tâm dẫn đầu các pháp. Tâm nhiễm ô, chấp ngã, chấp pháp, tham lam, ích kỷ, là đầu mối sinh tử, là Vọng tâm. Khi tâm giải phóng khỏi năm triền cái: Ham muốn nhục dục, sân hận, si mê, hôn trầm, thụy miên, lo lắng bất an (trạo cử) và nghi ngờ thì tâm nhiễm ô trở thành tâm trong sạch, vô lượng, là nền tảng căn bản của giác ngộ giải thoát gọi là Chân tâm. Tóm lại tâm ô nhiễm là khổ đau, tâm thanh tịnh là Niết-bàn. Tâm mê là chúng sinh, tâm giác là Phật.

Tâm trong đạo Phật được giảng giải rất chi tiết tùy theo các tông phái trong đạo Phật. Bài viết này chỉ nhằm đáp ứng cho các Phật tử mới bắt đầu học Phật, giúp các bạn nhận ra tâm là gì? Lúc nào tâm bị gọi là Vọng, lúc nào tâm được gọi là Chân, hầu để bề tu tập, thanh lọc thân tâm, hướng tới giác ngộ giải thoát...

Thích Nữ Hằng Như

(Thiền thất CHÂN TÂM, 16/12/2023)

Tài liệu:

(*) Sách: “*Tìm Hiểu Và Ứng Dụng Thiền Phật Giáo Tập 2, cuốn 1: Phần “Tánh Giác” (trang 128...)*”; tác giả: Cổ Hòa thượng Thiền Sư THÔNG TRIẾT.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473

THÔNG BÁO SỐ 1
AN CƯ KIẾT HẠ PHẬT LỊCH 2568 – NĂM 2024
và ĐẠI HỘI KHOÁNG ĐẠI NHIỆM KỲ 2024 -2028

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Đức Trưởng Lão Hoà Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức Tăng, Ni cùng quý Cư Sĩ, GDPT thành viên Giáo Hội

An Cư Kiết Hạ là thời gian để Chư Tôn Đức Tăng, Ni thúc liễm thân tâm, vun bồi giới đức cho chính mình. Chư Tăng, Ni có vận tập về một trú xứ để cùng nhau tu tập thì chư vị thiện nam tín nữ Phật tử mới phát tâm ngoại hộ, vun trồng ruộng phước, gieo hạt giống lành, tài bồi phước thiện cho đời này và đời sau, cả hai đời đều có công đức. An Cư Kiết Hạ đem lại sự bình an và hạnh phúc. Bình an cho con người, và hạnh phúc cho chư thiên được nghe lại lời Phật dạy.

Năm nay Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, sẽ tổ chức An Cư Kiết Hạ một tuần lễ, cũng như Đại Hội Khoáng Đại:

TẠI: TU VIỆN ĐẠI BI

ĐỊA CHỈ: 13852 Newland St., Garden Grove, CA 92844

THỜI GIAN: Từ thứ Hai, ngày 10/06/2024 đến thứ Hai, ngày 17/06/2024.

MỌI CHI TIẾT VÀ GHI DANH AN CƯ KIẾT HẠ XIN GỌI:

SƯ CÔ TRUNG CHÂU 714 820 3739

Đại Hội Khoáng Đại sẽ khai mạc vào lúc 2 giờ chiều thứ Sáu ngày 14/06/2024 và Bế Mạc lúc 5 giờ chiều thứ Bảy, ngày 15/06/2024.

KÍNH LƯU Ý TUẦN LỄ AN CƯ:

1) SÁNG THỨ HAI, NGÀY 10/06/2024: sắp xếp phòng ốc cho Chư Tăng Ni tham dự An Cư.

2) CHIỀU THỨ HAI, NGÀY 10/06/2024: 7 giờ chiều họp Tăng, cung an chức sự, và các phân ban Trường Hạ.

3) THỨ HAI NGÀY 17/06/2024: Lúc 5 giờ sáng làm Lễ Tự Tứ, giải giới trường. Trưa ăn cơm quá đường, và hoàn mãn. Chư Tăng Ni trở về Bôn Tự.

Kính thông báo này đến Chư Tôn Đức Tăng Ni để tiện bề sắp xếp các Phật sự tại địa phương mà tham dự An Cư cùng với Đại Tăng trong tinh thần tương kính, tương thuận, tương giáo, tương sám như luật định.

Kính chúc quý Ngài và Quý Cư Sĩ, GDPT thành viên Giáo Hội luôn được khỏe mạnh, an lạc để tiếp tục hoàn thành các Phật sự của Giáo Hội trên tinh thần phụng sự chúng sanh là cội đường Chư Phật.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.
Santa Ana, California ngày 01 tháng 01 năm 2024

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ Tịch

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



Đón Tân Xuân Giáp Thìn 2024 Thập Khúc Ngũ Ngôn

ĐẠO KỶ

*Nắng xuân thơm ngũ sắc
Âm mát mắt em cười
Gió tung nghe phẫn phật
Chánh pháp ướp niềm vui.*

RỒNG

*Vừa hồ ôm cát đá
Mẻ sứ nổi vụn chai
Nên dáng thiêng biến hoá
Châu pháp luân chùa thầy.*

CHÙA

*Xuân tàn rồi xuân đến
Phó tháp vọng chùa cao
Có ai về bến lữ
Quên ngày cũ lao đao.*

PHÁP MẠCH

*Từ xuân xưa đất cổ
Hoa thơm nở theo dòng
Tâm truyền qua sóng gió
Xuân này rặng cửa không.*

VĂN VẬY

*Bầu trời rộn cánh én
Chợ chiều nhịp lao xao
Xuân khứ lai bờ bến
Văn vậy ngàn xưa sau.*

CƠM CHAY

*Chén đơm bạch mẽ phạn
Rau củ quyến tương chao
Xả buồng bao hồn oán
Xuân lòng đượm thanh tao.*

TÍNH SAU

*Sương tan chào mơn mớn
Tươi tắn cánh sắc màu
Hợp hoà hương thơm thoảng
Xuân tàn buồn tính sau.*

TRÀ

*Đông tàn hợp ngum xuân
Ám lòng khi lặn đạn
Trong sóng sánh vô thường
Thấy nụ cười lạc quan.*

BÚT

*Bút cùn xưa khát mực
Ngộ diệu pháp năm cùng
Lôm côm đêm thán tận
Tuôn thiên cú đầu xuân.*

NHỚ

*Phong bao còn đỏ chói
Thảo thơm sớm lì xì
Chợt cảm tim đau nhói
Từ thuở Mẹ ra đi.*

thơ **VĨNH HỮU TÂM KHÔNG**



Nhà điêu khắc Arnaud Nazare-Aga

Arnaud: Từ tượng Phật tới điêu khắc cho đời

Phan Tấn Hải

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Bạn có thể gọi Arnaud Nazare-Aga là một nhà điêu khắc, hay một lạt ma vào đời, hay đơn giản, là một nghệ sĩ và là một cư sĩ. Một thời anh đã ngồi trong tu viện để tạc các pho tượng Phật, tượng Bồ Tát, các trụ điêu khắc, và rồi anh rời tu viện để bước vào đời, trở thành một nghệ sĩ nổi tiếng trong thế giới tượng hình. Nói kiểu tóm gọn theo văn phong báo chí thường gặp là: một nghệ sĩ Phật tử người Pháp. Nhưng cuộc đời anh đầy những cơ duyên kỳ lạ. Bài viết này tổng hợp từ nhiều báo, trong đó có Forbes, Time Out, Thai PBS World, The Phuket News...

Lời tự giới thiệu của nhà điêu khắc Arnaud Nazare-Aga chỉ đơn giản vài đoạn trên trang nhà riêng. Sinh năm 1965 tại Paris, Arnaud Nazare-Aga đã sinh khởi niềm đam mê với kiến trúc và điêu khắc hiện đại từ khi còn thơ ấu. Anh thường xuyên đi thăm viện bảo tàng cùng ba mẹ. Anh được giáo dục trong một cộng đồng Phật giáo Tây Tạng ở vùng Burgundy, miền Đông nước Pháp, và học nghề đúc tượng thạch cao nơi đây. Arnaud đã thiết kế và thực hiện nhiều tượng trang trí, chạm khắc cho các ngôi chùa Phật giáo ở phương Tây, như Chùa Temple of a Thousand Buddha (Chùa Ngàn Vị Phật) gần thị trấn Autun (Pháp) và Paris. Nơi đây, anh đã cùng các nghệ sĩ đến từ Bhutan thực hiện 3 tác phẩm điêu khắc khổng lồ về Đức Phật bên trong ngôi chùa này.

Sau nhiều trải nghiệm sáng tác nghệ thuật khác nhau ở Châu Âu và Châu Á, anh đã thành lập PAJ'Art Studio vào tháng 1/2011 tại Bangkok, thủ đô Thái Lan, nơi anh bây giờ đang sinh sống. Vào năm 2012, Arnaud đã tạo ra một số bộ sưu tập với sự cộng tác của vợ cũ, dưới tên chung của hai người là Artheline. Các bộ sưu tập được biết đến với các tác phẩm điêu khắc Sumo, Hippop'Art, Whale Pop, Goril'Pop và déesse vui nhộn, màu sắc rực rỡ và gợi cảm mang lại niềm vui như trẻ thơ cho người xem. Vào năm 2015, triển lãm Hippop'Art tại khu Fullerton ở Singapore, nơi hơn 40 tượng con hà mã chiếm đầy các khu vườn, sảnh đợi và bên cạnh bên ngoài của khách sạn.

Dự án nghệ thuật quan trọng nhất của anh là tạo ra những tượng nghệ thuật chủ đề "Hoàng Tử Bé" (The Little Prince) lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học Pháp nổi tiếng của nhà văn Antoine de Saint-Exupéry, một tác phẩm thơ mộng, mang ý nghĩa thi ca và triết học, có vẻ như viết cho những người muôn đời giữ được tâm hồn thơ trẻ. Anh tự giải thích về một số tượng làm đặc biệt trong dự án Hoàng Tử Bé, rằng thông qua xúc giác, người khiếm thị có thể "nhìn thấy" các tác phẩm điêu khắc của mình như một kiểu cảm nhận về thế giới nghệ thuật.

Thành quả nghệ thuật của Arnaud Nazare-Aga đã được trưng bày tại Singapore như một phần của lễ hội văn hóa Pháp, Voilah! Sau đó, cuộc triển lãm này được tổ chức tại Hồng Kông, nơi bộ sưu tập dành cho người khiếm thị đã thu hút 124.000 lượt khách tham quan trong 38 ngày. Và rồi, vào tháng 5/2016, hai cuộc triển lãm Hoàng Tử Bé đã được trưng bày tại bảo tàng quốc gia ở Nam Hàn, Bảo tàng tỉnh Kyunggi trong gần 5 tháng. Các tác phẩm điêu khắc đã được trưng bày tại Bảo tàng Singapore Philatelic Museum trong 10 tháng, bắt đầu từ ngày 7 tháng 6/2018 cho đến tháng 3/2019.

Một trong những tác phẩm mới nhất của anh là Sumo Totem: 3 tượng Sumo khác nhau được đặt chồng lên nhau. Biểu tượng là sự ổn định và an toàn cho cái thứ nhất, cái thứ hai là tâm hồn cõi mở và cái thứ ba là trên hết, tượng trưng cho sự phiêu lưu của cuộc đời.

Arnaud gần đây đã hoàn thành việc tạo ra Bộ sưu tập B'Pop, được trưng bày tại khách sạn U-Sathorn Bangkok dưới dạng bản xem trước, trước khi được trưng bày tại Fullerton Singapore vào tháng 9 cùng năm. Bộ sưu tập B'Pop bao gồm 3 mẫu tượng gấu ở các tư thế khác nhau: Dancing B, Sitting B & Lazy B. Mỗi mẫu có 5 kích cỡ và nhiều kiểu dáng.

Tác phẩm của Arnaud Nazare-Aga đã được trưng bày tại nhiều hội chợ và phòng trưng bày quốc tế ở Châu Á và Châu Âu trong nhiều năm qua. Các cuộc triển lãm chính của anh trong năm 2018 là Art Stage Singapore, nơi anh trưng bày Totem Sumo cao 3,4m dưới dạng Tác phẩm nghệ thuật công cộng, AAF Milan và "Phía sau hoàng tử bé" tại Bảo tàng Singapore Philatelic Museum.



Triển lãm Hoàng Tử Bé ở Singapore năm 2015

Anh cũng đã triển lãm hồi năm 2019 trong Venice Art Biennale, nơi anh đã trưng bày một tượng Totem Sumo cao 4,5m hiện đang được trưng bày ở Brescia. Anh cũng đã tham gia hội chợ nghệ thuật đương đại Art3f ở Brussels, Paris và Luxembourg.

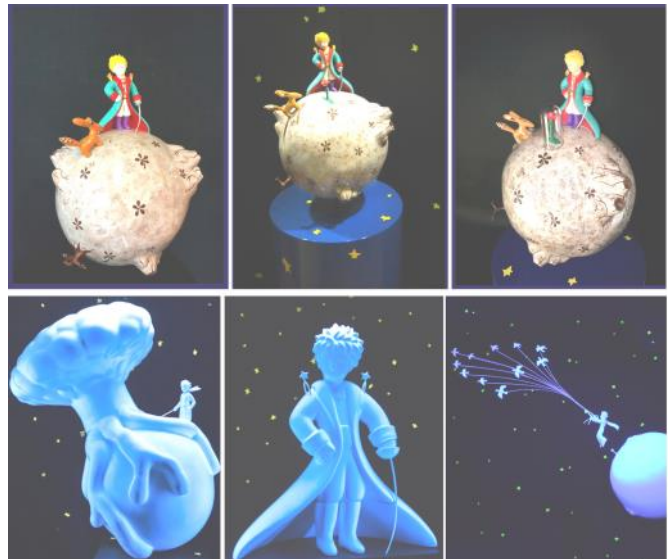
Bạn còn nhớ tới truyện Hoàng Tử Bé? Có một câu nói của con cáo nói với Hoàng Tử Bé, "*Người ta nhìn thấy rõ ràng chỉ bằng trái tim. Bất cứ những gì tinh yếu nhất thì không thể thấy bằng mắt được.*" Những dòng chữ đó được nhà văn Antoine de Saint-Exupéry viết năm 1943, và bây giờ ẩn tàng trong các pho tượng nghệ thuật của Arnaud Nazare-Aga, nơi các tượng trở thành những khát vọng thơ mộng rực rỡ của đời người.

Câu chuyện kỳ lạ bắt đầu vào năm 2013 khi chàng nghệ sĩ Nazare-Aga nhớ lại một thế giới của Hoàng Tử Bé. Nicolas Delsalle, tổng thư ký của Quỹ Antoine de Saint-Exupéry Youth Foundation, đã đến xưởng vẽ của nghệ sĩ và sau đó yêu cầu anh tạo ra các tác phẩm điêu khắc như một phần của dự án tiên phong để tái tạo những bức tranh minh họa màu nước trong tiểu thuyết Hoàng Tử Bé thành các khối điêu khắc để cho người mù có thể cảm nhận được với cuộc sống ở dạng ba chiều xúc giác. Đây có thể là một trong những cuốn sách đầu tiên Nazare-Aga đọc khi còn nhỏ, nhưng anh không chắc liệu mình có nên nhận nhiệm vụ hay không. Câu trả lời trở nên rõ ràng khi bố của anh tình cờ tiết lộ với anh rằng ông nội là Djibrail Nazare-Aga, đã quen biết tác giả cuốn sách, phi công Thế chiến II Antoine de Saint-Exupéry, và thậm chí còn bay cùng nhà văn quá cố trên chiếc máy bay Breguet XIV huyền thoại vào đầu thế kỷ 20. Thế rồi, anh quyết định nhiệm vụ của mình là phải tái hiện một cách trung thực chính xác những gì Saint-Exupéry mong muốn thể hiện khi viết cuốn tiểu thuyết thơ mộng này.



Từ phải: Tượng chàng Hoàng Tử Bé đứng trên tiểu hành tinh của cậu, và tượng 6 người lớn kỳ dị mà cậu gặp trên 6 tiểu hành tinh của họ.

Thế đó, những pho tượng mô tả lại cuốn tiểu thuyết Hoàng Tử Bé xuất hiện. Triển lãm đầu tiên là tại Khách sạn Fullerton năm 2015, Bộ sưu tập nghệ thuật Hoàng Tử Bé, trưng bày 14 tác phẩm điêu khắc bằng nhựa sợi thủy tinh tái hiện màu sắc của các nhân vật và các hành tinh khác nhau trong Hoàng Tử Bé đã được đúc khuôn sau đó lắp ráp, sơn và đánh vecni nhiều lần để tạo nên một tác phẩm nghệ thuật cao cấp, tất cả đều làm bằng tay. Buổi trình diễn cá nhân kết hợp với những bản thảo quý giá từ di sản Antoine de Saint-Exupéry - d'Agay



Hàng trên, các tượng trong triển lãm cho người sáng mắt. Hàng dưới, các tượng trong triển lãm cho người khiếm thị.

Estate chưa từng thấy ở Singapore và một loạt ảnh lịch sử có nguồn gốc từ kho lưu trữ của Latécoère (một công ty vận tải hàng không của Pháp được thành lập năm 1918 bởi Pierre-Georges Latécoère), nơi nhà văn Saint-Exupéry từng làm phi công.

Kéo dài đến ngày 20 tháng 6/2015, cuộc triển lãm thứ hai, Hoàng Tử Bé Trong Bóng Tối (The Little Prince in the Dark), diễn ra tại Alliance Française de Singapour, trưng bày các tác phẩm điêu khắc tương tự, nhưng lần này được sơn màu trắng huỳnh quang và đặt trong phòng tối. Được chiếu sáng bằng đèn UV màu đen, chúng dường như phát sáng trong bóng tối và kèm theo mô tả âm thanh kích hoạt chuyển động. Là một cuộc triển lãm nhằm nâng cao nhận thức về người khiếm thị, những du khách sáng mắt có cơ hội được bịt mắt và được khuyến khích chạm vào các tác phẩm nghệ thuật. Mỗi tác phẩm điêu khắc (cả phiên bản màu và phiên bản trắng) đều có sẵn trong một phiên bản giới hạn gồm tám bản sao để bán ra, lợi tức sẽ dùng cho các dự án giáo dục của Quỹ nhằm hỗ trợ thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn trên thế giới.

Hoàng Tử Bé được nhà văn Bùi Giáng, khi dịch ra tiếng Việt, đã gọi đây là "tác phẩm thơ mộng nhất và u uẩn nhất trong những tác phẩm của Saint Exupéry." Tiểu thuyết này được nhiều người dịch ra tiếng Việt, trong đó có các dịch giả: Trần Thiện Đạo, Bùi Giáng, Vĩnh Lạc, Nguyễn Thành Long, Trinh Nhật Định, Nguyễn Tấn Đại, Thuận Thiên, Châu Diên, Nguyễn Trường Tân, Trác Phong, Bùi Đại Dũng, Đỗ Lan Hương. Nghĩa là, có 12 ấn bản Việt dịch khác nhau. Ghi nhớ thế để thấy sức lôi cuốn của tiểu thuyết Hoàng Tử Bé.

Trong truyện Hoàng Tử Bé, Saint-Exupéry kể nửa thật nửa hư, rằng nhà văn rơi phi cơ vào sa mạc, đói và khát, sống với ảo giác. Sự thật ông đã từng rơi phi cơ vào sa mạc năm 1935. Thế rồi, tác giả gặp một cậu bé từ hành tinh xa tới. Cậu bé kể về tiểu tinh cầu B 612, nơi cậu ở chung với một con cáo và một cây hoa. Cũng như tất cả những cô gái trên trần gian này, bông hồng thì dễ thương, nhưng đầy kiêu căng và ngớ ngẩn. Thế rồi khi cậu quyết định lang thang sang các tinh cầu khác, bông hồng mới

ngậm ngùi xin lỗi cậu. Cậu đã tới 6 hành tinh trước khi tới địa cầu, mỗi hành tinh là một người ngự trị: Một vị vua không có thần dân, một kẻ khoác lác, một tên bợm nhậu, một doanh nhân chỉ ưa vợ vệt, một người thấp đèn trên một hành tinh nhỏ đến nỗi một ngày chỉ dài bằng một phút, và một nhà địa lý lớn tuổi nhưng chưa bao giờ đi bắt cứ nơi đâu để kiểm chứng những gì ông viết xuống. Và rồi cậu bé tới địa cầu, gặp nhà văn rơi phi cơ nơi sa mạc. Truyện khởi đầu như thế, rồi từ đây càng lúc càng thơ mộng và lồi cuồn. Truyện này trong mặc định đã có tư tưởng Phật giáo, vì hầu hết các tôn giáo khác nói rằng cõi người trên địa cầu là duy nhất và độc đáo.

Từng theo học Phật giáo và ngôn ngữ Tây Tạng khi còn niên thiếu, chàng nghệ sĩ có niềm tin tôn giáo sâu sắc, đồng thời anh cũng là một Lạt ma, nói: “Trong hành trình tâm linh bắt đầu từ khi còn trẻ, tôi đã tìm kiếm một thời gian dài để truyền tải các giá trị Phật giáo, mà tôi cho là phổ quát, mà không cần đề cập đến tôn giáo. Bí quyết thành công của Hoàng Tử Bé là mọi người không phân biệt tuổi tác, truyền thống, tôn giáo, quê hương, văn hóa hay trình độ học vấn đều có thể hiểu được nhờ ngôn ngữ rất đơn giản. Ngày nay, trong thời điểm gặp khó khăn bởi bạo lực và chiến tranh do phân biệt chủng tộc, kỳ thị và bất khoan dung, việc trưng bày các triển lãm nghệ thuật lấy cảm hứng từ cuốn sách là một cách đặc biệt và bổ ích để truyền tải thông điệp mà tác giả đã để lại cho nhân loại.”

Nazare-Aga làm việc tại một xưởng điêu khắc bốn tầng rộng 1.000 m², PAJ'Art Studio, ở phía bắc Bangkok và một nhóm gồm 25 người, một nửa trong số họ là người Thái và phần còn lại là người Miến Điện gốc Karen. Anh đã thuê gần như tất cả nhân viên ngoài đường phố và đào tạo họ từ đầu về các phương pháp nghệ thuật khác nhau mà giờ đây họ đã trở thành chuyên gia: làm khuôn, sơn, chà nhám và đánh bóng. Nổi tiếng với các tác phẩm điêu khắc sumo, hà mã và nữ thần vui nhộn, màu sắc rực rỡ và khêu gợi, mang lại niềm vui trẻ thơ cho người xem, anh từng tổ chức triển lãm Hippop'Art tại

Swissotel ở Bangkok, nơi hơn 40 con hà mã chiếm trọn khu vườn và tiền sảnh của khách sạn. Các dự án tiếp theo là cá voi khổng lồ từ bộ sưu tập Whale'Pop – dài tới 2 m và cao 1,20 m – và khi đột từ bộ sưu tập Goril'Pop. Nazare-Aga nhận xét, “Tất cả những sáng tạo mới phải là một thách thức mới về mặt kỹ thuật, đôi khi mang tính nghệ thuật. Tôi thích thêm sự hài hước và bất ngờ. Tôi thích làm việc với sự cân bằng, ấn tượng về trọng lượng và ánh sáng, đó là yếu tố thiết yếu của công việc. Các bề mặt được bao phủ bởi nhiều lớp sơn mài liên tiếp và được đánh bóng ở các giai đoạn khác nhau là nơi chứa ánh sáng giúp tăng mật độ và độ sống động của màu sắc.”

Sinh năm 1965 tại Paris, Nazare-Aga học điêu khắc từ một nhà điêu khắc mù từ năm 13 tuổi, nhưng mơ ước trở thành phi công chiến đấu vì anh có cha dưỡng là sĩ quan quân đội, người điều hành một cơ xưởng kỹ thuật quân sự. Việc phát hiện ra dị tật thị giác ở mắt trái đã tiêu tan giấc mơ của anh và năm sau đó, anh rời nhà để vào một tu viện Phật giáo Tây Tạng ở Burgundy, nơi anh đã ở đó 13 năm. Trong thời gian ở đó, anh được giao thêm công việc chế tạo các điêu khắc nhỏ để xây dựng ngôi đền Himalaya đầu tiên ở phương Tây, vì vậy anh đã học cách đúc khuôn, lắp ráp và sản xuất các yếu tố kiến trúc điêu khắc từ các thợ thủ công giàu kinh nghiệm ở Paris cũng như các nghệ thuật truyền thống của châu Á. Công việc của anh tại ngôi chùa kéo dài sáu năm, trong đó anh tìm học chuyên môn của các nghệ sĩ người Bhutan, những người đã tạo ra các tác phẩm điêu khắc bằng đất sét sơn trên các công trình kiến trúc mà anh xây dựng bằng phương pháp của Pháp. Sau khi rời tu viện, anh thấy khó đạt được điều gì lớn lao hơn chùa nên đã chuyển sang làm nghề khác, chưa bao giờ nghĩ đến việc theo đuổi nghệ thuật.

Bước ngoặt đến là năm 2010, như Nazare-Aga nhớ lại, “Chỉ ở tuổi 45, tôi mới nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo ra những tác phẩm điêu khắc đẹp trong cuộc đời mình và tôi phải tiếp tục hoạt động này. Tôi tự nhủ nếu không làm bây giờ thì



Các tác phẩm khác của Arnaud Nazare-Aga.

sau này tôi sẽ không còn sức lực và can đảm để làm. Tôi có một mong muốn sâu sắc là được tìm lại chính mình trong một cơ xưởng với cơ hội sáng tạo nghệ thuật mỗi ngày.”

Ban đầu, anh làm việc trong lĩnh vực đập giấy rồi làm tượng (papier-mâché) được sơn và đánh vecni trước khi chuyển sang làm bằng nhựa thông. Hình dạng vui tươi, tròn trịa, mượt mà, gợi cảm, hài hòa và quá khổ, với tầm quan trọng lớn được đặt vào sức hấp dẫn thị giác và xúc giác của tác phẩm, xuất phát từ kinh nghiệm làm việc với vật liệu và cảm giác mà chúng có thể gợi lên thông qua thị giác và xúc giác. Cuối cùng, các tác phẩm điêu khắc của anh không chỉ phản ánh khả năng cảm thụ nghệ thuật mà còn phản ánh sự gắn bó thơ mộng của anh đối với nhân loại.

Nazare-Aga tiết lộ khi mô tả vai trò của nghệ sĩ: “Mục đích công việc của chúng tôi là làm cho mọi người hạnh phúc thông qua thị giác và xúc giác ít nhất trong chốc lát, giống như chúng tôi đang tạo ra hoặc trình bày tác phẩm của mình. Không biết bạn có thể nói tôi là một nghệ sĩ hay một nghệ nhân hết lòng yêu nghề. Tôi nghĩ rằng các nghệ nhân rất gắn bó với chất lượng của một tác phẩm hơn là khía cạnh nghệ thuật của nó. Bằng cách này, tôi là một nghệ nhân, nhưng khi tác phẩm được hoàn thiện, đôi khi nó sẽ trao ra năng lượng một cách tự nhiên, điều này mang lại cho nó một chiều hướng nghệ thuật. Một số người coi tôi là một nghệ sĩ nên tôi có trách nhiệm với xã hội để đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội. Nghệ thuật đôi khi cũng có thể mang lại nhiều hạnh phúc và an lạc. Trong mọi trường hợp, đôi với nàng Adeline và tôi, mục tiêu của chúng tôi là đóng góp những sáng tạo của mình nhằm cải thiện xã hội và hòa hợp giữa mọi người. Chúng tôi thường tham gia các sự kiện từ thiện để quyền góp tiền giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Nhiệm vụ của các nghệ sĩ là quyền góp vì chúng tôi có quyền cung cấp những viện trợ quan trọng thông qua những sáng tạo của mình.”

Arnaud kể với đài Thai PBS World về thời mới lớn có vẻ như tiền định của anh, rằng khi còn trẻ,

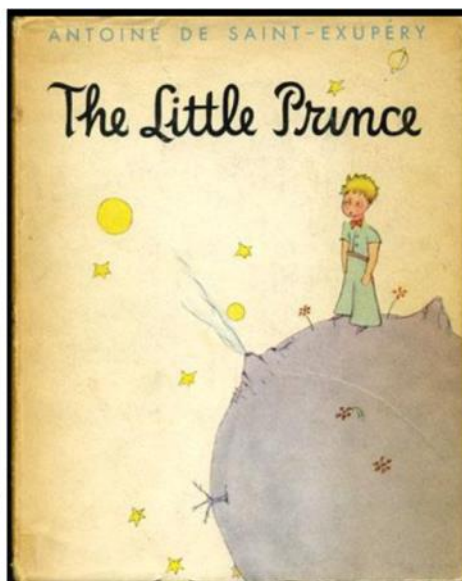
Arnaud không đi theo con đường điển hình của hầu hết thanh thiếu niên, chẳng hạn như đi học. Thay vào đó, năm 14 tuổi, anh đến chùa Phật giáo Tây Tạng ở Burgundy, nằm ở phía đông miền trung nước Pháp và ở đó cho đến năm 28 tuổi. Trong thời gian đó, anh được các nghệ sĩ Bhutan và Tây Tạng đào tạo nghệ thuật trong khi đi sâu vào nghiên cứu Phật pháp, dẫn tới niềm tin sâu vào luật nhân quả..

Arnaud nói với thông tấn Thái Lan này: “Khi còn trẻ, bạn thường cảm nhận được sự bất công trên thế giới, mọi thứ dường như thật bất công. Một số người sinh ra đã có đặc quyền, trong khi những người khác phải đối mặt với nghèo đói cùng cực và những thách thức to lớn. Tuy nhiên, nếu bạn hiểu biết sâu sắc về nghiệp báo, bạn sẽ nhận ra rằng các sự kiện xảy ra là kết quả của hành động trong đời người.”

Anh coi nghiệp báo như một quy luật nhân quả, tin rằng cuộc sống không thể được coi là sự bắt đầu và kết thúc đơn giản. Anh dần dần tin rằng những gì con người làm hôm nay sẽ gây ra hậu quả, có lẽ không phải ở đời này mà ở những đời sau. Mỗi hành động của một người trong cuộc đời này đều mang lại hậu quả, và người ta đang sống với kết quả của những hành động mình đã làm trong quá khứ.

Hơn nữa, hiểu biết về nghiệp có thể mang lại sự an tâm. Arnaud nói rằng tin vào nhân quả là đánh dấu sự khởi đầu tìm thấy bình an trong mọi hoàn cảnh bất công: “Ngay cả khi bạn vào tù vì điều gì đó mà bạn không làm, nếu bạn không tin vào nghiệp quả thì đó là nguồn gốc của đau khổ. Tuy nhiên, nếu bạn tin vào nghiệp quả, bạn có thể cảm thấy như mình đang trả nợ cho điều gì đó bạn đã làm trong quá khứ, ngay cả khi bạn không biết đó là gì. Vì vậy, bạn chấp nhận nó và nỗi đau sẽ nguôi ngoai.”

Tất cả hình trong bài này là từ trang web: <https://nazare-aga.com/> . Bạn cũng có thể nhìn thêm các tác phẩm của Arnaud Nazare-Aga trên nhiều mạng xã hội, kể cả YouTube.



Từ trái: nhà văn Antoine de Saint-Exupéry, bìa sách Hoàng Tử Bé, dịch giả Bùi Giáng.

RỒNG NGHE PHÁP

Huệ Trân-Hạnh Chi

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trên kệ kinh sách của các tự viện, các đạo tràng - dù thuộc pháp môn nào - dường như cũng có dăm cuốn Sám Pháp, vì trong việc hành trì, sự sám hối không thể thiếu sót. Trong những cuốn Sám Pháp đã được phổ biến thì Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Lương Hoàng Sám là cuốn tiêu biểu kể rõ từng tội, từng phước, nhân quả phân minh với mọi loài chúng sanh ở mọi hoàn cảnh, mọi từng lớp.

Sám Pháp Lương Hoàng Sám gồm 10 quyển, gần 700 trang.

Từ quyển thứ nhất tới quyển thứ 10, chúng sanh nào có cơ duyên đọc tụng cũng bắt gặp chính mình ở đâu đó, trên những trang Sám Pháp. Đã may mắn bắt gặp được mình thì nhiều phần, tâm sẽ tự chuyển, nương theo lời dạy mà hành trì sám hối, trước là dứt nghiệp cho bản thân, sau là sám hối hồi hướng cho chúng sanh, muôn người, muôn loài, người ân, kẻ oán ... Lý và Sự dung thông tới đây cũng đã tạo được nhiều nghiệp lành ...

Điều kiện thiết yếu để chuyển tâm, từ bất thiện thành thiện, từ đau khổ thành an vui duy chỉ có phương pháp sám hối. Cho nên trong kinh, Đức Phật thường nhắc nhở: *"Ở đời chỉ có hai hạng người mạnh nhất: Một là hạng người không tạo tội; hai là người tạo tội rồi mà biết ăn năn sám hối."* (*)

Chúng sanh trong cõi Ta-bà, còn là phàm phu, mấy ai dám nhận là hạng người thứ nhất! mà hầu như đều ở hạng người thứ hai. Khác nhau chăng là khi biết mình phạm tội thì hãy mau ăn năn sám hối để tội diệt, phước sanh.

Vua A Xà Thế phạm đại tội ngũ nghịch tương như đọa địa ngục thiên vạn ức năm cũng không thoát được, May thay, nhờ phương pháp sám hối, nhà vua cực kỳ ăn năn, đau khổ tội lỗi đã gây, chí tâm chí thiết sám hối nên tội nặng đã giảm nhẹ để nhà vua có thời gian và cơ hội chuộc tội và đáp đền.

Trong kinh Đại Tập cũng dạy rằng: *"Ví như trong một căn nhà tối trăm năm, chỉ thắp một ngọn đèn cũng có thể phá tan mờ ám."*

Những lời dạy, dẫn chứng từ tôn kinh mang cho những ai tín tâm, có được niềm tin thì trên đường hành trì giáo pháp, lý và sự sẽ dễ dung thông để đạt được những gì phát nguyện.

Trong Sám Pháp Lương Hoàng Sám, Quyển Thứ Bảy, Chương Thứ Mười chỉ dạy rõ về sự vi diệu khi có tín tâm *"...Ma Ba Tuần ôm lòng ác độc nên đã đọa địa ngục. Rồng nghe thuyết pháp còn ngộ được đạo Bồ Đề, Vậy chắc gì ở nhân gian hay thiên thượng mà liền cho là không có nạn. Phạm có nạn là tại tâm."*



Nếu tâm sanh nghi ngờ thì không phải nạn cũng thành nạn. Nếu tâm không sanh nghi ngờ thì nạn gì cũng thành phi nạn.

Ma Ba Tuần ở cõi trời Lục Dục cao quý mà đọa địa ngục. Loài rồng tuy là súc sanh thấp hèn nhưng có niềm tin nơi giáo pháp mà lên được đạo tràng. Thế nên, tâm tà thì khinh nạn thành trọng; tâm chánh thì trọng nạn thành vô ngại..." (*)

Người tụng lay bộ Sám Pháp Lương Hoàng Sám, ngoài sự thành khẩn tín tâm, nếu có thêm chút nhạy cảm, đọc tụng tới đoạn này, chắc không khỏi bồi hồi quán tưởng hình ảnh Rồng Nghe Pháp.

Đã lên được đạo tràng để nghe pháp thì tâm Rồng hẳn đã sạch tận lậu hoặc uế nhơ vì kẻ còn vương bụi trần, tất không thể tới được nơi tuyệt đối trang nghiêm thanh tịnh.

Kinh Phật cũng thường sách tấn là chúng sanh muôn loài đều có Phật-tánh như nhau nhưng do mức độ vô minh che lấp mà hiển lộ sớm hay muộn mà thôi.

Do tín tâm mãnh liệt mà Rồng lên được đạo tràng nghe pháp, ngộ đạo Bồ-Đề thì cơ may đó cũng có thể đến với những loài nhỏ nhiệm, yếu đuối hơn. Biết đâu, trong một sát na kỳ diệu nào, con kiến, con muỗi cũng đang ngồi bên Rồng nghe pháp, đồng đều như nhau.

Nơi không gian thanh tịnh của nắng rải Đại Từ, mưa tưới Đại Bi, thì Rồng nào dùng thân to lớn mà dẫm đạp kiến! Muỗi nào vo ve mà rình đột xung quanh! Rồi chẳng những chỉ hoan hỷ hoà đồng bên nhau, chúng còn có thể được nghe Đức Thế Tôn giới thiệu về một cõi nước cực kỳ đẹp để an vui. Đó là cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Khi thuyết giảng các kinh điển Đại Thừa, Đức Thế Tôn thường nhắc nhở là kinh này khó hiểu, khó tin, chớ rao truyền cho ai chưa đủ tín tâm tin hiểu, kéo họ khởi lòng nghi mà mang tội!

Thế nên, chúng sanh nào khi đã đồng tâm, đồng nguyện mà được nghe thuyết giảng về cõi Cực Lạc, chắc hẳn rồi sẽ đồng hành mà tới danh lễ Đức Phật A Di Đà, giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc.

Đã tin nơi hình ảnh Rồng lên đạo tràng nghe pháp, chỉ thêm một chút nhạy cảm nữa thôi, khi nhóm sinh vật này rủ nhau đồng hành về Tây Phương.

Ồi, xin hãy mở tâm Hỷ, trong Tứ Vô Lượng Tâm để cùng chia sẻ niềm vui. Khi lên tới Tây Phương, không phải Rồng chỉ được nghe Đức Phật thuyết pháp mà còn bất ngờ nghe các loài chim như Bạch-hạc, Khổng-tước, Anh-võ, Xá-lợi, Ca- lăng-tần-già,

Cộng-mạng... mỗi ngày 6 thời, thuyết Ngũ-căn, Ngũ-lực, Thất-bồ-đề-phần, Bát-thánh-đạo-phần...

Có họa sĩ nào trong nhân gian tạo được họa phẩm Rõng nghe Chim thuyết pháp không?

Nếu có, cũng chỉ là bức tranh của cọ, màu, vẽ nên mà thôi! Phần linh hồn họa phẩm phải là niềm rung động của lòng kính tin chí thiết của chính mỗi chúng sinh nào đủ lòng kính tin thì họa-sĩ-tâm đó mới tự họa được; và ánh sáng kỳ diệu này sẽ tức thời đẩy lui bóng tối luân hồi sinh tử, từng bám sát muôn kiếp, muôn nơi!

Khi có niềm tin nơi giáo pháp, căn bản là làm lành, lánh dữ, là bạn vui, cứu khổ mà loài súc sanh còn có thể chuyển tâm, đạt được giác ngộ thì nhân loại với trí tuệ được coi là vượt trội hơn, sao chiến tranh lại mỗi ngày mỗi tàn khốc?!

Nhân loại tàn sát nhau vì tranh giành quyền lực, vì khác chủng tộc, khác ý thức hệ, khác viễn ảnh tương lai, v.v...?

Trên thực tế, ai cũng thấy là trong chiến tranh không có kẻ thua, người thắng, mà tất cả đều thua! Vì đã tham chiến thì phe nào cũng sẽ phải gánh chịu máu đổ, thịt rơi, chia ly tan tác! Viên đạn ghim vào thân xác người lính - dù ở phe nào - cũng là ghim vào trái tim một người mẹ!

Những đau thương đó không gì thuyên giảm được mà trái lại, chỉ có tăng lên, tăng mãi rồi biến dạng thành uất hờn và thù hận và lại là đầu mối cho chiến tranh tiếp diễn...!

Với đà văn minh tân tiến, nhân loại đã và đang tận dụng, chế tạo đủ loại vũ khí để tàn sát nhau nhanh hơn, nhiều hơn! Nếu thay vào đó là nghiên cứu các phương thức để thu hoạch thêm thực phẩm với sự hỗ trợ mưa nắng của thiên nhiên, thêm những nhu cầu cần thiết cho đời sống với những sáng tạo bén nhạy thì thế giới này sẽ không còn bom rơi, đạn nổ.

Có lý tưởng quá không, trước viễn ảnh nhân loại trên hành tinh này có thể hoà đồng, bình an, hạnh phúc như Rõng lên đạo tràng nghe chim thuyết pháp, thờ gió thơm hương?!

Trước thềm năm mới, xuân Giáp Thìn, nếu đủ duyên, xin cùng nhau ngồi xuống, tụng lay Sám Pháp Lương Hoàng Sám, rửa sạch tâm nhơ quá khứ, mở rộng tâm-từ, hiện tại và tương lai, rồi cùng với Rõng lên đạo-tràng nghe pháp, ngộ đạo Bồ-đề như lời Đức Phật xác quyết.

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Huệ Trân-Hạnh Chi
(Tào-Kê tịnh thất - ngày chớm Xuân)

(*) Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Lương Hoàng Sám. Thượng Toạ Thích Trí Tịnh giáo chính. Dịch giả: Thích Viên Giác.



HƯƠNG XUÂN CỦA THIỀN

*Chuông chùa vang thanh thoát
Vọng ngân cõi ta bà
Đượm lời kinh Bát nhã
Xuân thế trần nở hoa*

*Lòng chúng sanh mở hội
Đón xuân lành khang an
Tâm thanh thoi, hỷ xả
Nầy Lộc, Phước muôn vàn*

*Xuân gian trần hoan hỷ
Sân chùa khói hương bay
Thành tâm dâng khấn Phật
Tân niên phước tràn đầy*

*Xuân cửa thiền thấp sáng
Thành kính Phật từ bi
Đức lành cao xanh thăm
Muôn phúc ân thọ trì.*

thơ NHẬT QUANG

NHỮNG ĐOÀN VĂN / THƠ TRONG 7 THẤT ĐỂ TƯỢNG NIỆM THẦY

Cổ Trưởng Lão HT. Thích Nguyên Chứng, Hiệu Tuệ Sỹ

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

1. THẦY ĐI THẬT RỒI SAO

Tưởng nhớ Thầy

Cội Bồ Đề, Thầy an nghỉ,
Trong sự bao la của đất trời,
Lời dạy của Thầy cao vút
Từ bi độ, Trí tuệ đây, Dũng mãnh nào
Thầy để lại
Bước chân êm ả, vũ điệu thiêng liêng
Trong vườn ký ức, mây bay, sương đọng, hoa nở,
Thầy là tinh hoa Phật giáo Việt Nam đương đại
Vị Thầy của bốn chúng
Bậc Long tượng: Thầy của những bậc Thầy
lung linh và huyền ảo
như huyền, như thật trong vũ trụ bao la
Thầy, tiếng yêu thương muôn thuở
Đi vào vạn cõi Chân Như

2. Thầy là Hương Mặt Trời

Nắng vàng vô song
Quyện vào sở nguyện
Ngát hương tâm Người

Nhớ lời Thầy dạy:

"Gốc của con người là ở tại lòng, người dù có đến
đâu phát triển bằng cả tấm lòng của mình, chẳng có
gì gọi là mất cả" (Phương Trời Viên Mộng). Chúng tôi
dịch nghĩa tiếng Anh như sau: *It is all about the
mind. The intellect is the fundamental building block
of the human species. Nothing is lost to regret if we
strive to do our best endeavors with all of our heart,
regardless of the circumstances.*

Tất cả hương hoa đều bay theo chiều gió
Chỉ có hương Người bay ngược khắp không gian.

3. Cánh Chim Nhỏ Tha Hương

Đại bàng và chim sẻ cùng thuyền
Khóc cho Thầy Tổ hay cả quê hương?
Lời Thầy lại vang vọng:

"Chúng ta sống làm sao cho đến lúc chết không có gì
hối hận, không có gì sai lầm. Đối với bạn bè không
có sự lưỡng lự. Giao tiếp với mọi người không có sự
gian dối. Cho tới khi mình chết, mình an tâm, an
toàn. Chỉ cần biết mình đã làm những điều chân
chánh, hợp Đạo lý, thì khi chết nhất định sẽ đến
những nơi an toàn". (Kinh Kim Cang Giảng Giải).
Chúng tôi dịch nghĩa tiếng Anh như sau: *Let us live
a moral existence so that we may depart without
any remorse. We can avoid mistrust with each
individual if we engage in candid
communication. Death will be nothing more than a*

*rebirth into a realm of serenity if we live in
accordance with our highest regard for moral and
ethical principles.*

Thầy đi trăm nhớ ngàn thương
Chúng con còn vướng bốn phương bộn bề
On Thầy thấm nặng tình quê

4. Tự Tại

Ngồi yên phòng trống trải
Lấp lánh ngọn đèn khuya
Phật mỉm cười thình lạng
Nghe tiếng thở xa lìa
Vắng trong tai lời thơ cũ.
Thở đi con,
hiện tại là hạnh phúc đơn thuần!

Và lời dạy của Thầy:

"Nhấn nhẹn đời nhưng không để cho quyền lực đen
tối của đời sai sử. Tùy thuận thế gian, nhưng không
tự đánh chìm trong dòng xoáy ô trược của thế
gian" (Tuệ Sỹ: Tinh Hoa Phật Giáo Việt Nam - Vị
Thầy của Bốn Chúng). Chúng tôi dịch, trong cuốn
sách trên, như sau: *We practice patience and endure
life, but do not let the dark false powers control our
life. We act accordingly to the human society, but do
not let ourselves sink into the polluted vortex of
worldly society.*

5. Hãy Đứng Dậy Thắp Đuốc Lên Mà Đi

"Hãy tự đào luyện cho mình một trí tuệ, một bản
lãnh, để sáng suốt lựa chọn hướng đi, và dũng cảm
chịu trách nhiệm những gì ta đã lựa chọn gây ra cho
bản thân, và cho cả chúng sanh". (Vãng Trừng Đỉnh
Núi). Chúng tôi dịch qua tiếng Anh như sau: *In order
to adhere to the path, one must cultivate wisdom
and courage. By judiciously selecting your own path
and accepting accountability for your actions with
courage, you will contribute to the betterment of
yourself and all sentient beings.*

Thầy, bậc Long tượng ngàn đời in dấu
Chúng con, kiến nhỏ quay về
Bơi theo suối nguồn biển tuệ
Tập tành kẻ sĩ
muôn đời

6. Nhớ Lời Thầy

Những vị Thầy lớn trong đời đã lần lượt về cõi Tịnh
theo thứ tự thời gian mà chúng tôi có hữu duyên học
hỏi hoặc được dạy bảo: Thầy Mãn Giác, Thầy Nhất
Hạnh, và rồi Thầy Tuệ Sỹ. Lời quý Thầy, như quý
Tổ, dạy: "Duy Tuệ Thị Nghiệp." Hãy trở về với bản

tính thanh tịnh của mình. Những lúc tĩnh lặng, mới đào sâu và nhận chân ra rằng Thầy đã âm thầm dẫn dắt chúng tôi, những người huynh trưởng trong tổ chức Gia đình Phật tử nuôi dưỡng tuổi trẻ để có một gia đình Việt Nam truyền thống tiêu biểu. Thầy dạy xem Duy-ma-cật là Cha; Thăng Man phu nhân là Mẹ; Thiện Tài Đồng Tử là con...

Mỗi huynh trưởng có thể có hạnh nguyện Bồ-tát, lấy Bồ tát nguyện và Bồ tát hành làm hành trang của người cư sĩ tại gia. Nghĩ đến đây thôi là đã nhớ ơn Thầy suốt đời.

Thầy ơi, đường quá còn dài
Thầy về lại cõi Ta Bà độ sanh
Chúng con thiên lý đồng hành

7. Người Ôm Đại Dương

Kính tiễn Giác Linh Thầy
Hôm nay thân xác tro bụi của Thầy được hoá vào đại dương mênh mông. Ôi Thái Bình Dương sâu thẳm. Cổ mộ của những con người yêu quê hương dân tộc da diết; cõi của sự sống; sinh tử tử sinh-sự tiếp nối nhiệm màu. Trời Nam se nắng, mây trắng bay, Thầy thông dong huyền hóa. Trời Tây mưa gió, buồn hiu. Nhìn về bên kia Đại dương, nhớ thương Thầy, nhớ luôn lời nói giọng thơ của Người.

*"Giăng mộ cổ
Mưa chiều hoeen ngấn lệ
Bóng điêu tàn
Huyền sử đứng trơ vơ
Sương thấm lạnh
Làn vai hờn nguyệt quế
Ôm tượng đài
Yêu suốt cõi hoang sơ."*

Ôm đại dương
Đến đi huyền mộng
Tình thương bạt ngàn

Ôm đại dương
Mặt trời chói chang
Gió đùa cùng sóng
Lệ rơi đôi hàng

Ôm đại dương
Ngôi mộ cổ
Cõi tịnh
Bình yên

Ôm đại dương,
tĩnh sâu nghĩa rộng
thênh thang tâm Thầy.

Ôm đại dương,
Từ thiên cổ
đến vô cùng
Trời mây hội tụ
Pháp Hoa muốn trùng

Ngày Chung Thất của Thầy
Sacramento, CA. Jan.10.24
Tâm Thường Định kẻ thù



ĐỀU LÀ THÁNG CHẠP

Mưa sẽ rắc sắc vàng nguyên đán
Ôi muôn trùng vỗ cánh tôi ba mươi.

*Nơi nào cũng đều là tháng chạp
những góc trời bông huệ bông trang
mang rom rạ viền quanh vườn dưa chín
ta về hong lại những tàn hương.*

*Nơi đâu cũng đều là tháng chạp
đi lang quanh đụng mặt giao thừa
đất sẽ đợi nghe rền tiếng pháo
tuổi của trời rung rẩy tôi ba mươi.*

*Chùng lất phát chùng mông mênh tháng chạp
vạn thọ thơm và áo mới thơm
mời ghé lại một lần nâng chén ngọc
bày tiệc mừng bên những tháp chuông.*

*Mưa rất nhẹ rắc vàng lên nếp áo
sắc hương người phứt chóc sẽ lên men
con đường giữa bùng binh đầy xác pháo
đất thảo thơm chờ dậy gió đầu năm.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP



Truyện cực ngắn HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

HIÊN NGANG

Mặt trời đã bắt đầu ngả về phía tây, ánh vàng tỏa ra mênh mông. Không cần quay đầu nhìn lại, ông cũng biết dải sáng vàng đỏ đang bao phủ và mơn man khu phố nhỏ mà ông đang ra sức canh giữ nằm dưới chân ngọn núi này. Ánh hoàng hôn chiếu sáng lên mái tóc bạc trắng và chòm râu bạc, cả khẩu súng dài mà ông đang khoác trên vai. Ông nhìn đăm đăm về phía chân trời, không ngừng quan sát động tĩnh. Trong khi đó, đàn em nhỏ tan trường tung tăng trở về nhà và các quán xá chuẩn bị lên đèn, một buổi tối bình yên lại đến. Cả quãng đời tuổi trẻ ông đã dành để dựng xây nên thành phố nhỏ này, nơi ông sinh ra và cống hiến. Bây giờ còn một chút sức tàn, ông lặng lẽ dựng một căn nhà nhỏ phía trên núi, vừa sống bình yên vừa có thể canh giữ được cho khu phố thân quen. Đối với một chiến binh, trận chiến luôn kéo dài cả cuộc đời, không bao giờ ngưng nghỉ. Cái cách ông chiến đấu, tận tụy với trận chiến cuộc đời cũng chính là ý nghĩa cho sinh mệnh của ông. Cho dù đã bao lần đổ máu, những vết thương ngày nào vẫn còn tê buốt mỗi lúc đêm về nhưng ông luôn yêu quý sự lựa chọn của mình và đi đến cùng tận. Mỗi bình minh lên, sau khi ăn sáng và uống trà, ông lại vác súng lặng lẽ quan sát đường chân trời, nhìn xem động tĩnh hay có kẻ thù nào đến tấn công hay không. Bất cứ điều gì đẹp để đều cần phải ra sức bảo vệ vì rất dễ làm mỗi ngon cho lũ cướp đời cho nên không bao giờ được khinh suất. Đây là bài học bằng máu mà ông dùng cả đời mình để học cho thuộc lòng. Canh giữ thành phố tâm tư mình cho cẩn mật, nuôi dưỡng những điều dịu dàng và đẹp đẽ giữa thế cuộc ngổn ngang hoang phế đòi hỏi một sự kiên trì dũng cảm phi thường và cả sự đơn độc quý phái nữa. Với tất cả sức tàn và thời gian còn lại, ông vẫn hiện

ngang đứng đó, nhìn thẳng về phía chân trời. Và cái dáng hình đó của ông sẽ được tạc vào lịch sử vì người lính già không bao giờ chết, chỉ mờ dần trong cát bụi thời gian.

Sài Gòn, ngày 24/8/2023

CƯ NGỰ

Ngày còn trẻ tuổi, hẳn khát khao trời rộng, muốn đi xa và bay cao để thay đổi chính mình. Hẳn đã cố gắng nhiều và cũng thỏa được khao khát. Thế giới mở ra dưới chân, vùng trời khác cũng đã chào đón hẳn bằng lòng hiếu khách lần sự giữ kẻ chừng mực. Hẳn mơ ước thay đổi vị trí của mình và có một đời sống khác. Cả điều này đi nữa hẳn cũng đã thực hiện được. Giờ bước vào tuổi trung niên, rửa tay gác kiếm, hẳn thi thoảng nhớ lại giấc mộng ngày xưa. A nhân sinh chỉ là một giấc mộng dài và ta chỉ là kẻ lữ du đi qua các nền văn hóa, đi qua cuộc đời hư ảo này thôi. May ra chỉ còn kỷ niệm và văn chương là chút còn lại sau cùng. Biết bao nhiêu hành lý đã bỏ xuống để bước đi cho nhẹ nhàng hơn. Cuối cùng hẳn chỉ mang theo chính mình. Đó là thứ hẳn không thể vứt bỏ. Quả vậy, cho dù có đi đến đâu và ở nơi chốn nào, hẳn cũng đều phải mang theo chính mình như chú ốc sên mang theo vỏ ốc. Chạy trốn chính mình chỉ là ảo tưởng. Cho nên người khôn ngoan nhất là phải biết đấu tranh để sớm nhận diện và chấp nhận chính bản thân mình trước khi thông cảm và chấp nhận kẻ khác. Nhưng tuổi trẻ là nông cuồng, là khiêu khích, là chối bỏ thân phận để lao vào những cuộc vui tìm quên phụ phiếm. Để sau tất cả những nỗi trống rỗng rã rời, tình đời bội phần, tự giương mắt mà nhìn lại chính mình thôi. Sẽ rất đau đớn, sẽ nhiều dằn vặt,

thậm chí cả buồn thương xa xót. Nhưng rắc muối vào vết thương chính là để cho vết thương sớm lành hẳn. Và rồi từ đó một con người chấp nhận thanh thản, một chiến binh đi vào đời, chiến đấu bằng tất cả những gì mình có. Mười năm, hai mươi năm qua, con ốc sên vẫn mang theo vỏ ốc, kẻ chiến binh già cũng mang theo chính mình làm hành lý. Sau khi rút lui, già tử vũ khí, sống những ngày tàn thanh thản thì hẳn ta cũng an bình cư ngụ trong chính bản thân mình. Thân xác đã như căn nhà cũ kỹ xập xệ nhưng đó là căn nhà duy nhất. Hẳn cố gắng sửa sang lại được chừng nào hay chừng đó, trân trọng từng giây phút bình yên trong căn nhà thân thể, ngắm mây trời chiều trôi lơ lửng như cuộc đời của mình dần dần đi qua. Ngôi nhà thân thể đã che chắn nắng mưa và là nơi duy nhất cho hẳn cư ngụ thanh thản giữa chốn bụi bặm phong trần. Đó cũng là thành trì kiên cố để hẳn có thể suy tư độc lập và triển khai cách sống theo đúng như tư tưởng của riêng mình như một cá nhân riêng biệt.

Sài Gòn, ngày 29/8/2023



CẢNH TƯỢNG

Anh xách xe chạy vòng quanh thành phố. Đường lộ đông đúc, quán xá nhộn nhịp nhưng anh luôn cảm thấy thiếu vắng hơi người. Xe cộ chen sát nhau nhưng mặt mũi ai nấy đều căng cứng, phăm phăm băng về phía trước thật nhanh, không nhìn lấy một chút gì xung quanh mình cả như sợ lãng phí sức lực và thời gian. Những cô gái phục vụ trong quán ăn và tiệm cà phê lạnh lùng tính tiền và nhấn chuông gửi đồ ăn thức uống. Không có lấy một nụ cười dễ mến nào của ngày xưa. Có lẽ anh đã già thật rồi. Cái lưng nhức mỏi của anh nhắc nhở anh phải dừng chân nghỉ mệt. Anh ghé một tiệm cà phê quen tuy mới mở chưa lâu, cao vút ba tầng lầu, cố gắng bước lên tầng ba cho vắng vẻ. Thường thì giới trẻ hay ngồi tầng trệt và tầng một, hai vì có máy lạnh. Tầng ba thì nóng nực nhưng có không gian mở ngắm mây trời. Ngồi vào chiếc bàn quen thuộc, chiêu một ngụm cà phê, anh nhìn xuống sân trường học sát cạnh bên. Đã gần hết một mùa hè nhưng cây phượng giữa sân trường vẫn còn sót lại một hai cành hoa đỏ thắm. Chiếc ghế đá giữa sân trường vắng vẻ trông thật hiu quạnh. Anh nhìn thấy hình bóng của mình mấy mươi năm trước ngồi đó chờ đến giờ giảng dạy. Mới đó mà đã thật xa xăm như một kiếp đời nào. Những đám mây trắng lơ lửng trôi như ngày xưa. Anh vẫn rầu buồn lẻ loi như cũ mà thêm phần già nua. Bây giờ nhìn lại, những giấc mơ tuổi trẻ khiến anh mỉm cười, những ngộ nhận và niềm đau xưa cũ cũng dần nhạt phai. Bạn bè ngày đó tú tẩn khắp phương trời, chưa một lần gặp lại, ai cũng có cuộc sống riêng của mình. Cuộc đời cuối cùng là như vậy. Chỉ một mình ta mang ta và theo ta đi qua trường mộng dài dang dặc. Cuộc sống không ngừng tiếp diễn, con sóng thời gian đẩy đưa khiến lớp người như anh dần xa khỏi chốn náo nhiệt, trở thành những người cũ để cho những lớp người mới thay thế dựng xây. Anh hiểu rõ điều đó khi nhìn xung quanh mình và khi đi đến bệnh viện. Ngày đó, khi anh chạy ra đường thấy mình còn thanh niên biết bao, giờ nhìn lại xung quanh, có khi mình là người già nhất trong dòng người chờ đèn đỏ. Ngay cả ở bệnh viện, anh cũng thuộc lớp già khi thấy rất nhiều

bạn trẻ đến khám bệnh, chủ yếu là viêm dạ dày và đau cột sống. Âu cũng là căn bệnh của thời đại mới. Anh biết vậy nên mỉm cười bao dung và tha thứ cho mình vì tật hay quên, vì lẫm cẩm vạ chân, vấp tay vào chỗ này chỗ khác, đôi khi trần trọc khó ngủ suy tư. Con đường nhân sinh này ai mà chẳng phải trải qua kia chứ? Còn bình an mà sống là may mắn lắm rồi. Anh đứng đây ngắm mây trời thêm chút nữa rồi xuống cầu thang lấy xe chạy về nhà. Đám trẻ trong quán mãi mê bấm điện thoại hay chăm chú vào màn hình máy tính với vẻ nghiêm trang đạo mạo, các cô gái phục vụ mặt vẫn lạnh lùng như những con rô bốt. Anh lấy xe chạy về, mỉm cười tự nhủ thôi xem như thế hệ già nua như mình còn lại là để giữ chút tính người cho thành phố.

Sài Gòn, ngày 1/9/2023

DIỆN THOẠI

Anh mang chiếc điện thoại cũ kỹ của mình ra tiệm sửa chữa. Màn hình đã xuống cấp, mấy phím ấn cũng đã mòn, chưa kể bộ nhớ cũng đã gần đầy. Thường người ta sẽ không ngần ngại gì mà mua ngay chiếc điện thoại mới. Nhưng đối với anh, chiếc điện thoại này là kỷ niệm, vứt bỏ đi không đành. Hơn nữa anh chẳng có nhu cầu gì nhiều ngoài dùng để nghe, gọi và chơi vài trò chơi đơn giản. Người thợ đã quá quen thuộc với anh, lặng lẽ thay màn hình và sửa lại mấy cái phím ấn. Cấu hình điện thoại không thể nào nâng cấp được nữa. Cũng giống như cuộc đời của anh. Mỗi thế hệ người cũng như một dòng xe hay dòng điện thoại, chỉ có bấy nhiêu chức năng, chỉ có bấy nhiêu thời gian sử dụng. Chúng ta chỉ có thể sửa chữa mấy linh kiện nhỏ, còn về những thông số cơ bản thì vẫn phải mang theo đến cuối cuộc đời mình. Thế hệ của anh không có những sự nhạy bén của những chức năng tiện ích hiện đại, chỉ có thể chăm chỉ cố gắng đi lên bằng chính sức lực của mình. Anh như chiếc điện thoại, đã cũ mòn đi nhưng vẫn còn sử dụng tốt. Vậy nên ngoài việc dành thời gian nghỉ ngơi, phục hồi, anh vẫn sống hết sức mình có thể, xoay xở những điều quan trọng nằm trong tầm tay và khả năng của mình. Điện

thoại đến lúc nào đó sẽ bị hư, cần phải được thay thế bằng một chiếc điện thoại mới. Anh phải tháo sim ra để ghép vào một chiếc điện thoại mới, một thân xác mới. Nhưng số điện thoại nhận dạng vẫn là chính anh, anh vẫn là chính mình dù dưới hình dáng nào đi nữa. Cho đến lúc đó, anh vẫn còn nhiều thời gian. Trên đường về nhà, nhìn thấy các bé học sinh cấp ba túa ra khỏi trường như đàn chim trắng, anh chợt nhớ lại mình cũng đã từng như vậy hơn ba mươi năm xưa. Anh đã sống và tương tác với cuộc đời này theo cách của thế hệ mình, theo cách của riêng anh. Những chiếc điện thoại sau này màn hình có lớn hơn, mỏng hơn, đẹp đẽ hơn nhưng cuối cùng vẫn chủ yếu là dùng để nghe gọi, nhắn tin và giải trí. Thế hệ sau có nhiều điều khác biệt, nhiều lợi thế hơn thì cuối cùng tất cả đều phải sống cuộc đời mình như vốn dĩ đã thế từ ngàn năm nay. Sự phát triển chỉ là phương tiện giúp cho cuộc sống chứ không phải là chính bản thân cuộc sống. Ta cần phải ngưng sự so sánh và quay trở về với những điều căn bản và giá trị cốt lõi. Anh vẫn còn đây, ở lại với chính mình. Đời vẫn căng buồm trong gió lộng, anh vẫn còn đi được một đoạn đường dài, vẫn bắt sóng được ý nghĩa cuộc đời cho mỗi ngày mới, đồng thời gia tăng vốn sống từ bộ nhớ cũ để có thể điềm tĩnh và khôn ngoan hơn. Anh đã từng đánh giá về chiếc điện thoại của mình "thật là bền bỉ, đáng tin cậy". Và anh hy vọng đó cũng chính là sự đánh giá của hậu thế về chính cuộc đời anh.

Sài Gòn, ngày 22/9/2023



DẪN ĐƯỜNG

Anh lái xe chậm chậm qua một cung đường xanh mướt. Hai bên là hàng cây xanh vòm lá đan xen

vào nhau khiến con đường gần như trở thành một đường hầm làm bằng tán lá xanh. Vài chú bướm vàng bay lượn trước mũi xe. Thật là bình yên và thoải mái. Chiếc xe thật tiện nghi và có đủ đầy chức năng lái tự động tuy thế anh chưa bao giờ sử dụng đến. Anh cầm chắc tay lái và tin tưởng vào chính bản thân mình. Anh cũng cố gắng không để cảm giác phấn khích trước sự đẹp đẽ của cảnh quan để khinh suất nhẩn ga nhanh hơn. Anh vẫn lái xe theo cách của riêng mình, theo nhịp điệu riêng mình. Khi mưa xuống, khi nắng lên, khi qua cung đường gập ghềnh xuống cấp hay qua những ngõ hẹp không tên, những đoàn xe chen kín, anh vẫn giữ một tâm thế bình thản như vậy. Cái cảm giác xe ngày càng tăng, anh càng lái nhuần nhuyễn hơn là kết quả của bao nhiêu luyện tập mệt mỏi, của những tháng ngày không tên kiên trì bền chí chạy trên con đường vắng vẻ một mình. Nếu anh lúc nào cũng để cho mình vui buồn, hờn giận thất thường ảnh hưởng đến tay lái thì lập tức chiếc xe cũng chạy khi nhanh khi chậm, khi giật giật ảnh hưởng đến máy móc lâu dài. Chiếc xe gần như đã hiểu hết được ý anh và nhiều khi anh cũng muốn bật chế độ lái tự động. Nhưng như vậy thì còn gì thú vị của việc chạy xe? Anh là bạn của chiếc xe nhưng đồng thời là chủ của chiếc xe nữa. Anh muốn tự tay mình có thể trải nghiệm từng khoảnh khắc hành trình. Đôi khi anh dừng lại nơi trạm nghỉ, uống một tách cà phê, nhìn chiếc xe triu mến, châm nước cho bình xăng rồi lại tiếp tục con đường độc hành viễn du. Anh cũng quan sát máy móc thật kỹ lưỡng, châm nước bình, kiểm tra bình điện hay thay nhớt bảo dưỡng định kỳ thường xuyên để chiếc xe cho anh một cảm giác yên tâm hơn nhiều khi đi qua những chặng đường khúc khuỷu, tối tăm với chiếc đèn xe sáng rực. Việc lái xe đã trở thành nghệ thuật và người lái xe đã trở thành nghệ sĩ. Chiếc xe tâm thức đó của anh đã cùng anh đi qua bao chặng đường của tư tưởng, khai phá chên vênh bờ cõi một mình. Tâm thức của anh chính là người bạn thân thiết, chưa từng làm anh mất kiểm soát vì những cơn cảm xúc đến và đi thất thường. Cũng giống như một chiếc xe đáng tin cậy trên đường dài, anh và tâm thức của mình gắn kết với nhau như những người bạn nhưng không bao giờ anh quên mình chính là chủ của tâm trí, chủ của chiếc xe. Anh không bao giờ phó mặc tâm tư của mình đi lang thang không kiểm soát như chế độ lái tùy ý tự động mà tinh tế quan sát và cảnh giác mỗi phút giây. Sự an toàn của chuyến đi phụ thuộc điều đó. Khi lái xe tâm thức an toàn trở về chính căn nhà hữu thể của mình, anh cảm thấy niềm vui êm dịu của người làm chủ được nghệ thuật sống.

Sài Gòn, ngày 9/10/2023



NGÂM LỆ

*Hàn sĩ chiều nay như đạo sĩ
Neo thuyền bên hang động dạo chơi
Cổ nhân đánh chén trên bàn thạch
Nay ta ngâm lệ đứng bên trời.*

MAI MỘT VỀ

*Mai một về tắm dòng sông cũ
Vóc nước uống trăng nhớ lại người
Vàng trắng thơ dại theo con nước
Ngược xuôi trăng chảy lục bình trôi*

*Mai một về qua cầu tình phụ
Biết trẻ trăng người đã qua sông
Vân tìm lại căn nhà ngày đó
Đường xưa trơn trượt lối rêu phong*

*Mai một về quần quanh phố chợ
Ghé bàn xưa quán nước năm nào
Nghe trong trí nhớ bài hát đó
Chợ hỏi bụi đường sao mắt cay?*

*Mai một về hỏi thăm ngã bảy
Sao một mình ta ở ngã ba
Người rẽ phải hay qua lối trái
Ta biết về đâu gặp lại người*

*Mai một về, thôi không về nữa
Tóc bạc ly hương ngóng biển trời
Nhớ bài thơ cũ thời lãng mạn
Đã năm mươi năm viết tặng người.*

(11/2023)

thơ THƯƠNG TỬ TÂM

Giác ngộ

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cô công chúa trẻ nhất của lãnh chúa đang du hành từ nhà cô ở Kyoto tới thủ đô ở Edo thì trông thấy một người đàn bà bé nhỏ nằm bên vệ đường. Cô công chúa ra lệnh cho đoàn tùy tùng của mình ngừng lại và đỡ bà già lên, bà này gần chết vì lạnh lẽo và đói khát. Cô công chúa đã cứu sống người đàn bà và khi người khách này của cô đủ mạnh mẽ để có thể tự đi một mình, công chúa tặng cho bà ít tiền và chiếc khăn quàng ấm áp của cô.

Người đàn bà biết ơn, trao cho công chúa một gói nhỏ và nói: "Xin nhận cái này."

Công chúa hỏi: "Đây là vật gì thế?"

"Một cái gương thần kỳ."

"Cái gì khiến nó thành thần kỳ vậy?"

"Nó sẽ cho cô thấy cái bản chất thật sự của cô," người đàn bà nói thế rồi bỏ đi.

Công chúa chẳng nghĩ ngợi gì về món quà, để nó qua một bên cho tới khi cô đến thủ đô. Khi dỡ hành trang sau chuyến đi cô mở túi sách và nhìn vào tấm gương cô há hốc mồm vì ngạc nhiên.

Cái mà cô thấy là một con công xòe cả bộ lông và nhận ra màu tím của cái đuôi con công giống y như màu hoàng gia của riêng cô. Cô kính hãi vội bỏ cái gương thần vào trong hộp đựng nữ trang của cô rồi khóa lại và cố xua đi những cái mà cô vừa thấy ra khỏi tâm trí mình. Tuy thế, ngay khi bước vào trong cung điện, dù cho nghe được những lời tán dương, công chúa vẫn không thể xua hết đi khỏi đầu óc mình cái hình ảnh con công.

Công chúa buồn bã suy nghĩ mãi về bản thân mình, thấy mình chỉ là một con chim phù phiếm, hão huyền và cuối cùng cô nhận được ra rằng cái gương đã nói lên sự thật.

Mặc cho thân phụ cô phản đối, cô thoái vị khỏi địa vị vương giả của mình và vào một Thiền viện dành cho các nữ tu, tại đó cô nhanh chóng thăng

tiến lên một địa vị cao - một địa vị được trao vì cấp bậc và sự thông tuệ của cô.

Ngày cô nhậm chức trụ trì, cô lại nhìn vào cái gương thần kỳ và cô thấy một con chim đại bàng bay vút lên bầu trời cao, vượt hẳn mọi chim khác. Công chúa lại thấy bối rối.

"Ta tìm kiếm địa vị cao sang trong đây để làm vui lòng thân phụ ta chăng?" cô tự hỏi lòng. "Lẽ nào đến khi lia trần ta cũng không đạt được sự giác ngộ?"

Cô thấy tất cả mọi sự thành đạt của cô đều giả tạm vì cái hình ảnh chim đại bàng bay cao vượt trội trên bầu trời cứ mãi ám ảnh và cho biết là cô đang vượt lên cao trên tất cả. Khi nhiệm kỳ trụ trì của cô mãn hạn, cô chuyển qua một mái lều đơn sơ, nơi đó cô có thể tọa thiền và đi khất thực để sống.

Cô già đi và trở thành một bà già khiêm tốn. Bà học hạnh từ bi. Bà được mọi người sùng kính và thương yêu, tuy nhiên bà vẫn chưa đạt được giác ngộ.

Một buổi sáng, về cuối cuộc đời của bà, một cơn bão tố thét gầm thổi qua túp lều của bà, đồ đạc bị liệng ra tứ tung. Khi đi thu dọn, bà tìm được chiếc gương thần kỳ mà bà tưởng đã bị cuốn mất luôn. Cô công chúa thuở xưa nhìn thẳng vào trong tấm gương và thấy:

...một bông hoa màu tím cùng với cả rễ của hoa, có đất bao ở quanh rễ và nước làm ẩm đất, màu xanh của toàn trái đất, ngay chính cả trái đất, cả thái dương hệ và vũ trụ, và bao gồm tất cả - Tâm Phật vĩ đại.

Bà nói: "Giờ đây ta có thể yên ngủ yên rồi."

(phỏng dịch theo "Zen Fables For Today" của Richard McLean)



Nhớ mãi lời Thầy dạy!

THÍCH NỮ DIỆU NHƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thầy rời xa chúng con, một thoáng trôi qua, tuần thất thứ bảy vội vã đã tới rồi. Chỉ còn khoảnh khắc nữa thôi, xá lợi tro của Giác Linh Thầy hoà mình vào đại dương, về với đại nguyện của Ngài. Nơi đây, chúng con xin hướng vọng về cung kính tiễn biệt Giác Linh Thầy.

Một bậc Thầy, khiến chúng con luôn có cảm giác tinh thần nhẹ nhàng, như tiếp thêm năng lượng vững chãi, như tăng thêm tính dũng khí để tinh tấn vào việc tu học và hành trì, như lý và sự, như bi và trí, như phước và huệ... tất cả trong cuộc sống đều cần phải cân bằng.

Đạo thầy Bi-trí khai thông

Pháp thầy dạy rõ chân tâm cội nguồn

Ân thầy toả sáng muôn phương

Tình thầy trải khắp chúng sanh muôn loài.

Một bậc Thầy khả kính, nghiêm khắc, thân thiện, mộc mạc, giản đơn, luôn nở nụ cười mỗi khi đến lớp, thường chú tâm và đặt hết những tâm huyết vào bài giảng của Thầy. Thầy toàn tâm toàn ý giảng giải từng ý nghĩa, để hợp với từng quốc độ, từng căn cơ trình độ của mỗi người, Thầy luôn vận dụng kế lý kế cơ, để cho học trò của Thầy tiếp nhận một cách dễ hiểu nhất. Chúng con chưa bao giờ thấy sự nóng giận, hay nản lòng của Thầy mỗi khi đến lớp dạy Tăng Ni sinh, dù lần đó có vị không hiểu bài, hay có lúc trả bài không thông, cho đến buổi học đó có vị vắng mặt... Thầy vẫn hoan hỷ điềm nhiên.

Hơn thế nữa, Thầy luôn đưa ra những lời dạy ví dụ cụ thể nhất, thường nhật trong cuộc sống nhất, để chúng con ứng dụng. Thầy đưa ra những kinh nghiệm sống quý báu của Thầy để động viên, an ủi, khuyến tấn khi học trò gặp lúc trở ngại.

Dẫu rằng, những lớp học đã mãn từ lâu, chúng con lớn lên mỗi người mỗi hướng, nhưng cảm giác tình thương Thầy vẫn luôn dõi theo, luôn động viên dạy bảo. Có lúc chúng con cảm thấy bất an trong cuộc sống đầy hỗn loạn, thì một cảm giác in như Thầy đang có mặt an ủi sách tấn vậy. Tình thương cao quý của Thầy dành cho chúng con vẫn còn in đậm, in như những năm tháng còn đang theo học các lớp của Thầy dạy thời đó vậy.

Vào thời điểm đó, ai theo Thầy để học cũng đều bị chướng ngại, việc đi lại vô cùng khó khăn. Gây khó là do thiếu chánh kiến của những vị bất đồng lý tưởng, bất đồng quan điểm với Thầy. Ngay cả đến vị Trú trì tại chùa đó, nếu vị nào ở chùa đó, muốn xin đi học các lớp của Thầy dạy cũng trầy vì tróc vảy, cộng thêm những người chuyên canh giữ hay hãm dọa, làm le đến các Chùa...

Nhớ lại lần đó, họ mời chúng con đến làm việc tới lần thứ tư, cứ hỏi tới hỏi lui Thầy Tuệ Sỹ dạy gì mà đến học..., cảm... không được đến...! Buộc chúng con phải thưa. A Di Đà Phật! Xin hỏi quý vị cũng có học luật để hành nghề mà, đúng không? Nước có

phép nước, nhà có luật nhà. Trong nhà Phật cũng vậy, người xuất gia cần phải học Kinh-Luật-Luận của đức Phật dạy, để biết mà tu mà đi cho đúng đường, để chỉ cho tín đồ Phật tử biết mà thực hành. Thấy chúng tôi dạy đơn giản lắm, để hiểu lắm, như ăn cơm bữa vậy đó, nhưng phải thật học thật tu cơ, mới thấm hiểu được. Giáo lý của đức Phật, được Thầy chúng tôi nói ra bằng cả trái tim của một bậc chân tu, trọn tấm lòng vì yêu thương Quê hương Đạo Pháp và Nhân loại. Ôi! Nếu nói ra chắc suốt cả năm cũng chưa hết mô. Á! chúng tôi xin tóm lược sơ qua lời Thầy dạy, cho quý vị dễ hiểu đó là:

"Không làm các việc ác, thực hành các việc lành, giữ tâm ý trong sạch, chính lời Thầy chúng tôi dạy." Còn nữa, Thầy chúng tôi dạy khi tụng kinh, tu tập xong rồi nên hồi hướng... cầu cho thế giới hoà bình, muôn dân an lạc, luôn rải tâm từ cầu cho đất nước và khắp muôn dân. Đơn giản vậy đó, nếu ai hành trì sẽ được lợi lạc, phước báu vô cùng, còn trật tự cho xã hội nữa. Khi một đất nước trật tự, thì tệ nạn xã hội sẽ giảm đi, đất nước đó luôn hùng mạnh, lòng yêu thương con người sẽ lan toả. Khi lòng biết ơn có mặt thì sự bình an hạnh phúc sẽ có mặt. Quý vị biết không? khi chúng tôi đọc hồi hướng như vậy, ở chỗ mô có người tin và thực hành lời Phật dạy, mà tâm họ không gian ác cũng đều hướng được hết. Ngay cả Ôn mẹ cha mẹ chú bác o di... và cả mấy chú cũng rứa, thì quý vị quá lợi, chứ rằng lại cấm chúng tôi không được theo Thầy Tuệ Sỹ học. Rằng mà mấy chú mệt hi, cứ mời tới mời lui hoài rứa! Lần này chúng tôi hầu chuyện lần chót. Nếu có mời nữa, xin thưa trước sẽ không tới mô... Họ trở mặt vì giọng Huế nên giảm... và cũng hết mãi luôn!

Nhớ lại đoạn đường đặng cay đã qua. Như bản nhạc "Thối Đới" (Chế Linh). Con xin pha một chút "đời tu sĩ đầy ải gian nan, ai chưa trải qua, chưa phải thầy chùa, trông thối đời, cười ra nước mắt..." Dẫu vậy, nhưng ai nấy vẫn kiên trì nhẫn nại, vẫn siêng năng bất chấp thế sự rào cản, chỉ đơn giản vì để được dự các buổi học của Thầy dạy mà thôi.

Nhớ lần nọ, chúng con đến thỉnh ý Thầy, xin Thầy khai thị chỉ giáo hướng dẫn cách chọn đề tài để viết luận án tiến sĩ, cho năm học tốt nghiệp sắp tới.

Thầy dạy, nên chọn đề tài nhỏ lại, như chúng ta định xây một căn nhà, khả năng tài chánh của mình xây xong ngôi nhà đó, vẫn còn dư lại.

Thì việc chọn đề tài cũng vậy, mình chọn đề tài nhỏ, nhưng tư liệu, tài liệu, sách báo... quá trình tích lũy thu thập lâu nay đã đủ, thì khi viết không bị lúng túng, tập trung sâu vào lãnh vực chuyên môn mình định viết mà nghiên cứu, để tìm tài liệu... phải nắm rõ lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu.

Cứ thế mà viết thì sẽ có một luận án chuyên môn, phong phú xuất sắc sớm hoàn thành thôi.

Một ví dụ hết sức thực tế dễ hiểu, tư duy logic, mang đậm tính nghiên cứu, của nhà giáo dục, nhà văn hoá, nhà triết lý, nhà đạo đức, nhà trí tuệ uyên

thâm... và nhà giáo lý chân thật Phật giáo của một bậc Đại trí nước Việt.

Cho đến tận bây giờ, lời dạy của Thầy vẫn còn vang vọng bên tai, nhớ nụ cười, nhớ giọng nói, nhớ nét chữ Thầy viết trên bảng, nhớ từng con chữ Thầy gõ trên bàn phím mỗi lần Thầy đến lớp dạy.

Với chúng con, được theo lớp học của Thầy – như được vào ngôi nhà Pháp Bảo. Luôn là nơi lưu lại những dấu ấn đáng nhớ nhất một thời học Ni của chúng con. Vì ở nơi đó, Thầy là Cha, là Thầy, với những huynh đệ, với những bằng hữu có mặt cho nhau vào thời điểm đó, cùng học một Thầy như nước hoà với sữa, tạo nên những dấu ấn kỉ niệm đẹp khó phai, suốt những năm tháng đến lớp được học theo Thầy. Chắc hẳn ai cũng có ấn tượng khó phai với một bậc Thầy nào đó. Nhưng người truyền dạy cho chúng ta đạt tới một pháp lạc ngay trong nội tâm của mình, đem pháp lạc hành trì đó đi phụng sự khắp mọi nơi. Vì lợi ích chung cho cả vạn loại chúng sanh. Thành quả thiết thực đó, nếu ai thực hành như lời Thầy đã dạy, thì sẽ xứng đáng thừa hưởng ngôi Pháp Bảo đó. Sẽ không bị cô phụ thâm ân Thầy đã truyền trao giáo pháp vi diệu cho chúng ta. Thầy hướng dẫn cho chúng ta đi theo con đường mà Đức Thế Tôn đã từng đi qua, trọn cuộc đời Thầy đã vì nhân sinh và đàn hậu học mà suốt đời này Thầy luôn tự duy, nghiên ngẫm, tầm mình trong Kinh điển để có được nhiều tác phẩm trọn vẹn chân lý sống của Phật giáo ra đời, đầy phước báu, đầy giá trị, đầy thực tế.

Khó phai nhất, đặc biệt nhất Thầy luôn sách tấn, luôn động viên khích lệ, luôn khuyên tất cả học trò học phải đi đôi với thực hành. Điều thiện nhỏ nhất cũng nên tích lũy, như giọt nước tích lâu sẽ thành chum lớn. Điều bất thiện nhỏ nhất cũng thế, không nên khinh thường, như đốm lửa nhỏ có khi đốt cháy cả khu rừng. Thấy thầy rõ bản chất sự sống xã hội lắm nhiều nhưng thời bấy giờ nên Thầy khuyên đem pháp Tứ Tất Đàn ra ứng dụng. Thầy khơi sáng tận nguồn tâm nơi hang cùng ngõ hẻm, chiếu suốt góc cạnh sâu thẳm nhất của lòng người, như đã từng bằng quên đi, nay tỏ ngộ xin quay về nương nấu một bậc Thầy của Nhân loại, để sống với cuộc sống như thật của chúng ta, với các pháp hiện hữu như đang là của chúng, mà chúng ta đang tiếp xúc, với pháp mẫu nhiệm của Thầy đã trao, đang trao, hiện tại ngay bây giờ và ở đây.

Hình bóng Thầy in đậm trong chúng con một bậc Thầy mô phạm, như một đức Bồ Tát thị hiện trên đất Việt, như đấng Cha lành hài hoà ngập tràn tình thương yêu, rất tình người.

*"Trần gian vật đổi sao dời
Chúng con một dạ đậm tri ân Thầy."*

Phật lịch 2567
Atlanta, Quý đông- Quý Mão 0124
Học trò, Diệu Như - Khế thủ cẩn bút



CHIM NHỎ TƯỜNG XIÊU

*vẫn là tiếng hót rong chơi
con chim nhỏ gọi mời tường xiêu
tà huy nghiêng bóng vai chiều
rải thơ tóc rối mấy điều trần ai
tiếc chi sợi vấn sợi dài
ngõ xưa treo gió cành mai hững hờ
áo xanh đòi núi sương mờ
hoang sơ câu hỏi mấy tờ lịch rơi
bức tranh muôn sắc vẽ vờ
xôn xao trăm cảnh rối bời thực hư
chập chùng điệu ngữ chân như
lặng nghe bản ngã mệt như tâm kinh
đội mưa vào phố lặng thinh
nghe như âm i một mình mùa xuân*

DÀN DỰNG HÌNH HÀI

*ngã vàng tay viết chữ run
thắm xanh, mực dối, thơ cùn, giấy bay
nhớ xưa dàn dựng hình hài
dáng trôi theo cỏ miệt mài cố hương
về đây chân âm phổ phường
chợt nghe dâu biển trầm hương miếu đền
đốc xưa hiu hắt chênh vênh
đá xanh rêu phủ gập ghềnh sương mai
tóc mây hoa nhỏ ai cài
vuốt thêm giọt nhớ xuân dài thiên thu*

thơ **THY AN**

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

NGỌC KIỀU DIỆU NHÂN

Công chúa vốn là con gái của Phụng Càn Vương nhưng được vua Thánh Tông nuôi trong cung từ nhỏ, lớn lên được gả cho vị châu mục châu Chân Đăng, người họ Lê. Cuộc đời vốn vô thường, cảnh vàng lá ngọc đó chẳng mấy chốc lại ra miền biên ải. Mạng người như hơi thở, vị châu mục vốn có bản lãnh vậy mà sớm rời bỏ trần gian. Công chúa – phu nhân châu mục ngán ngẩm cảnh đời, trước đó cũng từng tâm sự với thủ hạ:

- Ta xem thế gian hết thảy như mộng huyễn, huống gì là bọn giàu sang phú quý lại có thể nương tựa được sao?

Bởi vậy quyết chí xuất gia, thọ giới với thiền sư Chân Không và được ban cho pháp danh Diệu Nhân. Cuộc đời hành hoạt hoằng pháp kể từ đó rất mục tinh tấn. Ni sư Diệu Nhân đứng đầu dòng Tì Ni Đa lưu Chi đời thứ mười bảy. Một ngày kia có bệnh, biết mình sắp mệnh chung bèn cho gọi đệ tử đến đọc kệ:

"Sinh lão bệnh tử
Tự cổ thường nhiên
Dục cầu xuất ly
Giải phược thiem triền
Mê chi cầu Phật
Hoặc chi cầu thiên
Thiền Phật bất cầu
Uống khẩu vô ngôn"

**NGỌC KIỀU CÔNG CHÚA LÁ NGỌC CÀNH VÀNG
NHÀ LÝ CUỘC SỐNG SỰNG TỨC TẠI HỌA THI PHỤ
MỘT CHỖC BUÔNG BỎ HẾT BỜNG NGỘ RA THẬT
TƯỢNG**

**DIỆU NHÂN NI SƯ CƠM HẨM ÁO THỘ PHẬT
MÔN TU ĐỜI PHẠM HẠNH THÔNG TUỆ KỆ KINH
THÁNG NĂM DẪN THÂN HÀNH VÌ NHẬN RÕ NHƯ LAI.**



Sân Chùa Linh Ứng, tỉnh Bắc Ninh, nơi Ni Sư Diệu Nhân đã tu hành hơn 900 năm trước. (Hình: Văn Thành Đình)



*Xưa nay đạo vốn không lời
Lục căn thủ hộ sáng ngời tịnh tâm
Đừng vì mê hoặc thiên lâm
Giải trừ trói buộc nhận lầm lối ra*

Đời hiện đại nhiều kẻ có chữ lấy lập trường quan điểm giai cấp và vô thần để bình luận bài kệ này. Bọn họ không hiểu gì đạo pháp mà dăm ba miệng cho liễu sanh thoát tử là trái quy luật tự nhiên. Bọn họ còn hồ đồ bảo ni sư Diệu Nhân cảnh tỉnh kẻ mê liễu sanh thoát tử. Thế gian này đảo điên, kẻ mê không biết mình mê lại cho người tỉnh là mê.

GIỚI

Thầy trò nhà họ ra công viên chơi, một lát sau thì bọn trẻ khát nước bèn đến bên vòi nước công cộng toan uống. Chúng nhìn thấy xung quanh nước đọng thành vũng lầy lội và nhiều rác rến nên ngần ngại không muốn uống. Ông thầy thấy vậy khuyên:

- Các con cứ uống đi, bên ngoài dơ nhưng nhờ có đường ống bảo vệ nên nước bên trong tinh khiết.

Bọn trẻ nghe vậy liền nhào vô uống thỏa thích. Cuối buổi đi chơi ông thầy cho tụ họp lại rồi dẫn dụ:

- Chúng ta là Phật tử, ai cũng đã thọ năm giới, vậy năm giới giống cái gì và có lợi ích gì không?

Bọn trẻ nhao nhao trả lời nào là cái khiên bảo vệ, cái hàng rào ngăn cản, cái giới tuyến, cái lần ranh... Giữ giới để trở thành Phật tử tốt, để sau này mau khai ngộ hay dễ vắng sanh... Đợi cho lắng xuống chút ông thầy mới thủng thẳng:

- Giới là cái ống nước! Nhờ có đường ống mà nước bên trong không bị nhiễm dơ bẩn bởi môi trường bên ngoài. Nếu nước trong sạch nhờ đường ống thì tâm thanh tịnh nhờ giữ giới.

Bọn trẻ nghe ra, chúng hoan hô náo nhiệt cả lên.

CÔNG AN TÂN THỜI

Ông ấy là cán bộ có chút vai vế, trên có người cao hơn nhưng dưới cũng lắm kẻ thấp. Cái lý tưởng mà ông theo đuổi cả đời xem ra rệu rã lộ ra hết sự gian trá của nó, tuy vậy ông và đồng liêu vẫn bám vào đó để kiếm ăn.

Ngày ngày qua mạng xã hội ông biết hết bộ mặt thật của cái lý tưởng ấy, ngán lắm rồi nhưng ông sợ câu: "Trong sạch cạp đất mà ăn" nên muối mặt chịu dơ, cạp đất và cạp đủ thứ. Ông cũng nghe nói Phật pháp hay lắm, giúp con người thanh tịnh, giải thoát... nên mua mớ sách về đọc, lên chùa xin quy y, tập ăn chay, tụng kinh. Rồi ông thấy chỉ có thiền mới là "trí tuệ", mới có thể khai ngộ. Vì vậy ông quyết tham thoại đầu công án: "tiếng vỗ một bàn tay". Một thời gian sau nghĩ mình đã ngộ nên ông lên chùa trình pháp và xin thầy ấn chứng. Sư hội:

- Tâm không có tai sao nghe được tiếng vỗ một bàn tay?

Ông trả lời không được nên tui nghi ngờ ra về và cho là hòa thượng gàn, không thấy được sự khai ngộ của ông. Ông đem chuyện tâm sự với bọn đồng liêu, những tướng bọn họ đồng cảm nào ngờ có kẻ ý thể gộc lớn chế nhạo ông:

Công án gì đây cán bộ ông
Tham thiền tỏ ngộ cứ cuồng ngông
Tiền tham, đất cạp, ăn như hạm
Tô vẽ mặt mày làm cửa không
Chưa hết bề mặt lại có kẻ thuộc phe cánh trùm
cuối còn chơi ông sát ván luôn:
Công án tân thời dám thử chăng?
Âm thanh tiếng cạp một hàm răng
Dụng công vận sức mà ngâm cứu
Ngộ ra, dừng lại, chớ tham ăn!

TÂM LINH

Những thập niên gần đây, thuật ngữ tâm linh tràn lan trên mạng xã hội, len lỏi sâu vào đời sống thường ngày, nào là du lịch tâm linh, hành hương tâm linh, vật thiêng tâm linh...

Bọn tà sư, đồng bóng, thầy bà cô cậu... kết hợp với thể lực chính trị đồ, nhóm lợi ích và lực lượng xã hội đen xây dựng chùa chiền ngàn tỷ, dinh, miếu, am, phủ... khắp từ nam chí bắc, từ miền ngược đến miền xuôi. Để xây dựng những công trình ấy bọn họ phá rừng, xẻ núi, lấp ruộng, lấn biển, ngăn sông tàn hại môi trường thiên nhiên khinh khủng. Đám người ô hợp thừa tiền thiếu văn hóa, đạo đức và hiểu biết rần rần kéo đi du lịch tâm linh. Bọn họ nhét tiền vào các pho tượng, cầu xin phú quý, hanh thông quan trường và làm bao nhiêu chuyện mê muội. Có người thối mắc:

- Du lịch tâm linh là cái gì giống gì vậy?

Bạn của y cười cười:

- Tâm còn chẳng có thì nói gì đến linh, linh này linh tinh!

- Anh nói vậy chứ cũng linh lắm đấy, các cơ sở kinh tài đội lốt tôn giáo và bọn đầu tư hốt bạc khẳm luôn. Quan trọng nhất là trùm cuối ở trong bóng tối vừa thu tiền vừa lèo lái đám đông đi vào mê lộ.

Người kia thấy bạn mình nói đúng ý, đúng sự thật nên hứng chí:

Tâm đâu mà gọi là linh

Dựng trò mê muội mặc tình tung hê

Thị thành cho chí thôn quê

Buồn thân bán thánh một bề lưu manh.

MẶT TIỀN

Chuyện xứ quờn có nói đến Tết Công Gô cũng hỏng hết chuyện. Mới mấy năm trước có kẻ thấy phố xá - vỉa hè lộn tung phèo bèn sanh lòng bất bình xắn tay áo hùng hổ xuống đường dẹp loạn vỉa hè. Ông ấy tuyên bố:

- Tôi không dẹp được thì sẽ cởi áo về vườn.

Trời, lời ông linh như bà phán, vỉa hè mặt tiền là miếng mỡ béo bở của các quan và đám ăn theo, lẽ nào chúng để mất miếng ăn, bởi vậy anh hùng dẹp vỉa hè ngậm ngùi về vườn thật!

Sau nhiều năm triều đình và chính quyền sở tại kêu gào lập lại trật tự lòng lẽ đường. Thật sự thì chẳng ai tin vì xưa nay đã bị hồ nhiễu bận rồi, tuy nhiên mọi người không ngờ sự thể còn kinh khủng hơn họ tưởng. Năm nay quyết định cho thuê vỉa hè mặt tiền để mua bán kinh doanh, quyết định tranh ăn với tụi xã hội đen và những thế lực cát cứ vỉa hè, thế là khẩu hiệu lập lại trật tự vỉa hè lẽ đường quảng vào sọt rác. Dân có kẻ chơi chữ:

- Mặt tiền để ra tiền mặt cho những kẻ có máu mặt và kẻ có tiền, tiền mặt khiến bọn nó có máu mặt để chiếm lấy mặt tiền lại làm ra tiền mặt.

ĐẤT THÁNH

Quốc độ Sa Bà có một xứ sở lạ lùng mệnh danh là đất thánh. Mảnh đất nghèo khổ khô cằn toàn sỏi đá nhưng linh thiêng chi lạ. Cả ba tôn giáo đều giành mảnh đất này, ai cũng bảo là thánh địa của mình. Bọn họ đánh nhau, tru diệt, truy sát và thù hận suốt mấy ngàn năm nay. Một ông đạo mượn lời tiền nhân của ông mà hô hào:

- Giải phóng mộ chúa khỏi tay ngoại đạo.

Một ông đạo khác thì tuyên bố:

- Đất thánh của thượng đế, trục xuất và tiêu diệt hết bọn ngoại nhân.

Ông đạo còn lại mới hồi cư chưa được bao lâu nhưng nhờ có đại ca bên ngoài hỗ trợ nên mạnh hơn hẳn. Y bảo:

- Đất thánh của tổ tiên ta.

Cả ba bên nhào vào cẩu xé, đánh đấm và tàn sát lẫn nhau. Thịt nát xương tan, đầu rơi máu chảy, bom đạn lửa khói ngút trời. Ông đạo có kẻ ngoại nhân ủng hộ xem ra mạnh bạo hơn hẳn. Y cho người tàn sát cả dân lành của phía bên kia, tâm địa của y muốn độc chiếm đất thánh. Cuộc chiến vẫn dang dai chưa biết ngày nào kết thúc, nỗi thống khổ của dân nơi đất thánh chẳng khác gì địa ngục. Thượng đế từ trên cao thương xót bảo với các thiên thần:

- Bọn chúng nhân danh ta để tàn sát, chúng bảo là đất thánh để tôn vinh ta nhưng thật ra đang sỉ nhục ta!

Các thiên thần bay qua cõi nhân gian thì thào:

- Xương thịt người lầy trong đất đá, làm sao bọn chúng có thể phân biệt đâu là xà bần phe ta với xà bần phe nó?

XEM HỌ LÀM

Gần kề ngày Tết, các quan thay nhau lên ti vi kêu gào giữ gìn truyền thống, phát huy văn hóa dân tộc cũng như sống làm việc theo ông kẹ bà chằn nào đó... Dân chúng có ai thêm nghe đâu, họ chỉ thích xem mấy anh hề giả giọng hoắc hoắc nghe mấy thánh chú trên mạng xã hội thôi. Thăng Tèo nói:

- Mấy chả nói chẳng ai nghe, coi bộ thua mấy anh hề với mấy thánh chú.

Thăng Tí góp lời:

- Nghe mấy chả có mà chết! Coi mấy chả kia toàn xây biệt phủ kiểu Âu - Mỹ. Con du học bên Tây, tài khoản mở ở nước ngoài, uống rượu Tây... miếng thì hò hét chống nhưng mê Tây như điên điên.

Bàn nhậu nhà anh Tư cười rung rinh. Hồng biết chị Tư từ dưới bếp lên hồi nào mà nghe đặng chuyện mấy bợm nhậu tám. Chị Tư ròn ròn:

- Nhớ hồi nằm có ông gì đó nói đừng nghe tụi nó nói hãy nhìn tụi nó làm, ai đời vậy mà trúng y chang luôn!

Mấy bợm nhậu vỗ tay khen chị Tư quá trời làm chị Tư khoái, chị bèn đem thêm mấy món kiểu chuẩn bị cho ngày Tết đãi mấy ông thần sâu rượu. Ông Tám uống cái ớt ly để rồi ứng khẩu:

BIẾT PHỤ QUAN ĐỒ CHỨNG SỰ TỬ TÀU PHỒ
TUÔNG HIẾN ĐAI ẬU CHẬU XEM PHIM TÂY NGHỆ
KỊCH MỸ VẠN VẾT TÔN MÔM GÀO GIỮ GÌN TRUYỀN
THÔNG

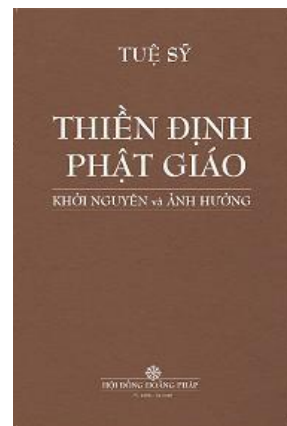
NHÀ TRANH DÂN ĐEN BÀY HOA QUẢ VIỆT TREO
TRANH CỔ TRUYỀN ĐÔNG HỒ COI TUÔNG VIỆT HÁT
NHẠC TA MẶC ÁO DÀI MIỆNG NÓI KHAI KHẨN CANH
TÀN.

ĐỌC SÁCH

'THIÊN ĐỊNH PHẬT GIÁO, KHỞI NGUYÊN VÀ ẢNH HƯỞNG'

của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

Huỳnh Kim Quang



TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trong một cơ duyên rất bất ngờ nhưng đầy thú vị vào những ngày năm hết Tết đến, tôi đọc được cuốn "Thiền Định Phật Giáo, Khởi nguyên và Ảnh hưởng" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ (*). Sách được Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN ấn hành như một món quà đầu năm Nhâm Dần 2022 cho tất cả những ai có duyên với Phật Pháp và đặc biệt với những người muốn tìm hiểu căn cứ về thiền định Phật Giáo, một trong ba con đường (Tam Vô Lậu Học: Giới, Định và Tuệ) đưa tới sự giác ngộ và giải thoát khổ đau.

Ngày nay Thiền đã được phổ cập khắp nơi trên thế giới như một phương pháp trị liệu hữu ích để giúp con người giảm bớt những căng thẳng, phiền não và khổ đau trong cuộc sống hằng ngày của cá nhân, gia đình và xã hội. Nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả mọi người đều có sự hiểu biết thấu đáo về thiền định Phật Giáo. Trong ý nghĩa này, cuốn "Thiền Định Phật Giáo" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ là cuốn cẩm nang không chỉ đáp ứng được nhu cầu hiểu biết trong lãnh vực pháp học (kiến thức) mà còn trong bình diện pháp hành (hành trì).

Sách dày 326 trang, gồm hai phần chính: Phần I gồm 6 chương nói về nguồn gốc và những tương quan của Thiền Định Phật Giáo với Yoga và các tôn giáo khác như Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo; Phần II gồm những trích dịch các phần tu tập thiền định trong Kinh Sa Môn Quả và các bộ luận như Pháp Uẩn Túc Luận và Tập Di Môn Túc Luận.

Ngày xưa ở Việt Nam tôi đã từng say mê đọc bộ "Thiền Luận" ba cuốn của Thiền Sư Nhật Bản Daisetsu Teitaro Suzuki do Giáo Sư Trúc Thiên và Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dịch. Ngày nay, tôi cũng lại say mê đọc cuốn "Thiền Định Phật Giáo, Khởi nguyên và Ảnh hưởng" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, nhưng trong một tâm cảnh khác. "Thiền Luận" bàn về thiền chốn ngộ của Thiền Tông Trung Hoa và Nhật Bản, trong khi "Thiền Định Phật Giáo" bàn về thiền chỉ quán theo truyền thống Phật Giáo truyền từ thời Đức Phật còn tại thế đến ngày nay, mà pháp môn Thiền Chánh Niệm hay Thiền Tuệ Quán (Vipassana) hiện đang thịnh hành khắp nơi trên thế giới là một trong những phương pháp tu tập của Thiền Tứ Niệm Xứ được nói đến trong cuốn "Thiền Định Phật Giáo."

Cái tâm cảnh khác mà tôi muốn nói khi đọc cuốn "Thiền Định Phật Giáo" là như bước vào một bầu trời mênh mông bát ngát mà ở đó người đọc có

thể nhìn thấy thiền định đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển của "tư duy nhận thức, tư duy tiến hóa và tư duy xã hội" của loài người trong suốt mấy ngàn năm qua. Đối với tôi, đây quả thật là một phát kiến đặc biệt rất hấp dẫn mà tác giả của cuốn "Thiền Định Phật Giáo" đã khai mở. Thật vậy, người ta khó có thể suy nghĩ hay hình dung ra được làm thế nào một phương pháp tu tập có vẻ chỉ hạn hẹp trong tôn giáo lại đóng vai trò trọng yếu và phổ quát như thế đối với nền văn minh của toàn nhân loại. Nhưng trong cuốn "Thiền Định Phật Giáo," Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã viết về mối tương quan giữa thiền định và các tư duy thuộc lãnh vực nhận thức, tiến hóa và xã hội của nhân loại như sau:

"Nói một cách phổ thông, định là một chức năng hoạt động của tâm lý nhận thức. Để nhận thức một đối tượng, giác quan (indriya: căn) cần phải tập trung trên đối tượng ấy. Năng lực và thời gian tập trung càng cao, đối tượng càng xuất hiện rõ ràng hơn. Không có định, tức không có sự đứng im không dao động của đối tượng và không có sự tập trung của thức trên đối tượng tương ứng ấy, thì nhận thức không phát sinh." (tr. 19)

"Trên cơ sở tâm lý học nhận thức như vậy, mọi hoạt động tư duy của tâm hay thức đều được gọi là định, không có định, sẽ không có nhận thức phán đoán. Tuy vậy, chỉ trong trường hợp sự chú tâm của thức trên một đối tượng được duy trì trong nhiều sát-na cùng với tín hiệu của đối tượng ấy tồn tại hiện tiền, bấy giờ nó mới được nói là định theo nghĩa định tức thiền (samādhi = dhyāna)." (tr. 20)

"Đoạn Kinh mô tả ngắn gọn này hàm ngụ ý nghĩa tiến hóa theo đó chỉ khi con người sống tập quán bấy giờ ý niệm tích lũy mới phát sinh. Để có thể tích lũy, nó cần có kỹ thuật để thu hoạch. Để có thể phát minh kỹ thuật, nó cần có khả năng tư duy. Tư duy để phát minh, nó cần có khả năng phán đoán tùy mức tích lũy kinh nghiệm trong quá khứ và dự phóng tương lai. Khả năng này cần có sự chú tâm vào mục đích hướng đến trong tương lai. Khả năng tư duy với sự chú tâm, tập trung ý thức vào một đối tượng cần đạt đến là hạt giống tư duy của người, mà trong lịch sử tiến hóa nó trở thành tư duy thiền định theo nghĩa phổ thông thuần phác nhất." (tr. 22)

"Cho đến lúc, một số người nhàm chán tình

trạng tranh chấp rồi ren cùng với sự tăng gia tội ác mang tính xã hội, đã đi vào rừng để sống cuộc đời tu dưỡng. Chính họ, trong đời sống trầm lặng, chiêm nghiệm thiên nhiên cùng với định mệnh con người, đã đạt được khả năng hồi tưởng ký ức nhiều đời. Đó là khả năng nhập định, tùy theo trình độ thấp hay cao của trạng thái định tâm. Căn cứ thời gian của các đời sống quá khứ được nhớ lại, họ lập thuyết về khởi nguyên thế giới và nhân sinh.” (tr. 24, 25)

Tất nhiên, trong cuốn “Thiền Định Phật Giáo” còn chuyên chở nội dung đa dạng và mới mẻ đầy lời cuốn đối với tội. Nói cách khác, mỗi trang sách, mỗi đề mục, mỗi vấn đề được Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ bàn đến một cách sâu sắc đều là những điều đáng để tôi học hỏi và thực hành.

Trong Chương II nói về “Khởi Nguyên Thiền Phật Giáo,” Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ nhắc đến câu chuyện Đức Phật kể lại việc Ngài đã tu tập thiền định như thế nào để chứng đắc đạo quả.

“Trong Kinh Tát-giá Ni-kiền Tử, đức Phật tự thuật, sau khi từ giả Ālāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta, Bồ-tát một mình tu khổ hạnh, luyện tập nín thở, tuyệt thực, cho đến khi kiệt sức. Sau đó chợt nhớ một thời lúc còn niên thiếu theo phụ vương dự lễ tịch điền, Ngài ngồi dưới bóng cây diêm-phù trầm tư và chứng đắc sơ thiền, và liên tục lần lượt cho đến chứng đắc thiền thứ tư. Y chỉ thiền thứ tư, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, Bồ-tát lần lượt chứng đắc Ba Minh và cuối cùng chứng đắc Đại Bồ-đề. Các tự thuật này cho thấy trước đó chưa có đạo sĩ nào biết đến bốn cấp thiền như vậy. Trong các tự thuật này không thấy nói đến bốn vô sắc định.” (tr. 37, 38)

Cũng trong chương này, có một chi tiết làm cho tôi rất thích thú. Đó là đoạn Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ kể chuyện nhà hiền triết Trung Hoa Trang Tử “dựa ghế mà ngồi, ngựa mặt lên trời mà thở” như là một hình thái của thiền định. Dù điều này đã được ghi trong Nam Hoa Kinh, nhưng xưa nay không thấy ai nói đến mối quan hệ của nó đối với thiền định.

“Nhu trong Nam hoa kinh, thiên Tề Vật luận chép: “Nam Quách Tử Kỳ dựa ghế mà ngồi, ngựa mặt lên trời mà thở, y như chôn mặt bạn lừa. Nam Thành Tử Du đứng hầu phía trước, nói: “Nhu vậy mà còn ở đó được sao? Hình hài há có thể khiến cho như cây khô, mà tâm thì có thể khiến cho như tro tàn người lạnh sao? “. Tử Kỳ nói: “Này Yển, câu hỏi há không phải khéo lắm sao! Ta nay quên mất cái Ta, anh biết không? Anh nghe tiếng sáo người mà chưa nghe tiếng sáo đất. Anh nghe tiếng sáo đất mà chưa nghe tiếng sáo trời chăng!”

“Trang Tử “dựa ghế mà ngồi, ngựa mặt lên trời mà thở”, ngồi yên trong tư thế thích hợp, và thở theo phương pháp nào đó, đây là những điều cần thực hiện để có thể đạt đến mức tư duy lắng đọng, sâu thẳm, ta thấy Ấn-độ hay Trung quốc đều có điểm chung, và điều đó là điểm chung của loài người, có thể nói như vậy.” (tr. 35, 36)

Trong chương này, Hòa Thượng cũng đã nhấn mạnh đến một sự kiện khá quan trọng là Tứ Thiền và Tứ Vô Sắc Định là các loại thiền định chỉ có trong Phật Giáo chứ không có trong các phương pháp thực hành thiền định của các truyền thống tôn giáo khác.

“Nói một cách tổng quát, bốn thiền và bốn vô sắc định là hệ thống thiền-định đặc hữu trong Kinh Phật.” (tr. 39)

Nhưng ý nghĩa của thiền định là gì?

Tác giả cuốn “Thiền Định Phật Giáo” đã giải thích một cách rõ ràng ý nghĩa của thiền định trong phần “Từ Nghĩa Luận” thuộc Chương III ‘Thiền & Yoga’. Trong phần này, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã giải thích ý nghĩa của hai từ thiền và định riêng biệt giúp người đọc hiểu rõ hơn về thiền định.

Trong giải thích ý nghĩa về định, Hòa Thượng đã viết như sau:

“Như đã nói trong đoạn đầu, thiền (dhyāna) là một hình thái tập trung để tư duy, tức các trình độ của định (samādhi), yếu tố tâm lý có mặt trong mọi hoạt động nhận thức.

Từ Sanskrit samādhi, phổ thông Hán dịch là định, với định nghĩa mô tả là trạng thái tập trung chú tâm trên một điểm, cittasya ekāgratā, tâm nhất cảnh tĩnh: trạng thái tâm và cảnh hợp nhất. Để phân biệt tâm nhất cảnh trong bốn thiền và trạng thái tâm định lắng sâu trong bốn vô sắc hoặc thâm sâu hơn, cao hơn, trong các định như vô tướng (animittā-samādhi), vô nguyện (apranihita-samādhi), và không (śūnyatā-samādhi); trong các ngữ cảnh này, Hán thường không dịch nghĩa, mà phiên âm hoặc tam-ma-địa, tam-ma-đề, hoặc tam-muội.

Ngũ nguyên của samādhi trong đây là do động từ căn √dhā (dadhāti, dhatte): đặt để, duy trì, chi trì; với tiếp đầu ngữ ā-, tăng cường ngữ khí ādhā: ādadhati, đặt vào, để vào, duy trì, chi trì vững vàng. Chồng thêm tiếp đầu ngữ sam, hàm ý “cùng chung với, sam-ā-dhā (samādadhati) bấy giờ hàm nghĩa dồn chung tất cả đặt vào”, đây là ý nghĩa “tập trung chú tâm vào một điểm.” Với nghĩa này, Hán dịch là đẳng trì: duy trì hay chi trì một cách bình đẳng, hoặc duy trì liên tục nhất loạt. Câu-xá luận ký giải thích: “Tam-ma-địa mà nói là tâm nhất cảnh tĩnh, vì do lực của đẳng trì mà tâm hoạt động trên một đối tượng duy nhất. Nếu không có đẳng trì, bản tính của tâm vốn trao động không thể trụ trên một đối tượng duy nhất.” (tr. 43, 44)

Còn thiền thì Hòa Thượng cho biết ý nghĩa như sau:

“Dhyāna hay thiền-na, hình thái đặc biệt của định với hai đặc điểm chi và quán. Từ nguyên Sanskrit của nó được nói là do động từ căn √dhyai (dhyāyati): trầm tư, mặc tưởng, suy khảo (Wogihara); tư duy, chiêm quan, chiêm nghiệm, nhiếp tâm, phản tỉnh (Monier-Williams). Thêm tiếp vĩ ngữ -ana, lập thành danh từ phái sinh dhyāna chỉ công cụ hành động và cũng hàm nghĩa chủ thể hay tác nhân hành động.

Từ dhyāna được Câu-xá viii định nghĩa theo từ nguyên như sau: dhyānam iti ko'rthah | dhyāyanty aneneti | prajānantīyarthah | Do bởi nó mà chúng nó tư duy, nên nó có nghĩa là (công cụ) tư duy (dhyāna = dhyai + ana). Chúng nó tư duy có nghĩa là chúng nó nhận thức.49 Lối trực dịch này tương đối khó lãnh hội với người đọc chưa quen với các quy tắc cấu trúc từ ngữ và cú pháp trong Phạn văn. Do vậy, trong khi dịch đoạn này, Huyền Trang diễn thêm một ít.” (45)

Một điểm đặc biệt khác mà Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã nói đến một cách cặn kẽ trong cuốn “Thiền Định Phật Giáo” là sự so sánh mối tương quan giữa thiền định Phật Giáo và Yoga, Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo. Đây là một nghiên cứu công phu hiếm thấy trong giới Phật Học Việt Nam xưa nay.

Trước hết là phần tương quan giữa thiền định Phật Giáo và Yoga. Trong phần này, tác giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" đã nói đến một phương pháp tu tập có mối tương quan rất gần gũi với thiền định Phật Giáo là Yoga. Nhưng Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ không phải chỉ nói tổng quát mà còn đi vào nghiên cứu tường tận từ tác phẩm Yogasūtra đến các phương thức thiền định của Yoga được ảnh hưởng bởi Phật Giáo.

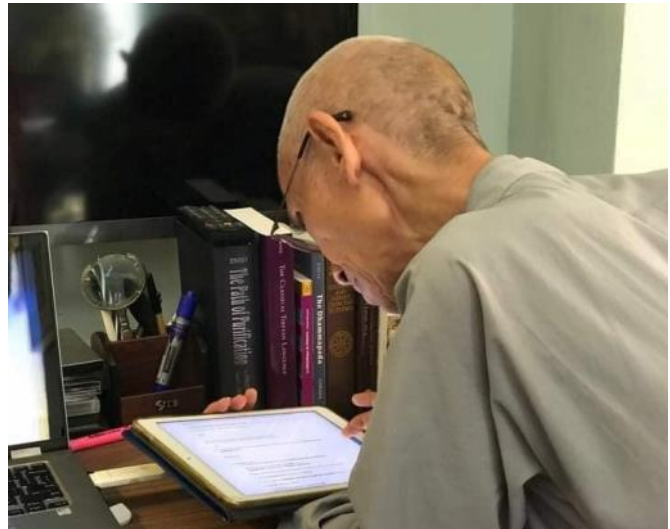
"Quả thật, như Werner nhận xét, khá nhiều dụng ngữ Phật giáo được thấy trong YS [Yogasūtra]. Những dụng ngữ này được giải thích khá chi tiết và tường tận trong các Abhidharma Pāli, cũng như trong các Abhidharma của Hữu bộ và Kinh bộ. Trong khi những dụng ngữ này được nêu trong YS không được giải thích rõ ràng. Cụ thể như từ yoga xuất hiện trong tụng 1 chương 1, không có giải thích rõ ràng ý nghĩa của nó bởi chính tác giả; nhưng sở giải của Vyāsa xác định ngay yoga chính là samādhi; và samādhi này là quá trình của tâm xuyên suốt tất cả các địa của nó. Giải thích này cho thấy rõ ý nghĩa của từ yoga này, cũng chính là ý nghĩa được thiết lập trong pháp Yogācāra (Du-già hành). Bởi quá trình xuyên suốt của tâm của các trạng thái tán tâm, si tâm, loạn tâm, nhất cảnh tĩnh tâm và định tâm; đây là quá trình phát triển của tâm được rút gọn thành 5 địa từ 17 địa được diễn giải chi tiết trong Yogācārabhūmisāstra (Du-già sư địa luận)." (tr. 61)

Tiếp theo, tác giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" giải thích chi tiết 8 phần yoga: 1. yama, tiết chế; 2. niyama, tự chế; 3. āsana, tư thế (ngồi); 4. prāṇāyāma, điều hòa hơi thở; 5. pratyāhāra, thúc liễm; 6. dhāraṇā, duy trì; 7. dhyāna, thiền-na; 8. samādhi, định. (tr. 62)

Từ việc nêu ra mối tương quan giữa thiền định Phật Giáo và Yogasutra, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ nói đến pháp môn Du Già Hành hay Du Già Đạo của Bồ Tát Di Lặc mà người kế thừa là Bồ Tát Vô Trước và Thế Thân để kiến dương giáo nghĩa Duy Thức.

"Du-già hành (yogācāra) hay du-già đạo (yogamārga) đều chỉ hệ thống pháp môn tu hành hiểu theo ý nghĩa tổng quát. Trong cả hai đoạn thành văn bởi một Đại Thanh văn: Tu-bồ-đề và một vị Bồ-tát: Di-lặc, cả hai đều y chỉ tu tập du-già hành (yogācāra). Với Thanh văn, Tì-kheo bằng tu du-già hành mà thông suốt chân lý tối thắng (paramārtha: thắng nghĩa, đệ nhất nghĩa) trong khi quán sát các pháp uẩn, xứ, giới, duyên khởi, cho đến giác chi, đạo chi. Bồ-tát cũng y chỉ du-già đạo mà tu tập chỉ quán trong Đại thừa. Nhưng du-già hành hay du-già đạo được Phật nói cho Bồ-tát, đó là giáo pháp du-già có ý nghĩa rất ráo (nītārtha-yoga), du-già dẫn đến quán sát thắng nghĩa đế, chân lý tối thắng, tuyệt đối. Du-già trong ý nghĩa này vẫn hàm nghĩa nội dung tu tập chuyên cần như thường được thấy trong Kinh điển nguyên thủy, đồng thời cũng hàm nghĩa hệ thống pháp môn và cũng là pháp môn tu tập. Như vậy, bằng tu tập du-già đạo hay du-già hành mà trải qua các giai đoạn tử phàm phu cho đến Phật địa. Các giai đoạn này sẽ được triển khai và hệ thống hóa thành 17 địa, và được biên tập thành luận Du-già-sư địa (Yogācārabhūmi-sāstra), luận thứ căn bản của Pháp Du-già hành (yogācāra) phát huy giáo nghĩa duy thức (vijñānamātra)." (tr. 78, 79)

Trong phần nói về Yoga, tác giả cuốn "Thiền



Định Phật Giáo" đã nêu ra một số tài liệu rất đáng chú ý cho thấy Phật Giáo đã du nhập vào Ai Cập ở thế kỷ thứ 5 hay 4 trước tây lịch, tức là sau Phật nhập Niết Bàn khoảng 100 năm. Còn một chi tiết rất thú vị khác được kể trong phần nói về các Yoga là sự xuất hiện của "84 thành tựu tiên" trong Phật Giáo Ấn Độ lúc suy tàn. Từ sự xuất hiện của các "thành tựu tiên," Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã đưa ra nhận định cho thấy mối tương quan nào đó giữa Phật Giáo và Shaiva giáo.

"Y nghĩa những truyền kỳ nhân gian và kinh điển này có thể cho thấy một khía cạnh lịch sử trong mối quan hệ giữa Phật giáo và Shaiva giáo, vừa là hỗ tương ảnh hưởng, và đồng thời hỗ tương bài trừ. Cụ thể, những vị Thành tựu tiên Phật giáo như Matsyendra và Gorakṣa tuy được kể là đã có thành tựu nhất định trong tu tập Phật giáo, nhưng sau đó đã quay sang Shaiva giáo, truyền bá giáo nghĩa được cho là chính Shiva thuyết. Duy chỉ có điều là các truyền kỳ về những vị này có nhiều điểm bất nhất, do đó giá trị lịch sử cũng rất mơ hồ." (tr. 96)

Phần đầu của Chương IV nói về Thiền & Islam, tác giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" đã sơ lược nguồn gốc của giống dân Uyghur Cao Xương mà ngày nay là nhóm dân thiểu số Duy Ngô Nhĩ (Uyghur) cư trú tại Tân Cương của Trung Quốc. Ngoài ra, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ còn đề cập đến thân thế của một dịch giả Kinh Phật nổi tiếng tại Trung Hoa vào giữa thế kỷ thứ 2 tây lịch đó là ngài An Thế Cao đến từ nước An Tức là một đế chế quyền lực cai trị cả Iran và Iraq cổ đại.

"Nước An-tức nói đây chính là Đế chế An-tức, vốn là phiên âm Hán của từ Ba-tư cổ Emperâtori Ashkânîân, sách phương Tây phổ thông gọi là Đế chế Arsacid, hoặc cũng gọi là Đế chế Parthan, đã giữ vai trò trọng yếu của quyền lực chính trị và văn hóa của Iran và Iraq cổ đại, kéo dài từ năm 247 trước tây lịch cho đến năm 224 sau tây lịch." (tr. 116)

Đó là một chi tiết trong bối cảnh lịch sử tương quan trong lãnh vực chính trị giữa Hồi Giáo và các nước theo Phật. Tác giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" đã điểm qua tiểu sử của Tiên Tri Muhammad, giáo chủ Hồi Giáo và sự hình thành thế giới Hồi Giáo và cuộc xâm lăng của đạo quân Hồi vào Ấn Độ để tàn phá Phật Giáo tại đây. Trong phần này có một chi tiết rất hấp dẫn mà Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã

nêu ra về một tác phẩm bằng tiếng Ả Rập "Kitāb Bilawhar wa Būdāsf," kể chuyện về đức Phật.

"Dưới thời Đế chế Sassanid, tôn giáo Zoroaster phục hưng, và trở thành tôn giáo chính. Phật giáo và các tôn giáo khác không được biết đến nhiều. Thế, nhưng, sự xuất hiện của tác phẩm bằng tiếng Ả-rập, Kitāb Bilawhar wa Būdāsf, chuyện kể bởi Aban al-Lahiki (750-815 TI), lưu hành ở Bagdad trong thế kỷ 8, về sau được lưu hành trong Giáo hội Thiên Chúa với nhan đề La-tinh Barlamus et Iosaphatus, các nhà nghiên cứu lịch sử văn học Hồi giáo xác định nội dung là truyện về đức Phật, và suy ra rằng bản tiếng Ả-rập chỉ là bản dịch của tác phẩm bằng tiếng Pahlavi, ngôn ngữ Iran trung đại, lưu hành dưới thời Đế chế Sassanid. Sự kiện chứng tỏ Phật giáo vẫn hiện diện trong thời này trong mức độ ảnh hưởng nhất định." (tr. 117, 118)

Phần quan trọng trong tương quan thiền định Phật Giáo và Hồi Giáo là phương thức tu luyện Sufi huyền bí, mà đại biểu là nhà thần bí Simnānī (1261-1336).

"Hai phương pháp tu luyện của Sufi có thể so sánh với các hành trì phổ biến ở Ấn-độ, tìm thấy trong hầu hết mọi tôn giáo: Phật, Ấn, Kỳ-na, v.v. Đó là dhikr, mà so sánh ở đây sẽ gọi là trì niệm. Thứ hai, muraqabah, so sánh ở đây sẽ gọi là thiền quán, hay quán tưởng." (tr. 142)

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã giải thích thêm như sau:

"Dù tu luyện dhikr theo phương pháp nào, cứu cánh vẫn là đạt đến trạng thái vong ngã, hòa tan người niệm vào trong đối tượng niệm, cứu cánh fanā như đoạn cuối trong bảy giai đoạn hành trình mà Attar diễn tả bằng ngụ ngôn kể trên. Điều này cũng khiến liên tưởng đến pháp môn niệm Phật tam-muội của người tu Tịnh độ; niệm cho đến khi nào không có ta đang niệm, có Phật được niệm; ta và Phật hòa đồng nhất thể. Nhưng khác nhau, trong fanā, hòa tan tự ngã vào bản thể Thượng đế. Trong Tịnh độ, tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ. Không có Phật ngoài ta." (tr. 143, 144)

Đối với mối tương quan giữa thiền định Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo, tác giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" đã đề cập đến vấn đề cầu nguyện, niệm Chúa và chủ nghĩa thần bí của Thiên Chúa Giáo. Tôi thích thú với chuyện kể về các Giáo phụ sa mạc mà đặc biệt nhất là Thánh Anthony.

"Năm 270, Cha Anthony đi vào ẩn tu trong sa mạc đông Sahara, Ai-cập. Cuộc đời khổ tu của Cha trong các sa mạc đã thành những đề tài hấp dẫn cho nghệ thuật, hội họa và văn học. Theo gương cha, nhiều tu sĩ và nữ tu khác cũng vào ẩn tu trong các sa mạc, và thành lập các tu viện. Cha Anthony được xem là vị đầu tiên sáng lập chế độ tu đạo viện (monasticism) trong Thiên chúa giáo." (tr. 160)

Trong cuốn "Thiền Định Phật Giáo," Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cũng đã nói đến người nổi tiếng trong chủ nghĩa thần bí Thiên Chúa Giáo là Meister Eckhart, mà Thiền Sư Suzuki đã phải viết cả một cuốn sách, "Huyền Học Thiên Chúa và Phật Giáo" [Mysticism, Christian and Buddhist], để so sánh giữa chủ nghĩa thần bí của Eckhart và Phật Giáo. Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã viết về chủ nghĩa thần bí Thiên Chúa Giáo như sau:

"Chủ nghĩa thần bí, đó là kinh nghiệm hiệp thông hay hiệp nhất với Thượng đế. Trên cơ sở tâm lý học Phật giáo, kinh nghiệm đó không ngoài quá trình nhận thức: xúc - thọ - tưởng. Tùy theo cường độ hoạt động của tưởng, với trình độ của sự chú tâm trên đối tượng mà hành giả đạt đến trạng thái nhập định trong giới hạn nào đó. Xuất thần như hành giả Sufi Hallaj là trạng thái xuất thần cực điểm, trong đó tự cảm nghiệm ta và Thượng đế là một." (tr. 178)

Tác giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" đã viết về sự cầu nguyện của Giáo Hội Công Giáo La Mã như sau:

"Trong các thể thức cầu nguyện, điều cốt yếu là nhận thức rằng không thể vươn đến tình yêu tròn đầy của Thiên Chúa nếu không biết rằng Chúa đã ban tặng. Ngài ban tặng cho chúng ta qua Chúa Con nhập thể, và chỉ có thể thấy linh ảnh Chúa hiện bằng ân sủng của đức tin. Và chỉ là một tạo vật, ta phải biết rằng chỉ có sự cứu rỗi bằng ân huệ của Chúa.

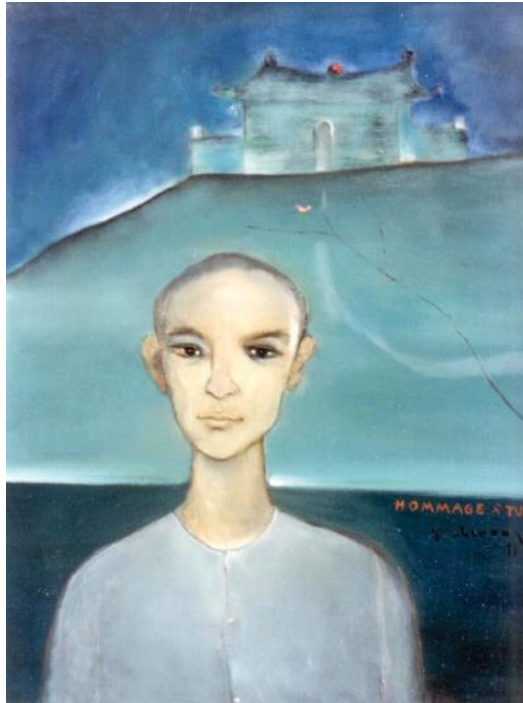
Về các thể thức liên hệ thân tâm, trong các tư thế ngồi, thức tập hơi thở, tập trung vào một điểm trên thân, v.v..., những điểm có thể có vẻ tương tự trong các thực tập phương Đông, Thư chỉ rõ những điều áp dụng có thể nguy hại trong khi pha trộn những thứ này với các tư thế chuẩn bị thân tâm để cầu nguyện." (tr. 184)

Trong phần này, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cũng đã nêu ra một sự kiện rất lạ lùng về sự xuất hiện của đức Phật dưới tên thánh Josaphat trong Thiên Chúa Giáo.

"Một hiện tượng lịch sử cũng khá hy hữu. Ít nhất từ thế kỷ 11, đức Phật dưới danh hiệu Josaphat trong danh sách các Thánh truyền đạo và tử đạo, với ngày lễ hân hoan trong cả hai Giáo hội phương Đông và phương Tây, chỉ từ khi phát hiện nguồn gốc, người ta mới nhận ra tiểu sử của Thánh chính là cuộc đời của Phật." (tr. 180)

Phần II trong cuốn "Thiền Định Phật Giáo" là các trích dịch từ Kinh Sa Môn Quả, Pháp Uẩn Túc Luận và Tập Di Môn Túc Luận về những phương pháp tu tập thiền định mà Đức Phật đã dạy cũng như chư vị luận sư Phật Giáo giải thích.

Phần này thật sự quan trọng và cần thiết vì nó làm quân bình giữa lý thuyết và thực hành hay giữa pháp học và pháp hành trong Phật Giáo. Hơn nữa, phần này chắc chắn đáp ứng nhu cầu của người đọc



sau khi có sự hiểu biết về lý thuyết thì cần có sự hướng dẫn để tu tập thiền định.

Phần trích dịch *Kinh Sa Môn Quả* đề cập đến việc đức Phật dạy về việc đoạn trừ 5 triền cái như là yếu tố quan trọng đối với việc tu tập thiền định, bởi vì còn tham ái, sân hận, hôn trầm thụy miên, trạo hối và nghi là những chướng ngại lớn lao cho việc tu thiền định. Kinh này cũng dạy về cách tu tập Tứ Thiền, quán trí, ý sanh thân, thần biến trí, thiên nhĩ thông, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí.

Phần trích dịch *Pháp Uẩn Túc Luận* - do Tôn Giả Mục Kiền Liên viết, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ và Thích Nguyên An dịch - giải thích chi tiết về cách tu tập Tứ Niệm Xứ, Tứ Thiền, Tứ Vô Lượng Tâm, và Tứ Vô Sắc Định.

Phần trích dịch *Tập Di Môn Túc Luận* - do Tôn Giả Xá Lợi Phất viết, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ và Nguyên An dịch - giải thích về cách tu tập Tám Giải Thoát, Tám Thắng Xứ, Chín Đăng Chí, và Mười Biến Xứ.

Nói tóm lại, đọc xong cuốn "Thiền Định Phật Giáo" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ lòng tôi tràn đầy niềm hoan hỷ, giống như một người vừa đọc xong cuốn cẩm nang hướng dẫn phương hướng lộ trình và cách thức để đi đến mục tiêu nơi chốn mà lâu nay người đó muốn đi nhưng chưa đủ tự tin về đường đi nước bước để đến đó.

Cuốn "Thiền Định Phật Giáo" không phải chỉ là cuốn sách nói về vấn đề thiền định trong Phật Giáo không thôi, mà còn là cuốn sách đề cập một cách bác lãm nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử và vai trò quan trọng của thiền định hay tư duy góp phần vào việc phát triển nền văn minh nhân loại.

Đây là cuốn sách cần có để đọc đối với những ai muốn có sự hiểu biết và thực hành chân xác thiền định Phật Giáo. Trong ý nghĩa này, xin trân trọng kính giới thiệu đến quý độc giả cuốn "Thiền Định Phật Giáo" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ.

Sách đã được Amazon phát hành trên mạng. Độc giả muốn mua sách xin vào địa chỉ này: https://pgvn.org/pg_2573pz

Thành kính tri ân tác giả Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ.

*Tu Viện Pháp Vân, Nanticoke, Canada
Trọng đông Tân Sử
Huỳnh Kim Quang*

([*]) Tuệ Sỹ: *Thiền Định Phật Giáo, Khởi nguyên và Ảnh hưởng*. Hội Đồng Hoàng Pháp xuất bản I/2022 trên mạng toàn cầu Amazon. Hương Tích Phật Việt sẽ xuất bản ở Việt Nam. Trong bài này có khi chỉ gọi tắt tên sách là *Thiền Định Phật Giáo*.



VÀNG TRẮNG THIÊN CỔ

*Vi vút ngàn thông reo sóng nhạc
Chập chùng đôi núi trái cô liêu
Ta nhớ vô cùng thời thơ ấu
Quê hương vàng vạc mảnh trăng treo*

*Ở đây sao lắm mù sương quá
Tuyết rơi và mây gió hắt hiu
Bao năm nơi xứ người xa lạ
Trăng lạnh, ta dường cũng lạnh theo*

*Trăng ở lưng đèo, trăng tỏa sương
Đêm ngồi sưởi ấm bên lò hương
Nghe tiếng chuông ngân trong gió gọi
Êm đềm như tiếng Phật mười phương*

*Trăng ở quê nhà, trăng ở đây
Lòng ta man mác khói chiều bay
Dĩ vãng hiện về theo nỗi nhớ
Vàng trắng thiên cổ vẫn còn đây!*

*Ta ở cõi này nghe sóng vỗ
Vọng từ cát bụi thuở nào xa
Sóng reo như hát cung trầm bổng
Ngàn vạn dây tơ, một khúc hòa.*

*Đường về nhà, quê xưa nguồn cội
Chung quanh ta đây suối ngọt, rừng hoa
Trời cao mây trắng la đà
Không hề phân biệt Tây, Tàu, Bắc, Nam
Không hề đỏ, trắng, đen, vàng
Tất cả là một hài hòa viên dung
Giáo pháp của Phật suốt thông
Vượt qua tam giới, mênh mông đất trời
Thế Tôn tuệ giác cao vời siêu nhân!*

thơ **DIỆU VIÊN**



Bên mẹ "mùa xuân đầu tiên"

Những mùa Xuân bên Mẹ

HẠNH THUẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong tâm tưởng của mỗi người con, hình ảnh về mẹ luôn là biểu tượng của mọi điều tốt đẹp và thương yêu. Bên mẹ là mùa xuân, bên mẹ là những tháng ngày hạnh phúc trên đời...

Mẹ tôi ở vào tuổi thượng thọ khi qua đời, cách đây 3 năm - chỉ thiếu một năm nữa là được nhận tấm vải lụa năm mét của Chủ tịch nước trao tặng! Còn tôi, sau khi nghỉ hưu về lại mái nhà xưa, tôi đã được sống bên Mẹ trong 7 năm cuối đời của bà. Đó là thời gian tôi được hầu cận, chăm sóc bà một cách thiết thực nhất. Người thân, bạn bè đến thăm đều khen chị em tôi hiếu thảo, giúp Mẹ tôi sống vui sống khỏe những năm cuối cùng của một kiếp người. Họ nói chị em tôi thật hạnh phúc khi còn mẹ già để phụng dưỡng; ngược lại, người khác thì nói Mẹ tôi có phước khi được con cái báo hiếu lúc tuổi già bóng xế.

Nhìn lại đời mình, nay đang trờm trờm cái tuổi 70, tôi thấy mình đã hưởng những niềm vui thật tuyệt vời bên mẹ. Tôi đã có những kỷ niệm đáng nhớ với Mẹ qua những tấm ảnh tìm được trong những cuốn album gia đình mà Mẹ tôi từng nâng niu, yêu quý. Đó là tấm ảnh hai mẹ con tôi nằm trên chiếc giường của một nhà bảo sanh cách đây 67 năm (vào năm 1956). Nghe Mẹ kể, nhà bảo sanh lúc đó mới khai trương, mà Mẹ tôi là một trong những sản phụ đầu tiên vào "mở hàng". Còn nữa, bà vợ của vị bác sĩ đã xin Mẹ tôi bài thơ "Những giọt huyết ngà" do

bà sáng tác để treo trong căn phòng chờ sanh. Bài thơ đó mở đầu bằng những câu:



Gội đầu cho mẹ - sợi nhớ sợi thương

"Đây dòng sữa Mẹ nấu bằng hơi thở / Truyền từ nguồn huyết sống, suối thương yêu/ Huyết Mẹ khô cho phần sữa thêm nhiều/ Mẹ vâng linh ý Trời, ban con đó..."

Hơn ba mươi năm phải sống xa nhà vì miếng cơm manh áo, tuy nhiên không vì thế mà tôi cảm thấy thiếu thốn tình mẫu tử. Ngoài dịp Tết, thỉnh thoảng tôi xin nghỉ phép về thăm nhà để được ôm hôn Mẹ, hít lấy hương thơm nhẹ nhẹ trên tóc, trên hai má của bà. Cảm động vô cùng khi nghe mẹ dặn dò: "Trong nớ (TPHCM) xe cộ như mắc cửi, con đi đứng phải cẩn thận. Thấy trên tivi mà sợ quá, Mẹ cứ tìm trong đám đông xem có con không." Em tôi còn kể, hồi đó Mẹ cứ lo lắng không biết tôi ăn uống ra sao, có chịu bồi dưỡng để khỏi "xanh xương mất máu" hay không.

Khi về ở luôn bên Mẹ rồi, tôi được phụ trách việc tắm rửa, gội đầu cho Mẹ. Một hôm Mẹ đã ý nhị ban cho lời khen, biểu lộ sự hài lòng: "Khi mô Mẹ mất rồi, con có thể mở tiệm có tắm bằng ghi: Tại đây nhận tắm cho người già." Tôi cũng cố gắng làm cho Mẹ vui những lúc mẹ con bên nhau, vào ngày thường hoặc những dịp đặc biệt gia đình sum họp. Chẳng hạn, nhân sinh nhật Mẹ nhắm vào tết Trung thu, có lần tôi đã bắt chước lão Lai Tử trong Nhị Thập Tứ Hiếu, giả làm Thỏ Ngọc giúp vui... để nhìn thấy nụ cười của Mẹ.

Xin cảm ơn những tấm ảnh quý giá đã lưu giữ những khoảnh khắc đặc biệt - giữa Mẹ và tôi. Đó là những mùa xuân bất diệt trong đời tôi, mãi mãi...

Bắt chước lão Lai Tử làm trò cho mẹ vui



Chùa Ông Núi

(Kính dâng Hương linh Tổ Mẫu)

LAM NGUYỄN

(Lam Nguyễn - Viết theo cảnh sắc Chùa Ông Núi vào thời Thập Niên 50,60)

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cho tôi gọi ông bằng bạn cho cách xưng hô được thân mật hơn, vì ông đã chọn tôi là người hướng dẫn đi viếng danh lam thắng cảnh Chùa Ông Núi, làng Phương Phi, Phù Cát, tỉnh Bình Định thuộc miền Trung Việt Nam.

Bạn có thể đi đường bộ hay đường thủy, nhưng tôi khuyên bạn nên dùng thuyền và khởi hành từ bến Chùa Bà Quy Nhơn. Để hưởng được trọn vẹn cái hương sắc cảnh Chùa bằng ngũ giác quan thì tôi xin đề nghị bạn nên chọn đêm Mười Bốn tháng Giêng Tết nhỏ neo để khi đặt chân đến Chùa Ông Núi vào đúng ngày Thượng Nguyên tức ngày Rằm tháng Giêng Âm Lịch thì phong cảnh Chùa mới tăng thêm ý vị!

Bạn vừa qua một đêm trăng nước mênh mông trên đầm lịch sử Thị Nại và đến bến bờ Khách Thử mà người dân quê thường gọi là Kê Thử vào đúng lúc vừng hồng vừa ló dạng. Từ xa xa, bạn đã nghe chim rừng kêu: "Khách về, khách về..." tạo cho bạn một cảm giác vui vui. Rồi khi đến chợ Khách Thử, bạn lại có dịp mua hoa, quả tốt tươi mang lên Chùa lễ Phật. Hẳn bạn phân vân tự hỏi tại sao chợ này có biệt danh là Khách Thử? Thưa bạn, chuyện xưa kể rằng nơi đây trước kia ma quỷ thường xuất hiện quấy phá dân làng, chúng giả dạng người và đi mua sắm như người trên trần thế. Vì vậy, để thử tiền bạc nào của ma quỷ bằng cách bỏ tiền vào cái chậu đựng nước. Nếu tiền đồng ấy không chìm là tiền của ma quỷ và trái lại là tiền của nhân gian. Từ đó địa danh Khách Thử hay Kê Thử đã được lưu truyền cho đến ngày nay!

Trước ngõ đường hẻm lên Chùa Ông Núi, bạn sẽ gặp đầu tiên cây cổ thụ, gốc to bằng hơn một người ôm thì tự nhiên bạn cảm thấy ớn lạnh vì như vừa chợt nhận ra một cái gì đây linh thiêng khó phân tích! Ngày xưa dân làng kể lại rằng tại gốc cây cổ thụ này, mỗi buổi sáng tinh sương, người làng đã thấy một gánh củi dựng sẵn bên gốc cây. Chẳng biết chủ gánh củi là ai nhưng những kẻ giàu mà có lòng tham thì không thể gánh nổi bó củi này, trái lại, dân nghèo cần bó củi này để dùng hay để đổi gạo nuôi thân thì có thể gánh về một cách nhẹ nhàng! Sau này dân làng mới khám phá ra chủ của gánh củi linh kỳ ấy là một tiều phu, tướng mạo phương phi, cốt cách Tiên-ông! Người tiều phu đó chính là Ngài Lê Bang tức Ông Núi.

Khi bạn bước chân vào con đường nhỏ hẹp, hai bên thơm phức mùi hoa đồng nội; con đường này chạy ngoằn ngoèo độ chừng vài trăm thước là bạn gặp kê đá đầu tiên của dốc lên Chùa. Tất cả mấy chục bậc đá trên sườn núi thì bạn phải dừng chân nhiều lần và mỗi lần ngồi nghỉ bạn lại có dịp nhìn thấy thuyền chài đang chập chờn theo sóng nước xa xa ở biển Đông. Dưới chân đồi, một con sông nhỏ

như giải lụa màu bạc trải quanh làng, bên những mầu ruộng xanh non bắt ngát, lác đác vài túp lều tranh nho nhỏ, xinh xinh như bức tranh thủy mặc! Ngoảnh lên hòn Vọng Phu đang bồng con đứng chót vót trên cao của đỉnh Núi Bà! Chắc bạn còn nhớ bài thơ Đá Vọng Phu của thi sĩ người Bình Định là Quách Tấn:

"Người đã không về tin cũng không,
Đầu non dẫu trẻ đứng trông chông.
Nước mây quanh vắng trông khô lệ,
Mưa nắng phôi pha má lợt hồng.
Lời thề vững ghi lòng sắt đá,
Khôi tình riêng nặng gánh non sông.
Nỗi niềm ai biết không ai biết,
Gương nguyệt nghìn thu rạng biển Đông!"
(Quách Tấn)

Và sau lưng bạn là dốc Chùa Ông Núi vẫn còn vời vời, khi lên đến bậc cuối cùng bạn lại ngạc nhiên thích thú vô kể tận mắt nhìn thấy những bài thơ chữ Hán với nét bút tài hoa của tao nhân mặc khách thập phương đã ca ngợi cảnh thần tiên non nước này trên những tảng đá không lồ che cả một góc trời lồng lộng trong xanh! Mà tiêu biểu là bài thơ của Cụ Đào Tấn như sau:

百八鐘聲出樹巔
偶隨吟節扣檀緣
十年湖海歸來夢
一境煙霞自在天
佳士慈悲寧是佛
山翁名字半疑仙
清泉細飲知真味
不負人間弗艷傳



Quang cảnh chùa Ông Núi ngày nay

*Bách bát chung thanh xuất thụ điền,
 Ngẫu tùy ngâm tiết khẩu đàn duyên.
 Thập niên hồ hải quy lai mộng,
 Nhất cảnh yên hà tự tại thiên.
 Giai sĩ tử bi ninh thị Phật,
 Sơn ông danh tự bản nghi tiên.
 Thanh tuyên tế âm tri chân vị,
 Bất phụ nhân gian phát điểm truyền.*

Tiếp đó là con đường nhỏ lỏm chòm đá cuội thuộc khu Chùa Ông Núi: mùi hoa mít thơm phức, ngây ngất không gian; tàn lá mít che mát hai bên đường và bạn chợt nghe văng vẳng đầu đây tiếng suối reo róc rách hòa với tiếng chuông mõ, đôi khi nghe cả tiếng đại hồng chung điểm trong không gian tịch mịch; rồi tiếng kinh kệ rõ dần khi bạn lần gót đến cổng Tam Quan của Chùa.

Nếu tôi nhớ không lầm thì vào thời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) mẫn mộ công đức giúp người hoạn nạn hoặc chữa bệnh dân làng của nhà Sư Ông Núi (tức Ngài Lê Bang) đã xuống chiếu xây lại ngôi Chùa này, sắc phong Tịnh Giác Thiền Trì Đại Lão Thiền Sư và tứ danh là Linh Phong Thiền Tự với đôi câu đối:

Hải ngạn khởi lương nhân, vũ lộ phổ thiên tư
 Phật độ,

海岸豈涼人，雨露普天茲佛土

Linh Phong ngưng thụy khí, tường vân biến địa
 âm nhân gian.

靈峯凝瑞氣，祥雲徧地蔭人間 (*)

Cổng Chùa xây bằng gạch đỏ, rêu phong phủ dày thành màu xanh đậm. Vừa bước chân qua khỏi cổng Tam Quan bạn đã ngửi thấy mùi trầm hương thoang thoang, phảng phất bao quanh cảnh thanh u này. Nhìn về phía tay trái, bạn sẽ thấy một hồ sen hình chữ nhật ở lưng sâu, cuối hồ có một cái cổng lớn mà lại thường đóng kín cho đến khi có đại lễ như ngày Thượng Nguyên!

Bây giờ bạn đang đứng trước sân gạch của Chùa Ông Núi tức Linh Phong Thiền Tự. Cách kiến trúc của ngôi Chùa này cũng như phần đông danh lam khác ở Việt Nam, nhưng khi vào ở trong Chánh Điện, bạn sẽ ngạc nhiên thích thú được xem "vỏ lúa ngày xưa" giống trái bí đao loại nhỏ chừng một gang tay. Tục truyền rằng ngày xưa không biết vào thời nào, hễ đến mùa lúa chín thì hạt lúa tự động từ vùng đồng ruộng lẫn về nhà chủ, chứ không cần phải đi gặt hái như ngày nay! Song có một ngày nọ, mẹ tớ già của điền chủ kia, tánh tình độc ác đã dùng cây chổi đập nát hạt lúa ra thành nhiều mảnh chỉ vì lúa đã lẫn về trong lúc sân nhà chưa quét dọn xong. Và từ đó trái lúa lớn trở thành hạt lúa nhỏ như ngày nay và mỗi mùa lúa chín nông dân phải ra đồng gặt lấy rồi tự gánh về nhà!

Khi được quý nhà Sư thăm hỏi, thí chủ được nhà Chùa cho thợ trai và hướng được vài chung tra ướp sen thơm ngon thì bạn sẽ hoàn tỉnh sau những giây phút mê muội!

Bây giờ bạn mới lần ra phía sau Chùa, nhìn dòng suối mát phun từ miệng con rồng bằng đá to như cái nia loại nhỏ thì lòng bạn tự nhiên cảm thấy khoan khoái lạ thường! Cụ Đào Tấn tổ sư tuồng Hát Bội (Bội) tỉnh Bình Định từng tán thán dòng suối thanh mát này bằng câu thơ: "Thanh tuyên tế âm tri chân vị!" Và nếu bạn là người yêu văn thơ xưa sẽ khe khẽ ngâm lên bài thơ **Ung Hồ Sơn Tự** 滬湖山寺 của Trương Thuyết 張說:

Không sơn tịch lịch đạo tâm sinh
 Hư cốc siêu dao dã diệu thanh
 Thiên thất tông lai trần ngoại thường
 Hương đài khởi thị thể trung tình
 Vân gian đông lãnh thiên trùng xuất
 Thụ lý nam hồ nhất phiến minh
 Nhược sử Sào Do đồng thử ý
 Bất tương la bệ dịch trâm anh.
 (Trương Thuyết)

空山寂歷道心生
 虛谷超遙野鳥聲
 禪室從來塵外賞
 香臺豈是世中情
 雲間東嶺千重出
 樹裏南湖一片明
 若使巢由同此意
 不將羅薛易簪纓。

Huyền Mặc Đạo Nhân đã diễn Nôm:

*Non không vắng vẻ khởi lòng lành,
 Hang trống reo xa, tiếng chóc rinh.
 Nhà sãi vốn vui ngoài tục cảnh;
 Đài hương há lộn đám trần tình.
 Núi theo giấc khói ngàn trùng mọc;
 Hồ rạn chòm cây một tấm thanh.
 Có lẽ Sào, Do đồng ý ấy;
 Chẳng đem dây vướng đổi trâm anh.*



Du khách vào thăm, dâng lễ nơi hang Tổ

Mặt trời đã nghiêng hẳn về phía Tây. Lăn theo dốc cao, gập ghềnh lởm chởm nên bạn phải cẩn thận, cố gắng mới đến được động hang Ông Núi. Tịch xưa kể rằng Vua Minh Mệnh (1837) bị bệnh đau mắt mà không ngự y nào chữa khỏi thì một đêm nọ Vua nằm mộng thấy một nhà Sư, tướng mạo phương phi, mặc áo bằng vỏ cây, tay bưng chén thuốc cho Vua uống xong thì biến mất. Khi tỉnh giấc Vua cảm thấy khỏe khoắn và mắt Vua đột nhiên lành hẳn! May thay, trong giấc mơ Vua đã hỏi kỹ nên biết vị Sư tiên này, thế danh Lê Bang mà dân làng Khách Thủ của tỉnh Bình Định thường gọi Ngài là Ông Núi nên Vua Minh Mệnh đã chỉ truyền đem bộ áo cà sa của Chúa Nguyễn Phúc Khoát lúc trước kia đã ăn tứ đem về Kinh và Vua Minh Mệnh ban cho Chùa Ông Núi tức Linh Phong Thiền Tự một bộ áo cà

sa mới, vòng ngà móc vàng để thờ; lại cấp cho 120 nén bạc để tu bổ Chùa.

Khi bạn đến động hang là lúc trời chiều đã trở màu vàng đỏ; ánh sáng của vừng thái dương đã thiếu vắng ở nhiều nơi!

Chim rừng xào xạc bay về tổ, tiếng gọi đàn riu rít, xôn xao. Dòng suối chảy róc rách dưới hang động đã làm cho du khách nghe rõ môn một chen lẫn tiếng chày kinh nên không. Cảnh trí chẳng khác chốn Bồng Lai Nhược Thủy đã khơi lòng lữ khách nỗi niềm man mác, lâng lâng!

Trước hang động có một tảng đá rất bằng phẳng, rộng bằng chiếc chiếu hoa đôi. Nơi đây trước kia Ngài Lê Bang ngồi Thiền và sau này các nhà Sư Chùa Linh Phong đến mùa An Cư Kiết Hạ, đã tọa Thiền, tịnh giới ở nơi đây! Theo truyền thuyết, nếu ta ném một quả bưởi xuống động này thì ngày hôm sau người ta lại thấy trái bưởi đã được khắc dấu ấy trôi nổi trên biển Đông!

Du khách đến Chùa Ông Núi tức Linh Phong Thiền Tự, ắt hẳn có cảm giác như thi hào Nguyễn Trãi thăm danh lam thắng cảnh Chùa Hoa Yên ở núi Yên Tử mà thi sĩ đã hạ bút:

Vũ trụ nhần cùng thương hải ngoại,

宇宙眼窮滄海外

Tiểu đàm nhân tại bích vân trung.

笑談人在碧雲中

(Trong vũ trụ, đưa mắt nhìn suốt ngoài biển xanh;

Còn khi nói, cười, con người như ở trên mây biếc)

Hay du khách tưởng mình như Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai!

Au cũng là một kỷ niệm ngàn đời khó quên!

Đất nước Việt thật đúng với danh "**Giang Sơn Cầm Tú!**"

Lam Nguyên

(Ngày hoài nhớ công ơn của Tổ Phụ và Tổ Mẫu, quê Bình Định)

* Câu đối này chúng tôi chỉ được nghe qua âm Hán Việt, chứ chúng tôi chưa được vinh hạnh tận mắt thấy nguyên bản chữ Hán. Vì vậy, xin quý thức giả bổ túc cho câu đối chữ Việt Hán được hoàn hảo, chúng tôi thành thật cảm ơn trước.

ĐỨNG TRƯỚC BẠC TUỆ GIÁC LAU SẬY

*bản sonata Ánh trăng
giờ không vang lên giữa đêm
trên những phím dương cầm khắc khoải
chậm rãi*

chậm len lỏi từng ngón chân

bạc tuệ giác lau sậy

tròn đôi mắt

cười

ngón tay chỉ trắng từ hơn hai ngàn năm

chân lý không ở trong sự truy tâm

nhân, phi nhân cùng chấp tay

ngưỡng vọng

bạc tuệ giác lau sậy

kéo mắt kính xuống cánh mũi

tròn đôi mắt

thương

chị gái nâng chiếc vĩ cầm

chơi bản nhạc Beethoven

loài người tan biến giữa thanh âm

trườn sâu vào mộng寐

bạc tuệ giác lau sậy

gỡ đôi kính mắt

nhìn

tối dựng thẳng không gian

mịt mờ

ngoài kia

bạc tuệ giác lau sậy

đong đưa trước gió

bàn tay gậy guộc che miệng

hùng hăng họ

tròn đôi mắt

im

bờ bên kia

bờ bên đây

không còn là bờ

đứng trước bạc tuệ giác lau sậy

áo lam hiền

phát phơ bay

và

yên



thơ **LƯU LY**

Sài Gòn, 11.1.2024

(Tưởng niệm bạc Tuệ Giác Lau Sậy)

TƯỜNG NIỆM NGÀY ĐỨC PHẬT THÍCH CA THÀNH ĐẠO

Mồng 8 tháng 12 âm lịch (theo Phật giáo Bắc truyền)

Ngọc Lâm

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Cung kính đảnh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni – bậc đã trải qua khoảng thời gian dài thực hành thiền định dưới cội cây bồ đề, khi sao mai vừa mọc, người tử một đạo sĩ Siddhattha đã bừng sáng giác ngộ, trở thành đấng Đấng Chánh giác. Ngài từ bỏ con đường thế gian, chọn con đường xuất thế gian, kiên trì thực hành thiền, vượt nội ma ngoại chướng để đạt quả vị toàn giác, đem đến ánh sáng, xóa đi vô minh cho con người trong trần gian đầy khổ lụy này. Hôm nay, chúng con cùng lắng lòng nghĩ tưởng đến bậc Đại giác. Nhờ có con đường mà Người đã khai mở, chúng con học theo hạnh tu và tìm cầu giải thoát, trở thành đệ tử của Người, ân đức ấy không khác gì cha mẹ sinh ra chúng con. Có lẽ từ trong vô vàn kiếp trước, chúng con đã gieo xuống chút ít hạt giống lành đối với Phật-Pháp-Tăng, để giờ phút này chúng con có mặt nơi đây dâng lên lòng biết ơn và kính thương sâu sắc đến Người.

Kính lạy Đức Như Lai! Chúng con cung kính nghe lời dạy từ ngàn xưa còn vang vọng: “Các thầy vì lòng tin chân chánh mà xuất gia tu đạo, những việc cần làm gồm có hai điều: Một là nói năng như Hiền thánh và hai là im lặng như Hiền thánh”. Bậc hiền thánh luôn giữ gìn phạm hạnh và tu tập đúng Chánh Pháp. Trong những ngày tháng này, vì một số nguyên nhân mà đạo Phật bị tổn thương rất nhiều. Chúng con không khỏi trách nhiệm chung đối với sự “phá kiến chúng sanh” như vậy. Truyền thông đưa tin một số tu sĩ Phật giáo sống không đúng giới pháp, xã hội lên án; chúng con đau lòng, hờn trách huynh đệ đồng tu nhưng cũng tự kiểm lại bản thân. Chúng con có từng làm tổn thương đạo Phật? Một câu hỏi để chúng con tự nhìn lại mình. Kính lạy Bậc đến đi tự tại – Như Lai, chúng con là đệ tử của Ngài,

là học trò không xuất chúng, phước mỏng nghiệp dày, tu học nhiều lúc còn trễ nãi; nhưng hôm nay đây, dưới ánh sáng từ bi phủ trùm không gian này, chúng con xin phát nguyện bồ đề tâm kiên cố, tu tập tinh tấn, nghiêm hành học pháp; tất cả những việc làm của chúng con từ nay về sau đều vì lợi lạc cho chúng sanh, chẳng vì tư lợi hay sự cầu danh mà làm. Nguyên đem tâm phát nguyện này dâng lên Đức Như Lai, xin Người chứng tri.

Kính lạy Bậc Ứng Cúng! Người là Thầy của nhơn và thiên, bậc xứng đáng được cúng dường nhất trên đời. Trong thế gian này, Ngài trước nhất vì tự cầu giải thoát mà xuất gia tìm chân lý, sau lại vì chúng sanh mà trụ thế hóa độ cho những người hữu duyên suốt gần nửa thập kỷ. Người đã không từ mệt nhọc, đêm chỉ nằm nghỉ, ngày chân trần ôm bình bát khất thực. Vì hình dáng của Người xuất hiện sẽ đem lại niềm hoan hỷ cho những ai trông thấy. Vật phẩm Người thọ nhận chỉ đủ dùng trong ngày. Người khất thực bình đẳng với tâm không phân biệt đối tượng cúng dường là trưởng giả hay người bần cùng. Dầu vậy, Bậc Ứng Cúng và Tăng đoàn vẫn không tránh khỏi những lúc chịu cảnh nghiệp cũ chi phối như mùa hạ an cư năm nào, Đức Phật và Tăng đoàn phải thọ dùng thức ăn dành cho ngựa suốt ba tháng. Kính lễ Bậc Ứng Cúng! Đời sống này chúng con nguyện xuất gia học đạo, nhưng vẫn còn chịu nhiều tác nghiệp chi phối, không sao tránh khỏi những lúc vô minh dẫn đến hành vi sai lệch, phước duyên không đủ khiến nhiều lúc thiếu phương tiện sinh hoạt. Nhưng chúng con cũng được dạy về hạnh “ít muốn – biết đủ”, do vậy, chúng con dầu nằm trên nền đất lạnh cũng cố gắng thật học thật tu, giữ gìn cốt cách của một tu sĩ Phật giáo, nhân nại và bao dung với những điều trái ý nghịch lòng. Chúng con cung kính nghe trong kinh đức Phật dạy rằng: “Các loài chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại”. Chúng con hiểu thức ăn ở đây không chỉ là thức ăn thô nuôi dưỡng cơ thể mà còn cao cả hơn là thực phẩm giáo pháp. Đệ tử chúng con nguyện nhúng thân mình trong giáo pháp của Người, để được sống trọn vẹn với giáo lý Phật, sống – học – và tu trọn vẹn, trước mắt giúp mình, sau lại giúp người, không làm nguy hại đến đạo Phật mai sau.

Kính lễ Đấng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải! Chúng con cung kính vâng lời Phật dạy, nắm vững và thực hành Tứ Diệu đế – con đường thoát khổ, mong đạt được an vui ngay trong kiếp sống này. Nhưng kính thưa Người! Trong sự vận động của không gian và thời gian, khi mà thế giới niềm tin con người dễ bị lung lay chỉ bởi một điều xấu ác dù nhỏ, chúng con là những người tập tu thì không sao tránh khỏi những phán xét, nóng giận. Chúng con

cũng không tránh khỏi những lúc bạc nhược về những điều đau đớn trong cuộc đời. Dầu trăm ngàn lần chúng con nhắc đến hai chữ “vô thường” nhưng lòng chúng con vẫn chua xót “vô thường thị thường”. Chúng con vẫn nặng nợ trần gian, nặng gánh với con người và thể thái tình người. Chúng con luôn tự nhủ thầm với chính mình không có gì là chắc thật, tất cả đều phải biến hoại theo thời gian, nhưng khi nghe tin một vị Thầy của chúng con đi vào cõi vô tung bất diệt, chúng con vẫn đau lòng khôn nguôi; hay khi nghe tin thân quyến, những ân nhân của chúng con gặp biến cố, chúng con vẫn không thể không lưu tâm mà lo lắng. Những lúc như vậy, chúng con lại nghĩ đến Đức Thế Tôn, nghĩ về lời Ngài đã dạy, thấy trong hành trạng của Ngài là sự hiểu biết chân thật pháp thế gian. Với tài đức vẹn toàn, Ngài không khiến cưỡng sự hóa độ chúng sanh mà tùy duyên hóa độ. Đối với các sự thật về quá khứ, hiện tại và tương lai, Ngài luôn thấu suốt nhưng không vướng mắc vào đó; đối với khó khăn Ngài luôn vượt qua một cách nhẹ nhàng. Đó phải chăng là tâm thế của bậc tự tại trong đời, không một pháp thế gian nào có thể làm Ngài nao núng. Bằng tình thương với nhân loại, sau khi viên mãn giác ngộ, Ngài lại trụ thế, đem pháp chân chánh vào đời nhưng chưa từng khiên cưỡng và dính mắc tại một người hay sự việc nào. Nơi đây, giờ này, chúng con xin lắng lòng hướng về Ngài và xin nguyện được như Ngài, hiểu được lẽ thật ở đời và tâm hành thiện luôn được phát khởi đồng thời với tâm xả.

Xin kính lễ bậc Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư! Từ khi Ngài thị hiện ở thế gian đã được chư thiên hộ trì, chín rồng phun nước, những bước đi đầu tiên đều được sự thanh tịnh thuần khiết nâng đỡ. Từ khi sinh ra, Người đã được đủ đầy về mọi mặt, nhưng khi quyết định vì chính mình và chúng sanh, Ngài từ bỏ hoàn toàn những thuận duyên, chèo con thuyền độc mộc, tìm sự giải thoát chân thật. Sau khi thành đạo, Ngài quay về trả ơn những vị Thầy mà Ngài đã thọ ơn nhưng chẳng may hai vị thầy đã sớm qua đời. Ngài tìm lại bạn đồng tu để chia sẻ con đường và giáo pháp Ngài đã tự thân tu tập chứng đắc. Bằng những phương tiện thiện xảo: bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự; Ngài đã đem pháp đến nhân sinh với tinh thần từ bi và trí tuệ. Ngài không những độ chúng xuất gia mà còn tùy duyên nói pháp với những hàng cư sĩ hộ trì. Tăng đoàn có được thanh tịnh và giáo pháp có được lan rộng hay không cũng nhờ bốn chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận sự nam và Cận sự nữ. Do vậy, trách nhiệm đối với sự tồn vong của đạo Phật không chỉ đặt trong tay của hàng ngũ xuất gia mà còn trong chúng tại gia. Hộ trì một cách đúng đắn và chân chánh, cúng dường cho Tăng đoàn thanh tịnh chứ không vì ngưỡng mộ cá nhân mà tin theo, để rồi sau đó vì một biến cố mà rời bỏ sự học pháp và thân cận Tăng đoàn. Xin cho những niệm lành luôn thường trực trong chúng con; và lời pháp, sự thực hành Chân Chánh làm nền tảng un đức chúng con sống trọn vẹn trong ngôi nhà Phật pháp.

Khai bạch Đức Phật, Thế Tôn! Ý niệm về thời gian và không gian cùng con người trong đó làm cho chúng con nhận biết rõ thực tại như thế nào. Chúng con học pháp và kiên trì với ý niệm và nhận biết sự vật hiện tượng đúng như nó đang là. Chúng con, hàng xuất gia chỉ dám khiêm cung, cúi mình đánh lễ những tiền nhân đi trước, lượm nhặt những giảng giải hay quan điểm sống đúng với Chánh Pháp và lấy



SEN NGỌC

*Nở đóa hoa sen giữa gió trời
Điềm nhiên năm ngón mở phong phơi
Tay buông chén trà hương phong nhụy
Giọt sương tan lá mọc một dòng trôi!*

thơ NHẬT UYÊN

đó hành trang trên lộ trình vạn dặm hướng đến Niết Bàn. Hàng đệ tử tại gia chúng con luôn cố gắng hộ trì Tăng đoàn, nơi nào có đoàn thể thanh tịnh và nghiêm trang, chúng con nguyện theo học và hộ trì đúng bốn phần.

Kính lễ đấng Từ Phụ! Đêm nay chúng con lắng lòng, tự hạp thanh tịnh nơi đây, kính mừng Ngài đã viên mãn quả vị tối thượng; nhớ tưởng và biết ơn Ngài đã khai sáng con đường giải thoát khỏi trầm luân của kiếp người.

Kính bạch Đức Thế Tôn! Trong chốn phù hoa ảo mộng, chúng con lại tiếp tục chọn con đường ngược dòng nước, cùng Tăng đoàn đi như một dòng sông. Có những lúc chúng con thối mệt, nhưng sức mạnh Tăng đoàn đã dìu đỡ chúng con vượt qua gió lớn mưa sa. Chúng con thật biết ơn Tăng thân đã bao dung, rộng mở tâm từ, đón nhận những lỗi lầm vụng dại trên đường học tu; nâng đỡ những cư sĩ chập chững vào đạo, khi họ còn mang theo cả những ý niệm thế gian vào chốn thiền môn. Đời và đạo luôn song hành, chúng con không thể tách biệt không gian thanh tịnh này khỏi những ồn ào náo nhiệt ngoài kia, nhưng trong khoảnh khắc thiêng liêng này, chúng con xin được gạt bỏ ưu phiền, một lòng hướng lên tôn tượng của Ngài, dâng lên lòng sắt son, nguyện đời đời kiếp kiếp được ở nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai. Hàng cư sĩ tại gia xin nguyện kết duyên sâu dày với Tam bảo, bằng những gì chúng con đang có, xin đem sự thanh tịnh hướng về hộ trì Tam Bảo.

Xin cung kính đánh lễ Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni vô thượng chánh đẳng chánh giác.

THƠ NGUYỄN AN BÌNH

CÁNH CÒ MÙA XUÂN

Tôi về tìm khúc dân ca
Miên man dòng nước phù sa trở dòng
Cánh cò bay giữa mênh mông
Chờ bao điệu lý qua sông cuối mùa.

Cò dừng công nắng trong mưa
Đường xa bóng núi chiều xưa lạc loài
Xuân còn ở phía chân trời
Có mang hơi ấm tình người hoà hương.

Cò còn mỗi cánh tha phương
Chênh chao lạc giữa trùng dương ngút ngàn
Quê mình nắng đục mưa trong
Cuối năm vạn thọ vàng bông lúc nào.

Có còn nhịp võng ca dao
Lời ru ngày cũ ngọt ngào trang thơ
Sông ơi nhớ đợi chuyền đò
Khúc dân ca ngọt cánh cò mùa xuân.

NHỮNG HẠT MƯA XUÂN

Ngập ngừng tay hứng hạt mưa
Mưa về bụi cỏ mưa đùa giọt sương
Đậu trên mái tóc người thương
Mưa tình khô quá biết đường mưa ơi.

Nghe mưa lúu rúu đất trời
Nhẹ ve vuốt má xanh ngời tháng giêng
Mưa trong cho mắt thêm huyền
Mưa vàng mật ngọt thuyền quỳên chông
chành.

Mưa rơi màu đất thêm lành
Cho hoa kết trái nụ cành non tươi
Em sinh sôi mãi tiếng cười
Mưa làm ta mãi yêu người thiết tha.

Mưa xuân biết thuở nào già
Cho men tình đậm khúc ca dao bụi
Mưa xôn xang mắt môi người
Có theo ta mãi một thời xuân xanh?

NGHE HÁT BỘI NGÀY XUÂN

Hát bội về biểu diễn
Dựng rạp ở sân đình
Khách mộ điệu náo nức
Ghe đậu kín vòm kính.

Trời còn chưa chạng vạng
Trống đã giục thùng thành
Đêm nay gánh hát diễn
Tuồng hay Phụng Nghi Đình.

Vài ba đêm liên tục
Đối tuồng Tái Sanh Duyên
Đủ trung hiếu tiết nghĩa
Ly tán lại đoàn viên.

Những đêm đi nghe hát
Ngoại thường mang coi trầu
Dắt theo thẳng cháu ngoại
Mê áo mũ sắc màu.

Tranh cầm châu đánh trống
Quyền cao lắm kẻ giàu
Tiếng “thùng thùng... cắc cắc”
Khen chê không dễ đâu.

Một thời mê hát bội
Thích tuồng tích nghĩa nhân
Những ngày xuân năm cũ
Có phai cùng thời gian?

TẢN MẠN CÙNG GIAO THỪA

Chạm vào thời khắc giao thừa
Biết bao cung bậc như vừa qua đây
Nhẹ nhàng thoáng chút hương bay
Nghe lòng thanh thản một ngày tháng giêng.

Chạm vào thời khắc thiêng liêng
Ngồi bên bếp lửa bén duyên má hồng
Đất trời như đã vào xuân
Không gian tĩnh lặng điệu huyền bình yên.

Chạm vào ánh mắt thân quen
Mưa xuân lất phất hương thiên quẩn quanh
Xôn xao cỏ biếc lên xanh
Em nghiêng vai nắng trên cành trở hoa.



LỢI LẠC TỪ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

(phần cuối)

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(Niệm Phật và Lạy Phật hàng ngày)

Câu tục ngữ: "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh"
Khuyến: một nghề thuần thực, tinh chuyên: tuyệt vời.

Tu Tịnh độ: chỉ một câu Di Đà thôi.
Tín, Nguyên chân thiết: chắc một đời vãng sanh.

(a): Chấp trì A MI ĐÀ PHẬT nhất tâm,
Hơn cả bố thí trăm năm ta làm.
(b): Biết đọa địa ngục khổ, phải khiếp kinh,
Niệm Phật tinh tiến tự sinh liền liền.
(c): Nhớ rằng sự chết đến rất bất ngờ,
Niệm Phật biếng nhác, chần chờ tự tan.

Niệm Phật cốt sao thật hết lòng,
Tâm ta dễ được Phật cảm thông,
Mi Đà cứ niệm mà tâm loạn,
Rát cổ, hết hơi... thật uống công.

Cố giữ Ý Trì tâm lặng trong,
Từng câu Phật hiệu thấm vào lòng,
Huân tu được vậy, nhiều năm tháng,
Bất loạn, Nhất tâm thỏa ước mong.

Niệm Phật không cần số lượng đâu.
Giữ cho TÂM TỊNH đạt yêu cầu.
Vậy thì KÝ SỐ sao cho đúng.
Vô lượng PHƯỚC LÀNH hiện đến mau.

Không cần tìm Phước ở đâu xa.
Chẳng tốn tiền làm việc thiện mà.
Công việc nhẹ nhàng, cần TÍN, NGUYỆN.
Phước sinh vô lượng, niệm Di Đà!

Nhắc thêm thân quyến cố làm xong:
Hộ niệm: sắc thành vàng, biết không!
Được vậy: đúng đường TU TỊNH NGHIỆP.
Hương linh theo Phật đến NON BÔNG.

Con HIẾU, song thân mất, nhớ ngay:
Tụng Kinh, Niệm Phật... nhớ hàng ngày.
(Tụng kinh A Di Đà âm Việt)
Phóng Sinh, Bố Thí... cầu cha mẹ.
Tịnh Độ mau về, mới thật hay!

Suốt ngày cố nghe niệm Phật và ký số.
Một thời gian vọng tưởng không chỗ chen vào.
Nhiệm màu làm sao nghiệp ác đã tiêu mau.
Cõi tâm vui vẻ vì phiền rầu bớt đi.

Chỉ cần máy niệm Phật cắm dây nghe.
Đi đâu Phật hiệu cũng kề bên tai.
Khi ăn, rửa chén... mở máy nghe hoài.
Lại nhắm số đúng, ngày ngày Phước tăng.

Phiền não, vọng tưởng ít hiện trong lòng
Nghiệp chướng tiêu bớt, cố công thực hành.
Phải nhớ Tin Sâu, Nguyên Thiết rất cần.
Hãy Tu tốt, đường đến gần Tây Phương.

Một người gặp thất bại hay thành công.
Tất cả do Phước tích trong cuộc đời.
Thành công nhiều, Phước có, lần lần với.
Biết vậy, Niệm Phật, tức thời Phước tăng.

Phật dạy: kém Phước làm gì cũng không thành.
Dù học cao, tài giỏi, thông minh mức nào.
Phước dẫn dắt mọi hành động: phải khắc sâu.
Nên NIỆM PHẬT tạo Phước hàng đầu mới yên.

Mười câu niệm Phật ký số siêng Hành,
Chánh niệm: Vọng tưởng không quấn quanh trong
đầu (Giới)
Cố sức Nhiếp tâm trì niệm từng câu (Định)
Nhận rõ từng chữ liền nhau để mà:

Sự Nhất tâm bất loạn sẽ hiện ra (Huệ)
Điềm lành ứng hiện mới là Vãng Sanh.
Kết quả Thành công khó lắm, không nhanh,
Khổ công liên tục mới thành được thôi.

TU MÓT nhiều hơn thời khóa chính trong ngày.
Thường giờ rảnh, nghỉ việc... xưa rày bỏ trôi.
Người biết TU, lúc ấy, niệm Phật liền hồi.
Nhớ phải ký số đúng, tâm thời tịnh an.

Nặng nhặt chặt bị, Phước tạo nên vô vàn...
Cố đừng bỏ phí tắc thời gian khó tìm.
Ai ơi, nhớ cố TU MÓT cho thật chuyên.
Lúc quá vắng, Phật rước về liền Tây Phương.

Muốn tội tiêu, hãy niệm Phật đêm ngày,
Năm, ngời, đi, đứng, ăn, thay áo quần.

Nhớ niệm nhỏ nhỏ hoặc chỉ niệm thầm.
Chánh niệm, vọng tưởng khó thâm nhập vào.

Cố gắng nhiếp tâm trì niệm thật sâu.
Nhận ra từng tiếng, từng câu hàng đầu.
Lại thêm: cố giữ ký số đúng vào,
Nào phiền... biến mất, nhiệm mầu làm sao!

Niệm Phật không cần thời giờ rảnh nhiều đâu.
Ở đâu cũng có thể niệm câu Mi Đà.
Lại cố ký số đúng nữa sẽ giúp ta:
Đổi trị bất Vọng Tưởng, thế là Nghiệp tiêu.

Ngũ Dục là loài rắn độc tránh ngay:
Ngũ Căn kiềm chế hằng ngày thật nghiêm.
Còn nếu Ngũ Dục chẳng chịu nằm im,
Chỉ tâm niệm Phật sẽ yên có ngày.

Phàm phu khi nghe nói pháp môn Tịnh Độ.
Hãy nên tin Sa Bà cực khổ trần ai.
Tây Phương nghiêm sức bằng vật quý, tuyệt thay!
Độc Kinh A Di Đà thấy ngay thôi mà.

Ta, nghiệp chướng sâu nặng, khó thoát Sa Bà.
Luôn nhớ: nhờ Phật lực vượt qua luân hồi.
Phải tin: niệm Phật là được Vãng Sanh thôi.
Tâm kiên định: khi chết, chắc ngồi tòa sen.

Niệm Tình, Ái... cứ quấy nhiễu tâm ta.
Gốc sinh tử ấy, cố mà diệt ngay.
Cố gắng chú tâm niệm Phật hằng say.
Niệm Xấu Ấy... phải xa bay mây hơi!

Mai kia, khi đã mãn hết duyên đời.
Phật đưa ta đến cõi Trời Tây Phương.

Mới vào đời, ta đã mang theo nghiệp.
Biết là xấu, phải cố kíp sửa sai.
Sửa thì phải làm những thứ gì đây?
Tụng kinh, Trì chú, hôm mai Tọa thiền.

Ăn chay nữa, TU TÂM việc ưu tiên.
Niệm Phật ký số ưu phiền xa bay.
Hiếu đạo, làm vậy, tốt cho tương lai.
Ấy người đáng trọng, nhớ hoài, học theo.

Có cần mời nhiều Thầy tới cầu siêu không?
Thầy ít nhưng Chất lượng, thuộc lòng mới hay:
Một Thầy chân tu cầu nguyện cảm ứng ngay.
Thần nhân nhớ: hương linh gặp may cuối đời.

Còn mời nhiều Thầy mà phá giới, phạm trai.
Hương linh rất sáng suốt biết ngay: giận buồn.
Lời các Thầy khai thị họ chẳng nghe luôn.
Tâm nổi giận, đường ác con đường phải đi.

Kính mong Quý bạn đạo hữu duyên hãy cùng chúng
tôi cố gắng thực tập thường xuyên hằng ngày bài
viết trên để đạt được những lợi lạc của Pháp môn
Tịnh độ. Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức



NGƯỜI SẼ VỀ NHƯ NẮNG

(Kính bái biệt HT. Tuệ Sỹ
về với đại dương)

*Thái Bình Dương mênh mông
Lối về như sở nguyện
Người ôm trọn đại dương
Thở hơi dài biển mặn
Hoa trắng sóng mời chao [*]
Gió rì rào pha nắng
Một chiều Đông quê hương
Người trở về cõi lặng.
Gởi lại trần gian này
Những hành trang huyền mộng
Tro cốt hòa thành không
Chỉ lưu ảnh chí lớn.
Mười năm mười năm nữa
Khi sóng mời yên ắng,
Và chẳng ai nhắc tên
Người sẽ về như nắng.
Người sẽ về như nắng
Gọi mời hoa cỏ dại
Cùng chim muông hòa tiếng
Làm sóng dậy đại ngàn.*

Đồng Nai, 11.01.2024

TỪ NIỆM

[*] Sóng mời là loại sóng biển nhỏ nhỏ,
được hình thành từ gió mùa thổi tạo nên;
nó vừa nhô lên liền vỗ xoà và tan trên
mặt biển, nhìn như hoa.

này hồi hướng tất cả Pháp giới chúng sanh tương lai
đồng sinh về Tịnh Độ.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị đã đọc hết bài viết
và thực hành.

NGHỆ THUẬT TẠO TÁC TƯỢNG PHẬT

Tiểu Luận Thần Phong

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Đạo Phật do đức Phật Thích Ca mâu Ni (Sakya Muni Buddha) khai sáng ở Ấn Độ. Căn bản của giáo pháp là Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo... Nhờ sự uyển chuyển của giáo pháp mà đạo Phật thích ứng với mọi giai tầng trong xã hội, khế hợp với nhiều nền văn hóa khác nhau, phát triển mạnh ở các quốc gia khác nhau. Ngay cả những nước tân tiến nhất hiện nay như Mỹ, Canada, Tây Âu... Đạo Phật vẫn thích ứng và cùng đồng hành với những tôn giáo khác.

Đạo Phật đặc biệt chú trọng việc chuyển hóa tâm, tu tập làm sao để từ cái tâm loạn động thành an lạc, tâm nhiễm ô thành thanh tịnh, tâm ràng buộc thành buông xả... Đạo Phật không có giáo điều cực đoan hay mê tín. Đạo Phật rất thoải mái, tự do dân chủ. Đức Phật khuyên mọi người chớ vội tin bất cứ điều gì, hãy kiểm nghiệm trước khi tin. Dĩ nhiên là trong đạo Phật không có trừng phạt hay ban ơn giáng họa. Mọi người tự chịu trách nhiệm những gì mà mình nói, làm và suy nghĩ.

Đạo Phật ban đầu chỉ trong vùng Bắc Ấn Độ, sau đó phát triển trên toàn cõi Ấn Độ và sau đó nữa, được truyền đi khắp các nước: Truyền về phương nam như Sri Lanka, Myanmar, Thailand, Laos... thì hình thành dòng Phật giáo Nam truyền; truyền về phương bắc như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn... thì hình thành dòng Phật giáo Bắc truyền (Việt Nam có đủ cả hai dòng truyền).

Trong thời sơ kỳ của Phật giáo có lẽ khoảng 500 năm đầu chưa hề có tượng Phật hay tranh ảnh. Tu sĩ cũng như Phật tử chỉ sử dụng những biểu tượng như: hoa sen, dấu hai bàn chân, chữ vạn, bánh xe pháp luân... để thờ cúng và để tưởng nhớ Phật. Có nhiều thuyết về việc tạo tượng Phật, trong đó có một thuyết cho rằng vua Ưu Đà Diên nước Câu Diêm Di là người đầu tiên cho chế tác tượng Phật bằng gỗ chiên đàn. Nguyên do việc này là vì đức Phật lên cung trời Đao Lợi để thuyết pháp, thể gian vắng Phật, mọi người tưởng nhớ Phật nên mới khiến vua Ưu Đà Diên cho chế tác tượng Phật. Điều này căn cứ vào Đại Chính Tân Tu Tạng kinh (tập 16, trang 790a). Thuyết này nặng về tâm linh, thiếu chứng cứ khoa học, chỉ mang tính tôn thờ tín ngưỡng.

Thuyết thứ hai là vua A Dục (Ashoka, trị vì 273-232 AD) là người sùng Phật giáo, đã quy y, đã cho các con xuất gia, đã bảo hộ đạo Phật và cho tạc rất nhiều tượng Phật để tôn thờ. Ngày nay có ba di chỉ Sanchi, Bharut, Amaravati là những thành địa có rất nhiều tượng Phật, có vô số pho tượng và phù điêu diễn tả cuộc đời của đức Phật cũng như những nhân vật hay sự kiện liên quan đến đức Phật.

Cũng có thuyết khác cho rằng tượng Phật được tạo tác sớm nhất cũng từ sau thế kỷ thứ I sau công nguyên. Lúc bấy giờ tượng Phật được tạc theo hai trường phái khác nhau. Trường phái thứ nhất Mathura tạo tác tượng Phật đầy đặn, có đường nét phồn thực, rất gần giống với những vị thần Ấn Độ giáo cũng như những vị thần khác của tín ngưỡng địa phương. Trường phái thứ hai Gandhara tạo tác tượng Phật rất thanh tú, sống mũi cao, mặt trái xoan, giữa hai chầng mày có điểm trắng... Tượng Phật hao hao với vị thần tối cao Apollo của người Hy Lạp. Theo các học giả nghiên cứu Phật học trên thế giới thì tượng Phật chỉ có sau khi đức Phật nhập diệt 500 năm, tuy nhiên điều này có thể không đúng vì trong giai đoạn năm 356 – 323 trước công nguyên, Vua Alechxandros III (A Lịch Sơn đại đế) đã đem quân từ Macedonia (Hy Lạp ngày nay) sang châu Á chinh phục Ba Tư

(Iran ngày nay) và xâm lăng Ấn Độ. Đoàn quân viễn chinh này đã mang theo nghệ thuật tạc tượng của người Hy Lạp đến Ấn Độ. Cũng chính đoàn quân viễn chinh châu Âu này đã tiếp xúc với đạo Phật, hâm mộ đạo Phật và họ đã chế tác tượng Phật với phong cách Hy Lạp (Hellenism), tượng Phật nhìn khá giống vị thần tối cao của họ là Apollo. Có rất nhiều người trong đoàn viễn chinh này đã ở lại Ấn Độ và lập ra vương triều Greco-Bactria. Họ truyền nghệ thuật tạc tượng của Hy Lạp vào việc chế tác tượng Phật và dòng tượng Phật Gandhara này nổi tiếng trong lịch sử nghệ thuật Phật giáo. Địa danh Gandhara vô cùng nổi tiếng trong lịch sử thế giới cũng như Phật sử, nó thuộc vùng tây bắc Ấn, Pakistan, Afghanistan, thung lũng Peshawa nơi này kết nối các tuyến đường thương mại trung Á, Trung Đông thời cổ đại, đã một thời là đất của đế chế Maurya, là trung tâm của vương quốc Ấn-Hy Lạp. Văn hóa Hy Lạp và Phật giáo



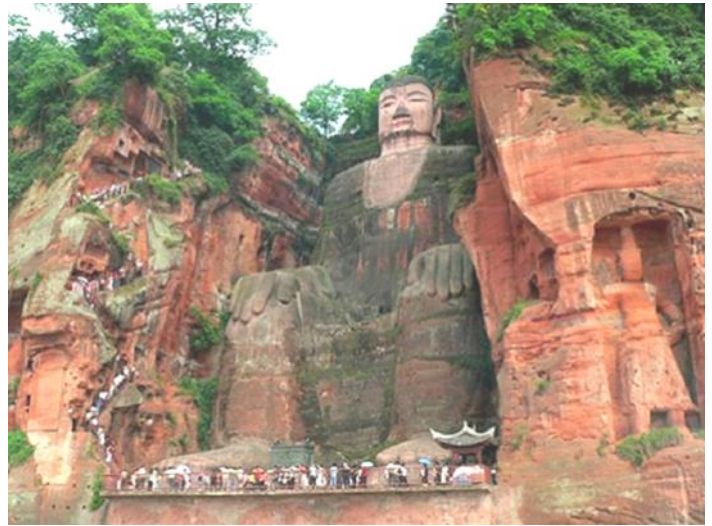
gặp nhau tạo thành trung tâm Phật giáo Greco-gien, trung tâm Phật giáo Gandhara đã tạo tác tượng Phật với phong cách Gandhara nổi tiếng trong lịch sử.

Phật giáo có tính khế cơ khế lý, nói một cách nôm na dễ hiểu là có tính uyển chuyển để phù hợp với văn hóa, tập quán truyền thống của địa phương. Phật giáo truyền đến đâu thì pha trộn thêm màu sắc văn hóa, phong tục, tín ngưỡng của địa phương ấy. Nghệ thuật tạo tác tượng Phật cũng thế, ngoài những đặc trưng căn cứ vào kinh điển là 32 tướng tốt 80 tùy hình hảo của đức Phật, các nghệ nhân địa phương tạo tác tượng Phật mang phong cách văn hóa nghệ thuật và đặc điểm chủng tộc của dân tộc mình. Nếu như tượng Phật của người Ấn, người Tích Lan (tiêu biểu như tượng Phật tại tháp Đại Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng) mắt mở to, ngực vung, eo thon... thì tượng Phật của người Trung Hoa mắt nhỏ và dài, nhắm hờ, miệng hơi mỉm cười. Tượng Phật của người Nhật cũng gần giống như thế, tuy nhiên vẫn có nét khác. Tượng Phật Việt Nam, tiêu biểu như tượng Phật A Di Đà ở chùa Phật Tích - Bắc Ninh, đây là pho tượng Phật tạc vào đời nhà Lý và được cho là xưa nhất của Việt Nam. Pho tượng thanh thoát, mắt nhắm hờ, cổ cao ba ngón; điều này người tạc tượng đã thể hiện quan điểm của người Việt về cái đẹp vào thời đó (mắt dài, cổ cao ba ngón). Nhìn các pho tượng Phật chúng ta dễ dàng nhận ra truyền thống dân tộc được thể hiện qua cách tạo tác. Thông qua các pho tượng Phật chúng ta cũng biết chính xác Phật giáo ở địa phương ấy thuộc dòng Bắc truyền hay Nam truyền. Nếu tượng Phật với áo cà sa hở ngực hay có chữ vạn trên ngực thì đó chính là dòng Phật giáo Bắc truyền, còn những pho tượng Phật đắp cà sa kín toàn thân hay chỉ hở vai phải thì đó chính là dòng truyền thừa Nam truyền.

Đạo Phật từ Ấn Độ truyền đến trung Á: Pakistan, Afghanistan, Kazakhstan... đã tạo nên nhiều trung tâm Phật giáo trên con đường tơ lụa cổ xưa như hang động Đôn Hoàng, Bamyan, động thiên Phật Bezeklik, Kucha... Đạo Phật truyền đến Trung Hoa thì hoàn toàn thay đổi từ trang phục, lễ nghi, dĩ nhiên là tượng cũng tạo tác khác đi. Người Trung Hoa đã tạo tác nhiều pho tượng Phật to lớn kỳ vĩ và nổi tiếng không kém gì các pho tượng Phật ở Bamyan (Afghanistan), cụ thể như tượng Phật Lạc Sơn tạc vào núi Lăng Vân ở ngã ba sông Mân Giang, Đại Độ, Thanh Y. Tượng Phật phải mất hơn 90 năm mới hoàn thành. Ngoài ra những di tích Long Môn, Thiệu Lâm, Ngũ Đài Sơn... với hàng ngàn tượng Phật với phong cách đặc trưng của văn hóa nghệ thuật Trung Hoa. Người Nhật cũng tự hào với pho tượng Đại Phật Nara, tượng Phật Di Đà ở Ushiku (lớn gấp ba lần tượng nữ thần tự do New York), tượng Phật Kamakura, Takaoka... Toàn là những pho tượng to lớn kỳ vĩ mang đậm phong cách văn hóa Nhật Bản.

Người Miến Điện (Myanmar) cũng tự hào về pho tượng Phật Laykyun Setkyar ở vùng Monywa. Pho tượng cao đến 116 mét, khắc chít trên trán và áo cà sa rất đặc trưng cho y phục truyền thống của người Miến Điện, gương mặt tượng cũng thể hiện nét mặt của người Miến.

Người Thái Lan tự hào về pho tượng Phật ở Wat Pho, Wat Muang... Tượng Phật Thái Lan, Lào và Cambodia khá giống nhau từ phong cách tượng, y phục cà sa, mũ trụ nhọn, ngù vai... Điều này cho thấy ba nước ấy không chỉ giống nhau về dòng truyền thừa Phật giáo Nam truyền mà còn rất gần gũi và tương đồng về mặt văn hóa, nghệ thuật. Việc



Pho tượng Phật ở Lạc Sơn, Trung quốc

tạo tác tượng Phật như thế mà một mình chứng cụ thể rất điển hình.

Trong Phật giáo quan niệm rằng tính dục và sự ham muốn tính dục là nguồn gốc của tái sinh luân hồi, là sự dính mắc, là một trong những yếu tố làm cho tâm bất an, luôn vọng niệm, thân tâm luôn như lửa cháy (ngũ ấm xí tận). Vì vậy mà Phật giáo Nepal có tạo tác một pho tượng gây ra nhiều tranh cãi thị phi vì liên quan đến tính dục. Pho tượng Phật miêu tả một người nam và một người nữ ở tư thế làm tình, có nhiều lý giải rằng đó phương pháp tu đặc biệt của những bậc du già thượng thừa trên vùng Hy Mã Lạp Sơn, thông qua tính dục để đạt tới sự chứng đắc giác ngộ... Quả thật nhìn pho tượng này hầu hết mọi người đều phê phán nặng nề. Tôi thật sự không dám làm bàn gì về pho tượng cũng như phương pháp tu thượng thừa của các bậc du già. Ở đây chỉ nói về phong cách nghệ thuật của pho tượng quả là thật táo bạo, độc đáo, rất đặc biệt, rất hiếm có thể nói là pho tượng Phật độc nhất vô nhị trên thế giới này.

Tất cả các pho tượng Phật trên thế giới này dù là dòng truyền thừa nào, dù là môn phái nào, dù ở quốc gia nào cũng đều căn cứ vào 32 tướng tốt và 80 tùy hình hảo của đức Phật làm căn bản. Còn việc trang bị thêm những yếu tố văn hóa, nghệ thuật, đặc điểm chủng tộc... là phụ. Bởi vậy hễ nhìn thấy tượng Phật thì ta lập tức nghĩ đến yếu tố giác ngộ, giải thoát, chứng đắc... vẫn thường đề cập trong giáo lý Phật đà. Nhìn chung nghệ thuật tạo tác tượng Phật nói riêng, nghệ thuật điêu khắc nói chung của các nước châu Á đều mang tính ước lệ, biểu trưng, ẩn dụ... Điều này khác với nghệ thuật tạc tượng của châu Âu (thời văn hóa phục hưng, Michaelangelo chẳng hạn). Điều khắc phương Tây tả thực, chính xác từng nhóm cơ, sợi cơ, đường nét thân thể, vẻ mặt... đúng như giải phẫu học.

Đạo Phật đã và đang được xem là một tôn giáo hòa bình, xưa nay chưa từng gây chiến tranh. Đạo Phật chủ trương tôn trọng sự sống của muôn loài, kêu gọi mọi người sống trong tình thương và hiểu biết. Đạo Phật ngày nay lan tỏa khắp thế giới. Những pho tượng Phật khắp thế gian này không chỉ mang tính tâm linh tín ngưỡng mà còn là những tác phẩm nghệ thuật, những di sản văn hóa của nhân loại.

Tiểu Lục Thần Phong

TƯỢNG NIỆM THẦY TUỆ SỸ TÔN KÍNH

Con ở phương xa, nửa vòng trái đất,
Đọc sách Thầy qua Internet hàng ngày
Lòng biết ơn và tôn kính lâu nay,
Biết về Thầy nhưng chưa cơ duyên gặp mặt!

Tuệ Sỹ, vị chân tu tận tâm, uyên bác
Trọn cuộc đời viết Phật Pháp, dịch Kinh
Thường khuyên đệ tử tinh tấn tu hành:
"Người chân tu, lấy Trí Tuệ làm sự nghiệp..."

Thầy uyên thâm Kinh, Luật, Luận, Đạo Pháp
Thông thạo nhiều ngôn ngữ Hoa, Đức, Pháp, Anh
Đem Phật Pháp khai sáng tâm linh
Cho đại chúng mở khai trí tuệ

Sách nổi tiếng là "Tổng Quan Về Nghiệp"
Tập thơ hay là "Giấc mơ Trường Sơn"
Thơ về tĩnh lặng là "Thiên lý độc hành"
Kinh, Sách, Thơ, Văn nhiều không kể hết!

Chợt tin buồn từ hơn tháng trước!
Tin thật buồn Thầy Tuệ Sỹ đã đi xa
Cánh hạc bay, vượt khỏi thế giới này
Vào ngày 24, tháng 11, năm 2023!

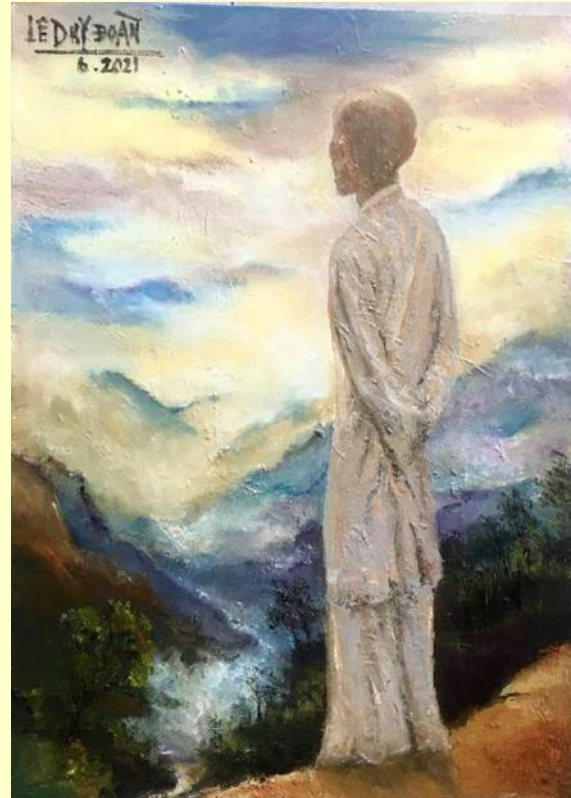
Tại Việt Nam, Thầy là vì sao sáng
Một vì sao rực sáng đã đổi ngôi!
Ra khỏi trần gian, ảo ảnh cuộc đời
Thầy đi về thế giới Bất Sanh Bất Diệt

Trần thế, Thầy đã làm tròn nhiều việc.
Nay trở về Niết Bàn thanh tịnh vô vi...
Thầy ra đi, trần gian lạc lối mịt mù!
Thế giới âu lo chiến tranh, thiên tai và dịch bệnh!

Tuệ Sỹ, tên Thầy sẽ lưu trong sử sách
Vị chân tu, một Điều Ngự Trương Phu
Thầy có đôi mắt đậm, sâu, sáng rực, hiền từ
Chứa đầy nghị lực, Từ, Bi, Trí Dũng

Trọn đời, Thầy viết sách cho dân tộc, đạo pháp
Lời Thầy dạy đầy chân-thiện-mỹ, ái từ.
Kinh sách Thầy sẽ lưu chuyển ngàn thu
Hàng hậu học nguyện lời Thầy tiếp thu...

Vô cùng xúc động khi biết tin Thầy viên tịch
Bàng hoàng thay, Thầy đã chích lý Tây quy
Tưởng nhớ Thầy, lòng con thốn thức lệ
Kính dâng Thầy cảm tác một bài thơ.



thơ

HOÀNG THỰC UYÊN

10/1/2024

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Chuông đồng 800 năm tuổi được xác nhận là bảo vật quốc gia

Một chiếc chuông đồng Phật giáo 800 năm tuổi tại chùa Naeso ở Buan, tỉnh Bắc Jeolla, đã được chỉ định là Bảo vật Quốc gia, Cục Quản lý Di sản Văn hóa (CHA) Hàn Quốc công bố vào ngày 26-12-2023.

Được sản xuất vào năm 1222, đây là chiếc chuông đồng lớn nhất còn sót lại từ cuối Vương quốc Goryeo (918-1392). Chuông cao 103 cm và nặng khoảng 420 kg.

Ban đầu được cất giữ tại Chùa Cheongnim hiện đã không còn ở tỉnh Nam Chungcheong, chuông này được chuyển đến vị trí hiện tại là Chùa Naeso vào năm 1850. Việc nâng tầm chiếc chuông lên thành bảo vật quốc gia diễn ra sau 6 thập niên kể từ khi nó được chỉ định ban đầu là bảo vật vào năm 1963.

"Di tích này là nguồn tài nguyên quan trọng để nghiên cứu lịch sử và kỹ thuật sản xuất chuông của Phật giáo Hàn Quốc", CHA cho biết trong một tuyên bố. "Giá trị học thuật đặc biệt của nó là do nó chứa thông tin rõ ràng về vị trí tôn trí nó, cũng như về ủy viên và các thợ thủ công có liên quan."

(Tipitaka Network - January 3, 2024)



Chiếc chuông đồng lớn nhất còn sót lại từ cuối Vương quốc Goryeo (918-1392) tại Chùa Naeso, Hganf Quốc

Photo: CHA

ANH QUỐC: Trung tâm Phật giáo Jamyang London tổ chức các buổi pháp giảng trực tiếp của Yangten Rinpoche vào tháng 1-2024

Trung tâm Phật giáo Jamyang London thông báo sẽ tổ chức một loạt các buổi giảng dạy trực tiếp của Tulku Yangten Rinpoche nổi tiếng từ ngày 13 đến 15 -1-2024 tại cơ sở của trung tâm ở phía đông nam London.

Rinpoche sẽ có 3 bài thuyết pháp trong chuyến viếng thăm London của mình. Hai trong số những bài giảng trực tiếp này cũng sẽ được phát trực tuyến.

Những bài giảng của Rinpoche sẽ được dịch bởi

sư cô Phật giáo Tây Tạng gốc Đức Geshe Kelsang Wangmo. Sư cô là người sẽ giảng pháp trực tiếp và trực tuyến trong chuyến viếng thăm London vào ngày 23 đến 25-1-2024 về "Hai Bồ đề tâm".

Trung tâm Phật giáo Jamyang London được thành lập vào năm 1978 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và thực hành Phật giáo Tây Tạng theo dòng truyền thừa của Đức Đạt lai Lạt ma. Trung tâm cũng liên kết với Tổ chức Bảo tồn Truyền thống Đại thừa (FPMT) dưới sự chỉ đạo tâm linh của Lạt ma Zopa Rinpoche, và cung cấp một chương trình giảng dạy có cấu trúc gồm các khóa học và lớp học về triết học và thực hành Phật giáo.

(NewsNow - January 2, 2024)



Yangten Rinpoche sẽ giảng pháp trực tiếp tại Trung tâm Phật giáo Jamyang London vào tháng 1-2024

CAM BỐT: Cư dân Takeo tìm thấy 2 tượng Phật có niên đại từ thế kỷ thứ 7

Người dân làng Prey Top, xã Sra Nge ở huyện Traing, tỉnh Takeo đã tìm thấy 2 tượng Phật bị chôn vùi trong lòng đất và đưa về lưu giữ tại Bảo tàng Quốc gia Phnom Penh như một di sản văn hóa vật thể của quốc gia.

Theo Sở Văn hóa Mỹ thuật tỉnh Takeo, 2 tượng Phật nói trên được làm bằng đá sa thạch, có niên đại thế kỷ thứ 6 hoặc thứ 7 theo phong cách Phnom Da. Hai hiện vật này gồm một Phật thiền định cao 0.8 mét và một tượng Phật cao 1.5 mét và bệ cao 0.67 mét.

Hai pho tượng Phật được người dân tỉnh Takeo tìm thấy vào ngày 3-1 và đưa về Bảo tàng Quốc gia Phnom Penh vào ngày 4-1.

Sở Văn hóa tỉnh tuyên dương sự hợp tác của người dân và chính quyền địa phương trong việc chăm sóc và bàn giao các hiện vật này để được bảo tồn như di sản văn hóa quốc gia.

(Khmer Times - January 6, 2024)

ẤN ĐỘ: Người hành hương Bhutan bắt đầu hành trình tâm linh đến Bồ Đề Đạo Tràng

Khi cuộc hành hương thiêng liêng của Phật giáo đến Bồ Đề Đạo Tràng ở Bihar, Ấn Độ - được người dân địa phương gọi là Nyechhen Dorji Dhen - bắt đầu vào tháng 12-2023, hơn 60 người hành hương thành tín từ đất nước Bhutan đang tham gia cuộc hành trình hàng ngày từ Phuentsholing đến thánh địa này.

Chuyến khởi hành thường nhật của một chiếc xe buýt 2 tầng, được trang bị 65 chỗ ngồi, đi qua biên giới từ Phuentsholing lúc 4 giờ chiều, sẽ đến thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng vào khoảng 1 giờ chiều ngày hôm sau.

Đi quãng đường khoảng 700 km, mỗi người hành hương phải trả 2,100 Nu (tiền Bhutan) tiền vé xe buýt cho chuyến hành trình tâm linh này, theo một người hành hương đến từ Merak, Crashigang.

Mùa hành hương dự kiến sẽ tiếp tục cho đến tháng 2-2024, thu hút các tín đồ từ các vùng khác nhau của Bhutan vốn mong muốn tìm hiểu lịch sử thiêng liêng về cách Đức Phật Cổ Đàm ban phước lành cho thánh địa này và đạt được giác ngộ bên dưới gốc cây bồ đề.

(NewsNow - January 2, 2024)



Người hành hương Bhutan bắt đầu hành trình tâm linh đến Bồ Đề Đạo Tràng
Photo: NewsNow

NHẬT BẢN: Chùa Zenkoji Daikanjin chuyển sang huy động vốn từ cộng đồng cho công việc trùng tu

Một ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng ở miền trung Nhật Bản hy vọng có thể chi trả cho công việc trùng tu bằng cách huy động vốn từ cộng đồng. Nhà chùa muốn đưa cơ sở trà đạo nổi tiếng của bản tự trở lại thời kỳ huy hoàng trước đây.

Trước đại dịch, chùa Zenkoji Daikanjin ở thành phố Nagano đã thu hút khoảng 6 triệu du khách mỗi năm. Ngôi chùa khoảng 1400 năm tuổi này đã bắt đầu chiến dịch gây quỹ cộng đồng lần đầu tiên của mình để khôi phục một cấu trúc được xây dựng vào năm 1799.

Chùa ước tính cần 10 triệu Yen hay khoảng 69,000 USD để sửa chữa cơ sở có mái bị dột.

Nhưng việc chi trả cho dự án này có thể gặp khó khăn trong bối cảnh số tiền cứng dường ngày càng giảm do dân số già đi và ngành du lịch phục hồi chậm.

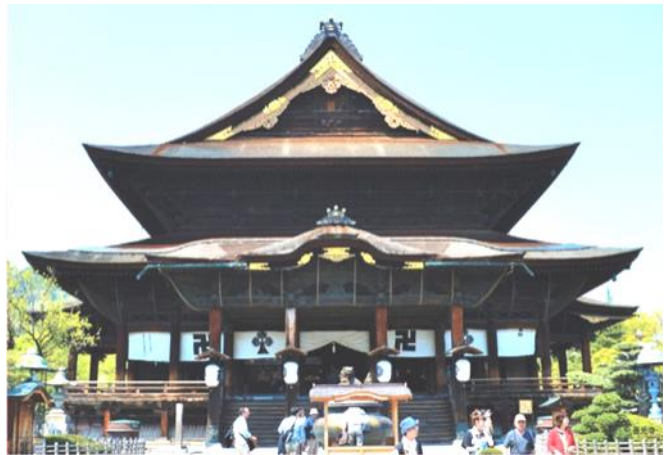
Một nhà sư tại chùa Zenkoji Daikanjin nói rằng ông muốn nhiều người biết về tình hình hơn và tìm kiếm sự giúp đỡ của họ thông qua hoạt động gây quỹ cộng đồng.

Cuộc vận động này sẽ kéo dài đến ngày 20-2-2024. Các nhà tài trợ có thể nhận được các tác phẩm thư pháp do sư trưởng tạo tác, tem hoặc búp bê Bồ đề Đạt ma (daruma).

(Tipitaka Network - January 3, 2024)



Chùa Zenkoji Daikanjin
Photos: Google



BANGLADESH: Tu viện cổ Rangkut Banasram là nhân chứng cho quá khứ Phật giáo phong phú của Bangladesh

COX'S BAZAR, Bangladesh - Tương truyền là địa điểm được Đức Phật Cổ Đàm viếng thăm, Rangkut Banasram trong khu rừng của Cox's Bazar là tu viện cổ nhất ở Bangladesh và là nơi nhắc nhở về quá khứ Phật giáo phong phú của đất nước này.

Đó là vào khoảng năm 600 trước Công nguyên khi Đức Phật đang trên đường từ Ấn Độ đến Arakan, nay thuộc Miến Điện, khi đó Ngài và đệ tử chính của mình là Tỳ kheo Ananda đã đến thăm nơi mà nhiều thế kỷ sau, tu viện Rangkut Banasram được xây dựng.

"Đức Phật Cổ Đàm đã nghỉ trên đồi Rangkut này một đêm. Trong chuyến viếng thăm đó, Đức Phật đã nói rằng một ngôi chùa sẽ được xây dựng ở đây bằng một khúc xương lấy từ ngực của Ngài," người

trông coi tu viện, Jyoti Sen Mahathero, nói với tờ Arab News.

Chuyến thăm ấy không mang lại chỗ đứng ngay lập tức cho tôn giáo mới, nhưng lời tiên tri của Đức Phật đã được ứng nghiệm dưới triều đại của A Dục Vương Đại đế, người có đế chế bao trùm một phần lớn của tiểu lục địa Ấn Độ.

“Vào năm 268 trước Công nguyên, Hoàng đế A Dục Vương bắt đầu xây dựng 84,000 ngôi chùa ở các khu vực khác nhau trong khu vực này, đánh dấu 84,000 bài thuyết giảng của Đức Phật. Chùa Rangkut Banasram là một trong số đó,” ông Mahathero nói.

“Trên đỉnh của ngôi chùa này lúc đó có cất giữ một mảnh xương ngực của Đức Phật”.

(arabnews.com – January 11, 2024)



Rangkut Banasram, tu viện Phật giáo lâu đời nhất ở Bangladesh—Photo: AN

TÍCH LAN: Công chúa Hoàng gia Anh bày tỏ lòng tôn kính tại chùa Xá Lợi Răng Thiêng

Công chúa Anne của Hoàng gia Anh, cùng với chồng là Phó Đô đốc Sir Tim Laurence, thực hiện chuyến thăm 3 ngày tới Tích Lan, một quốc gia rất yêu chuộng môn cricket.

Công chúa đã viếng Chùa Xá Lợi Răng Thiêng ở Kandy, ngôi chùa Phật giáo quan trọng nhất của Tích Lan.

Mặc trang phục màu trắng để thể hiện sự tôn trọng và cởi giày, giống như tất cả du khách, công chúa được một tu sĩ Phật giáo trao một đĩa hoa lài và dẫn vào một chánh điện bên trong, dành riêng cho những vị khách quan trọng nhất của ngôi chùa, để bà được dâng cúng lên thánh tích Răng Phật một cách riêng tư.

Chiếc răng này tương truyền là răng nanh bên trái của Đức Phật và được giữ trong 7 chiếc bình và được diển hành trên đường phố Kandy 5 năm một lần trong một quang cảnh lộng lẫy kéo dài 10 ngày.

(The Standard - January 11, 2024)



ẤN ĐỘ: Thượng tọa Tỳ kheo Sanghasena chủ trì lễ Mahakaruna Diwas 2024

Thượng tọa Tỳ kheo Sanghasena, nhà lãnh đạo tinh thần Phật giáo dẫn thân nổi tiếng đã chủ trì lễ kỷ niệm Mahakaruna Diwas (Ngày Đại Bi) 2024 tại New Delhi, Ấn Độ vào ngày 7-1-2024.

Chương trình được tổ chức hàng năm này đã phát động một loạt sự kiện và sáng kiến ở Ấn Độ và quốc tế, nhằm chia sẻ trí tuệ vượt thời gian và giáo lý về lòng từ bi của Đức Phật vì lợi ích của tất cả chúng sinh.

Mahakaruna Diwas 2024 được phối hợp tổ chức bởi Trung tâm Thiền Quốc tế Đại Bồ đề (MIMC) ở Ladakh, Quỹ Mahakaruna, Delhi và Trung tâm Thiền Adhyatm Sadhna Kendra, Delhi.

Hơn 400 người đã tham dự lễ kỷ niệm, bao gồm một số lượng lớn tăng ni từ nhiều quốc gia Phật giáo khác nhau, như Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan và Việt Nam.

Ngoài việc hợp nhất sự phát triển tâm linh và phúc lợi con người, Thượng tọa Tỳ kheo Sanghasena và MIMC cũng tham gia chặt chẽ vào việc xây dựng hòa bình và đối thoại liên tôn giáo, bảo tồn môi trường, và quảng bá di sản văn hóa Phật giáo và Hi Mã Lạp Sơn thông qua các lễ hội quốc gia và quốc tế.

(Buddhistdoor Global – January 10, 2024)



Thượng tọa Tỳ kheo Sanghasena (người thứ ba từ bên phải) và các vị chức sắc trong nghi lễ Phật giáo của lễ Mahakaruna Diwas 2024



Công chúa Anne dâng cúng hoa lài trong chuyến viếng chùa Xá Lợi Răng Thiêng ở Kandy, Tích Lan
← Photo: Jonathan Brady/AP



Quang cảnh Lễ Mahakaruna Diwas 2024
Photos: MIMC

HÒA KỲ: Chùa Phật giáo Betsuin ở Seattle bị đốt cháy

Vào đêm Giao Thừa, Waylon Williams, một người đàn ông 42 tuổi ở bang Washington được cho là do bị khủng hoảng về sức khỏe tâm thần, đã nhốt mình bên trong một ngôi chùa Betsuin ở Seattle trước khi ông ta phóng hỏa đốt chùa này.

Waylon Williams bị buộc tội đốt cháy liều lĩnh cấp độ 1, và trộm cắp cấp độ 2 do cũng bị kết tội trộm cắp khu dân cư với cáo buộc đột nhập vào một ngôi nhà gần ngôi chùa. Các nhà điều tra không cho rằng vụ cháy là một tội ác do thù hận.

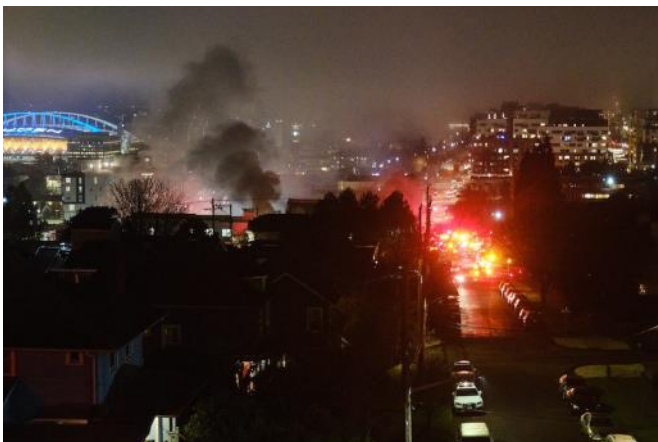
Ngôi chùa Betsuin là nơi cất giữ những tài liệu lưu trữ lịch sử và chúng đã bị cháy mất trong trận hỏa hoạn, một thành viên ban trị sự chùa nói. Trận hỏa hoạn đêm Giao Thừa và trận hỏa hoạn thứ hai bùng phát tại ngôi đền 2 ngày sau đó cũng phá hủy các đồ vật thuộc về Phân Đội Hướng đạo sinh 252, phân đội người Mỹ gốc Nhật cuối cùng và duy nhất trong lịch sử của Seattle.

Phân đội Hướng đạo sinh 252 đã liên tục họp mặt tại ngôi chùa này kể từ năm 1939.

Người dân địa phương đã quyên góp được hơn \$3,000 thông qua đợt vận động gây quỹ cộng đồng để hỗ trợ phân đội.

Ngôi chùa cũng đang nhận quyên góp để cố gắng xây dựng lại và sửa chữa tòa nhà sau trận hỏa hoạn.

(NewsNow - January 9, 2024)



Khói bốc lên từ Chùa Betsuin vào đêm Giao Thừa—Photo: Danny Ngan

Vụ cháy trong tầng hầm của chùa Betsuin ở Seattle đã thiêu hủy những tài liệu lịch sử không thể thay thế được
Photo: Alex Sakamoto



CAM BỐT: Lễ hội Phật giáo Meak Bochea năm nay sẽ bắt đầu vào ngày 24-2

Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Tổ chức các Lễ hội Quốc gia và Quốc tế, ông Kong Sam Ol, đã ban hành hướng dẫn cho tất cả các cơ quan nhà nước về việc tổ chức kỷ niệm lễ Phật giáo Meak Bochea sắp tới.

Lễ hội năm nay sẽ được tổ chức theo truyền thống Phật giáo vào ngày 24 và 25-2.

Theo hướng dẫn ngày 9-1-2024, Meak Bochea là một trong những lễ hội lớn của Phật giáo và được Phật tử trên khắp thế giới tổ chức.

Ngày này, còn được quốc tế gọi là Magha Puja hay Ngày Đức Phật, được tổ chức vào ngày trăng tròn vào tháng thứ ba (theo lịch truyền thống của người Khmer), và kỷ niệm ngày Đức Phật tuyên bố thành lập Phật giáo ở Ấn Độ vào năm 588 trước Công nguyên, chỉ 9 tháng sau khi Ngài giác ngộ.

Lễ Meak Bochea cũng đánh dấu dịp Đức Phật tiên tri về sự nhập diệt của mình, và là nơi tín đồ Phật giáo tưởng nhớ Đức Phật và những lời dạy của Ngài.

Hàng năm, Phật tử Khmer có được công đức to lớn bằng cách tổ chức lễ Meak Bochea tại các chùa trên khắp Vương quốc Cam Bốt.

(The Phnom Penh Post - January 12, 2024)



Diễn hành trong Ngày Lễ Meak Bochea tại Phnom Penh, Cam Bốt - năm 2018

Photo: Heng Chivoan

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

BÚN TÍA TÔ ĐẬU HŨ

(VNAC) - Tía tô có nhiều vị thuốc và thơm ngon, rất thích hợp với ăn chay. Tía tô cũng dễ trồng. Các bạn trồng tía tô, trồng cả hữu cơ ở nhà vừa sạch, vừa tiết kiệm, sống xanh. Nếu không có đất, chúng ta cũng có thể trồng rau tía tô và cà trong chậu nhỏ.

Nguyên liệu:

- Bún cọng nhỏ
- 2 bìa đậu hủ cứng
- 2 quả cà chua
- 3 chén lá rau tía tô
- 6 chén nước

Gia vị:

- 1/2 muỗng cà-phê bột nêm thảo mộc (bột nêm nấm, không có bột ngọt)
- 1 muỗng canh nước chấm nguyên chất chay (hoặc nước tương)
- 1 muỗng cà-phê đường vàng (đường vàng hoặc đường nâu phần đông không có lọc bằng xương bò như đường trắng)
- 1 muỗng cà-phê tiêu

Thực hiện:

1. Mua bún tươi cọng nhỏ, hoặc luộc bún khô, để ráo nước.
2. Đậu hủ cứng thái vuông, vừa ăn. Chiên vàng đều hai mặt, thấm giấy cho ráo dầu. Để sang một bên.
3. Rửa sạch cà chua, thái làm 6. Để một bên.
4. Lá rau tía tô rửa sạch, thái sợi.
5. Nấu nước sôi, cho cà chua vào.
6. Nêm gia vị.
7. Sau đó cho lá rau tía tô vào.
8. Khi rau mềm, cho đậu hủ vào. Nêm lại cho vừa khẩu vị. Tắt bếp. Cho bún vào tô, chan canh tía tô vào. Thường thức khi nóng.

Bạn có thể dùng với vài lát ớt tươi màu đỏ nếu thích. Khi không có sẵn bún, cũng có thể dùng với cơm.

(Nguồn: Hồng Hương / Việt Nam Ăn Chay)





Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG TÁM

Nghe nhắc đến tên Như Tâm, nàng "a" lên một tiếng rồi gật đầu tỏ dấu như thể nàng đã hiểu chuyện gì rõ ràng lắm giữa tôi và Như Tâm vậy! Rồi im lặng một lúc, nhấp ngụm cà phê, lại nhấp một ngụm trà, nàng hỏi tôi, Như Tâm làm thế nào mà quen tôi.

Thời gian trú ẩn trên căn gác nhỏ ở nhà bà Bằng, thỉnh thoảng tôi lại phải cải trang bằng bộ âu phục, với đầu tóc dài hơn hai tháng chưa cạo chụp lên một cái mũ lưới trai, đạp xe chạy một vòng đến mấy chỗ quen, tìm đường vượt biển. Mỗi lần đi như thế có thể từ sáng sớm khi khu xóm chưa thức giấc, hoặc vào giấc trưa vắng người, cho đến xâm xẩm tối mới về tới. Vì bà Bằng ít khi vắng nhà nên tôi đi đâu cứ đi, tối về thì có bà ra mở cửa. Nếu về bấm chuông mà lỡ không có bà thì đạp xe đi thêm một vòng, tìm một công viên hay quán nước nào đó, ngồi chờ. Nhiều lần như vậy đã quen, cả bà Bằng lẫn tôi đều thấy không cần thiết là

phải cốp-pi thêm một chìa khóa cửa sắt cho tôi.

Tối hôm ấy, sau một ngày đi vắng, tôi về bấm chuông. Chuông vừa mới bấm đã thấy tiếng chìa khóa tra vào ổ, vận lách cách, rồi cánh cửa sắt được mở ra ngay. Tôi hài lòng về sự mau mắn hôm nay của bà Bằng vì mọi khi bà càng chậm tôi càng khổ-vì đứng chờ lâu ở ngoài chỉ tổ làm cho người ta chú ý, biết đâu có người báo cáo công an. Nhưng ngược nhìn lên lại thấy người mở cửa không phải là bà Bằng mà là một ni cô trẻ, trạc tuổi tôi. Cô gật đầu chào tôi, hơi tránh qua một bên, hỏi với giọng Huế nhỏ nhẹ:

"Phải thầy Khang không?"

"Dạ, phải," tôi đáp.

"Dạ cái chi mà dạ. Bộ đây không biết Khang là ai sao mà dạ lễ phép y như là phật-tử rứa!"

Tôi cười, không nói, nhắc xe đạp, đẩy vào trong. Chưa kịp dựng xe để quay lại đóng cửa, tôi đã nghe tiếng những cái bánh xe nhỏ nghiêng trên đường rây của cánh cửa sắt xếp. Cô ấy đã mau mắn làm công việc ấy rồi. Cô bước đến gần tôi, nói:

"Khi nãy đến chơi, tính về rồi nhưng bác Bằng giữ lại, nhờ coi nhà giùm để chờ thầy về mà mở cửa cho thầy vô. Bác Bằng phải đi công việc chưa biết khi mô về."

Tôi cảm ơn cô rồi bước nhanh vào nhà soạn, leo bậc thang dẫn lên căn gác gỗ. Thay vội bộ âu phục thành bộ đồ tu xong, tôi ngồi nơi bàn đọc sách. Tôi và cô ấy không quen biết, tôi ngại phải bước xuống nhà dưới để tiếp cô. Vả lại, cô ấy không phải là khách của tôi, mà tôi cũng chẳng phải là chủ nhà, đâu có lý do gì để tôi phải xuống. Tưởng vậy là xong, chuyện ai nấy làm, đường ai nấy đi, nhưng không, tôi nghe có tiếng chân leo lên bậc thang và sau một lúc ngập ngừng, ni cô xuất hiện ở cửa phòng. Tôi quay nhìn cô, chào. Cô đứng tựa ở bậc cửa, nhón miệng cười rồi nói tự nhiên:

"Chắc Khang không biết đây là ai mô, nhưng Khang thì ai không biết. A, thầy Nguyễn Hỷ có nhắc Khang biết là có một ni cô muốn lên kính tế mới thăm Khang không?"

"Thầy Nguyễn Hỷ hả? Ờ...ờ...có nhắc, nhưng lâu quá không nhớ lắm."

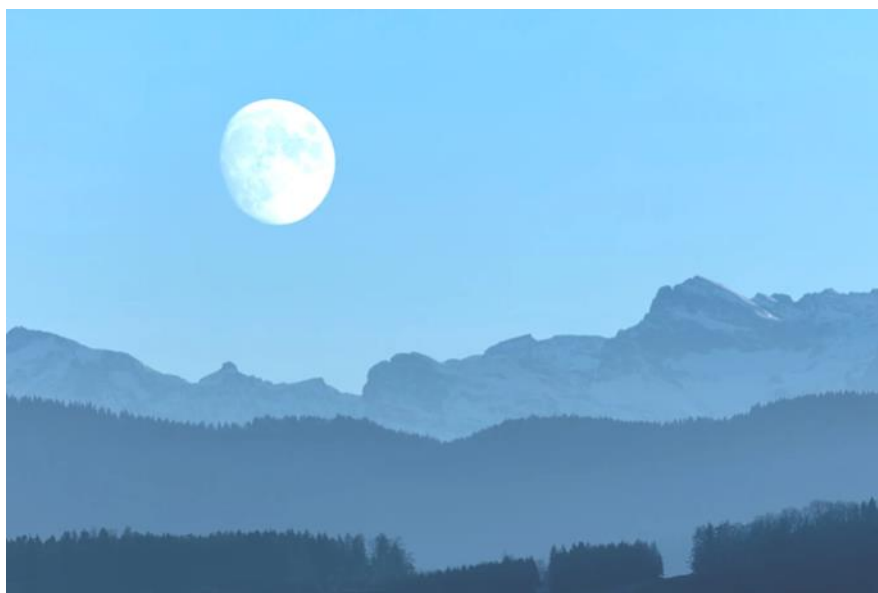
"Tê ghê, cả thầy Nguyên Hỷ và Khang có ai thèm để ý gì người ta đâu. Là như ri, hôm đó thầy Nguyên Hỷ có nói sẽ lên chùa Long Quang kính tế mới ở chơi với Khang một tuần. Nghe vậy tôi hỏi có phải Khang viết cuốn *Mây Ngàn Nhẹ Bay* (*) không, thầy nói phải, tôi liền xin đi theo để biết tác giả, nhưng thầy nói đường lên kính tế mới cực khổ lắm, phải lội bộ mấy cây số bụi bặm ngút trời... nên nhất định không cho đi theo. Chứ nếu đi hôm đó thì bây giờ là người quen rồi."

"Ừ thì quen trước quen sau chi cũng vậy thôi mà! Cô là..."

"Như Tâm," cô đáp nhanh, rồi hỏi tiếp, "Khang có nghe thầy Hỷ nói chứ hi?"

"À, có, có nghe, hình như cô ở chùa... Hoa Nghiêm?"

"Đúng rồi!" cô reo lên, giọng vui lắm, "Khang biết không-à, cho Như Tâm gọi bằng Khang, được không, chứ gọi bằng thầy nghe xa lạ quá. Khang là bạn của thầy Nguyên Hỷ thì cũng như bạn của Như Tâm thôi-cuốn truyện của Khang được chuyển tay khắp các chùa sư nữ, từ Hoa Nghiêm, Huệ Lâm, Huệ Lâm, Từ Nghiêm, Bồ Đề Lan Nhã... cho đến Chơn Không, Viên Chiếu ở Long Thành... không ai mà không đọc, không ai đọc mà không thích. Như Tâm cũng đọc từ năm kia, có chép lại một số đoạn hay mà đọc đi đọc lại. Chao ôi, đọc mà cười, cười rồi khóc. Như Tâm cứ ước ao có ngày gặp được cái nhân vật xưng tôi trong truyện... ước ao là phải chỉ những lúc nhân vật ấy gặp hoàn cảnh hoạn nạn khổ sở như trong truyện, sẽ có Như Tâm bên cạnh chăm sóc, giúp đỡ... Thực đó, sau này lại nghe thầy Nguyên Hỷ nói Khang bỏ chùa Già Lam đi kính tế mới, Như Tâm càng mến Khang nhiều hơn, Như Tâm muốn gặp Khang ghé nơi! Gần đây nghe đồn Khang bỏ kính tế mới vì chuyện hoạt động chính trị, phải lang thang ẩn náu ở Sài Gòn, Như Tâm thấy xót xa làm sao... Như Tâm cũng có ý muốn gặp Khang để xem có giúp gì được cho Khang không nhưng biết Khang ở đâu mà kiếm; bất ngờ khi nãy tình cờ ghé thăm bác Bằng, nghe bác nói là Khang ở đây, Như Tâm giật mình... không ngờ cuối cùng Như



Tâm cũng gặp. Thực Như Tâm vui hết sức đó!"

Tôi cười nói:

"Không gặp thì tốt hơn đó cô. Ai gặp tôi chỉ thấy phiền thôi, nhất là vào thời gian này."

"Khang đừng nói vậy. Tâm tư của Khang và những chi Khang muốn làm hay đã làm, ai chẳng hiểu! Có những điều mà người ta muốn nói nhưng không nói được thì Khang đã nói thay cho họ trên giấy mực, có những điều mà người ta muốn làm mà không làm được, Khang đã thay họ một mình đứng ra làm và gánh hết... để đến nỗi như vậy... Như Tâm gặp Khang hôm nay lẽ có bị vạ lây thì cũng lấy làm điều vinh hạnh chứ có chi mô mà Khang nói phiền..."

Cô nói đến đó thì nghẹn, rồi nước mắt rưng rưng. Cô quay mặt ra ngoài, lấy khăn tay ra chặm nước mắt. Tôi chỉ biết im lặng, không nói được một lời. Khó quá! Số tôi sao lạ, cứ mỗi lần tiếp xúc với các ni cô thì lại làm cho mấy cô khóc. Tôi có nói gì đâu, chỉ mấy cô nói, rồi mấy cô khóc! Chú Đức bạn tôi có hai người em gái đi tu, một cô tên Nguyên Anh, một cô tên Nguyên Xuân. Mỗi lần gặp tôi-có khi cô chị, có khi cô em, có khi cả hai-các cô tự động nhắc chuyện người anh, nhắc chuyện cuốn truyện của tôi, rồi tự động khóc rưng rức. Mà nếu cảnh đó diễn ra trước mặt một người nào đó thì tôi dễ bị hàm oan biết bao! Một thầy tăng và một ni cô đang nói chuyện với nhau thì ni cô khóc, vậy nghĩa là làm sao! Người ta

chỉ ngó tôi lườm lườm rồi bỏ đi chứ có đứng lại hỏi để tôi có cơ hội giải thích đâu!

"Cô vui lên đi chứ không thôi bác Bằng về thấy, tưởng đâu tôi chọc ghẹo gì cô đó nghe," cuối cùng thì tôi cũng phải lên tiếng.

Như Tâm bật cười, quay lại, vui ngay:

"Khang ở đây cần thứ gì thì nói Như Tâm biết nghe, đừng ngại, xem Như Tâm như bạn, hi? Nghe bác Bằng nói Khang đang lo đi vượt biên, chắc cũng cần đồng tiền cho người ta... Chuyện đó Khang lo tới đâu rồi? Nói Như Tâm nghe được không, để coi Như Tâm có phụ giúp chi được cho Khang không?"

"À, cũng đang chờ. Chưa biết lúc nào thì đi. Mọi chuyện lo hết rồi, chỉ chờ họ gọi thôi. Không phiền cô đâu."

Cô đứng im, nhìn tôi, có vẻ suy nghĩ gì đó, rồi nhìn bằng quơ, rồi cô "vén tóc" mai. Vâng, cô vén tóc mai hay làm một điều bộ tương tự như vậy. Cái mũ ni (tôi tạm gọi như vậy thay vì nói cái khăn đội đầu của mấy ni cô) là một miếng vải có hình thù như thể nào đó (mà tôi không làm sao biết được), khi trùm trên đầu, chít lại ở sau ót (bằng cách nào đó), sẽ thả xuống hai bên tai hai "cánh vải" như thể hai lọn tóc dài của các thiếu nữ thể tục; viền khăn phía sau thả xuống khỏi vai và hình như cũng được cắt theo hình dạng cong cong của mái tóc thể hay mảnh trắng hạ huyền. Rõ ràng là tôi thấy thịnh thoàng cô lại vén cái "cánh vải" bên tai, hất ra sau, như cách một thiếu nữ thể

(*) *Mây Ngàn Nhẹ Bay* tức tác phẩm *Núi Xanh Mây Hồng* của Vĩnh Hào)

tục vén tóc mai. Và đây là lần đầu tiên, tôi biết rằng có lẽ đa số ni cô dù đã xuất gia, cũng không bỏ được căn tính làm dáng của phái đẹp... Không có tóc thì họ cũng có cái khăn để vén, để hất ra sau, để vuốt... (Nói vậy không phải là chấp nhất, muốn các cô phải từ bỏ hết những điều bộ nữ nhi, vì nếu điều bộ các cô cũng thẳng đuột, khô khan, cứng nhắc như các thầy tăng thì... đâu là chỗ phân biệt và giới hạn giữa tăng ni nữa! Cái bình đẳng "ngay chừ" trên phương diện phái tính như thế dường như đâu phải là điều mà những con mắt nghệ thuật mong đợi trên thế gian này!)

Thấy điều bộ làm dáng một cách tự nhiên của cô, tôi chợt có cảm nghĩ rằng hình như sự xuất gia của các ni cô đơn giản chứ không giống như tôi. Các cô vào chùa, cạo đầu ăn chay, sống đạm bạc không se súa, giữ giới luật và nội qui thật nghiêm chỉnh, tụng kinh đọc sách... gặp những thầy tăng có thể kết bạn được như tôi thì cứ kết bạn, kết bạn để nói chuyện đạo lý, văn chương... lòng không bợn chút tình duyên, cuộc sống nhà chùa êm đềm trôi, cứ thế mà tuần tự tiến đến niết-bàn, đơn giản như từ ni phòng bước lên chánh điện để tụng kinh. Dường như các cô đâu có nhu cầu giải thoát sinh tử, đốn ngộ nhập đạo... như các thầy tăng. Tự bám chặt, từ căn tính tiềm tàng ngay từ khi lọt lòng, không phải rằng các cô đã cứu mạng sẵn trong người cái chức năng làm mẹ, có nghĩa là sản sinh và hiển dương tình cảm, chăm sóc tận tình kẻ khác đó sao? Với chức năng ấy, các cô vẫn hàm hữu cái quyền năng sáng tạo như một đấng Thượng Đế, nên đâu cần thắc mắc tìm cầu một cái gì bí nhiệm thâm sâu. Các cô không cần thực tập từ bi quán để phát triển niềm thương yêu rộng lớn: vốn liếng thương yêu của các cô chỉ cần chuyển đổi tượng là trở thành từ bi ngay! Các cô cũng đâu cần loay hoay đào xới ý nghĩa của sinh tử hay diệu lý của Tánh Không. Các cô đâu cần giải thoát! Chỉ những kẻ đa đoan nhiều chuyện như tôi, lúc nào cũng thấy cô đơn trơ trọi không vừa ý với cảnh đời huyền mộng, lúc nào cũng muốn tìm biết cái căn nguyên sản sinh ra mình để rồi chạy rong trên bao ngã đường phương tiện, từ chối thực tại để vói lên, hướng lên, ước vọng, mong cầu, lục lợi tìm hiểu, phân tích, phán đoán, so đo... mới cần

giải thoát mà thôi.

Trong khi tôi suy nghĩ bậy bạ như vậy thì Như Tâm cũng đang suy nghĩ gì đó. Chúng tôi cứ thế mà im lặng khá lâu. Đột nhiên cô nhoen miệng cười với tôi rồi lặng lẽ rời bậc cửa, xuống cầu thang. Một chốc, cô quay trở lại, bước đến chỗ bàn tôi, nói giọng thân mật:

"Khang ơi, Như Tâm phải về, Khang nói lại với bác Bằng giùm nha. Nội qui của chùa Hoa Nghiêm gay lắm. Như Tâm muốn ngồi nói chuyện thêm với Khang một chập nhưng thôi để dịp khác. Như Tâm về nha."



"Chào cô," tôi đáp.

Trước khi quay đi, cô để lại trên bàn một cái bì thư, bên ngoài đề tên người nhận là tôi, tên người gởi là cô. Cô không giải thích gì về cái bì thư đó, biến thật nhanh nơi cửa.

Những ngày kế tiếp, cô thường xuyên đến thăm tôi và luôn dẫn theo một ni cô khác nữa. Theo luật chùa thì ni cô đến thăm chùa thầy tăng phải đi hai người trở lên, thầy tăng đến thăm chùa ni cũng phải đi ít nhất hai người. Các cô giữ luật đó để đến thăm tôi. (Lần trước sờ dĩ chỉ có mình cô gặp tôi là vì cô đến để thăm bà Bằng chứ không biết có tôi ở đó). Ni cô bạn của Như Tâm cũng người Huế, có vẻ lớn tuổi hơn một chút, tên là Như Nguyệt. Mỗi lần các cô đến đều có mang theo thức ăn chay, một vài món quà gì đó cho tôi, và cả sách đọc nữa. Các cô ở chơi khá

lâu, đến giờ ăn thì yêu cầu bà Bằng dọn một mâm, mời tôi ngồi chung cho vui. Thường thì bà Bằng bưng cho tôi một mâm cơm chay, để tôi ăn một mình trên gác. Nay ngồi ăn chung, tôi không tự nhiên. Như Tâm tự tay bới cơm và gắp thức ăn cho tôi. Tôi thật ái ngại cứ nhìn chừng bà Bằng xem bà có phản ứng gì. Bà Bằng người Huế, ăn chay trường, suốt ngày tụng kinh niệm Phật, tôi nghĩ là khó tánh lắm, có thể không vừa lòng cái chuyện ni cô chăm sóc một thầy tăng quá đáng. Nhưng không, bà vui vẻ nói:

"Thầy Khang là rứa đó mấy cô ơi, suốt ngày im lìm, ăn uống lại ít, bao nhiêu ngày ở đây thầy chỉ nói với tôi vài câu. Tôi cứ sợ thầy buồn mà không biết làm sao. Tuần trước đem cái cát-xét ra-đi-ô để thầy nghe đài cho khuấy khỏa, mà rồi cứ thấy thầy lặng lẽ buồn buồn làm sao ấy... Cái chuyện đi hôm nớ, mấy cô biết không, mạng thầy lớn lắm, không chịu đi, rồi sau ghe chìm chết hết... Từ đó, thầy càng buồn hơn. Bữa giờ có mấy cô đến chơi, thầy có bạn mới vui được chút chút đó. Gặp thêm món ni cho thầy nè, cô Như Tâm. Đậu ni ai kho mà ngon rứa?"

Lần cuối cùng đến thăm tôi, Như Nguyệt ngồi trò chuyện với bà Bằng ngoài phòng khách, Như Tâm đứng ở bậc cửa phòng tôi, nói:

"Như Tâm đau xót cho Khang quá. Con người của Khang phải như đại bàng tung rộng đôi cánh trên trời cao chứ đâu có lánh hoài trong căn gác bí bưng này! Phải chị... Như Tâm có mặt bên Khang mỗi ngày để Khang có người nói chuyện cho đỡ buồn. Không, phải chi Như Tâm có thể giúp Khang rời khỏi nước. Khang ơi, có chuyến nào sắp đi nữa không? Nói cho Như Tâm biết để Như Tâm lo."

"Thôi, cảm ơn cô, tôi tự lo được, không sao đâu. Mấy cái bì thư cô đưa từ hôm đó đến nay, tôi còn để kia kia. Tôi ở trong nhà như vậy đâu có tiêu xài chi mà cô lo."

"Nhưng khi rời khỏi nhà, hoặc đi vượt biên, ít nhất Khang cũng có tiền dẫn túi, lỡ có gặp chuyện chi thì đưa cho họ mà chuộc thân. Khang phải giữ thân Khang, đừng để họ bắt, khổ lắm, không phải chỉ khổ Khang thôi đâu. Những người thân và bạn bè của Khang cũng đau khổ theo đó Khang à. Nói thực Khang nghe, Như Tâm đang tìm chỗ cho Khang đi. Mọi

chuyện để Như Tâm lo hết, khi nào sắp đi thì đến báo cho Khang. Nhưng nếu Khang có chuyện nào kêu đi liền... thì Khang cứ đi, cầm theo tiền này để phòng thân, qua bên nó rồi thì nhớ liên lạc cho Như Tâm biết để mừng."

Rồi cô lại đặt lên bàn tôi một phong thư có ghi tên người gửi người nhận như lần trước, xong là biến ngay. Đàn bà con gái như vậy đó, giỏi để dành tiền lắm, nhưng khi thấy cần thì chi ra chẳng biết tiếc tay. Mấy ni cô thì không có nhiều nhu cầu như những cô gái thế tục (không phấn son, không trang sức vòng vàng, y phục...) nên chuyện để dành càng giỏi hơn nữa. Vài ngày sau, tôi quyết định rời khỏi ngôi nhà ấy để tìm đường thoát hoặc tiếp tục hoạt động đấu tranh. Tôi gom hành lý đơn sơ của mình và nghe lời Như Tâm, tôi gom luôn cả mấy cái bì thư của cô gửi tặng, mang theo mà phòng thân khi gặp bất trắc. Đó là lần đầu tiên trên đời tôi nhận tiền và lặng lẽ chịu ơn một người bạn khác phái.

Đáng tiếc là số tiền ấy cũng như ân nghĩa ấy không bảo vệ tôi nổi. Tuần sau tôi đến chỗ Hân tá túc, và cuối cùng bị Hân sắp xếp gài bẫy cho công an Sài Gòn vây bắt tôi ngoài đường.

Buổi tối, nhân đám tù chính trị có tiệc trà, tôi mang bánh, kẹo mè xứng Huế ra đãi cả phòng. Quả thăm nuôi tôi, giống như đồ ăn trắng miệng chơi, so với đời sống tù thì toàn là những thứ xa xỉ. Không có món nào là món quen thuộc với nhà tù cả. Mà vì là thứ xa xỉ, chúng có mặt dường như với mục đích chính là để biểu hiện sự chăm sóc của người bên ngoài hướng về tôi, và biểu hiện phần phẩm lượng của từng món quà chứ không nhằm vào cái thực tế cần thiết trong nhà tù là phần số lượng, dung lượng, trọng lượng...(Trong nhà tù cộng sản, tù nhân bị bỏ đói, thiếu dinh dưỡng, nên họ chỉ mong sao gia đình gửi quà vào thật nhiều; vì thế, cái bánh thì dở cũng được, nhưng phải to, bột ngũ cốc không cần ngon, chỉ cần nhiều...) Cũng may, phòng giam bấy giờ, sau đợt thả tù trước lễ Quốc khánh 2-9, chỉ còn khoảng bốn mươi người, nên chuyện đãi bánh kẹo cũng chẳng phải là điều khó khăn gì lắm. Người nào có bánh thì khỏi ăn kẹo mè xứng, và ngược lại. Vậy là đủ.

Mỗi người được chút đồ ngọt chẳng là bao mà tôi có cảm tưởng là không khí trong phòng vui vẻ lên. Hay đó chỉ là ảo giác của một người đang được hạnh phúc?

Tôi hạnh phúc thật. Tôi đó thật khó ngủ. Tôi cứ nằm suy nghĩ. Tại sao lại có tên Như Tâm ghi nơi hộp bánh dẻo ấy? Nét chữ đó rõ ràng là nét chữ Như Tâm, như tôi từng thấy trên mấy cái phong bì mà cô biếu tôi. Như Tâm hay gia đình tôi đã đi thăm nuôi tôi? Như Tâm đâu quen biết các chị tôi, vậy tại sao tôi gửi thư cho các chị tôi mà quà thăm nuôi lại có Như Tâm góp vào?

Hôm sau thức dậy sớm, bỗng dưng tôi lại có cảm giác cuộc sống tù của tôi đến lúc này mới thực sự được ổn định, không còn lo lắng nữa. Trong khi các bạn tù còn ngủ vùi, tôi đi dọc theo "phi đạo," cứ đến vách đầu này thì quay đầu đi ngược về vách đầu kia. Vừa đi vừa tụng thầm thời kinh công phu mà nhà chùa thường tụng vào giấc khuya. Nếu có ai thấy thì cũng tưởng tôi đi bộ tập thể dục thôi chứ không ai ngờ là tôi đang tụng niệm và "làm các hành vi tôn giáo." Cứ như vậy, kể từ hôm có thăm nuôi, sức khỏe tôi dường như được hồi phục nhanh chóng, và tôi thấy có đủ phần chặn để đi bộ hàng trăm vòng mỗi ngày trên phi đạo của phòng giam. Khi bạn tù còn ngủ, tôi tụng kinh, khi họ thức và sinh hoạt ồn ào, tôi niệm Phật hoặc quán thoại đầu, tham công án thiền. Chỉ một thời gian ngắn, tôi thấy cả thân lẫn tâm tôi đều nhẹ hẫng. Tôi không còn nhu cầu giải thoát nữa thì phải. Giải thoát ra khỏi nhà tù hay giải thoát ra khỏi luân hồi, đối với tôi lúc đó, dường như đều chẳng có ý nghĩa gì.

Đợt thăm nuôi kế tiếp nhằm ngày 15 tháng 9, tôi không có thăm nuôi nên không biết rõ chuyện thăm nuôi nửa tháng trước là do ai đứng ra thăm, gia đình tôi đã thực sự nhận thư và biết tôi ở tù hay chưa. Những dấu hỏi trên nẩy lên trong ngày thăm nuôi, rồi cũng qua đi ngay. Tôi không bận tâm lắm vì thấy cũng chẳng quan trọng gì. Tôi tiếp tục hỏi tôi: "Ai là người niệm Phật?" thay vì thắc mắc ai là người thăm nuôi. Quả là thời

gian ấy, với sự chú tâm ngày đêm vào việc tham thiền và niệm Phật bằng cách đi bộ trên phi đạo, tôi tưởng chừng không còn vấn đề gì trên cuộc đời này đáng làm tôi bận tâm nữa. Nhưng bất ngờ, vào ngày 19 tháng 9, cán bộ gọi tên tôi ra "làm việc." Tôi không bận tâm đời thì đời lại bận tâm đến tôi.

Theo viên cán bộ dẫn đường đến bàn trực của khu trại, tôi bắt gặp Hiền anh tôi. Anh cũng bị gọi ra "làm việc" như tôi vậy. Anh em chúng tôi được sắp thành hàng một, cùng vài tù nhân khác, theo một anh bảo vệ đi vòng vo một lúc rồi được tập trung tại một dãy phòng vấn cung mà trước nay tôi chưa từng đến. Chúng tôi đứng chờ ngoài hiên. Anh bảo vệ vào trong. Thửa lúc ấy, tôi hỏi nhỏ anh tôi:

"Anh khỏe không? Đã trốn ngoài đó rồi sao lại bị bắt vậy?"

"Trốn lâu thấy êm quá nên mò về nhà chơi vài hôm, công an vào bắt. Còn Khang thì sao? Bị hỏi nào vậy?"

"Bị bắt ngoài đường cách nay bốn tháng."

"Lâu dữ vậy! Hèn chi ở nhà không biết tin tức gì hết! Vậy là chưa có thăm nuôi phải không?"

"Mới có hồi đầu tháng này. Anh thì sao?"

"Bị bắt ở nhà nên gia đình biết, có thăm lúc còn ở trại giam Nha Trang. Chuyển vào đây thì gia đình chưa biết. À, vụ của mình hình như có nội gián nên chúng nó biết hết trơn. Khang có biết là ai không? Suyt, nó ra kia."

Vài viên cán bộ thăm cung, thay nhau bước ra nhận người, dẫn đi. Chỉ còn mình tôi đứng đó. Anh bảo vệ lấy tờ giấy ra nhìn lại một lúc, rồi dẫn tôi đi ra văn phòng chính của trại. Bước lên thêm cao, tôi thấy Phương đứng xơ rở ở hiên chẳng biết đang làm gì. Không rõ công việc chính của cô là gì mà lúc nào đến đây cũng thấy có vẻ rảnh rang. Chắc là chỉ lo về y tế, khi không có việc thì rào rào ở các phòng để phụ giúp quét dọn, pha trà linh tinh cho ông trưởng trại, phó trại... Anh bảo vệ để tôi đứng lại ngoài hiên, bước vào một trong các phòng. Phương thấy tôi từ xa thì làm bộ như tìm kiếm anh cán bộ nào, thung thỉnh bước tới gần, mím cười, hỏi nhỏ:

"Anh Khang khỏe không? Tay hết bị ghè chưa? Ồ, hết rồi, hay quá," cô nhỏ giọng xuống chút nữa, "bữa nay anh gặp cán bộ Bộ

Nội vụ ở Hà Nội vào đó.”

Nói rồi cố làng đi. Anh bảo vệ bước ra, ngang chỗ tôi, dừng lại nói:

“Anh đứng đây, sẽ có cán bộ trong phòng kia ra nhận.”

Anh bảo vệ vừa quay đi, đã thấy hai viên cán bộ từ căn phòng mà anh vừa rời khỏi, bước ra, hướng về phía tôi. Một già, một trẻ. Già thì khoảng gần sáu mươi tuổi, trẻ thì khoảng hai mươi chín, ba mươi, lớn hơn tôi chừng vài tuổi. Viên cán bộ già có bộ mặt nhăn nhó rất ư khó chịu, da ngăm đen; thấy tôi, ông quan sát nhanh từ đầu đến chân bằng cặp mắt sắc lẹm vô cảm, chẳng nói một lời. Anh cán bộ trẻ thì da dẻ trắng trẻo, có vẻ dân thị thành, mặt mày sáng láng, điển trai, anh có vẻ cởi mở, vui tính, gật đầu chào tôi, nói:

“Anh là Vĩnh Khang phải không?”

“Vâng, là tôi,” tôi đáp.

“Chúng ta vào trong này đi,” anh bước đi trước, hướng dẫn tôi. Viên cán bộ già bước theo sau lưng tôi.

Đây là một phòng văn cung nhỏ, nằm cùng dãy với văn phòng ông Lâu trưởng trại mà tôi có vào cách nay gần hai tháng. Phòng chẳng bày biện gì ngay cả một bức tranh nhỏ. Chỉ có chiếc bàn gỗ và hai cái ghế đầu vuông, đặt sát cửa sổ, cạnh cửa ra vào. Anh cán bộ trẻ vào trước, ngồi vào một ghế, còn lại ghế kia, anh mời tôi. Ông cán bộ già đứng xó rờ một lúc rồi đi ra ngoài kiểm ghế, mang vào, đặt một bên anh cán bộ trẻ. Cả hai cùng ngồi đối diện tôi. Qua cách hai cán bộ ngồi vào bàn, tôi biết ngay anh cán bộ trẻ có chức vụ cao hơn. Nhưng anh lại đưa tay ra đầu, tỏ ý để ông cán bộ già nói trước. Ông cán bộ khó tính ngáp ngừng một lúc rồi nhập đề:

“Trường hợp phạm tội của anh là một trường hợp phức tạp,” ông ngưng để tăng hăng, rồi tiếp với giọng quan trọng hơn, “thể nên mặc dù Sở cộng an thành phố Hồ Chí Minh lần công an tỉnh Đồng Nai đã kết thúc hồ sơ của anh, chúng tôi vẫn thấy còn một số yếu điểm chưa được giải đáp thỏa đáng. Chúng tôi muốn điều tra lại từ đầu để phanh phui ra các manh mối rồi bù ấy. Thứ nhất, tên Nguyễn Hữu Thiện—cái người ký tên trong bản hiệu triệu quốc dân của lực lượng Phục quốc—là ai, hiện đang ở đâu? Anh nói anh không biết chỗ ẩn náu của ông

Trần Văn Lương, thế còn ông Thiện? Nguyễn Hữu Thiện là ai? Thứ hai, sao lại có cái vụ anh Thiện Đắc đòi tự thiêu chống phá ngày 30 tháng 4 năm nay thế nhỉ? Anh Thiện Đắc đang ở Sài Gòn sao lại chạy lên Long Thành với anh rồi này ra cái ý tự thiêu chống đối chính quyền nhân dân? Có phải do anh xúi giục anh ấy không?”

Tôi bật cười:

“Tôi chẳng biết ông Nguyễn Hữu Thiện là ai. Tôi chưa hề gặp ông ấy. Tôi chỉ biết ông Lương. Khi truyền đơn in rồi tôi mới thấy tên ông Thiện ký ở dưới, mà tôi cũng không chắc mắc làm gì cái tên ấy. Nguyễn Hữu Thiện là ai mà chẳng được. Một người không đồng quan điểm với nhà nước, chống lại nhà nước, vậy thôi. Còn Thiện Đắc là bạn tôi, từ Sài Gòn lên Long Thành thăm tôi thì có gì lạ, có luật nào cấm bạn bè thăm nhau? Còn chuyện Thiện Đắc tự thiêu chống phá ngày 30 tháng 4 hả, không làm gì có chuyện đó.”

Viên cán bộ già đập bàn, đứng dậy quát:

“Anh đừng có ngoan cố! Cái tội của anh, bày đầu chủ mưu, không khai báo thành thật thì trước sau gì chúng tôi cũng đem bản báo! Chúng tôi từ Hà Nội vào tới đây không phải để nghe anh giởn mặt đầu nhè!”

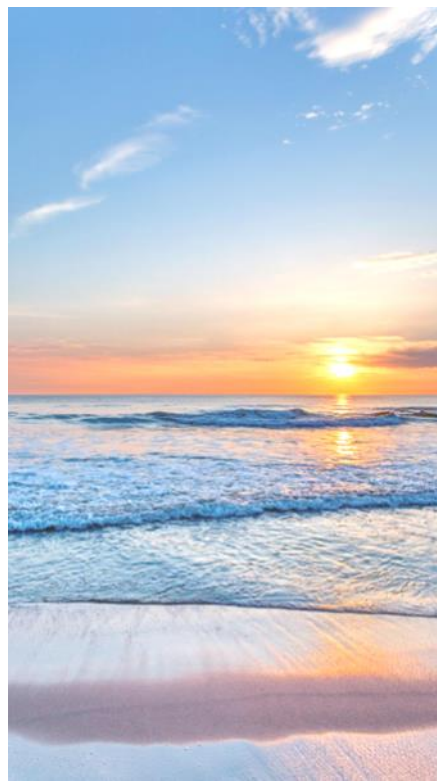
Tôi ngược mắt, nhìn thẳng vào mắt ông, nói tinh:

“Các ông có từ cung vua, từ Hà Nội, hay từ trong rừng đến đây thì cũng thế thôi, đối với tôi chẳng đáng kể gì. Còn chuyện văn cung, các ông hỏi, tôi biết gì nói nấy, hỏi đảng hoàng thì nói đảng hoàng, chứ còn nạt nộ với hàm tử hình thì đầu đáng cho tôi trả lời. Huống chi tu sĩ chúng tôi xưa nay vốn xem sanh tử như trò đùa, nếu các ông đem tôi ra tử hình thì xin cảm ơn.”

Cán bộ già quắc mắt, giọng run lên:

“Bổ láo! Anh thật là ngoan bướng, ừ để coi anh cứng đầu đến cỡ nào!” Ông quay qua anh cán bộ trẻ này giờ ngồi im quan sát, như dò hỏi ý kiến, thấy anh cán bộ trẻ không tỏ thái độ gì rõ rệt, ông quay qua tôi nói tiếp, “tôi không cần tử hình anh đâu, tôi lệnh cho lính nó cùm anh trong biệt giam cho rạc xương anh là đủ rồi.”

Cách ông cán bộ già sừng sộ hầm dọa còn một người khác ngồi im quan sát làm tôi nhớ lại



gần hai tháng trước, có hai viên cán bộ cũng tiếp xử với tôi y hệt. Có lẽ đó là chiêu thức “vừa đánh vừa xoa” trong ngành công an. Rồi đây, ông cán bộ già sẽ xin ra ngoài, và anh cán bộ trẻ sẽ xử lý hoặc nói nhỏ nhẹ với tôi... Quả nhiên, tôi vừa nghĩ đến đó đã thấy ông cán bộ già bước nhanh ra ngoài. Anh cán bộ trẻ ngồi lại, chần chừ một lúc rồi cũng đứng dậy, bước ra theo, không quên nói với tôi:

“Anh ngồi đây chờ một chốc, chúng tôi trở lại ngay.”

Họ ra ngoài hội ý với nhau gì đó khá lâu. Còn lại một mình trong phòng văn cung, tôi nhớ lại câu nói của ông cán bộ già về Thiện Đắc. Hóa ra Thiện Đắc bị bắt vì tội tự thiêu. Làm gì có chuyện này! Lúc cùng Thiện Đắc bị trói chung trên xe do Dũng áp tải từ trại giam T20 Sài Gòn đến trại giam B5 này, tôi không có cơ hội để hỏi xem tại sao anh ấy bị bắt. Các cán bộ hỏi cung tôi trước đây cũng chưa hề đá động gì đến chuyện Thiện Đắc, như thể chuyện của anh và của tôi không quan hệ nhau. Cho đến hôm nay ông cán bộ già mới khơi chuyện Thiện Đắc với tôi.

(Còn tiếp)